PGS.TS. TRỊNH ĐÌNH TÙNG (Chủ biên) -
TS. NGUYỄN THỊ THẾ BÌNH - ThS. BÙI ĐỨC DŨNG

DẠY HỌC THEO CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG

MÔN Lịch Sử

Lớp 10

*** Định hướng dạy học theo chuẩn kiến thức, kĩ năng**
*** Thiết kế bài học theo chuẩn kiến thức, kĩ năng**

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

MỤC LỤC

Trang

LỜI GIỚI THIỆU

Ngày 05/05/2006, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã kí Quyết định số 16/2006/QĐ-BGD&ĐT về việc ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông.

Có thể nói: Điểm mới của Chương trình Giáo dục phổ thông lần này là đưa Chuẩn kiến thức, kĩ năng vào thành phần của Chương trình Giáo dục phổ thông, đảm bảo việc chỉ đạo dạy học, kiểm tra, đánh giá theo Chuẩn kiến thức, kĩ năng tạo nên sự thống nhất trong cả nước. Chuẩn kiến thức, kĩ năng được thể hiện, cụ thể hoá ở các chủ đề của chương trình môn học, theo từng lớp học; đồng thời cũng được thể hiện ở phần cuối của chương trình mỗi cấp học.

Trong các kì thi tốt nghiệp Trung học phổ thông, tuyển sinh Đại học - Cao đẳng, Olympic quốc gia và quốc tế những năm gần đây, nhiều thủ khoa là học sinh thuộc những vùng cực kì khó khăn về điều kiện kinh tế xã hội, chưa bao giờ biết đến *lò luyện thi*; đặc biệt có em là học sinh dân tộc đoạt huy chương vàng Olympic Toán quốc tế. Đây là dấu hiệu tích cực: Các em học sinh chỉ cần được nhà trường, các thầy cô giáo tổ chức dạy học để nắm vững kiến thức, kĩ năng cơ bản, biết tư duy sáng tạo trên nền kiến thức, kĩ năng cơ bản là có thể đạt kết quả cao trong các kì thi.

Nhìn chung, ở các trường phổ thông hiện nay, bước đầu đã vận dụng được Chuẩn kiến thức, kĩ năng trong giảng dạy, học tập, kiểm tra, đánh giá; song vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của đổi mới giáo dục phổ thông, cần phải được tiếp tục quan tâm, chú trọng hơn nữa.

Nhằm góp phần khắc phục hạn chế này, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm tổ chức biên soạn, xuất bản bộ sách **Dạy học theo Chuẩn kiến thức, kĩ năng**.

Bộ sách ***Dạy học theo Chuẩn kiến thức, kĩ năng*** giúp giáo viên hiểu rõ hơn, cụ thể, chi tiết, tường minh các yêu cầu cơ bản, tối thiểu về kiến thức, kĩ năng của Chuẩn kiến thức, kĩ năng để có thể dạy học không quá lệ thuộc vào sách giáo khoa, có thể phát huy năng lực sáng tạo, có thể liên hệ với thực tiễn làm cho bài dạy sinh động mà không lo "cháy giáo án, bỏ sót nội dung, dạy lạc đề",... đặc biệt là góp phần khắc phục tình trạng quá tải, buồn tẻ trong giảng dạy, học tập.

Cấu trúc của cuốn sách này gồm hai phần chính:

Phần thứ nhất. Định hướng dạy học Lịch sử 10 theo Chuẩn kiến thức, kĩ năng.

Phần thứ hai. Thiết kế bài học trong SGK Lịch sử 10 theo Chuẩn kiến thức, kĩ năng.

Bộ sách ***Dạy học theo Chuẩn kiến thức, kĩ năng*** nói chung có sự tham gia biên soạn, góp ý của nhiều nhà khoa học, nhà sư phạm, các cán bộ nghiên cứu và chỉ đạo chuyên môn, các giáo viên dạy giỏi ở địa phương. Hi vọng ***Dạy học theo Chuẩn kiến thức, kĩ năng*** sẽ là bộ sách tham khảo hữu ích đối với cán bộ quản lí giáo dục, giáo viên trong cả nước, hỗ trợ thực hiện yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra, đánh giá trong giáo dục phổ thông.

Nguyễn Hải Châu

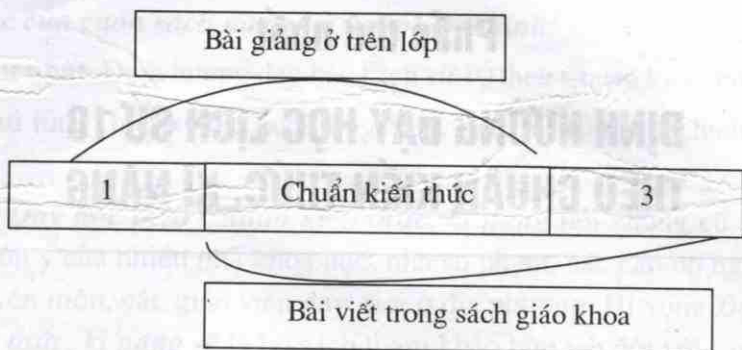
Phó Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học

Phần thứ nhất

ĐỊNH HƯỚNG DẠY HỌC LỊCH SỬ 10 THEO CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG

Tháng 11/2009, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành bộ tài liệu **"Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kĩ năng môn Lịch sử trung học phổ thông"**. Theo đó, chuẩn kiến thức kĩ năng môn Lịch sử là những yêu cầu cơ bản, tối thiểu về kiến thức và kĩ năng mà học sinh có thể và cần phải đạt được sau mỗi bài, mỗi chương, mỗi lớp học. Nó góp phần định hướng giúp giáo viên xác định mức độ kiến thức trong dạy học, khắc phục tình trạng dạy học quá tải, tạo điều kiện đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá và thi theo chuẩn kiến thức, kĩ năng của bộ môn. Tuy nhiên, từ thực tiễn triển khai dạy học theo chuẩn kiến thức, kĩ năng môn Lịch sử ở trường phổ thông, còn nhiều vấn đề đặt ra cần phải giải quyết như: Mối quan hệ giữa chuẩn kiến thức, kĩ năng với sách giáo khoa, sách giáo viên và các nguồn tài liệu tham khảo khác như thế nào? Bài giảng ở trên lớp theo chuẩn kiến thức hay theo sách giáo khoa? Những học sinh khá giỏi nếu học theo chuẩn kiến thức có đạt được điểm cao không?...

Thực ra, **"Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kĩ năng"** không phải là một công thức giáo điều mà giáo viên chỉ bám sát vào đó, coi đó là giải pháp mang tính đột phá nâng cao chất lượng dạy học bộ môn. Nó vẫn chỉ là một tài liệu, là căn cứ, chỗ dựa quan trọng để giáo viên xác định và lựa chọn kiến thức trong dạy học. Phải căn cứ vào đối tượng cụ thể của mỗi vùng miền, mỗi trường, thậm chí mỗi lớp mà lựa chọn kiến thức để tổ chức dạy học. Người giáo viên vẫn là nhân tố quyết định trong việc xác định mục tiêu dạy học, lựa chọn nội dung kiến thức và tổ chức dạy học. Cần tránh tình trạng bài giảng của giáo viên ở trên lớp trùng khớp với sách giáo khoa cũng như giảng nguyên si như tài liệu **"Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức, kĩ năng"**. Mối quan hệ giữa bài viết trong sách giáo khoa, chuẩn kiến thức, kĩ năng với bài giảng trên lớp có thể biểu diễn bằng mô hình sau:



Theo đó, bài giảng trên lớp có phần trọng tâm là chuẩn kiến thức, kĩ năng. Phần này vừa có trong sách giáo khoa, vừa có trong chuẩn kiến thức và cả trong bài giảng ở trên lớp. Ô số 1 là phần kiến thức không có trong chuẩn kiến thức, không có cả trong sách giáo khoa nhưng lại có trong bài giảng. Kiến thức ở đây nhằm làm rõ hơn chuẩn kiến thức, làm cho bài giảng sinh động hơn, hấp dẫn hơn. Ô số 3 là kiến thức có trong sách giáo khoa nhưng không có trong chuẩn kiến thức và cũng không có trong bài giảng. Kiến thức ở phần này hoặc không quan trọng hoặc dễ học, học sinh có thể tự học. Đương nhiên việc xác định kiến thức theo mô hình trên chỉ có ý nghĩa tương đối. Người giáo viên vẫn phải căn cứ vào từng đối tượng cụ thể ở từng lớp học, trường học mà lựa chọn kiến thức cho phù hợp trong dạy học.

Cuốn sách ***Dạy học theo chuẩn kiến thức kĩ năng môn Lịch sử lớp 10*** xuất bản nhằm cụ thể hoá những quan niệm nêu trên qua từng bài, từng chương, giúp giáo viên thực hiện tốt hơn dạy học theo chuẩn kiến thức kĩ năng. Biên soạn cuốn sách này, các tác giả căn cứ vào "*Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức lịch sử 10*" (Chương trình Chuẩn) và bổ sung những tư liệu, tài liệu, phương tiện dạy học, giải thích các khái niệm thuật ngữ và gợi ý phương pháp dạy học, cách thức tổ chức dạy học. Cấu trúc của mỗi bài bao gồm mục tiêu dạy học, một số khái niệm, thuật ngữ, phương tiện dạy học chủ yếu và gợi ý tiến trình và phương pháp tổ chức dạy học.

Việc dạy học nói chung, dạy học lịch sử nói riêng là một khoa học đồng thời cũng là một nghệ thuật. Nó đòi hỏi sự sáng tạo rất lớn của người thầy. Vì vậy, chúng tôi coi tài liệu này chỉ là những định hướng, gợi ý giúp giáo viên có thêm một cách tiếp cận để góp phần nâng cao chất lượng dạy học lịch sử hiện nay.

Cuốn sách có thể còn những hạn chế, thiếu sót. Các tác giả rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô và các bạn đồng nghiệp.

Phần thứ hai

THIẾT KẾ BÀI HỌC TRONG SÁCH GIÁO KHOA LỊCH SỬ 10 THEO CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG

Phần một

LỊCH SỬ THẾ GIỚI THỜI NGUYÊN THUỶ, CỔ ĐẠI VÀ TRUNG ĐẠI

Chương I

XÃ HỘI NGUYÊN THUỶ

BÀI 1. SỰ XUẤT HIỆN LOÀI NGƯỜI VÀ BẦY NGƯỜI NGUYÊN THUỶ

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

Biết rõ những mốc lớn trong quá trình phát triển của xã hội loài người, thời nguyên thuỷ của loài người nhằm cải thiện đời sống và cải biến bản thân con người.

2. Kĩ năng

- Rèn luyện kĩ năng sử dụng SGK; kĩ năng phân tích, đánh giá và tổng hợp về đặc điểm tiến hóa của loài người trong quá trình hoàn thiện mình; đồng thời thấy được sự sáng tạo và phát triển không ngừng của xã hội loài người.

- Rèn luyện các phương pháp tự học, tự nghiên cứu, khai thác kênh hình…

3. Thái độ, tư tưởng

Giáo dục lòng yêu lao động vì lao động không những nâng cao dời sống của con người mà còn hoàn thiện bản thân con người.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

- *Vượn cổ:* Một loài vượn sống khoảng 6 triệu năm trước đây đã có thể đứng và đi bằng hai chi sau, còn hai chi trước được giải phóng để cầm, nắm, hái hoa

quả và tìm kiếm thức ăn. Xương hoá thạch của chúng được tìm thấy ở Đông Phi, Tây Á và cả ở Việt Nam.

- *Người tối cổ* (Người vượn): Hình thức tiến triển nhảy vọt từ vượn thành người. Xuất hiện cách đây khoảng 4 triệu năm đến 50 - 40 vạn năm. Tuy chưa loại bỏ hết những dấu tích vượn trên cơ thể mình, song Người tối cổ đã là người, đi đứng bằng hai chân, đôi tay được tự do để sử dụng công cụ, kiếm thức ăn. Thể tích hộp sọ đã khá lớn (khoảng 900cm^3), đã hình thành trung tâm phát tiếng nói trong não. Người tối cổ đã biết chế tạo công cụ, di tích tìm thấy ở Giava (In-đô-nê-xi-a), Bắc Kinh (Trung Quốc) và Lạng Sơn (Việt Nam).

- *Người tinh khôn* (Người hiện đại): Tên khoa học là Homosapiens, xuất hiện trên Trái Đất cách đây khoảng 4 vạn năm. Người tinh khôn đã loại bỏ hết dấu tích vượn, có cấu tạo cơ thể hoàn toàn giống như người ngày nay: hai bàn nhỏ, khéo léo, các ngón tay, nhất là ngón tay cái linh hoạt, trán cao, xương hàm nhỏ và không nhô ra trước. Não đặc biệt phát triển (khoảng 1300-1500 cm^3). Di cốt Người tinh khôn được tìm thấy ở khắp các châu lục.

- *Bầy người nguyên thủy:* Là tổ chức xã hội đầu tiên của loài người gồm khoảng 5 – 7 gia đình sống quây quần theo quan hệ ruột thịt với nhau. Họ cùng nhau lao động, tìm kiếm thức ăn (hái lượm, săn bắt) và đấu tranh chống thú dữ để bảo vệ. Trong bầy người nguyên thủy có quan hệ hợp quần xã hội, mỗi bầy đều có người đứng đầu. Có sự phân công công việc giữa nam và nữ, mọi người đều có nghĩa vụ săn bắt, tìm kiếm thức ăn, bảo vệ lẫn nhau và trông nom con cái. Bầy người nguyên thủy là giai đoạn đầu của thời kì công xã nguyên thủy chấm dứt cách đây 5 vạn năm, khi Người hiện đại ra đời, xã hội thị tộc xuất hiện.

- *Cách mạng thời đá mới*: Những biến đổi to lớn về kĩ thuật chế tác công cụ và đời sống kinh tế của con người thời đồ đá mới, như sự xuất hiện công cụ đá mài, nghề dệt, làm đồ gốm, trồng trọt và chăn nuôi nguyên thủy.

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Bản đồ thế giới.

- Máy vi tính kết nối máy chiếu.

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

GV nêu tình huống qua câu hỏi tạo không khí học tập: Chương trình lịch sử chúng ta đã học ở THCS được phân chia thành mấy thời kì? Kể tên các thời kì đó? Hình thái chế độ xã hội gắn liền với mỗi thời kì? Xã hội loài người và loài

người xuất hiện như thế nào? Để hiểu điều đó, chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

3. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Một số gợi ý:

- Bài này, SGK chia thành 3 mục kiến thức tương ứng với 3 vấn đề từ khi loài người xuất hiện cho đến cuộc cách mạng đá mới. Cả 3 mục đều có quan hệ tương hỗ, gắn kết với nhau.

- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
1. Sự xuất hiện loài người và đời sống bầy người nguyên thủy	**Hoạt động 1:** (Làm việc cá nhân). *Tìm hiểu nguồn gốc loài người và quá trình chuyển biến từ Vượn cổ thành Người tối cổ, Người tinh khôn* - GV: Kể truyện *Con Rồng cháu Tiên* về nguồn gốc của dân tộc Việt Nam hoặc truyện *Ađam và E-va*. - GV hỏi: Câu chuyện kể trên nói lên điều gì? - HS: Suy nghĩ, đọc SGK trả lời câu hỏi: Câu chuyện truyền thuyết đã phản ánh từ xa xưa con người muốn lí giải về nguồn gốc của mình, song chưa đủ cơ sở khoa học nên đã gửi gắm điều đó vào lực lượng thần thánh. - GV hỏi: Loài người có nguồn gốc từ đâu? Xuất hiện cách đây bao nhiêu năm? Do đâu vượn biến thành người? - HS: Đọc SGK, suy nghĩ trả lời. - GV: Nhận xét, nêu dẫn chứng việc tìm thấy di cốt người tối cổ tại Đông Phi, In-đô-nê-xi-a, Bắc Kinh, Việt Nam (miêu tả hình dáng và cấu tạo) và kết luận. + Loài người do loài Vượn cổ tiến hoá thành; xuất hiện cách đây 4 triệu năm.
- Loài người do một loài vượn cổ (sống cách đây 6 triệu năm) tiến hoá thành;	+ Qua quá trình lao động và chế tạo công cụ lao động vượn cổ đã chuyển biến thành Người tối cổ.

- Người tối cổ: Xuất hiện cách ngày nay 4 triệu năm, là lớp người trung gian giữa vượn và người, có hình dáng và cấu tạo tiến hoá hơn vượn nhưng chưa bằng Người hiện đại.	- GV nêu sự xuất hiện và cấu tạo của Người tối cổ. **Hoạt động 2:** (Làm việc theo nhóm). *Tìm hiểu đời sống vật chất, tinh thần và tổ chức xã hội trong giai đoạn đầu của xã hội nguyên thuỷ* - GV: Giao nhiệm vụ cụ thể cho từng nhóm: + Nhóm 1: Tìm hiểu đời sống vật chất và quan hệ xã hội của Người tối cổ. + Nhóm 2: Tìm hiểu tổ chức xã hội của Người tối cổ. ***Nhóm 1:*** Đời sống vật chất đã có nhiều thay đổi + Biết chế tạo công cụ lao động: Họ lấy mảnh đá hay cuội lớn đem ghè vỡ tạo nên một mặt cho sắc và vừa tay cầm → rìu đá (đồ đá cũ - sơ kì). + Biết làm ra lửa (phát minh lớn → điều quan trọng cải thiện căn bản cuộc sống từ ăn sống → ăn chín. + Cùng nhau lao động tìm kiếm thức ăn. Chủ yếu là hái lượm và săn bắt thú. ***Nhóm 2:*** Quan hệ hợp quần xã hội, có người đứng đầu, có phân công lao động giữa nam và nữ, cùng chăm sóc con cái, sống quây quần theo quan hệ ruột thịt gồm 5 - 7 gia đình. Sống trong hang động hoặc mái đá, lều dựng bằng cành cây... Hợp quần đầu tiên → bầy người nguyên thủy. - GV: Nhận xét, dùng ảnh và biểu đồ để giải thích: - Về hình dáng: Tuy còn dấu tích vượn trên người nhưng Người tối cổ là *người* vì đã biết chế tác và sử dụng công cụ (mặc dù chiếc rìu đá còn thô kệch đơn giản).
- Đời sống vật chất của người nguyên thủy: + Chế tạo công cụ đá (đồ đá	- Hòn đá ghè đẽo sơ qua. - Hái lượm, săn bắt thú.

cũ). + Biết lấy lửa. + Săn bắt - hái lượm → Đời sống bấp bênh, phụ thuộc vào thiên nhiên - Bầy người nguyên thuỷ: là tổ chức xã hội đầu tiên của loài người, gồm 5 - 7 gia đình, sống trong hang động, có người đứng đầu, có phân công lao động giữa nam và nữ, quan hệ cộng đồng, bình đẳng, cùng làm, cùng hưởng..	- Sử dụng lửa - Bầy người
2. Người tinh khôn và óc sáng tạo	**Hoạt động 3:** (Làm việc theo nhóm). *Tìm hiểu những điểm khái quát về Người tinh khôn và óc sáng tạo.* - **GV**: Giao nhiệm vụ cho các nhóm:. + Nhóm 1: Thời đại Người tinh khôn bắt đầu xuất hiện vào thời gian nào? Sự hoàn thiện về hình dáng và cấu tạo cơ thể được biểu hiện như thế nào? + Nhóm 2: Sự sáng tạo của Người tinh khôn được thể hiện như thế nào? - **HS:** Các nhóm thực hiện nhiệm vụ:
- Người tinh khôn (hay còn gọi là Người hiện đại) xuất hiện khoảng 4 vạn năm trước đây. Hình dáng và cấu tạo cơ thể hoàn thiện như người ngày nay.	***Nhóm 1***: Cuối thời đồ đá cũ, khoảng 4 vạn năm trước đây Người tinh khôn xuất hiện. Người tinh khôn có cấu tạo cơ thể như người ngày nay. ***Nhóm 2:*** Sự sáng tạo của Người tinh khôn được thể hiện trong kĩ thuật chế tạo công cụ đá: Người ta biết đến kĩ thuật mài, khoan đá. - Công cụ đa dạng: lao, cung tên, lưới đánh cá. Biết làm gốm. - Cư trú nhà cửa trở nên phổ biến.

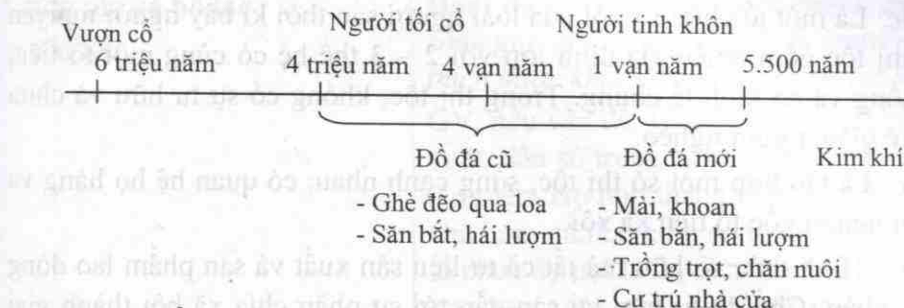
- Óc sáng tạo là sự sáng tạo của con người trong cải tiến công cụ đồ đá và tổ chức cuộc sống. + Công cụ đá mới: ghè - mài nhẵn - đục lỗ tra cán → gọn hơn. Có nhiều loại mới xuất hiện (lao, cung tên) → lao động hiệu quả hơn. + Biết làm nhà (lều) để ở.	- **GV:** Nhận xét, kết luận: + Người tinh khôn: xuất hiện 4 vạn năm cách đây. + Óc sáng tạo: sự sáng tạo của Người tinh khôn trong chế tác công cụ lao động và tổ chức cuộc sống (dẫn chứng cụ thể).
3. Cuộc cách mạng thời đá mới - 1 vạn năm trước đây thời kì đá mới bắt đầu. - Khái niệm cách mạng đá mới. - Cuộc sống con người đã có những thay đổi lớn lao: + Trồng trọt (khoai, sắn, bầu, bí, lúa...), chăn nuôi (chó, cừu, lợn, gà...). + Cư trú nhà cửa. + Trang sức. + Làm sạch tấm da thú che thân. + Làm nhạc cụ. ⇒ Cuộc sống ổn định hơn, phát triển hơn, bớt lệ thuộc vào thiên nhiên.	**Hoạt động 4:** (Cả lớp và cá nhân): *Tìm hiểu những tiến bộ của đời sống con người thời đá mới* - GV hỏi: Công cụ đá mới có điểm gì khác biệt so với công cụ đá cũ? - **HS:** trả lời: Đá mới là công cụ đá được ghè sắc, mài nhẵn, tra cán dùng tốt hơn. Không những vậy người ta còn sử dụng cung tên thuần thục. - GV hỏi: Sang thời đại đá mới cuộc sống vật chất của con người có biến đổi như thế nào? + Từ chỗ hái lượm, săn bắn, con người biết đến trồng trọt và chăn nuôi. + Biết làm sạch những tấm da thú để che thân cho ấm và "cho có văn hóa". + Biết làm đồ trang sức. + Biết đến âm nhạc. - **GV** kết luận: Con người không ngừng sáng tạo. Cuộc sống bớt dần sự lệ thuộc vào thiên nhiên.

V. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. Củng cố

- GV nêu một số câu hỏi theo nội dung bài học và hướng dẫn HS tự củng cố kiến thức.

- GV hệ thống lại kiến thức bằng sơ đồ sau:



2. Bài tập về nhà

- Ôn lại nội dung bài học dựa theo câu hỏi củng cố kiến thức cuối giờ.
- Đọc trước bài 2.

BÀI 2. XÃ HỘI NGUYÊN THUỶ

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

- Hiểu được đặc điểm tổ chức thị tộc, bộ lạc, mối quan hệ trong tổ chức xã hội đầu tiên của loài người.

- Biết được thời gian quan trọng của quá trình xuất hiện kim loại và hệ quả xã hội của công cụ kim loại.

2. Kĩ năng

- Rèn cho HS kĩ năng phân tích và đánh giá: tổ chức xã hội thị tộc, bộ lạc; quá trình ra đời của kim loại; nguyên nhân - hệ quả của chế độ tư hữu ra đời.

- Rèn cho HS kĩ năng tự tìm hiểu kiến thức liên quan đến bài học.

3. Thái độ, tư tưởng

- Trân trọng trước những bước tiến của con người trong buổi sơ khai.

- Thấy được tầm quan trọng của sáng tạo trong tư duy, trong hành động thực tiễn để chinh phục tự nhiên, nâng cao chất lượng cuộc sống con người.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

- *Thị tộc:* Là một tổ chức xã hội của loài người sau thời kì bầy người nguyên thuỷ. Mỗi thị tộc gồm nhiều gia đình lớn với 2 – 3 thế hệ có cùng một tổ tiên, cùng sinh sống và có kinh tế chung. Trong thị tộc, không có sự tư hữu và chưa phân định kẻ giàu, người nghèo.

- *Bộ lạc:* Là tập hợp một số thị tộc, sống cạnh nhau, có quan hệ họ hàng và cùng có một nguồn gốc tổ tiên xa xôi..

- *Tư hữu:* Hình thức sở hữu mà tất cả tư liệu sản xuất và sản phẩm lao động thuộc về cá nhân. Chế độ tư hữu tài sản dẫn tới sự phân chia xã hội thành giai cấp đối kháng.

- *Mẫu hệ:* Chế độ xã hội ở giai đoạn đầu của thời kì công xã thị tộc, trong đó con cái sinh ra theo dòng mẹ, quyền lực trong gia đình và trong xã hội do người phụ nữ nắm giữ và quyết định.

- *Phụ hệ:* Chế độ xã hội ở giai đoạn sau của thời kì công xã thị tộc, trong đó con cái trong gia đình được tính theo dòng cha.

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Bản đồ thế giới.

- Máy vi tính kết nối máy chiếu.

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

GV trình bày nêu vấn đề: Bài một cho chúng ta hiểu quá trình tiến hóa và tự hoàn thiện của con người từ vóc dáng và cấu tạo cơ thể tới sự tiến bộ trong cuộc sống vật chất. Và trong sự phát triển ấy ta thấy sự hợp quần của bầy người nguyên thủy - một tổ chức xã hội quá độ. Tổ chức ấy còn mang tính giản đơn, hoang sơ, còn đầy dấu ấn bầy đàn cùng sự tự hoàn thiện của con người. Bầy đàn phát triển tạo nên sự gắn kết và định hình của một tổ chức xã hội loài người khác hẳn với tổ chức bầy, đàn. Để hiểu tổ chức thực chất, định hình đầu tiên của loài người đó, ta tìm hiểu bài hôm nay.

3. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Một số gợi ý:

- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
1. Thị tộc và bộ lạc ***a. Thị tộc***	**Hoạt động 1:** (Cả lớp và cá nhân). *Tìm hiểu đời sống giai đoạn đầu của xã hội nguyên thuỷ; giải thích được khái niệm công xã thị tộc mẫu hệ* GV: nêu vấn đề: Cùng với sự phát triển của sản xuất, dân số trong bầy người nguyên thuỷ cũng tăng lên. Họ hợp thành một tổ chức xã hội chặt chẽ hơn, gắn bó hơn, có tổ chức hơn. Hình thức tổ chức ấy gọi là thị tộc. GV hỏi: Vậy thế nào là thị tộc? Mối quan hệ giữa các thành viên trong thị tộc như thế nào? - HS suy nghĩ, đọc SGK trả lời: + Thị tộc là nhóm người có khoảng hơn 10 gia đình, gồm 2 - 3 thế hệ già trẻ có chung dòng máu.
- Thị tộc là nhóm hơn 10 gia đình gồm 2 – 3 thế hệ, có chung dòng máu. - Gia đình mẫu hệ: Người phụ nữ giữ vai trò quan trọng. - Quan hệ trong thị tộc: công bằng, bình đẳng, cùng làm cùng hưởng. Lớp trẻ tôn kính cha mẹ, ông bà và cha mẹ đều yêu thương và chăm sóc tất cả con cháu của thị tộc.	+ Trong thị tộc, mọi thành viên đều hợp sức, chung lưng đấu cật, phối hợp ăn ý với nhau để tìm kiếm thức ăn. Rồi được hưởng thụ bằng nhau, công bằng. Trong thị tộc, con cháu tôn kính ông bà cha mẹ và ngược lại, ông bà cha mẹ đều yêu thương, chăm lo, bảo đảm nuôi dạy tất cả con cháu của thị tộc. - GV phân tích bổ sung để nhấn mạnh khái niệm hợp tác lao động → hưởng thụ bằng nhau - cộng đồng. Công việc lao động hàng đầu và thường xuyên của thị tộc là kiếm thức ăn để nuôi sống thị tộc. Yêu cầu của công việc và trình độ thời đó buộc phải hợp tác nhiều người, thậm chí của cả thị tộc. Nguồn thức ăn kiếm được không thường xuyên, không nhiều do đó công bằng là nguyên tắc chủ đạo trong cuộc sống của con người thời nguyên thuỷ.

b. Bộ lạc	**Hoạt động 2:** (Cá nhân). *Tìm hiểu khái niệm bộ lạc và quan hệ trong bộ lạc.*
- Bộ lạc là tập hợp một số thị tộc sống cạnh nhau và có cùng một nguồn gốc tổ tiên.	- GV hỏi: Bộ lạc là gì? Sự khác nhau giữa thị tộc và bộ lạc? Quan hệ giữa các thị tộc trong bộ lạc? - HS suy nghĩ trả lời: + Bộ lạc là tập hợp một số thị tộc, sống cạnh nhau, có họ hàng với nhau và có chung một nguồn gốc tổ tiên.
- Quan hệ gữa các thị tộc trong bộ lạc là gắn bó, giúp đỡ nhau.	Điểm giống: Cùng có chung một dòng máu. Điểm khác: Tổ chức lớn hơn (gồm nhiều thị tộc). + Mối quan hệ trong bộ lạc là sự gắn bó, giúp đỡ nhau, chứ không có quan hệ hợp sức lao động kiếm ăn.
2. Buổi đầu của thời đại kim khí ***a. Quá trình tìm và sử dụng kim loại***	**Hoạt động 3:** (Hoạt động nhóm). *Tìm hiểu sự xuất hiện công cụ bằng kim loại, hiểu được hệ quả của việc sử dụng công cụ bằng kim loại* - GV chia lớp thành hai nhóm và giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm. + Nhóm 1: Xác định mốc thời gian con người tìm thấy kim loại? Vì sao lại cách xa nhau như thế? + Nhóm 2: Sự xuất hiện công cụ bằng kim loại có ý nghĩa như thế nào đối với sản xuất?
+ Khoảng 5.500 năm trước đây - đồng đỏ, ở Ai Cập, Tây Á. + Khoảng 4.000 năm trước đây - đồng thau, ở nhiều nơi (có Việt Nam). + Khoảng 3.000 năm trước đây - sắt, ở Nam Âu, Tây Á. ***b. Hệ quả*** - Năng suất lao động tăng - Khai thác thêm đất đai trồng trọt - Thêm nhiều ngành nghề mới.	- HS làm việc theo nhóm và thực hiện yêu cầu của GV. - GV nhận xét và khái quát: + Quá trình con người tìm và sử dụng kim loại khoảng 5500 năm trước đây, người Tây Á và Ai Cập sử dụng đồng sớm nhất (đồng đỏ). + Khoảng 4000 năm trước đây, cư dân ở nhiều nơi đã biết dùng đồng thau. + Khoảng 3000 năm trước đây, cư dân Tây Á và Nam châu Âu đã biết đúc và dùng đồ sắt. + Sự phát minh ra công cụ kim khí đã có ý nghĩa lớn lao trong cuộc sống lao động: Năng suất lao động vượt xa thời đại đồ đá, khai thác

	những vùng đất đai mới. Từ chỗ sống bấp bênh, con người tiến tới mức đủ sống và còn làm ra một lượng sản phẩm thừa thường xuyên.
3. Sự xuất hiện tư hữu và xã hội có giai cấp	**Hoạt động 4:** (Cả lớp và cá nhân). *Tìm hiểu quá trình tan rã của xã hội thị tộc được bắt đầu từ khi xuất hiện công cụ bằng kim loại.* GV phân tích: Công cụ lao động bằng kim loại đã tạo ra một lượng sản phẩm thừa cho con người. Chính lượng sản phẩm thừa được các thành viên có chức phận nhận (người chỉ huy dân binh, người chuyên trách lễ nghi, hoặc điều hành các công việc chung của thị tộc, bộ lạc) quản lí và đem ra dùng chung, sau lợi dụng chức phận chiếm một phần sản phẩm thừa khi chi cho các công việc chung.
- Công cụ kim loại ra đời → Năng suất lao động tăng → của cải dư thừa. Người lợi dụng chức quyền chiếm của chung → làm của riêng tư hữu xuất hiện. - Gia đình phụ hệ thay gia đình mẫu hệ (người đàn ông có vai trò quan trọng). - Xã hội phân chia giai cấp	GV: Việc chiếm sản phẩm thừa của một số người có chức phận đã tác động đến xã hội nguyên thủy như thế nào? + Trong xã hội có người nhiều, người ít của cải. Tư hữu xuất hiện, xã hội nguyên thuỷ bắt đầu bị phá vỡ. + Xuất hiện sự phân biệt giàu nghèo, giai cấp ra đời. Công xã thị tộc tan rã.

V. CỦNG CỐ, DẠN DÒ

1. Củng cố

GV nêu một số câu hỏi và hướng dẫn HS tự củng cố kiến thức theo nội dung của bài học.

2. Bài tập về nhà

- Ôn lại nội dung bài học dựa theo câu hỏi trong SGK.
- Đọc trước và tìm hiểu nội dung các kênh hình của bài 3.

Chương II
XÃ HỘI CỔ ĐẠI

BÀI 3. CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI PHƯƠNG ĐÔNG

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

- Biết được những đặc điểm về điều kiện tự nhiên của các quốc gia cổ đại phương Đông và sự phát triển ban đầu của các ngành kinh tế; từ đó thấy được ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên và nền tảng kinh tế đến quá trình hình thành nhà nước, cơ cấu xã hội, thể chế chính trị... ở khu vực này.

- Hiểu những đặc điểm của quá trình hình thành xã hội có giai cấp và nhà nước, cơ cấu xã hội của xã hội cổ đại phương Đông.

- Biết được những thành tựu lớn về văn hóa của các quốc gia cổ đại phương Đông.

2. Kĩ năng

Biết sử dụng bản đồ để phân tích những thuận lợi, khó khăn và vai trò của các điều kiện địa lí ở các quốc gia cổ đại phương Đông.

3. Thái độ, tư tưởng

Trân trọng những thành tựu văn minh – văn hoá của các quốc gia, dân tộc phương Đông cổ đại.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

- *Nhà nước:* Bộ máy tổ chức chính trị do giai cấp nắm chính quyền thành lập, nhằm duy trì quyền lợi, địa vị của mình. Nhà nước xuất hiện do xã hội phân chia thành giai cấp. Nhà nước không tồn tại vĩnh viễn, sẽ tự tiêu vong khi xã hội không còn giai cấp.

- *Chuyên chế:* Thể chế chính trị của một nhà nước trong đó có vua hoặc người đứng đầu nhà nước có những quyền hạn cá nhân to lớn, nắm cả quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp, cai trị thiếu dân chủ, để thống trị, áp bức nhân dân, như thời vua Lu-i 16 ở Pháp trước CMTS năm 1789. Các nhà nước phương Đông thời cổ đại, trung đại cũng là điển hình của chế độ chuyên chế.

- *Chữ tượng hình:* Một loại chữ viết ra đời sớm ở Ai Cập cổ đại vào khoảng thiên niên kỉ thứ IV TCN. Người ta dùng người hình vẽ quy ước, mô phỏng các vật cụ thể cần diễn đạt rồi tạo thành những đường nét cơ bản để nói lên ý nghĩ của con người. Sau đó người ta sáng tạo thêm những kí hiệu biểu hiện khái niệm trừu tượng. Trong văn tự cổ Ai Cập, người ta dùng gần 750 kí hiệu tượng hình, được viết trên một thứ giấy làm bằng vỏ một cây giống cây sậy. Một số chữ Hán cũng thuộc loại chữ tượng hình.

- *Chữ tượng ý:* Chữ viết được cách điệu hoá thành nét và ghép các nét theo quy ước để ghi chép lại các động tác, khái niệm trừu tượng và có thể phản ánh ý nghĩ con người một cách phong phú hơn.

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Bản đồ thế giới, hệ thống các kênh hình liên quan đến bài học.
- Máy vi tính kết nối máy chiếu

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

GV nêu nhiệm vụ nhận thức cho HS: Trên lưu vực các dòng sông lớn ở châu Á và châu Phi từ thiên niên kỉ IV TCN, cư dân phương Đông đã xây dựng các quốc gia đầu tiên của mình. Quá trình hình thành và phát triển của nhà nước ở các quốc gia cổ đại phương đã diễn ra như thế nào? Tại sao nói phương Đông là cái nôi của văn minh nhân loại? Đó là những nội dung mà chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay.

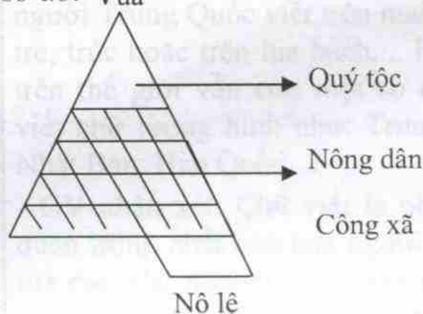
3. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Một số gợi ý:

- Bài này, SGK chia thành 5 mục kiến thức tương ứng với 5 vấn đề của các quốc gia cổ đại phương Đông như: điều kiện tự nhiên và sự phát triển kinh tế, sự hình thành các quốc gia cổ đại …
- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
1. Điều kiện tự nhiên và sự phát triển kinh tế	**Hoạt động 1:** (Làm việc cá nhân). *Tìm hiểu các nhà nước phương Đông cổ đại.*

a. Điều kiện tự nhiên - Thuận lợi: Ven các con sông lớn, đất đai phù sa màu mỡ, gần nguồn nước tưới, khí hậu nóng ẩm, thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp và sinh sống. - Khó khăn: Dễ bị lũ lụt, gây mất mùa, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân. - Do nhu cầu của công tác trị thuỷ các dòng sông và xây dựng những công trình thuỷ lợi mà cư dân phương Đông đã sống quần tụ thành những trung tâm quần cư lớn và gắn bó với nhau trong tổ chức công. xã. Nhờ đó nhà nước sớm hình thành.	- GV: treo bản đồ "Các quốc gia cổ đại" trên bảng và yêu cầu HS xác định vị trí và nêu những điều kiện tự nhiên thuận lợi cho sự phát triển kinh tế của phương Đông. - HS thực hiện yêu cầu của GV. - GV hỏi: Bên cạnh những thuận lợi thì có gì khó khăn? Muốn khắc phục khó khăn cư dân phương Đông đã phải làm gì? - HS trả lời. - GV nhận xét, kết luận: Để bảo vệ mùa màng và cuộc sống của mình, cư dân phương Đông đã phải trị thủy, làm thủy lợi. Công việc này đòi hỏi công sức của nhiều người vừa tạo nên nhu cầu để mọi người sống quần tụ, gắn bó với nhau trong các tổ chức xã hội.
b. Sự phát triển của các ngành kinh tế - Nghề nông là chính, ngoài ra còn chăn nuôi, làm thủ công nghiệp và trao đổi hàng hoá.	- GV hỏi: Hoạt động sản xuất chính của các quốc gia cổ đại phương Đông là gì? - HS trả lời: - GV nhận xét, kết luận: Nông nghiệp tưới nước, chăn nuôi và thủ công nghiệp, trao đổi hàng hóa... trong đó nông nghiệp tưới nước là chủ đạo đã tạo ra sản phẩm dư thừa thường xuyên.
2. Sự hình thành các quốc gia cổ đại - Cơ sở hình thành: + Công cụ đồng xuất hiện → sản xuất	**Hoạt động 2:** (Làm việc tập thể và cá nhân). *Tìm hiểu quá trình hình thành nhà nước.* - GV hỏi: Các quốc gia cổ đại phương Đông ra đời như thế nào? - HS suy nghĩ, trao đổi trả lời.

phát triển → năng suất lao động tăng → tư hữu xuất hiện dẫn tới sự phân hóa giai cấp và xung đột giai cấp. + Nhu cầu trị thuỷ và thuỷ lợi ngày càng cấp bách. Yêu cầu các bộ lạc phải liên minh chặt chẽ, lập tổ chức thống nhất các bộ lạc để hoà giải xung đột và sản xuất → Nhà nước ra đời. - Các quốc gia cổ đại đầu tiên xuất hiện ở Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Quốc, vào khoảng thiên niên kỉ thứ IV – III TCN **3. Xã hội có giai cấp đầu tiên** - Nông dân công xã: Chiếm số đông trong xã hội, ở họ vừa tồn tại "cái cũ", vừa là thành viên của xã hội có giai cấp. Họ tự nuôi sống bản thân và gia đình, nộp thuế cho nhà nước và làm các nghĩa vụ khác. - Quý tộc: Gồm các quan lại ở địa phương, các thủ lĩnh quân sự và những người phụ trách lễ nghi tôn giáo. Họ sống sung sướng dựa vào sự bóc lột nông dân. - Nô lệ: Chủ yếu là tù binh và thành viên công xã bị mắc nợ hoặc bị phạm tội. Họ phải làm việc nặng nhọc và hầu hạ quý tộc. Cùng với nông dân công xã họ là tầng lớp bị bóc lột trong xã hội.	- GV kết luận: Công cụ lao động bằng kim loại đã làm xuất hiện của cải dư thừa đã dẫn đến sự phân hóa xã hội thành kẻ giàu, người nghèo, tầng lớp quý tộc và bình dân. Trên cơ sở đó nhà nước đã ra đời. GV hỏi: Các quốc gia cổ đại phương Đông hình thành sớm nhất ở đâu? Trong khoảng thời gian nào? - HS suy nghĩ, trả lời. - GV sử dụng bản đồ *Các quốc gia cổ đại phương Đông*, xác định vị trí các quốc gia cổ đại, tên các quốc gia hiện nay, liên hệ với quốc gia Văn Lang ở Việt Nam. **Hoạt động 3:** (Hoạt động nhóm). *Tìm hiểu các tầng lớp xã hội và địa vị của các tầng lớp, giai cấp trong xã hội qua sơ đồ:*  - Nhóm 1: Nguồn gốc và vai trò của nông dân công xã trong xã hội cổ đại phương Đông? - Nhóm 2: Nguồn gốc của quý tộc? - Nhóm 3: Nguồn gốc của nô lệ? Nô lệ có vai trò gì?

4. Chế độ chuyên chế cổ đại - Quá trình hình thành nhà nước là từ các liên minh bộ lạc, do nhu cầu trị thủy và xây dựng các công trình thủy lợi nên quyền hành tập trung vào tay nhà vua tạo nên chế độ chuyên chế cổ đại. - Chế độ nhà nước do vua đứng đầu, có quyền lực tối cao và một bộ máy quan liêu giúp việc thừa hành, thì được gọi là chế độ chuyên chế cổ đại.	**Hoạt động 4** (Cả lớp - cá nhân) GV hỏi: Nhà nước phương Đông hình thành như thế nào? Thế nào là chế độ chuyên chế cổ đại? Thế nào là vua chuyên chế? Vua dựa vào đâu để trở thành chuyên chế? - GV có thể khai thác thêm kênh hình 3 SGK tr.16 để thấy được cuộc sống sung sướng của vua ngay cả khi chết (Quách vàng tạc hình vua),... - Ở phần này, GV có thể cho HS sưu tầm tài liệu trước và lên bảng trình bày theo nhóm. Nếu có thời gian, cho HS xem phần mềm Encarta năm 2005 - phần Lịch sử thế giới cổ đại.
5. Văn hóa cổ đại phương Đông ***a. Sự ra đời của lịch và thiên văn học*** - Thiên văn học và lịch là 2 ngành khoa học ra đời sớm nhất, gắn liền với nhu cầu sản xuất nông nghiệp.	**Hoạt động 5: Hoạt động nhóm** *Trình bày được một số thành tựu văn hoá cổ đại phương Đông* - Nhóm 1: Cách tính lịch của cư dân phương Đông? Tại sao hai ngành lịch và thiên văn lại ra đời sớm nhất ở phương Đông? - Nhóm 2: Vì sao chữ viết ra đời? Tác dụng của chữ viết? - Nhóm 3: Nguyên nhân ra đời của toán học? Những thành tựu của toán học phương Đông và tác dụng của nó? - Nhóm 4: Hãy giới thiệu những công trình kiến trúc cổ đại phương Đông? Những công trình nào còn tồn tại đến ngày nay? Để cày cấy đúng thời vụ và có kế hoạch gieo trồng, thu hoạch cho phù hợp, người nông dân đều phải "trông Trời, trông Đất". Họ quan sát chuyển động của mặt Trăng, mặt Trời và từ đó sáng

- Việc tính lịch chỉ đúng tương đối, nhưng nông lịch thì có ngay tác dụng đối với việc gieo trồng.	tạo ra lịch - nông lịch (lịch nông nghiệp), lấy 365 ngày là một năm và chia làm 12 tháng. - Mở rộng hiểu biết: Con người đã vươn tầm mắt tới trời, đất, trăng, sao vì mục đích làm ruộng của mình và nhờ đó đã sáng tạo ra hai ngành thiên văn học và phép tính lịch (trong tay chưa có nổi công cụ bằng sắt nhưng đã tìm hiểu vũ trụ,..).
b. Chữ viết - Nguyên nhân ra đời của chữ viết: Do nhu cầu trao đổi, lưu giữ kinh nghiệm mà chữ viết sớm hình thành từ thiên niên kỉ IV TCN. - Ban đầu là chữ tượng hình, sau đó là tượng ý, tượng thanh. - Tác dụng của chữ viết: Đây là phát minh quan trọng nhất, nhờ nó mà chúng ta hiểu được phần nào lịch sử thế giới cổ đại.	- Nhóm 2: Chữ viết ra đời là do xã hội ngày càng phát triển, các mối quan hệ phong phú, đa dạng. Hơn nữa do nhu cầu ghi chép, cai trị, lưu giữ những kinh nghiệm mà chữ viết đã ra đời. Chữ viết xuất hiện vào thiên niên kỉ thứ IV TCN mà sớm nhất là ở Ai Cập và Lưỡng Hà. Người Ai Cập viết trên giấy pa- pi- rút (vỏ cây sậy cán mỏng), người Lưỡng Hà viết trên đất sét rồi đem nung khô, người Trung Quốc viết trên mai rùa, thẻ tre, trúc hoặc trên lụa bạch,... Hiện nay trên thế giới vẫn còn một số quốc gia viết chữ tượng hình như: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc,... - GV nhận xét: Chữ viết là phát minh quan trọng nhất của loài người, nhờ đó mà các nhà nghiên cứu ngày nay hiểu được phần nào cuộc sống của cư dân cổ đại xưa.
c. Toán học - Nguyên nhân ra đời: Do nhu cầu tính lại ruộng đất, nhu cầu xây dựng tính toán,... mà Toán học ra đời. - Thành tựu: Các công thức sơ đẳng về hình học, các bài toán đơn giản về số học,.. phát minh ra số 0 của cư dân Ấn Độ.	- Nhóm 3: Do nhu cầu tính lại diện tích ruộng đất sau khi bị ngập nước, tính toán vật liệu và kích thước khi xây dựng các công trình xây dựng, tính các khoảng nợ nần nên Toán học sớm xuất hiện ở phương Đông. Người Ai Cập giỏi về tính hình học,... Người Lưỡng Hà hay đi buôn xa giỏi về số học.

- Tác dụng: Phục vụ cuộc sống lúc bấy giờ và để lại kinh nghiệm quý cho giai đoạn sau.	Người Ấn Độ phát minh ra số 0,... - GV nhận xét: Mặc dù Toán học còn sơ lược nhưng đã có tác dụng ngay trong cuộc sống lúc bấy giờ và nó cũng để lại nhiều kinh nghiệm quý chuẩn bị cho bước phát triển cao hơn ở giai đoạn sau.
d. Kiến trúc - Do uy quyền của các nhà vua mà hàng loạt các công trình kiến trúc đã ra đời: Kim tự tháp Ai Cập, vườn treo Ba-bi-lon, Vạn lí trường thành,... - Các công trình này thường đồ sộ thể hiện cho uy quyền của vua chuyên chế. - Ngày nay còn tồn tại một số công trình như Kim tự tháp Ai Cập, Vạn lí trường thành, cổng I-sơ-ta thành BA-bi-lon,... Những công trình này là những kì tích về sức lao động và tài năng sáng tạo của con người.	- Nhóm 4: Các công trình kiến trúc cổ đại: Do uy quyền của các hoàng đế, do chiến tranh giữa các nước, do muốn tôn vinh các vương triều của mình mà các quốc gia cổ đại phương Đông đã xây dựng nhiều công trình đồ sộ,... (GV giới thiệu cho HS về các kì quan này qua tranh ảnh, đĩa VCD,...) - Nếu còn thời gian GV có thể đi sâu vào giới thiệu cho HS về kiến trúc xây dựng Kim tự tháp, hoặc sự hùng vĩ của Vạn lí trường thành,...

V. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. Củng cố

GV nêu một số câu hỏi và hướng dẫn HS tự củng cố kiến thức của bài học:

2. Bài tập về nhà

- Ôn lại nội dung bài học dựa theo câu hỏi ở SGK.
- Đọc trước và tìm hiểu hệ thống kênh hình của bài 4.

BÀI 4. CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI PHƯƠNG TÂY - HI LẠP VÀ RÔ-MA

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

- Biết được điều kiện tự nhiên và đặc trưng kinh tế của các quốc gia cổ đại phương Tây: Hi Lạp và Rô-ma.

- Hiểu rõ những đặc điểm chính trị của "Thị quốc Địa Trung Hải".

- Thấy rõ tính chất tiến bộ và bản chất của nền dân chủ thời cổ đại.

2. Kĩ năng

- Rèn luyện cho HS kĩ năng sử dụng bản đồ để phân tích được những thuận lợi, khó khăn và vai trò của điều kiện địa lí đối với sự phát triển mọi mặt của các quốc gia cổ đại Địa Trung Hải.

- Biết khai thác nội dung tranh ảnh.

3. Thái độ, tư tưởng

Giáo dục cho HS thấy được mâu thuẫn giai cấp và đấu tranh giai cấp mà tiêu biểu là những cuộc đấu tranh của nô lệ và dân nghèo trong xã hội chiếm nô. Từ đó giúp các em thấy được vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

- *Thị quốc:* Hình thức tổ chức nhà nước thời cổ đại (Hi Lạp). Về cơ bản, mỗi quốc gia bao gồm một thành thị và vùng phụ cận. Các thị quốc có quan hệ mật thiết với nhau trong việc mua bán trao đổi sản vật.

- *Đại hội công dân:* Cuộc họp của công dân (nam) thời Hy Lạp, Rô-ma cổ đại. Là một cơ quan quyền lực cao nhất của nhà nước, có quyền quyết định mọi công việc quan trọng.

- *Phường:* Đơn vị hành chính ở thành thị tương đương với xã. Tổ chức tập hợp những người cùng một nghề nghiệp thời phong kiến: phường vải, phường chèo.

- *Dân chủ cổ đại* (dân chủ chủ nô): Thể chế chính trị của nhà nước Hy Lạp Rô-ma thời cổ đại, điển hình là thành bang Aten thời Clistên hay Pêriclrêt thế kỉ IV TCN. Ở thời kì này, mọi công dân Aten từ 18 tuổi trở lên đều có quyền tham gia các cơ quan quản lí nhà nước theo cách bầu cử rút thăm. Về thực chất, đây là nền dân chủ điển hình của thời cổ đại, nhằm bảo vệ quyền lợi của quý tộc chủ nô, đảm bảo quyền thống trị của họ. Quyền lực nhà nước tập trung tối đa vào tay quý tộc chủ nô, quyền dân chủ của người tự do bị hạn chế, quyền lợi của nô lệ bị chà đạp tàn bạo.

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Bản đồ thế giới và các kênh hình trong bài.

- Máy vi tính kết nối máy chiếu

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

GV đặt vấn đề: Khác với các quốc gia cổ đại phương Đông, Hi Lạp và Rô-ma bao gồm nhiều đảo và bán đảo nhỏ, nằm trên bờ bắc Địa Trung Hải. Để hiểu rõ về điều kiện tự nhiên chi phối sự phát triển kinh tế và xã hội của các quốc gia cổ đại Hy Lạp, Rô-ma, những thị quốc, sự hình thành thể chế Nhà nước dân chủ cộng hòa và những thành tựu văn hóa tiêu biểu của cư dân cổ đại Hi Lạp, Rô-ma, chúng ta cùng tìm hiểu bài học ngày hôm nay.

3. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Một số gợi ý:

- Bài này, SGK chia thành 3 mục kiến thức tương ứng với 3 vấn đề của các quốc gia cổ đại phương Tây.

- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
1. Thiên nhiên và đời sống của con người - Hi Lạp, Rô - ma nằm ở ven biển Địa Trung Hải, nhiều đảo. + Thuận lợi: Có biển, nhiều hải cảng, giao thông trên biển dễ dàng, nghề hàng hải sớm phát triển. + Khó khăn: Đất ít và xấu, nên chỉ thích hợp loại cây lâu năm, do đó lương thực thiếu, luôn phải nhập.	**Hoạt động 1: (Cá nhân).** *Tìm hiểu được những đặc điểm của điều kiện tự nhiên và nền kinh tế; hiểu được sự xuất hiện nền văn minh Hi Lạp và Rô-ma* - GV: Các quốc gia cổ đại phương Đông hình thành sớm nhờ điều kiện tự nhiên thuận lợi. Còn điều kiện tự nhiên ở các quốc gia cổ đại Địa Trung Hải có những thuận lợi và khó khăn gì? - HS đọc SGK trả lời câu hỏi. - GV nhận xét, bổ sung và chốt ý.

- Việc công cụ bằng sắt ra đời có ý nghĩa: Diện tích trồng trọt tăng, sản xuất thủ công và kinh tế hàng hóa tiền tệ phát triển. Cư dân Địa Trung Hải là: Sớm biết buôn bán, đi biển và trồng trọt.	**GV:** Ý nghĩa của công cụ bằng sắt đối với vùng Địa Trung Hải? - Việc công cụ bằng sắt ra đời có ý nghĩa không chỉ có tác dụng trong canh tác cày sâu, cuốc bẫm, mở rộng diện tích trồng trọt mà còn mở ra một trình độ kĩ thuật cao hơn và toàn diện (sản xuất thủ công và kinh tế hàng hóa tiền tệ).
2. Thị quốc Địa Trung Hải - Tình trạng đất đai phân tán nhỏ và đặc điểm của cư dân sống bằng nghề thủ công và thương nghiệp nên đã hình thành các thị quốc - Tổ chức của thị quốc: Về đơn vị hành chính là một nước, trong nước thành thị là chủ yếu. Thành thị có lâu đài, phố sá, sân vận động và bến cảng. - Tính chất dân chủ của thị quốc: Quyền lực không nằm trong tay quý tộc mà nằm trong tay Đại hội công dân, Hội đồng 500,... mọi công dân đều được phát	**Hoạt động 2:** Theo các nhóm *Hiểu được khái niệm thị quốc; bản chất của nền dân chủ cổ đại Hi Lạp, Rô-ma* GV giao nhiệm vụ Nhóm 1: Nguyên nhân ra đời của thị quốc? Nhóm 2: Tổ chức của thị quốc? Nhóm 1: Do địa hình chia cắt, đất đai nhiều vùng nhỏ, không có điều kiện tập trung đông dân cư ở một nơi. Hơn nữa nghề buôn bán và làm nghề thủ công là chính nên mỗi bộ lạc sống ở từng mỏm bán đảo, khi hình thành xã hội có giai cấp thì đây cũng hình thành nhà nước (Thị quốc). Nhóm 2: Chủ yếu là thành thị với vùng đất đai trồng trọt bao quanh. Thành thị có phố xá, lâu đài, đền thờ, sân vận động, nhà hát và quan trọng là có bến cảng. GV: Thể chế dân chủ cổ đại biểu hiện ở điểm nào? So sánh với chế độ chuyên chế ở phương Đông? Không chấp nhận có vua, có Đại hội công dân, Hội đồng 500 như ở A-ten, tiến bộ hơn ở phương Đông (quyền lực nằm trong tay quý tộc mà cao nhất là vua). GV: Có phải ai cũng có quyền công dân hay không? Vậy bản chất của nền dân chủ ở đây là gì? GV gợi ý cho HS xem tượng Pê-ri-clet: Ông là ai? Là người như thế nào? Tại sao người ta lại tạc tượng ông? (Ông la người anh hùng chi

biểu và biểu quyết những công việc lớn của quốc gia. - Bản chất của nền dân chủ cổ đại ở Hi Lạp, Rô-ma: Đó là nền dân chủ chủ nô, dựa vào sự bóc lột thậm tệ của chủ nô đối với nô lệ.	huy đánh thắng Ba Tư, có công xây dựng A-ten thịnh vượng đẹp đẽ. Trong xã hội dân chủ cổ đại, hình tượng cao quý nhất là người chiến sĩ bình thường, gần gũi, thân mật, được đặt ở quảng trường để tỏ lòng tôn kính, ngưỡng mộ). GV: Tại sao nô lệ lại đấu tranh? Hậu quả của các cuộc đấu tranh đó? GV: Một chế độ dựa trên sự bóc lột của chủ nô đối với nô lệ người ta gọi đó là chế độ chiếm hữu nô lệ, nô lệ bị bóc lột và đã đấu tranh làm cho thời cổ đại và chế độ chiếm hữu nô lệ chấm dứt.
3. Văn hóa cổ đại Hi Lạp và Rô-ma ***a. Lịch và chữ viết*** - Lịch: Cư dân cổ đại Địa Trung Hải đã tính được lịch một năm có 365 ngày và 1/4 nên họ định ra một tháng lần lượt có 30 và 31 ngày, riêng tháng hai có 28 ngày. Dù chưa biết thật chính xác nhưng cũng rất gần với hiểu biết ngày nay. - Chữ viết: Phát minh ra hệ thống chữ cái A, B, C,... lúc đầu có 20 chữ, sau thêm 6 chữ nữa để trở thành hệ thống chữ cái hoàn chỉnh như ngày nay. - Ý nghĩa của việc phát minh ra chữ viết: Đây là cống hiến lớn lao của cư dân Địa Trung Hải cho nền văn minh nhân loại. ***b. Sự ra đời của khoa học*** Chủ yếu các lĩnh vực: toán, lí, sử, địa.	**Hoạt động 3: Nhóm** *Phân tích những thành tựu văn hoá cổ đại phương Tây (liên hệ với các thành tựu văn hoá phương Đông)* + Nhóm 1: Những hiểu biết của cư dân Địa Trung Hải về lịch và chữ viết? So với cư dân cổ đại phương Đông có gì tiến bộ hơn? Ý nghĩa của việc phát minh ra chữ viết? + Nhóm 2: Hãy trình bày những hiểu biết của nhóm em về các lĩnh vực khoa học của cư dân cổ đại Địa Trung Hải? Tại sao nói: "Khoa

- Khoa học đến thời Hy Lạp, Rô-ma mới thực sự trở thành khoa học vì có độ chính xác của khoa học, đạt tới trình độ khái quát thành định lí, lí thuyết và nó được thực hiện bởi các nhà khoa học có tên tuổi, đặt nền móng cho ngành khoa học đó. *c. Văn học* - Chủ yếu là kịch (kịch kèm theo hát). - Một số nhà viết kịch tiêu biểu như Sô phốc, Ê-sin,... - Giá trị của các vở kịch: Ca ngợi cái đẹp, cái thiện và có tính nhân đạo sâu sắc. ***d. Nghệ thuật*** Chủ yếu là nghệ thuật tạc tượng thần và nghệ thuật xây dựng các đền thờ thần. Tượng mà rất "người", rất sinh động, thanh khiết. Các công trình nghệ thuật chủ yếu làm bằng đá cẩm thạch trắng: "Thanh thoát... làm say mê lòng người, là kiệt tác của muôn đời".	học đã có từ lâu nhưng đến Hi Lạp, Rô-ma, khoa học mới thực sự trở thành khoa học"? + Nhóm 3: Những thành tựu về văn học, nghệ thuật của cư dân cổ đại Địa Trung Hải? Nghệ thuật: Cho các em giới thiệu về các tác phẩm văn học, nghệ thuật mà các em sưu tầm được; miêu tả đền Pác- tê- nông, đấu trường ở Rô-ma trong SGK. HS quan sát tranh: tượng lực sĩ ném đĩa, tranh tượng nữ thần A-thê-na,... + Nhóm 4: Nhận xét về nghệ thuật của Hi Lạp, Rô-ma?

V. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. Củng cố

GV nêu một số câu hỏi và hướng dẫn HS tự củng cố kiến thức:

- Thị quốc là gì? Bản chất của nền dân chủ cổ đại là gì?
- Những thành tựu văn hoá chủ yếu của các quốc gia cổ đại phương tây?

2. Bài tập về nhà

- Ôn lại nội dung bài học dựa theo câu hỏi củng cố kiến thức cuối giờ.
- Đọc trước và tìm hiểu nội dung kênh hình bài 5.

Chương III

TRUNG QUỐC THỜI PHONG KIẾN

BÀI 5. TRUNG QUỐC THỜI PHONG KIẾN

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

- Biết được những nét chính về sự hình thành xã hội phong kiến ở Trung Quốc và các quan hệ trong xã hội.

- Bộ máy chính quyền phong kiến được hình thành, củng cố từ thời Tần - Hán cho đến thời Minh - Thanh. Chính sách xâm lược chiếm đất đai của các hoàng đế Trung Hoa.

- Hiểu rõ những đặc điểm về kinh tế Trung Quốc thời phong kiến: Nông nghiệp là chủ yếu, hưng thịnh theo chu kì, mầm mống kinh tế TBCN đã xuất hiện nhưng còn yếu ớt.

- Biết được những thành tựu của nền văn hóa Trung Quốc thời phong kiến.

2. Kĩ năng

- Biết vẽ sơ đồ hoặc tự vẽ được lược đồ để hiểu được bài giảng.

- Nắm vững các khái niệm cơ bản.

3. Thái độ, tư tưởng

- Giúp HS thấy được tính chất phi nghĩa của các cuộc xâm lược của các triều đại phong kiến Trung Quốc.

- Quý trọng các di sản văn hóa, hiểu được các ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc đối với Việt Nam.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

- *Quân điền:* Chính sách chia ruộng đất công cho dân đinh trong làng xã theo quy định của nhà nước phong kiến. Chính sách quân điền gồm có: thể lệ cấp, đối tượng được cấp, mức cấp, thời hạn cấp cũng như nghĩa vụ và quyền lợi của người được cấp.

- *Phong kiến tập quyền:* Chế độ phong kiến ở giai đoạn đã có một chính quyền tập trung ở trung ương do vua nắm giữ. Nhà vua nắm mọi quyền lực - vương quyền và thần quyền. Quan lại các cấp là tôi tớ vua. Dân chúng đều là thần dân của vua. Cơ sở của chế độ này là nền kinh tế hàng hóa - tiền tệ đã phát triển một bước. Ở phương Đông, chế độ phong kiến Trung Quốc là điển hình. Ở Tây Âu, các thị dân ủng hộ nhà vua xây dựng vương quyền tập trung, xóa bỏ tình trạng cát cứ địa phương để hàng hóa giao lưu thuận lợi.

- *Địa chủ:* Người chiếm hữu ruộng đất lớn, sống bằng phát canh thu tô, bóc lột nông dân dưới chế độ phong kiến, thực dân.

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Bản đồ thế giới và hệ thống các kênh hình của bài
- Máy vi tính kết nối máy chiếu

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

GV đặt nhiệm vụ nhận thức: Do sự phát triển của sản xuất, xã hội phân hóa giai cấp nên chế độ phong kiến ở Trung Quốc đã sớm hình thành.

Để hiểu được quá trình hình thành chế độ phong kiến ở Trung Quốc ra sao? Phát triển qua các triều đại như thế nào? Tại sao có các cuộc khởi nghĩa nông dân vào cuối các thời đại? Những thành tựu văn hóa rực rỡ của Trung Quốc là gì? Bài học hôm nay sẽ giúp các em nắm bắt được những vấn đề trên.

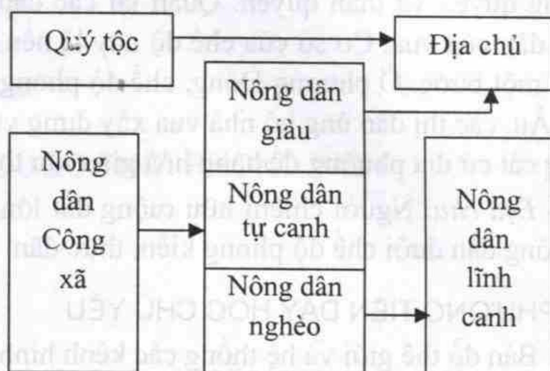
3. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

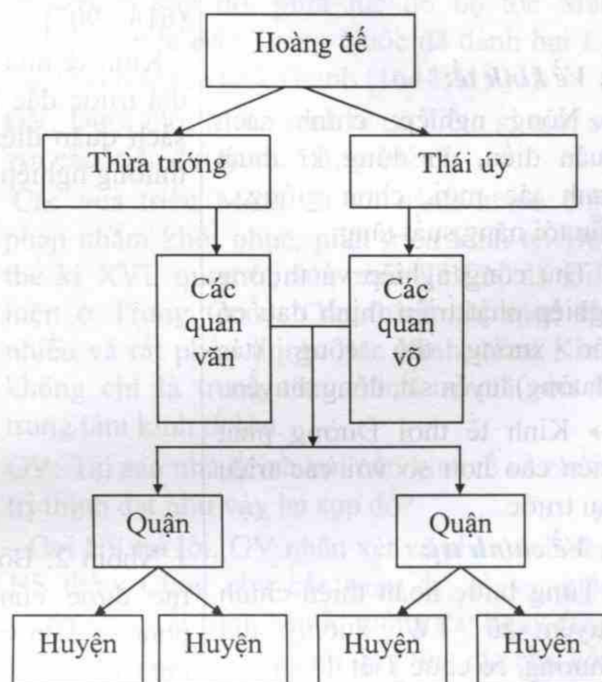
Một số gợi ý:

- Bài này, SGK chia thành 4 mục kiến thức tương ứng với 4 vấn đề xuyên suốt trong lịch sử Trung Quốc thời phong kiến trên các mặt kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá. Mỗi mục trong bài có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
1. Chế độ phong kiến thời Tần - Hán	**Hoạt động 1:** (Hoạt động cá nhân. *Tìm hiểu sự hình thành xã hội cổ đại ở Trung Quốc; tổ chức bộ máy nhà nước thời Tần - Hán* - **GV:** Việc sử dụng công cụ bằng sắt ở Trung

	Quốc vào thế kỉ thứ V TCN có tác dụng gì? HS quan sát sơ đồ treo trên bảng và trả lời:  - GV củng cố và giải thích thêm: + Trong xã hội Trung Quốc, từ khi đồ sắt xuất hiện, xã hội đã có sự phân hóa, hình thành hai giai cấp mới địa chủ và nông dân lĩnh canh. Từ đây hình thành quan hệ sản xuất phong kiến, đó là quan hệ bóc lột giữa địa chủ và nông dân lĩnh canh thay thế cho quan hệ bóc lột quý tộc và nông dân công xã.
a. Sự hình thành nhà Tần - Hán - Năm 221 - TCN, nhà Tần đã thống nhất Trung Quốc, vua Tần tự xưng là Tần Thủy Hoàng. - Lưu Bang lập ra nhà Hán 206 - 220 TCN. Đến đây chế độ phong kiến Trung Quốc đã được xác lập.	- GV hỏi: Nhà Tần - Hán được hình thành như thế nào? Tại sao nhà Tần lại thống nhất được Trung Quốc? Trên lưu vực Hoàng Hà và Trường Giang thời cổ đại có nhiều nước nhỏ thường chiến tranh xâu xé thôn tính lẫn nhau làm thành cục diện Xuân Thu - Chiến Quốc. Đến thế kỉ IV - TCN, nhà Tần có tiềm lực kinh tế, quân sự mạnh hơn cả đã lần lượt tiêu diệt các đối thủ. Đến năm 221 - TCN, đã thống nhất Trung Quốc, chế độ phong kiến Trung Quốc hình thành. Nhà Tần tồn tại được 15 năm sau đó bị cuộc khởi nghĩa của Trần Thắng và Ngô Quảng làm cho sụp đổ. - Nhà Hán (206 TCN – 220). Chế độ phong kiến Trung Quốc đã được xác lập.

b. Tổ chức bộ máy nhà nước thời Tần - Hán - Ở TW: Hoàng đế có quyền tuyệt đối, bên dưới có Thừa tướng, Thái úy cùng các quan văn, võ. - Ở địa phương: Thái thú và Huyện lệnh (tuyển dụng quan lại chủ yếu là hình thức tiến cử) - Chính sách xâm lược của nhà Tần - Hán: xâm lược các vùng xung quanh, xâm lược Triều Tiên và đất đai của người Việt cổ.	- GV cho HS quan sát sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước phong kiến thời Tần – Hán và phân tích cơ cấu chính quyền ở trung ương và địa.  - GV hỏi: Hãy kể tên các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta chống lại sự xâm lược của nhà Tần, nhà Hán? (VD: cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta chống quân Tần TCN, cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng chống quân Hán năm 40,...).
2. Sự phát triển chế độ phong kiến dưới thời Đường	**Hoạt động 2:** (Hoạt động theo nhóm). *Tìm hiểu tình hình kinh tế, chính trị, xã hội thời Đường.* Nhóm 1: Nhà Đường được thành lập như thế nào? Kinh tế thời Đường so với các triều đại trước? Nội dung của chính sách quân điền? Nhóm 2: Bộ máy nhà nước thời Đường có gì khác so với các triều đại trước? Nhóm 3: Vì sao lại nổ ra các cuộc khởi nghĩa nông dân vào cuối triều đại nhà Đường?

	Các nhóm cử đại diện trình bày: + Nhóm 1: Sau nhà Hán, Trung Quốc lâm vào tình trạnh loạn lạc kéo dài, Lý Uyên dẹp được loạn, lên ngôi hoàng đế, lập ra nhà Đường (618 - 907). - Kinh tế nhà Đường phát triển hơn các triều đại trước đặc biệt trong nông nghiệp có chính sách quân điền. Ngoài ra thủ công nghiệp và thương nghiệp thịnh đạt dưới thời Đường.
a. Về kinh tế: + Nông nghiệp: chính sách quân điền, áp dụng kĩ thuật canh tác mới, chọn giống,... dẫn tới năng suất tăng. + Thủ công nghiệp và thương nghiệp phát triển thịnh đạt: có các xưởng thủ công (tác phường) luyện sắt, đóng thuyền. → Kinh tế thời Đường phát triển cao hơn so với các triều đại trước. ***b. Về chính trị:*** - Từng bước hoàn thiện chính quyền từ TW xuống địa phương, có chức Tiết độ sứ. - Tuyển dụng quan lại bằng thi cử (bên cạnh cử con em thân tín xuống các địa phương). - Mâu thuẫn xã hội dẫn đến khởi nghĩa nông dân thế kỉ X khiến cho nhà Đường sụp đổ.	+ Nhóm 2: Bộ máy nhà nước nhà Đường tiếp tục được củng cố từ trung ương đến địa phương làm cho bộ máy cai trị phong kiến ngày càng hoàn chỉnh. - Nhà Đường tiếp tục chính sách xâm lược láng giềng, mở rộng lãnh thổ. Nhà Đường đã từng đặt ách thống trị lên đất nước ta và đã bị nhân dân ta vùng lên khởi nghĩa trong đó có cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của Mai Thúc Loan (năm 722), chống lại sự đô hộ của nhà Đường. + Nhóm 3: Cuối triều đại nhà Đường, mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ, quan lại ngày càng gay gắt dẫn đến khởi nghĩa nông dân. Nhà Đường sụp đổ.
3. Trung Quốc thời Minh - Thanh ***a. Sự thành lập nhà Minh, nhà Thanh:*** - Nhà Minh thành lập (1638 -	**Hoạt động 3:** (Cả lớp và cá nhân). *Tìm hiểu sự phát triển kinh tế Trung Quốc thời Minh - Thanh và tình hình chính trị, xã hội trong thời gian này* GV: Nhà Minh, nhà Thanh được thành lập như thế nào?

1644), người sáng lập là Chu Nguyên Chương. - Nhà Thanh thành lập 1644 - 1911.	- Phong trào khởi nghĩa nông dân của Chu Nguyên Chương đã thành lập nhà Minh (1638 - 1644). Khởi nghĩa của Lý Tự Thành làm cho nhà Minh sụp đổ, giữa lúc đó bộ tộc Mãn Thanh ở phía Bắc Trung Quốc đã đánh bại Lý Tự Thành lập ra nhà Thanh (1644 - 1911).
b. Sự phát triển kinh tế dưới triều Minh: Từ thế kỉ XVI đã xuất hiện mầm mống kinh tế TBCN: + Thủ công nghiệp: xuất hiện công trường thủ công, quan hệ chủ - người làm thuê. + Thương nghiệp phát triển, thành thị mở rộng và phồn thịnh.	GV: Dưới thời Minh kinh tế có điểm gì mới so với các triều đại trước? Biểu hiện? Các vua triều Minh đã thi hành nhiều biện pháp nhằm khôi phục, phát triển kinh tế. Đầu thế kỉ XVI, quan hệ sản xuất TBCN đã xuất hiện ở Trung Quốc. Các thành thị mọc lên nhiều và rất phồn thịnh. Bắc Kinh, Nam Kinh không chỉ là trung tâm chính trị mà còn là trung tâm kinh tế lớn.
c. Về chính trị: Bộ máy nhà nước phong kiến ngày càng tập quyền. Quyền lực ngày càng tập trung trong tay nhà vua. - Mở rộng bành trướng ra bên ngoài trong đó có sang xâm lược Đại Việt nhưng đã thất bại nặng nề.	GV: Tại sao nhà Minh với nền kinh tế và chính trị thịnh đạt như vậy lại sụp đổ? - Gọi HS trả lời. GV nhận xét và phân tích cho HS thấy: Cũng như các triều đại phong kiến trước đó, cuối triều Minh, ruộng đất ngày càng tập trung vào tay giai cấp quý tộc, địa chủ còn nông dân ngày càng cực khổ. Ruộng ít, sưu cao, thuế nặng cộng với phải đi lính phục vụ cho các cuộc chiến tranh xâm lược, mở rộng lãnh thổ của các triều vua, vì vậy mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ ngày càng gay gắt và cuộc khởi nghĩa nông dân của Lý Tự Thành làm cho nhà Minh sụp đổ.
d. Chính sách của nhà Thanh: - Đối nội: Áp bức dân tộc, mua chuộc địa chủ người Hán. - Đối ngoại: Thi hành chính sách "bế quan toả cảng" Chế độ phong kiến nhà Thanh sụp đổ năm 1911.	GV: Chính sách cai trị của nhà Thanh? Gọi một HS trả lời, các HS khác bổ sung sau đó GV nhận xét, chốt ý: Người Mãn Thanh khi vào Trung Quốc lập ra nhà Thanh và thi hành chính sách áp bức dân tộc, bắt người Trung Quốc ăn mặc và theo phong tục người Mãn, mua chuộc địa chủ người Hán, giảm thuế cho nông dân nhưng mâu thuẫn dân tộc vẫn tăng, dẫn đến khởi nghĩa nông dân khắp nơi.

	- Đối ngoại: Thi hành chính sách "bế quan toả cảng" trong bối cảnh bị sự nhòm ngó của tư bản phương Tây dẫn đến sự suy sụp của chế độ phong kiến. Cách mạng Tân Hợi năm 1911 đã làm cho nhà Thanh sụp đổ.
4. Văn hóa Trung Quốc	**Hoạt động 4:** (Làm việc theo nhóm). *Tìm hiểu những thành tựu văn hoá Trung Quốc thời phong kiến*
	GV chia cả lớp làm 2 nhóm và giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm:
	- Nhóm 1: những thành tựu trên lĩnh vực tư tưởng của Trung Quốc thời phong kiến.
	- Nhóm 2: Những thành tựu trên các lĩnh vực sử học, văn học, khoa học - kĩ thuật.
	GV cho đại diện các nhóm trình bày, và bổ sung cho nhau, sau đó GV nhận xét và chốt ý:
a. Tư tưởng: - Nho giáo giữ vai trò quan trọng trong hệ tư tưởng phong kiến. Về sau Nho giáo càng trở nên bảo thủ, lỗi thời và kìm hãm sự phát triển của xã hội. - Phật giáo cũng thịnh hành, nhất là thời Đường.	- Từ thời Hán, Nho giáo đã trở thành công cụ thống trị tinh thần với quan niệm về vua - tôi, cha - con, chồng - vợ, nhưng về sau Nho giáo càng trở nên bảo thủ, lỗi thời và kìm hãm sự phát triển của xã hội. - Thời Đường, vua Đường đã cử các nhà sư sang Ấn Độ lấy kinh Phật.
b. Sử học: Tư Mã Thiên với bộ sử kí.	- Bắt đầu từ thời Tây Hán, sử học đã trở thành lĩnh vực độc lập, Người đặt nền móng là Tư Mã Thiên với bộ sử kí.
c. Văn học: + Thơ phát triển mạnh dưới thời Đường + Tiểu thuyết phát triển mạnh ở thời Minh - Thanh.	- Văn học: Đỗ Phủ, Lí Bạch, Bạch Cư Dị là những nhà thơ tiêu biểu. Tiểu thuyết phát triển mạnh ở thời Minh - Thanh với các bộ tiểu thuyết nổi tiếng như Thủy hử, Tam quốc diễn nghĩa, Tây Du Kí, Hồng Lâu Mộng..., nó phản ánh phần nào đời sống của nhân dân Trung Quốc và các mối quan hệ xã hội thời phong kiến.
d. Khoa học kĩ thuật: Đạt được nhiều thành tựu trong lĩnh vực hàng hải, nghề in, làm	- Khoa học kĩ thuật: Người Trung Quốc đạt được nhiều thành tựu rực rỡ trong lĩnh vực hàng hải như bánh lái, la bàn, thuyền buồm

giấy, gốm, dệt, luyện sắt, và kĩ thuật xây dựng các cung điện phục vụ cho chế độ phong kiến.	nhiều lớp. Nghề in , làm giấy, gốm, dệt, luyện sắt, khai thác khí đốt, cũng được người Trung Quốc biết đến khá sớm (GV có thể cho HS quan sát các tranh sưu tầm về đồ gốm, sứ, hàng dệt, cho HS nhận xét và GV phân tích cho HS thấy trình độ cao của người Trung Quốc trong việc sản xuất ra những sản phẩm này).

V. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. **Củng cố**

GV nêu một số câu hỏi và hướng dẫn HS tự củng cố kiến thức:

- Lập bảng thống kê các triều đại phong kiến trong lịch sử Trung Quốc?
- Những thành tựu văn hoá chủ yếu của Trung Quốc thời phong kiến?

2. **Bài tập về nhà**

- Ôn lại nội dung bài học dựa theo câu hỏi củng cố kiến thức cuối giờ.
- Đọc trước và tìm hiểu nội dung các kênh hình ở bài 6.

Chương IV

ẤN ĐỘ THỜI PHONG KIẾN

BÀI 6. CÁC QUỐC GIA ẤN VÀ VĂN HOÁ TRUYỀN THỐNG ẤN ĐỘ

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

- Biết rõ Ấn Độ là quốc gia có nền văn minh lâu đời, phát triển cao, cùng với Trung Quốc có ảnh hưởng sâu rộng ở châu Á và trên thế giới.

- Thời Gúp - ta định hình văn hóa truyền thống Ấn Độ.

- Giải thích được những nội dung của văn hóa truyền thống Ấn Độ.

2. Kĩ năng

- Rèn luyện kĩ năng phân tích, tổng hợp.

- Rèn luyện kĩ năng tự học cho HS.

3. Thái độ, tư tưởng

HS nhận thức được Văn hóa Ấn Độ có ảnh hưởng trực tiếp đến Việt Nam; giữa hai nước có mối quan hệ kinh tế và văn hóa mật thiết.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

- *Hinđu:* (đạo) Tôn giáo cổ xưa nhất và lớn nhất ở Ấn Độ, 95% tín đồ sống ở Ấn Độ. Ra đời vào khoảng thế kỉ đầu Công nguyên. Ban đầu không phải là tôn giáo nguyên dạng và thuần khiết, mà là sự kết hợp của đạo Bàlamôn với đạo Phật. Bởi vậy, đạo này không có người sáng lập, không có tổ chức giáo đường trung tâm một cách chặt chẽ.

- *Chữ Phạn:* Là ngôn ngữ và chữ viết cổ của người Ấn Độ, dấu tích tìm được vào thế kỉ I TCN, là nguồn gốc của ngôn ngữ và chữ viết Hindi thông dụng hiện nay của Ấn Độ. Chữ Phạn dùng để ghi chép các sách văn học, khoa học, tôn giáo.

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Bản đồ thế giới, bản đồ Ấn Độ và các kênh hình trong bài.

- Máy vi tính kết nối máy chiếu

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

GV nêu vấn đề: Ấn Độ là một trong những quốc gia cổ đại phương Đông có nền văn minh lâu đời, khoảng 3000 năm đến 1500 năm TCN, là khởi đầu cho nền văn minh sông Hằng. Để hiểu được văn hóa truyền thống Ấn Độ là gì? Nó phát triển ra sao? Nó ảnh hưởng ra bên ngoài như thế nào? Việt Nam chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ như thế nào? Bài học hôm nay sẽ giúp các em hiểu được những vấn đề trên.

3. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Một số gợi ý:

- Bài này, SGK chia thành 2 mục kiến thức tương ứng với 2 vấn đề của bài, trong đó trọng tâm kiến thức nằm ở mục 2 "Thời kì vương triều Gúp-ta và sự phát triển văn hoá truyền thống Ấn Độ".

- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
1. Thời kì các quốc gia đầu tiên - Khoảng 1500 năm TCN, ở đồng bằng sông Hằng đã hình thành một số nước, thường xảy ra tranh giành ảnh hưởng nhưng mạnh nhất là nước Ma-ga-đa. - Vua mở nước là Bim-bi-sa-ra, nhưng kiệt xuất nhất (vua thứ 11) là A-sô-ca (thế kỉ III TCN).	**Hoạt động 1: cá nhân** *Biết được đôi nét về Ấn Độ thời cổ đại* **GV:** Vì sao một số nhà nước đầu tiên lại hình thành bên lưu vực sông Hằng? Khoảng 1500 năm TCN, vùng lưu vực sông Hằng ở phía Đông Bắc có điều kiện tự nhiên thuận lợi, các bộ lạc đã đến đây sinh sống và hình thành các nhà nước, đứng đầu là các tiểu vương. - GV đặt câu hỏi: Nước Ma-ga-đa và vai trò của vua Asôca? - GV gọi một HS trả lời, các HS khác bổ sung, sau đó GV chốt ý: + A-sô-ca là vua thứ 11 của nước Magađa, lên ngôi vào đầu thế kỉ III TCN. Ông đã xây dựng đất nước, đem quân đi đánh các nước nhỏ, thống nhất Ấn Độ.

+ Đánh dẹp các nước nhỏ thống nhất lãnh thổ. + Theo đạo phật và có công tạo điều kiện cho đạo phật truyền bá rộng khắp. Ông cho dựng nhiều "cột A-sô-ca"	- Sau khi thống nhất Ấn Độ, ông một lòng theo đạo Phật và tạo điều kiện cho đạo Phật truyền bá sâu rộng khắp Ấn Độ. - A-sô-ca qua đời vào cuối thế kỉ III TCN, Ấn Độ lại rơi vào giai đoạn khủng hoảng.
2. Thời kì vương triều Gúp-ta và sự phát triển của văn hóa truyền thống Ấn Độ Quá trình hình thành và vai trò về mặt chính trị: - Đầu công nguyên, miền Bắc Ấn Độ được thống nhất - nổi bật vương triều Gúp-ta (319-467), Gúp-ta đã thống nhất miền Bắc Ấn Độ, làm chủ gần như toàn bộ miền Trung Ấn Độ. - Về văn hóa dưới thời Gúp-ta: + Đạo Phật: Tiếp tục được phát triển truyền bá khắp Ấn Độ và truyền ra nhiều nơi. Kiến trúc Phật giáo phát triển (chùa Hang, tượng Phật bằng đá). + Đạo Ấn Độ hay đạo Hin-đu ra đời và phát triển, thờ 3 vị thần chính: thần Sáng tạo,	**Hoạt động 2: Hoạt động theo nhóm** *Trình bày được sự hình thành, phát triển bước đầu của quốc gia phong kiến Ấn Độ* - GV đặt câu hỏi cho các nhóm: + Nhóm 1: Quá trình hình thành vương triều Gúp-ta? Thời gian tồn tại? Vai trò về mặt chính trị của vương triều này? + Nhóm 2: Điểm nổi bật trong văn hóa Ấn Độ dưới thời Gúp-ta? Nội dung cụ thể? + Nhóm 3: Văn hóa Ấn Độ thời Gúp-ta ảnh hưởng như thế nào đến Ấn Độ giai đoạn sau và ảnh hưởng ra bên ngoài như thế nào? Việt Nam chịu ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ ở những lĩnh vực nào? - GV nhận xét và chốt ý: - Vương triều Gúp-ta đã tổ chức kháng cự không cho người Tây Á xâm lấn từ phía tây bắc, thống nhất miền Bắc Ấn Độ, làm chủ gần như toàn bộ miền Trung Ấn Độ. Sự phát triển và nét đặc sắc của vương triều Gúp-ta còn giữ được ở thời Hác-sa giai đoạn sau (606 - 647). - Điểm nổi bật của thời kì Gúp-ta là sự định hình và phát triển của văn hóa truyền thống Ấn Độ (đạo Phật, đạo Hin-đu, chữ viết, văn học...) - Văn hóa thời Gúp-ta đã phát triển khắp Ấn Độ, nó còn rực rỡ sang cả thời Hác-sa. Ngày nay dân Ấn Độ đa số theo đạo Ấn Độ, chữ viết ngày nay của Ấn Độ dựa trên chữ Sanskrit. Trong quá trình buôn bán với các quốc gia Đông Nam Á, văn hóa Ấn Độ đã ảnh hưởng sang các nước này chủ yếu là đạo Phật,

Thần thiện, Thần ác. Các công trình kiến trúc thờ thần cũng được xây dựng. + Chữ viết: Từ chữ viết cổ Brahmi đã nâng lên, sáng tạo và hoàn chỉnh hệ chữ Sanskrit. Văn học cổ điển Ấn Độ - văn học Hin-đu, mang tinh thần và triết lí Hin-đu giáo rất phát triển. Tóm lại thời Gúp-ta đã định hình văn hóa truyền thống Ấn Độ với những tôn giáo lớn và những công trình kiến trúc, tượng, những tác phẩm văn học tuyệt vời, làm nền cho văn hóa truyền thống Ấn Độ có giá trị văn hóa vĩnh cửu. - Người Ấn Độ đã mang văn hóa, đặc biệt là văn hóa truyền thống truyền bá ra bên ngoài mà Đông Nam Á là ảnh hưởng rõ nét nhất.	đạo Hin-đu và chữ Sankrít. Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ.

V. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. Củng cố

GV nêu một số câu hỏi và hướng dẫn HS tự củng cố kiến thức: Tại sao nói thời kì Gúp-ta là thời kì định hình và phát triển của văn hoá truyền thống Ấn Độ?

2. Bài tập về nhà

- Ôn lại nội dung bài học dựa theo câu hỏi củng cố kiến thức cuối giờ.
- Đọc trước bài 7.

BÀI 7. SỰ PHÁT TRIỂN LỊCH SỬ VÀ NỀN VĂN HOÁ ĐA DẠNG CỦA ẤN ĐỘ

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

Biết được sự phát triển của lịch sử và văn hóa truyền thống Ấn Độ qua 3 thời kì:

- Ấn Độ trong các thế kỉ VII - XII
- Vương triều Hồi giáo Đê-li
- Vương triều Mô-gôn.

2. Kĩ năng

- Rèn cho HS các kĩ năng phân tích, tổng hợp các sự kiện lịch sử của Ấn Độ qua các thời kì lịch sử.
- Kĩ năng khai thác tranh ảnh, lược đồ lịch sử.

3. Thái độ, tư tưởng

Giáo dục cho HS biết được sự phát triển đa dạng của văn hóa Ấn Độ, qua đó giáo dục các em sự trân trọng những tinh hoa văn hóa của nhân loại.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

- *Vương triều Hồi giáo Đê-li:* Là các triều đại Hồi giáo đã trị vì Ấn Độ từ năm 1206 đến năm 1526. Vào năm 1526, Vương quốc Hồi giáo Đê-li đã bị đế quốc Mô-gôn thôn tín.

- *Vương triều Mô-gôn:* Là một đế quốc Hồi giáo (chịu ảnh hưởng từ nền văn hoá Ba Tư) ở tiểu lục địa Ấn Độ, ra đời vào năm 1526, nắm quyền kiểm soát trên phần lớn tiểu lục địa trong các thế kỉ XVII và XVIII. Các vua Mô-gôn đều thuộc dòng dõi nhà Timur có dòng máu Đột Quyết, Mông Cổ, Rajput và Ba Tư. Khi ở đỉnh cao quyền lực, vào khoảng năm 1700, đế quốc này trị vì trên phần lớn Tiểu lục địa - trải dài từ Bangladesh ở phía đông tới Balochistan ở phía tây, Kashmir ở phía bắc tới lòng chảo Kaveri ở phía tây. Trong thời gian này, đế quốc Mô-gôn có lãnh thổ rộng đến 4 triệu km² với dân số khoảng 110 – 130 triệu người. Sau năm 1725, đế quốc Mô-gôn suy yếu và tan rã vào giữa thế kỉ XIX.

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Các kênh hình liên quan đến bài học.
- Máy vi tính kết nối máy chiếu

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

GV dẫn dắt: Ấn Độ là quốc gia lớn trên thế giới có lịch sử văn hóa truyền thống lâu đời, là nơi khởi nguồn của Hin-đu giáo. Lịch sử phát triển của Ấn Độ có những bước thăng trầm với nhiều thời kì lịch sử và các vương triều khác nhau. Để hiểu được sự phát triển của lịch sử văn hóa truyền thống Ấn Độ như thế nào? Ấn Độ đã trải qua các vương triều nào? Bài học hôm nay sẽ trả lời các câu hỏi nêu trên.

3. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Một số gợi ý:

- Bài này, SGK chia thành 3 mục kiến thức tương ứng với 3 vấn đề, có mối quan hệ tương hỗ gắn kết lẫn nhau.
- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
1. Sự phát triển của lịch sử và văn hóa truyền thống trên toàn lãnh thổ Ấn Độ - Đến thế kỉ VII, Ấn Độ lại rơi vào tình trạng chia rẽ, phân tán. Nổi lên vai trò của nước Pa-la ở vùng Đông Bắc và nước Pa-la-va ở miền Nam.	**Hoạt động 1:** (Cá nhân). *Tìm hiểu văn hoá truyền thống Ấn Độ và ảnh hưởng của nó đến các nước trong khu vực Đông Nam Á* GV: Hãy cho biết tình hình Ấn Độ sau thời kì Gúp-ta và Hác-sa? Đến thế kỉ VII, Ấn Độ lại rơi vào tình trạng chia rẽ, phân tán. Nguyên nhân là do chính quyền trung ương suy yếu. Mặt khác, trên đất nước rộng lớn và ngăn cách nhau, mỗi vùng lãnh thổ lại có những điều kiện và sắc thái của riêng mình. Đất nước lại chia thành hai miền Bắc và Nam, mỗi miền lại tách thành ba vùng, ba nước riêng, thành sáu nước. Trong đó, nước Pa-la ở vùng Đông Bắc và nước Pa-la-va ở miền Nam là có vai trò nổi trội hơn.

	- GV: Việc đất nước bị phân chia như vậy thì văn hóa phát triển như thế nào? - HS: Dựa vào vốn kiến thức của mình và SGK trả lời câu hỏi. - GV: Nhận xét, bổ sung và chốt ý:
- Về văn hóa, mỗi nước lại tiếp tục phát triển sâu rộng nền văn hóa riêng của mình trên cơ sở văn hóa truyền thống Ấn Độ - chữ viết văn học nghệ thuật Hin-đu.	- Sự phân liệt không nói lên tình trạng khủng hoảng, suy thoái. Ngược lại, nó phản ánh sự phát triển tự cường của các vùng, các địa phương. - Nước Pa-la-va ở miền Nam có vai trò tích cực trong việc phổ biến văn hóa Ấn Độ. - GV: Tại sao nước Pa-la-va đóng vai trò tích cực trong việc phổ biến văn hóa truyền thống Ấn Độ? - HS: Dựa vào SGK trả lời câu hỏi. - GV chốt ý: Pa-la-va thuận lợi về bến cảng và đường biển.
- Văn hóa Ấn Độ thế kỉ VII - XIII phát triển sâu rộng trên toàn lãnh thổ và có ảnh hưởng ra bên ngoài.	- GV: Sơ kết mục 1 và khẳng định: Văn hóa Ấn Độ thế kỉ VII- XII phát triển sâu rộng trên toàn lãnh thổ và có ảnh hưởng ra bên ngoài.
2. Vương triều Hồi giáo Đê-li - Hoàn cảnh ra đời: Do sự phân tán đã không đem lại sức mạnh thống nhất để chống lại cuộc tấn công bên ngoài của người Hồi giáo gốc Thổ.	**Hoạt động 2:** (Cá nhân). *Tìm hiểu những nét chính về Vương triều Hồi giáo Đê-li* GV: Hoàn cảnh ra đời của Vương triều Hồi giáo Đê-li? Do bị phân tán nên người Ấn Độ không chống lại được cuộc tấn công của người Hồi giáo gốc Thổ.
- Quá trình hình thành: Năm 1206 người Hồi giáo chiếm vào đất Ấn Độ, lập nên Vương quốc Hồi giáo Ấn Độ gọi tên là Đê-li.	GV: Quá trình người Thổ đánh chiếm Ấn Độ và thiết lập Vương triều Đê-li diễn ra như thế nào? - Năm 1055, người Thổ đánh chiếm Bát-đa lập nên vương quốc Hồi giáo ở vùng Lưỡng Hà. Đạo Hồi được truyền bá đến I- ran và Trung Á, lập nên vương quốc Hồi giáo nữa trên vùng giáp Tây Bắc Ấn Độ. - Người Hồi giáo gốc Trung Á tiến hành chinh chiến vào đất Ấn Độ, lập lên Vương quốc Hồi giáo Ấn Độ gọi tên là Đê-li (đóng đô ở Đê-li, phía bắc Ấn Độ) tồn tại hơn 300 năm (1206 – 1526).

	Hoạt động 3: (Hoạt động nhóm) Nhóm 1: Nêu chính sách thống trị của Vương quốc Hồi giáo Đê-li. Nhóm 2: Nêu chính sách về tôn giáo. Nhóm 3: Nêu chính sách về văn hóa. Nhóm 4: Tìm hiểu thành tựu kiến trúc.
- Chính sách thống trị: truyền bá, áp đặt Hồi giáo, tự dành cho mình quyền ưu tiên ruộng đất, địa vị trong bộ máy quan lại. - Về tôn giáo, thi hành chính sách mềm mỏng, song xuất hiện sự phân biệt tôn giáo. - Về văn hóa, văn hóa Hồi giáo được du nhập vào Ấn Độ. - Về kiến trúc, xây dựng một số công trình mang dấu ấn kiến trúc Hồi giáo, xây dựng kinh đô Đê-li trở thành "một trong những thành phố lớn nhất thế giới ở thế kỉ XIV". - Vị trí của vương triều Đê-li: + Bước đầu tạo ra sự giao lưu văn hóa Đông - Tây. + Đạo Hồi được truyền bá đến một số nước trong khu vực Đông Nam Á.	GV: Nhận xét và chốt ý: Các ông vua của Vương triều Hồi giáo Đê-li đã có những chính sách tích cực trên nhiều lĩnh vực để ổn định và phát triển đất nước. Mặc dù vậy, sự phân biệt sắc tộc và tôn giáo là những trở ngại gây nên nỗi bất bình của nhân dân. Văn hoá Hồi giáo được du nhập vào Ấn Độ, góp phần thúc đẩy sự giao lưu văn hoá. GV: Vị trí của vương triều Đê-li trong lịch sử Ấn Độ? HS dựa vào SGK để trả lời.
3. Vương triều Mô-gôn	**Hoạt động 4:** (Cả lớp và cá nhân). *Tìm hiểu những nét chính về vương triều Mô-gôn:*
- Năm 1398 thủ lĩnh - vua Ti-mua theo dòng dõi Mông Cổ tấn công Ấn Độ, đến năm 1526 lập ra Vương triều Mô-gôn.	- Trước hết GV trình bày và phân tích: Thế kỉ XV, Vương triều Hồi giáo Đê-li suy yếu. Năm 1398 thủ lĩnh - vua Ti-mua Leng có dòng dõi Mông Cổ tấn công Ấn Độ, đến năm 1526 mới chiếm được Đê-li, lập ra Vương triều Mô-gôn (gốc Mông Cổ). - GV nêu câu hỏi: Em có nhận xét gì về Vương triều Mô-gôn?

- Các ông vua đều ra sức củng cố theo hướng Ấn Độ hóa và xây dựng đất nước, đưa Ấn Độ lên bước phát triển mới dưới thời vua A-cơ-ba (1556 - 1605).	- GV gợi ý: Vương triều Mô-gôn có phải là Vương triều phong kiến cuối cùng không? Chính sách củng cố đất nước theo hướng nào? - HS đọc SGK tự trả lời câu hỏi. - GV nhận xét và chốt ý: + Vương triều Mô-gôn là thời kì cuối cùng của chế độ phong kiến Ấn Độ, song không phải đã suy thoái và tan rã. + Các ông vua đều ra sức củng cố theo hướng Ấn Độ hóa và xây dựng đất nước, đưa Ấn Độ lên bước phát triển mới dưới thời vua A-cơ-ba (1556 - 1605). - HS đọc nhanh những chính sách tích cực của vua A-cơ-ba trong SGK. - GV kết hợp giới thiệu hình 18 "Cổng lăng A-cơ-ba ở Xi-can-dra" trong SGK. - GV nêu câu hỏi: Những chính sách của vua A-cơ-ba tác động như thế nào đến sự phát triển của Ấn Độ? - HS dựa vào hiểu biết của mình và SGK trả lời câu hỏi. - GV nhận xét và chốt ý: Làm cho xã hội Ấn Độ ổn định, kinh tế phát triển, văn hóa có nhiều thành tựu mới, đất nước thịnh vượng. - GV trình bày và phân tích: Hầu hết các ông vua còn lại của vương triều đều dùng quyền chuyên chế, độc đoán để cai trị đất nước. Một số vị vua còn dùng những biện pháp đàn áp quyết liệt, hình phạt khắc nghiệt,...
- Giai đoạn cuối do những chính sách thống trị hà khắc của giai cấp thống trị, Ấn Độ lâm vào khủng hoảng. - Ấn Độ đứng trước thách thức xâm lược của thực dân phương Tây (Bồ Đào Nha và Anh).	- GV giới thiệu về hình 19 "Lăng Ta-giơ-Ma-han" trong SGK. - GV nêu câu hỏi: Hậu quả của những chính sách thống trị hà khắc đó là gì? - HS đọc SGK trả lời câu hỏi. - GV nhận xét và chốt ý: Đất nước lâm vào tình trạng chia rẽ và khủng hoảng. Sự suy yếu đó đã đặt Ấn Độ trước sự xâm lược của thực dân phương Tây (Bồ Đào Nha và Anh).

V. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. Củng cố

- GV nêu một số câu hỏi theo nội dung bài học và hướng dẫn HS tự củng cố kiến thức.

- Phát phiếu học tập dưới dạng các bài tập trắc nghiệm cho HS trả lời nhanh (nếu có thời gian).

2. Bài tập về nhà

- Ôn lại nội dung bài học dựa theo câu hỏi củng cố kiến thức cuối giờ.

- Đọc trước và tìm hiểu nội dung các kênh hình bài 8.

Chương V

ĐÔNG NAM Á THỜI PHONG KIẾN

BÀI 8. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÁC VƯƠNG QUỐC CHÍNH Ở ĐÔNG NAM Á

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

- Nắm được điều kiện hình thành và sự ra đời của các vương quốc cổ ở Đông Nam Á.

- Trình bày được sự ra đời và phát triển của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á.

2. Kĩ năng

- Rèn luyện cho HS kĩ năng khái quát hóa sự hình thành và phát triển của các quốc gia Đông Nam Á, kĩ năng lập bảng thống kê về phát triển của các quốc gia Đông Nam Á qua các thời kì lịch sử.

- Biết khai thác nội dung tranh ảnh.

3. Thái độ, tư tưởng

Giúp HS biết quá trình hình thành và phát triển không ngừng của các dân tộc trong khu vực, qua đó giáo dục các em tình đoàn kết và trân trọng những giá trị lịch sử.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Bản đồ thế giới, bản đồ Đông Nam Á, tranh ảnh về đất nước và con người Đông Nam Á thời phong kiến

- Máy vi tính kết nối máy chiếu

III. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

GV dẫn dắt: Từ những thế kỉ đầu của Công nguyên, các vương quốc cổ đầu tiên đã được hình thành ở Đông Nam Á; Các vương quốc cổ ở Đông Nam Á đã được hình thành và phát triển như thế nào? Các quốc gia phong kiến ở khu vực

này được xác lập và phát triển ra sao? Bài học hôm nay sẽ trả lời các câu hỏi nêu trên.

3. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Một số gợi ý:

- Bài này, SGK chia thành 2 mục, trọng tâm kiến thức nằm ở mục 2 "Sự hình thành và phát triển các quốc gia phong kiến ở Đông Nam Á".

- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
1. Sự ra đời của các vương quốc cổ ở Đông Nam Á	**Hoạt động 1:** (Làm việc cả lớp và cá nhân). *Tìm hiểu nét nổi bật về điều kiện tự nhiên và sự hình thành các quốc gia cổ đại Đông Nam Á* - GV: treo lược đồ các quốc gia Đông Nam Á lên bảng và yêu cầu HS chỉ trên lược đồ hiện nay khu vực gồm những nước nào. - HS lên bảng chỉ lược đồ. - GV nhận xét, giới thiệu tên và vị trí trên lược đồ 11 quốc gia hiện nay. - GV nêu câu hỏi: Nêu những nét chung về điều kiện tự nhiên của các vương quốc trong khu vực Đông Nam Á? - HS dựa vào vốn kiến thức của mình và SGK để trả lời câu hỏi.
- Đông Nam Á có điều kiện tự nhiên ưu đãi - gió mùa, thuận lợi cho sự phát triển của cây lúa nước và nhiều loại cây trồng khác.	- GV nhận xét, bổ sung: Đông Nam Á có địa hình rộng, song bị phân tán, chia cắt bởi những dãy núi và vùng nhiệt đới, nhưng thiên nhiên đã ưu đãi cho vùng này điều kiện tự nhiên thuận lợi, tạo nên hai mùa rõ rệt: mùa lạnh mát, mùa mưa tương đối nóng. Gió mùa kèm theo mưa rất thuận lợi cho sự phát triển của cây lúa nước. - GV nêu câu hỏi: Điều kiện ra đời của các vương quốc cổ ở Đông Nam Á? - HS dựa vào SGK để trả lời.

* Điều kiện ra đời các vương quốc cổ ở Đông Nam Á - Đầu Công nguyên, cư dân Đông Nam Á đã biết sử dụng đồ sắt. Nông nghiệp vẫn là ngành sản xuất chính, nghề thủ công truyền thống phát triển như dệt, làm gốm, đúc đồng và làm sắt. - Việc buôn bán đường biển rất phát đạt, một số thành thị - hải cảng đã ra đời như Óc Eo (Việt Nam), Ta-kô-la (Mã Lai),... - Do ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ. Đó chính là điều kiện ra đời các vương quốc cổ ở Đông Nam Á. * Sự hình thành các vương quốc cổ: Khoảng 10 thế kỉ sau Công nguyên hàng loạt các vương quốc nhỏ hình thành: Cham-pa ở Trung Bộ Việt Nam, Phù Nam ở hạ lưu sông Mê Công, các vương quốc ở hạ lưu sông Mê Nam và đảo In-đô-nê-xi-a. **2. Sự hình thành và phát triển của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á** - Từ thế kỉ VII đến X, ở Đông Nam Á đã hình thành một số quốc gia phong kiến dân tộc như Vương quốc Cam-pu-chia	- GV nêu câu hỏi: Về mặt văn hóa, khu vực Đông Nam Á còn bị ảnh hưởng bởi nền văn hóa nào? Ý nghĩa của sự ảnh hưởng đó? (GV có thể gợi ý về ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ đến khu vực). - HS dựa vào kiến thức đã học ở bài Ấn Độ và đọc SGK để trả lời câu hỏi. - GV nhận xét và chốt ý: Văn hóa Ấn Độ ảnh hưởng khu vực, sự ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ gắn liền với việc các nước phát triển văn hóa cổ của mình. Nổi bật mỗi nước đều sáng tạo ra chữ viết riêng. - GV kết luận: Điều kiện ra đời của các vương quốc cổ là: + Do việc sản xuất và buôn bán giữa các vùng, sự xuất hiện các trung tâm buôn bán nổi tiếng. + Do ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ với việc các nước phát triển văn hóa cổ của mình. **Hoạt động 2:** (Cả lớp) - GV trình bày trên lược đồ về tên gọi, vị trí tương đối và khoảng thời gian ra đời của các vương quốc cổ ở Đông Nam Á. - GV chuyển ý: Các vương quốc cổ Đông Nam Á lúc đó còn nhỏ bé, phân tán trên địa bàn hẹp, sống riêng rẽ và nhiều khi còn tranh chấp nhau, đó là nguyên nhân dẫn đến sự đổ vỡ, để rồi trên cơ sở đó hình thành các quốc gia phong kiến dân tộc hùng mạnh. **Hoạt động 3:** (Cả lớp và cá nhân). *Tìm hiểu sự hình thành, phát triển và suy thoái của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á* - GV: Trong khoảng thời gian từ thế kỉ VII đến X, ở Đông Nam Á đã hình thành một số quốc gia lấy một dân tộc đông và phát triển nhất làm nòng cốt, thường gọi là các quốc gia phong kiến dân tộc.

của người Khơ me, các vương quốc người Môn và người Miến ở hạ lưu sông Mê Nam, người In-đô-nê-xi-a ở đảo Xu-ma-tơ-ra và Gia-va.	- Tiếp đó, GV giới thiệu trên lược đồ Đông Nam Á tên gọi và vị trí của từng nước: Vương quốc Cam-pu-chia của người Khơ me, các vương quốc của người Môn và người Miến ở hạ lưu sông Mê Nam, người In-đô-nê-x-ia ở đảo Xu-ma-tơ-ra và Gia-va. - GV nêu câu hỏi: Các quốc gia phong kiến Đông Nam Á phát triển nhất vào thời gian nào? Đó là những nước nào? - HS dựa vào SGK trả lời câu hỏi.
- Từ khoảng nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVIII là thời kì phát triển nhất của các quốc gia Đông Nam Á: + In-đô-nê-xi-a thống nhất và phát triển hùng mạnh dưới vương triều Mô-giô-pa-hít (1213 - 1527). + Trên bán đảo Đông Dương ngoài quốc gia Đại Việt, Chăm pa, Vương quốc Cam-pu-chia từ thế kỉ IX cũng bước vào thời kì Ăng-co huy hoàng.	- GV trình bày và phân tích: + Từ khoảng nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVIII là thời kì phát triển nhất của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á. + Ở In-đô-nê-xi-a, cuối thế kỉ XVIII dòng vua Gia-va mạnh lên chinh phục được Xu-ma-tơ-ra, thống nhất đươc In-đô-nê-xi-a dưới Vương triều Mô-giô-pa-hít (1213 - 1527) hùng mạnh, bao gồm 10 nước nhỏ và đảo phụ thuộc có sản phẩm quý chỉ đứng sau Ả Rập.
+ Trên lưu vực sông I-ra-oa-đi từ giữa thế kỉ XI, mở đầu hình thành và phát triển của Vương quốc Mi-an-ma.	+ Trên lưu vực sông I-ra-oa-đi từ giữa thế kỉ XI, quốc gia Pa-gan ở miền trung chinh phục các tiểu quốc gia khác mở đầu cho sự hình thành và phát triển của Vương quốc Mi-an-ma. GV giới thiệu bức tranh hình 21 SGK "Toàn cảnh đô thị cổ Pa - gan Mianma", đồng thời tổ chức cho HS khai thác bức tranh để thấy được sự phát triển của Vương quốc này, GV nêu câu hỏi: Sự kiện nào đánh dấu mốc phát triển của lịch sử khu vực? - HS dựa vào SGK trả lời câu hỏi.
+ Thế kỉ XIV, Vương quốc Thái thành lập.	- GV nhận xét và nhấn mạnh: Thế kỉ XIII là mốc quan trọng trong quá trình phát triển của lịch sử khu vực bởi vì: Bị dồn đẩy do cuộc xâm lược của quân Mông

+ Giữa thế kỉ XIV, Vương quốc Lan Xang thành lập. - Biểu hiện sự phát triển thịnh đạt: + Kinh tế: Cung cấp một khối lượng lớn lúa gạo, sản phẩm thủ công (vải, đồ sứ, chế phẩm kim khí), sản vật thiên nhiên, nhiều. Lái buôn nhiều nước trên thế giới đến buôn bán. + Chính trị: Tổ chức bộ máy chặt chẽ, kiện toàn từ trung ương đến địa phương. + Văn hóa: Các dân tộc Đông Nam Á xây dựng được một nền văn hóa riêng của mình với những nét độc đáo.	Cổ, một bộ phận người Thái di cư xuống phía nam lập, đến thế kỉ XIV thống nhất lập vương quốc Thái. Một nhóm người Thái khác xuống trung lưu sông Mê Công (người Lào Lùm) lập nên Vương quốc Lan Xang vào giữa thế kỉ XIV. **Hoạt động 4:** (Làm việc theo nhóm). - GV nêu câu hỏi: Những biểu hiện của sự phát triển kinh tế, chính trị và văn hóa của các quốc gia cổ đại Đông Nam Á? - HS làm việc theo nhóm và cử đại diện trình bày kết quả. HS khác có thể bổ sung. - GV nhận xét và chốt ý: Từ nửa sau thế kỉ XVIII, các quốc gia Đông Nam Á bước vào giai đoạn suy thoái và đứng trước sự xâm lược của tư bản phương Tây.

IV. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. Củng cố

GV nêu một số câu hỏi và hướng dẫn HS tự củng cố kiến thức:

- Điều kiện tự nhiên của Đông Nam Á có những thuận lợi và khó khăn gì đối với sự phát triển kinh tế và lịch sử của khu vực?

- Điền vào chỗ chấm (...) với ộ số tương ứng vào lược đồ dưới đây tên của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á thế kỉ XIII - XV.

- Kể tên một số vương quốc cổ ở Đông Nam Á.

2. Bài tập về nhà

- Ôn lại nội dung bài học dựa theo câu hỏi củng cố kiến thức cuối giờ.

- Đọc trước bài 9.

BÀI 9. VƯƠNG QUỐC CAM-PU-CHIA VÀ VƯƠNG QUỐC LÀO

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

- Biết được vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên của những nước láng giềng gần gũi với Việt Nam.

- Hiểu những giai đoạn phát triển lịch sử của hai vương quốc Lào và Cam-pu-chia.

- Nhận thức được ảnh hưởng của nền văn hóa Ấn Độ và việc xây dựng nền văn hóa dân tộc của hai nước này.

2. Kĩ năng

- Kĩ năng tổng hợp, phân tích các sự kiện lịch sử về các giai đoạn phát triển của Vương quốc Lào và Cam-pu-chia.

- Kĩ năng lập bảng niên biểu các giai đoạn phát triển của hai Vương quốc Lào và Cam-pu-chia.

3. Thái độ, tư tưởng

- Bồi dưỡng HS tình cảm yêu quý, trân trọng những giá trị lịch sử truyền thống của hai dân tộc láng giềng gần gũi của Việt Nam.

- Giúp các em hiểu rõ được mối quan hệ mật thiết của ba nước từ xa xưa, từ đó giúp HS hiểu rõ việc xây dựng quan hệ láng giềng tốt, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau là cơ sở từ trong lịch sử và cần thiết cho cả ba nước, ba dân tộc trên bán đảo Đông Dương.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

- *Vương quốc:* Nước (không lớn lắm) đứng đầu là một nhà vua.

- *Mường:* Danh từ thường dùng để chỉ làng xã ở miền núi (đối với dân tộc Mường, Thái). Mường là đơn vị hành chính lớn hơn bản.

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Lược đồ Đông Nam Á, bản đồ Cam-pu-chia và Lào. Tranh ảnh về đất nước và con người của hai nước thời phong kiến.

- Máy vi tính kết nối máy chiếu

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. **Ổn định lớp học**

2. **Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới**

GV dẫn dắt: Là hai nước láng giềng gần gũi với Việt Nam, Cam-pu-chia và Lào có truyền thống lịch sử lâu đời và một nền văn hóa đặc sắc. Để tìm hiểu sự phát triển của vương quốc Cam-pu-chia và vương quốc Lào qua các thời kì lịch sử? Chúng ta cùng tìm hiểu nội dung bài 9.

3. **Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới**

Một số gợi ý:

- Bài này, SGK chia thành 2 mục kiến thức.
- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
1. Vương quốc Cam-pu-chia	**Hoạt động 1:** (Cả lớp và cá nhân). *Tìm hiểu các chặng đường lịch sử và những thành tựu văn hóa truyền thống đặc sắc của Campuchia* - GV giới thiệu trên lược đồ những nét khái quát về địa hình của Cam-pu-chia: Như một vùng chảo khổng lồ, xung quanh là vùng rừng và cao nguyên bao bọc, còn đáy là Biển Hồ và vùng phụ cận với những cánh đồng phì nhiêu, màu mỡ. GV: Người Cam-pu-chia là ai? Họ sống ở đâu?
- Ở Cam-pu-chia tộc người chủ yếu là Khơ me. - Địa bàn sinh sống ban đầu là phía bắc nước Cam-pu-chia ngày nay trên cao nguyên Cò Rạt và mạn trung lưu sông Mê Công; đến thế kỉ VI Vương quốc người Cam-pu-chia được thành lập.	+ Người Khơ me là bộ phận của cư dân cổ Đông Nam Á gọi là người Môn cổ, sống trên phạm vi rộng hầu như bao trùm hết các nước Đông Nam Á lục địa. + Ban đầu họ ở phía Bắc nước Cam-pu-chia ngày nay, trên cao nguyên Cò Rạt và mạn trung lưu sông Mê Công sau mới di cư về phía Nam. GV: Quá trình lập nước diễn ra như thế nào? - Người Khơ me giỏi săn bắn, quen đào ao, đắp hồ trữ nước. Họ sớm tiếp thu văn hóa Ấn Độ, biết khắc bia bằng chữ Phạn; đến thế kỉ VI vương quốc người Cam-pu-chia được thành lập.

- Thời kì Ăng-co (802 - 1432) là thời kì phát triển nhất của Vương quốc Cam-pu-chia, họ quần cư ở bắc Biển Hồ, kinh đô là Ăng-co được xây dựng ở Tây Bắc Biển Hồ. - Biểu hiện của sự phát triển thịnh đạt: + Về kinh tế: nông nghiệp, ngư nghiệp, thủ công nghiệp đều phát triển. + Xây dựng nhiều công trình kiến trúc lớn. + Ăng co còn chinh phục các nước láng giềng, trở thành cường quốc trong khu vưc. - Văn hóa: Sáng tạo ra những chữ viết riêng của mình trên cơ sở chữ Phạn của Ấn Độ. Văn học dân gian và văn học viết với những câu chuyện có giá trị nghệ thuật. - Kiến trúc, nổi tiếng nhất là quần thể kiến trúc Ăng co. **2. Vương quốc Lào** - Cư dân cổ chính là người Lào Thơng chủ nhân của nền văn hóa đồ đá, đồ đồng. - Đến thế kỉ XIII nhóm người nói tiếng Thái di cư đến sống hòa hợp với người Lào Thơng gọi là Lào Lùm. Tổ chức xã hội sơ khai của người Lào là các mường cổ.	**Hoạt động 2: Cá nhân** GV: Giai đoạn nào Vương quốc Cam-pu-chia phát triển thịnh đạt nhất? Những biểu hiện của sự phát triển thịnh đạt? - HS đọc SGK tự trả lời câu hỏi. - GV nhận xét, trình bày và phân tích: + Thời kì Ăng-co (802 - 1432) là thời kì phát triển nhất của Vương quốc Cam-pu-chia, họ quần cư ở bắc Biển Hồ, kinh đô là Ăng-co được xây dựng ở Tây Bắc Biển Hồ (tỉnh Xiêm Riệp ngày nay). GV chỉ trên bản đồ: Địa bàn ban đầu (thế kỉ V - VII) ở hạ lưu sông Se-mun (Nam Cò Rạt), địa bàn quần cư ở thế kỉ X - XV ở Tây Bắc Biển Hồ, kết hợp giới thiệu tranh ảnh về đất nước con người Cam-pu-chia. Chú ý đến giới thiệu Ăng-co Vát. + Biểu hiện của sự phát triển thịnh đạt: - HS đọc hai đoạn chữ nhỏ trong SGK nói về sự phát triển kinh tế và cuộc chiến tranh xâm lược của Cam-pu-chia dưới thời Ăng-co để chứng minh. GV Nêu những nét phát triển độc đáo về văn hóa của Vương quốc Cam-pu-chia? Người dân Cam-pu-chia đã xây dựng một nền văn hóa riêng hết sức độc đáo. **Hoạt động 3:** (Cả lớp và cá nhân). *Tìm hiểu các chặng đường lịch sử và những thành tựu văn hóa truyền thống đặc sắc của Lào* - Trước hết GV giới thiệu trên bản đồ về vị trí của Vương quốc Lào và những nét cơ bản về địa hình: Đất nước Lào gắn liền với con sông Mê Công, con sông vừa là nguồn thủy văn dồi dào, trục đường giao thông quan trọng của đất nước; vừa là yếu tố của sự thống nhất về mặt địa lí. Có đồng bằng ven sông tuy hẹp nhưng màu mỡ. - Tiếp theo GV trình bày và phân tích:

- Năm 1353, Pha Ngừm thống nhất các mường Lào, lên ngôi và đặt tên nước là Lan Xang (Triệu Voi). - Thời kì thịnh vượng nhất là cuối thế kỉ XVII đầu thế kỉ XVIII, dưới triều vua Xu-li-nha Vông-xa. - Những biểu hiện phát triển: + Tổ chức bộ máy chặt chẽ hơn: chia đất nước thành các mường, đặt quan cai trị, xây dựng quân đội do nhà vua chỉ huy. + Buôn bán trao đổi với cả người châu Âu. Lào còn là trung tâm phật giáo. + Giữ quan hệ hòa hiếu với Cam-pu-chia và Đại Việt, kiên quyết chống quân xâm lược Miến Điện. - *Văn hóa:* + Người Lào sáng tạo ra chữ viết riêng của mình trên cơ sở chữ viết của Cam-pu-chia và Mi-an-ma. + Đời sống văn hóa của người Lào rất phong phú, hồn nhiên. - Kiến trúc: Xây dựng một số công trình kiến trúc Phật giáo điển hình là tháp Thạt Luổng ở Viêng Chăn.	+ Người Lào Thơng từ hàng nghìn năm trước đã sáng tạo ra những chiếc chum đá khổng lồ ở cánh đồng Chum. GV có thể kết hợp giới thiệu tranh ảnh về cánh đồng Chum. + Đến thế kỉ XIII hình thành người Lào Lùm (người Lào ở thấp). Tổ chức xã hội sơ khai của người Lào là các mường cổ. - HS đọc đoạn chữ nhỏ trong SGK để thấy được cuộc sống, tổ chức xã hội sơ khai của người Lào. - GV nêu câu hỏi: Thời kì thịnh vượng của Vương quốc Lào? Những biểu hiện của sự thịnh vượng? - HS đọc SGK tự trả lời câu hỏi. - GV nhận xét, chốt ý: + Thời kì thịnh vượng nhất là cuối thế kỉ XVII đầu thế kỉ XVIII, dưới triều vua Xu-li-nha Vông-xa. Những biểu hiện phát triển: + Tổ chức bộ máy nhà nước. + Hoạt động thương mại. + Phật giáo phát triển. + Giữ quan hệ hòa hiếu với Cam-pu-chia và Đại Việt. + Đến đầu thế kỉ XVIII, Lan Xang suy yếu và bị Xiêm đánh chiếm biến thành một tỉnh, sau trở thành thuộc địa của Pháp năm 1893 **Hoạt động 4:** (Cá nhân) GV: Nêu những nét chính về văn hóa của Vương quốc Lào? - HS đọc SGK trả lời câu hỏi. - GV nhận xét và kết luận: + Người Lào sáng tạo ra chữ viết riêng. + Đời sống văn hóa của người Lào rất phong phú hồn nhiên. + Xây dựng một số công trình kiến trúc Phật giáo, điển hình là Thạt Luổng ở Viêng Chăn. GV kết hợp giới thiệu hình 24 trong SGK.

- Nền văn hóa truyền thống: Cam-pu-chia và Lào đều chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ trên các lĩnh vực chữ viết, tôn giáo, văn học, kiến trúc. Mỗi nước đều đem lồng nội dung của mình vào, xây dựng nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc.	+ Cam-pu-chia và Lào đều chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ trên các lĩnh vực chữ viết, tôn giáo, văn học, kiến trúc. Tuy nhiên, chính bản sắc dân tộc là sợi dây liên kết dân tộc và thúc đẩy cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền dân tộc.

V. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. **Củng cố**

GV hướng dẫn HS tự củng cố kiến thức.

2. **Bài tập về nhà**

- Ôn lại nội dung bài học dựa theo câu hỏi củng cố kiến thức cuối giờ.
- Đọc trước bài 10.

Chương VI

TÂY ÂU THỜI TRUNG ĐẠI

BÀI 10. THỜI KÌ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN Ở TÂY ÂU (TỪ THẾ KỈ V ĐẾN THẾ KỈ XIV)

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

- Hiểu được nguyên nhân và quá trình dẫn đến sự ra đời của các quốc gia phong kiến ở Tây Âu.

- Biết được các giai cấp và địa vị xã hội của từng giai cấp trong xã hội phong kiến Tây Âu; hiểu được thế nào là lãnh địa và đời sống kinh tế, chính trị trong lãnh địa.

- Trình bày nguyên nhân, hoạt động và vai trò của các thành thị trung đại.

2. Kĩ năng

- Rèn cho HS kĩ năng phân tích, tổng hợp đánh giá về sự ra đời của các vương quốc phong kiến Tây Âu, sự ra đời của các thành thị và vai trò của nó.

- Biết khai thác nội dung tranh ảnh trong SGK.

3. Thái độ, tư tưởng

Giáo dục cho HS thấy được bản chất của giai cấp bóc lột, tinh thần lao động của quần chúng nhân dân.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

- *Qúy tộc vũ sĩ:* Bộ phận quan trọng của đẳng cấp quý tộc ở châu Âu, lực lượng vũ trang bảo vệ chế độ phong kiến. Tầng lớp này được hưởng nhiều đặc quyền, được bao cấp nhiều ruộng đất, được coi là nghề cao quý trong xã hội.

- *Qúy tộc tăng lữ (quý tộc áo dài):* Một bộ phận của đẳng cấp quý tộc ở Pháp thế kỉ XVI - XVIII. Họ là các quan chức dân sự giàu có, quyền lợi gắn với chính quyền nhà vua nên có ý thức bảo vệ chính quyền phong kiến. Song, họ có trình độ văn hóa cao, nên một số có xu hướng tiến bộ - xu hướng tư sản hóa.

- *Lãnh địa:* Vùng đất (Tây Âu) do vua ban cấp, phong tặng cho họ hàng, quý tộc có công. Chế độ này diễn ra trong giai đoạn phong kiến phân quyền thế kỉ VIII - XV. Ruộng đất về nguyên tắc thuộc quyền sở hữu tối cao của nhà vua,

song thực tế mọi việc ở lãnh địa đều do lãnh chúa quyết định, vua không có quyền thay đổi các quyết định của lãnh chúa. Lãnh địa như một quốc gia nhỏ hoàn chỉnh. Trong lãnh địa, người nông nô bị buộc chặt vào ruộng đất và bị bóc lột nặng nề. Sự hình thành các lãnh địa là nguyên nhân của tình trạng phân quyền.

- *Lãnh chúa:* Chúa phong kiến cát cứ ở một vùng (ở Tây Âu) và biến cả khu vực hành chính cai quản thành lãnh địa riêng của mình. Lãnh chúa có toàn quyền về kinh tế, quân sự, tòa án trên lãnh địa của mình, vua không có quyền can thiệp.

- *Nông nô:* Nông dân trong lãnh địa phong kiến Tây Âu. Những đặc trưng chủ yếu của nông nô là cuộc đời và số phận bị gắn chặt vào mảnh đất của phong kiến mà họ canh tác. Họ có thể bị chúa phong kiến mua bán, chuyển nhượng kèm với thửa đất. Họ bị bóc lột bằng tô lao dịch và nhiều loại thuế nặng nề.

- *Phong kiến phân quyền* (chế độ): Chế độ phong kiến ở giai đoạn mà quyền lực trong một nước còn bị phân tán do các lãnh chúa cát cứ ở các địa phương. Nhà vua chỉ có danh chứ không có thực quyền cai trị toàn quốc.

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Bản đồ thế giới; tranh ảnh về Tây Âu thời trung đại.

- Máy vi tính kết nối máy chiếu.

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

GV dẫn dắt: Từ thế kỉ V, ở Tây Âu cũng đã dần hình thành các quốc gia phong kiến và quan hệ sản xuất phong kiến. Để hiểu quá trình hình thành và phát triển của chế độ phong kiến ở Tây Âu, chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

3. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Một số gợi ý:

- Bài này, SGK chia thành 3 mục có quan hệ tương hỗ, gắn kết với nhau.

- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
1. Sự hình thành các vương quốc phong kiến ở Tây Âu	**Hoạt động 1:** (Làm việc cá nhân) *Biết được sự suy yếu của đế quốc Rô-ma và sự xâm nhập của người Giéc-man*

- Thế kỉ III, đế quốc Rô-ma lâm vào khủng hoảng, nô lệ nổi dậy đấu tranh, sản xuất sút kém, xã hội rối ren. - Cuối thế kỉ V, đế quốc Rô-ma bị người Giéc-man xâm chiếm, năm 476 đế quốc Rô-ma bị diệt vong, thời đại phong kiến hình thành ở châu Âu.	- Trước hết GV gợi lại cho HS nhớ lại những kiến thức cơ bản của xã hội cổ đại phương Tây nhất là sự bành trướng và lớn mạnh của đế quốc Rô-ma. GV: Những biểu hiện sự khủng hoảng của đế quốc Rô-ma thế kỉ III? - GV nhấn mạnh: trong tình hình đó, cuối thế kỉ V, đế quốc Rô-ma bị người Giéc-man tràn xuống xâm chiếm. GV: Hậu quả việc người Giéc-man xâm lược đế quốc Rô-ma?
- Những việc làm của người Giéc-man: + Thủ tiêu bộ máy nhà nước cũ, thành lập nên nhiều vương quốc mới. + Chiếm ruộng đất của chủ nô Rô-ma cũ rồi chia cho nhau. + Từ bỏ các tôn giáo nguyên thủy của mình và tiếp thu Ki-tô giáo, xây dựng nhà thờ và tìm cách chiếm ruộng của nông dân. - Các giai cấp mới hình thành: lãnh chúa phong kiến, nông nô, quan hệ sản xuất phong kiến ở châu Âu bắt đầu hình thành.	**Hoạt động 2:** (Làm việc theo nhóm) - Nhiệm vụ của từng nhóm: + Nhóm 1: Khi tràn vào lãnh thổ của Rô-ma, người Giéc-man đã có những việc làm gì? + Nhóm 2: Tác động của những việc làm đó đối với xã hội phong kiến châu Âu? GV gọi đại diện các nhóm trình bày sau đó bổ sung, làm rõ thêm: - Khi tràn vào lãnh thổ Rô-ma, người Giéc-man đã thủ tiêu bộ máy nhà nước cũ, thành lập nên nhiều vương quốc mới của họ như vương quốc của người Ăng-glô Xắc- xông, Vương quốc Phơ-răng, Vương quốc Tây Gốt, Đông Gốt... - Người Giéc-man còn chiếm ruộng đất của chủ nô Rô-ma cũ rồi đem chia cho nhau, trong đó các tướng lĩnh quân sự và các quý tộc được phần nhiều hơn. Đồng thời, các thủ lĩnh bộ lạc, các quý tộc người Giéc-man cũng tự xưng vua, tự phong cho nhau các tước vị cao cấp như công tước, bá tước, nam tước, tạo nên hệ thống đẳng cấp quý tộc vũ sĩ. - Người Giéc-man cũng từ bỏ các tôn giáo nguyên thủy của mình và tiếp thu Ki - tô giáo, xây dựng nhà thờ và tìm cách chiếm ruộng của nông dân, đồng thời họ cũng được nhà vua ban ruộng đất.

	- Hình thành các giai cấp mới: Lãnh chúa phong kiến, nông nô, cùng với đó là quan hệ sản xuất phong kiến ở châu Âu được hình thành.
2. Xã hội phong kiến Tây Âu	**Hoạt động 3:** (Cả lớp). *Tìm hiểu về lãnh địa phong kiến; các quan hệ chính trong xã hội phong kiến Tây Âu*
	- GV: Đến giữa thế kỉ IX, phần lớn đất đai đã được các quý tộc và nhà thờ chia nhau chiếm đoạt xong, những vùng đất đai rộng lớn đó đã nhanh chóng bị họ biến thành khu đất của mình gọi là lãnh địa phong kiến.
- Giữa thế kỉ IX các lãnh địa phong kiến Tây Âu ra đời, đây là đơn vị chính trị, kinh tế cơ bản trong thời kì phong kiến phân quyền.	- GV giải thích khái niệm lãnh địa bằng việc kết hợp khai thác trang ảnh trong SGK " Lâu đài và thành quách kiên cố của lãnh chúa" hoặc với những tranh ảnh sưu tầm được.
	Hoạt động 4: Làm việc theo nhóm - GV chia lớp thành 4 nhóm, nêu câu hỏi cho từng nhóm như sau: + Nhóm 1: Miêu tả cuộc sống của nông nô trong các lãnh địa?
- Các giai cấp trong xã hội: + Nông nô là người sản xuất chính trong các lãnh địa. Họ bị gắn chặt và lệ thuộc vào lãnh chúa. + Lãnh chúa có cuộc sống nhàn rỗi, xa hoa, sung sướng bằng việc bóc lột tô thuế và sức lao động của nông nô. - Lãnh địa là một cơ sở kinh tế đóng kín, mang tính chất tự nhiên, tự cung, tự cấp, tự túc. - Lãnh địa là một đơn vị chính trị độc lập có quân đội, tòa án, pháp luật riêng, chế độ thuế khóa riêng, tiền tệ riêng...	+ Nhóm 2: Nêu đặc trưng kinh tế của lãnh địa? + Nhóm 3: Đời sống chính trị của các lãnh địa? + Nhóm 4: Miêu tả cuộc sống của các lãnh chúa trong lãnh địa? GV nhấn mạnh: Lãnh địa là một cơ sở kinh tế đóng kín, mang tính chất tự nhiên, tự cung, tự cấp, tự túc. - Lãnh chúa được coi là ông vua con, có quân đội, tòa án, pháp luật riêng, chế độ thuế khóa riêng, tiền tệ riêng... Lãnh chúa còn có thể buộc nhà vua ban cho mình quyền miễn trừ không can thiệp vào lãnh địa của mình. - Lãnh chúa có cuộc sống nhàn rỗi, xa hoa, sung sướng, thời bình chỉ luyện tập cung kiếm, cưỡi ngựa, dạ hội, tiệc tùng.

3. Sự xuất hiện thành thị trung đại - Nguyên nhân thành thị ra đời: + Tây Âu đã xuất hiện những tiền đề của nền kinh tế hàng hóa. + Thị trường buôn bán tự do. + Thủ công nghiệp diễn ra quá trình chuyên môn hóa. - Thợ thủ công đến ngã ba đường, bến sông nơi có đông người qua lại lập xưởng sản xuất và buôn bán hình thành các thành thị. - Vai trò thành thị: + Phá vỡ nền kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc, tạo điều kiện cho kinh tế hàng hóa phát triển. + Góp phần tích cực xóa bỏ chế độ phân quyền. Đặc biệt mang lại không khí tự do cho xã hội phong kiến Tây Âu.	**Hoạt động 5:** (Cả lớp và cá nhân). *Tìm hiểu quá trình ra đời, phát triển của thành thị trung đại Tây Âu* - GV trình bày: Từ thế kỉ XI ở Tây Âu đã xuất hiện những tiền đề của nền kinh tế hàng hóa, thị trường được mở rộng không bị đóng kín trong lãnh địa. Trong thủ công nghiệp diễn ra quá trình chuyên môn hóa mạnh mẽ như mộc, đồ da, gốm. GV: Trước sự phát triển của sản xuất, thành thị ra đời như thế nào? - HS đọc SGK tìm nội dung trả lời, HS khác có thể bổ sung. - GV nhận xét và chốt ý: Để có điều kiện thuận lợi cho sản xuất, trao đổi buôn bán, thợ thủ công đến ngã ba đường, bến sông nơi có đông người qua lại lập xưởng sản xuất và trung buôn bán hình thành các thành thị. - GV trình bày hoạt động của thành thị: Cư dân chủ yếu của thành thị là thợ thủ công và thương nhân, họ tập hợp lại với nhau trong các tổ chức gọi là phường hội hay thương hội và đặt ra những quy chế riêng (phường quy) nhằm giữ độc quyền sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của mình, đấu tranh chống áp bức sách nhiễu của các lãnh chúa. - GV giới thiệu nội dung bức tranh hình 26 trong SGK "Hội chợ ở Đức", đây là bức tranh thể hiện cảnh mua bán tại hội chợ ở Đức phản ánh sự phát triển của thương nghiệp của xã hội phong kiến Tây Âu lúc bấy giờ. GV: Nêu vai trò của thành thị? - Sự phát triển của các ngành thủ công đã phá vỡ nền kinh tế tự nhiên, tự cấp tự túc, tạo điều kiện cho kinh tế hàng hóa phát triển, góp phần tích cực xóa bỏ chế độ phân quyền.

V. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. Củng cố

GV nêu một số câu hỏi và hướng dẫn HS tự củng cố kiến thức:

- Các tầng lớp lãnh chúa và nông nô được hình thành như thế nào?

- Nguồn gốc và vai trò của thành thị trung đại?

2. Bài tập về nhà

- Ôn lại nội dung bài học dựa theo câu hỏi củng cố kiến thức cuối giờ.

- Đọc trước bài 11.

BÀI 11. TÂY ÂU THỜI HẬU KÌ TRUNG ĐẠI

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

- Biết và giải thích được nguyên nhân và các cuộc phát kiến địa lí.

- Hiểu biết được khái niệm thế nào là tích lũy vốn ban đầu, giải thích được tại sao CNTB lại nảy sinh ở châu Âu, nắm được những biểu hiện của CNTB.

- Nhận thức được nguyên nhân, thành tựu của Văn hóa Phục hưng, Cải cách tôn giáo và Chiến tranh nông dân.

2. Kĩ năng

- Kĩ năng phân tích, đánh giá sự kiện về sự ra đời của chủ CNTB, lập bảng thống kê cuộc đấu tranh trong Cải cách tôn giáo, Chiến tranh nông dân Đức.

- Kĩ năng khai thác lược đồ "Những cuộc phát kiến địa lí", khai thác tranh ảnh về những thành tựu hội họa của Văn hóa Phục hưng.

3. Thái độ, tư tưởng

Giúp các em thấy được công lao của các nhà phát kiến địa lí, trân trọng những giá trị văn hóa của nhân loại thời kì Phục hưng để lại; tinh thần đấu tranh của nhân dân lao động trong trận tuyến chống lại chế độ phong kiến.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

- *Công trường thủ công:* Đơn vị sản xuất trên cơ sở phân công lao động và kĩ thuật làm bằng tay là chủ yếu. Nó tồn tại và phát triển ở các thành thị Tây Âu, xuất hiện từ thế kỉ XV, đến cuối thế kỉ XVIII.

Kĩ thuật sản xuất ở công trường thủ công vừa bằng tay vừa bằng máy, bước đầu có sự chuyên môn hóa trong các công đoạn làm ra sản phẩm. Quan hệ sản xuất là chủ - thợ. Đây là thời kì quá độ, bước chuẩn bị cho việc chuyển sang giai đoạn sản xuất bằng máy móc của CNTB ở thời kì sau CMCN.

- *Văn hóa Phục hưng:* Phong trào do giai cấp tư sản tiến hành ở Tây Âu vào thế kỉ XIV - XVII, đề xướng văn hóa mới, chống giáo hội phong kiến, dưới danh nghĩa làm sống lại tinh thần văn hóa cổ Hy Lạp – Rô-ma và xây dựng một xã hội dựa trên nhân bản và tự do. Phong trào Văn hóa Phục hưng là cuộc đấu tranh công khai đầu tiên của giai cấp tư sản vào chế độ phong kiến, đề cao giá trị chân chính của con người, đòi quyền tự do cá nhân, coi trọng khoa học kĩ thuật.

- *Tôn giáo:*

+ Hình thái ý thức xã hội, được xây dựng trên lòng tin và sùng bái Thượng đế, thần linh.

+ Tổ chức những người cùng tín ngưỡng, cùng tin thờ một hoặc nhiều vị thần nào đó, cùng tiến hành cúng lễ theo một nghi thức, cùng chấp hành những quy định giáo lí đã được đặt ra, như đạo Phật thờ Thích ca Mầu Ni, đạo Thiên Chúa thờ chúa Giêsu, đạo Hồi thờ Thánh Ala.

- *Cựu giáo:* Tên gọi chung các giáo phái của đạo Cơ đốc không cải cách (sau thế kỉ XV - XVI).

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Bản đồ thế giới, Tranh ảnh về Tây Âu thời trung đại

- Máy vi tính kết nối máy chiếu

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

GV dẫn dắt: Ở Tây Âu thời hậu kì trung đại có bốn sự kiện lớn đi vào lịch sử của nhân loại, đó là: những cuộc phát kiến địa lí, phong trào Văn hoá Phục hưng, Cải cách tôn giáo và Chiến tranh nông dân ở Đức. Để nắm được nội dung những vấn đề này, chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.

3. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Một số gợi ý:

- Bài này, SGK chia thành 4 mục kiến thức tương ứng với 4 vấn đề của xã hội Tây Âu thời trung đại. Cả 4 mục đều có quan hệ tương hỗ, gắn kết với nhau.

- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
1. **Những cuộc phát kiến địa lí** - Nguyên nhân phát kiến địa lí: + Sản xuất phát triển dẫn đến nhu cầu về hương liệu, vàng bạc thị trường cao. + Con đường giao lưu buôn bán qua Tây Á và Địa Trung Hải bị người Ả Rập độc chiếm. + Khoa học - kĩ thuật có những bước tiến quan trọng như kĩ thuật mới trong đóng tàu, la bàn, hải đồ... - Các cuộc phát kiến địa lí lớn: + Năm 1498, B.Đi-a-xơ đã đi vòng cực Nam của lục địa Phi, đặt tên mũi Hảo Vọng. + Va-xcô đơ Ga-ma đã đến được Ca-li-cút Ấn Độ (5/1498). + Tháng 8-1492, C.Cô-lôm-bô đến được Cu Ba và một số đảo vùng Ăngti. Ông là người đầu tiên phát hiện ra châu Mĩ.	**Hoạt động 1:** (Cả lớp - cá nhân). *Tìm hiểu nguyên nhân, điều kiện dẫn tới các cuộc phát kiến địa lí cũng như hệ quả của nó. Trình bày được 4 cuộc phát kiến địa lí lớn trên lược đồ* GV: Tại sao sang thế kỉ XV con người có thể tiến hành các cuộc phát kiến địa lí? - HS đọc SGK trả lời câu hỏi, - GV nhận xét, Đồng thời nhấn mạnh trong các nguyên nhân trên thì sự tiến bộ khoa học kĩ thuật là quan trọng nhất. **Hoạt động 2:** (Cả lớp - cá nhân) - GV: Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha là những nước tiên phong trong các cuộc thám hiểm địa lí, khám phá ra những miền đất mới. - Tiếp đó GV treo lược đồ trên bảng yêu cầu HS dựa vào nội dung SGK trình bày nội dung các cuộc phát kiến địa lí. + Năm 1447, B. Đi-a-xơ là hiệp sĩ "Hoàng gia" đã đi vòng cực Nam của châu Phi, đặt tên là mũi Hảo Vọng. + Tháng 7/1497, Va-xcô đơ Ga-ma rời cảng Li-xbon đi sang phương Đông; tháng 5/1498, đã đến được Ca-li-cut Ấn Độ. + Tháng 8/1492, C. Cô-lôm-bô đã dẫn đầu đoàn thủy thủ về hướng Tây, đến được Cu Ba và một số đảo Ăng-ti C. Cô-lôm-bô là người đầu tiên phát hiện ra châu Mĩ. + Ma-gien-lan (1480 - 1521) là thực hiện chuyến đi vòng qua điểm cực Nam của Nam Mĩ, tiến vào đại dương mênh mông (ông đặt tên là Thái Bình Dương).

+ Ma-gien-lan là người đã thực hiện chuyến đi đầu tiên vòng quanh thế giới bằng đường biển (1519 - 1521).	
Hệ quả của phát kiến địa lí: + Đem lại hiểu biết mới về Trái Đất, về những con đường mới, dân tộc mới. Thị trường thế giới được mở rộng. + Thúc đẩy nhanh sự tan rã của quan hệ phong kiến và sự ra đời của CNTB. + Nảy sinh quá trình cướp bóc thuộc địa và buôn bán nô lệ.	**Hoạt động 3:** (Làm việc theo nhóm) GV: Hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí? - HS đọc SGK thảo luận, cử đại diện nhóm trình bày. HS khác bổ sung. - GV nhận xét và chốt ý.
2. Sự nảy sinh CNTB ở Tây Âu - Nguyên nhân: + Kinh tế châu Âu phát triển nhanh. Tầng lớp quý tộc, thương nhân tây Âu ra sức cướp bóc của cải, tài nguyên vàng bạc của các nước châu Mĩ, châu Phi và châu Á. + Giai cấp tư sản còn cướp đoạt ruộng đất của nông dân biến thành các đồn điền. - Biểu hiện nảy sinh CNTB: + Trong thủ công nghiệp, các công trường thủ công mọc lên thay thế phường hội hình thành quan hệ chủ với thợ.	**Hoạt động 4:** (Làm việc cá nhân) *Trình bày các hình thức kinh doanh mới và những biến đổi về xã hội ở Tây Âu* GV: Số vốn ban đầu mà quý tộc và thương nhân tích lũy do đâu mà có? - Sau các cuộc phát kiến địa lí, kinh tế châu Âu phát triển nhanh. Giai cấp tư sản tích lũy được số vốn ban đầu bằng sự cướp bóc thực dân. - GV nhấn mạnh thêm: Giai cấp tư sản thậm chí còn dùng bạo lực để tước đoạt ruộng đất của nông dân. Chẳng hạn ở Anh có phong trào "Rào đất cướp ruộng", hàng vạn gia đình nông dân mất đất, đi lang thang buộc phải làm thuê trong các xí nghiệp của giai cấp tư sản. Ngay ở thành thị, thợ thủ công cũng bị tước đoạt tư liệu sản xuất, trở thành người đi làm thuê. - GV: Biểu hiện nảy sinh CNTB? - GV chốt ý: Xã hội Tây Âu có sự biến đổi, các giai cấp mới được hình thành - giai cấp tư sản và giai cấp công nhân.

+ Ở trong nông nghiệp, các đồn điền trang trại được hình thành, người lao động biến thành công nhân nông nghiệp. + Trong thương nghiệp, các công ti thương mại lớn thay thế cho các thương hội. - Xã hội Tây Âu có sự biến đổi, các giai cấp mới được hình thành - giai cấp tư sản và giai cấp công nhân.	
3. Văn hóa phục hưng - Nguyên nhân: + Giai cấp tư sản có thế lực về kinh tế, song chưa có địa vị về xã hội tương ứng. + Những quan điểm lỗi thời của xã hội phong kiến kìm hãm sự phát triển của giai cấp tư sản. - Phong trào Văn hóa Phục hưng khôi phục tinh hoa văn hóa sáng lạn cổ đại Hi Lạp, Rô-ma, xây dựng một nền văn hóa mới đề cao giá trị chân chính của con người, đòi quyền tự do cá nhân, coi trọng khoa học – kĩ thuật. - Có những tiến bộ về khoa học - kĩ thuật, sự phát triển về văn học, hội họa. - Ý nghĩa:	**Hoạt động 5:** (Cá nhân). *Tìm hiểu hoàn cảnh ra đời, những thành tựu, nội dung và ý nghĩa của phong trào Văn hoá Phục hưng* GV: Nguyên nhân dẫn đến phong trào Văn hóa Phục hưng? - Tiếp đó GV trình bày: Giai cấp tư sản, một mặt muốn khôi phục tinh hoa văn hóa xán lạn của quốc gia cổ đại Hi Lạp - Rô-ma, mặt khác cũng góp phần xây dựng một nền văn hóa mới, đề cao giá trị chân chính của con người, đòi quyền tự do cá nhân, coi trọng khoa học kĩ thuật - nên văn hóa đó gọi là Văn hóa Phục hưng. GV: Nêu những thành tựu của Văn hóa Phục hưng? Thời đại Văn hóa Phục hưng có những tiến bộ vượt bậc của khoa học – kĩ thuật, văn học nghệ thuật và hội họa với các nhà khoa học, nhà văn, thơ, họa sĩ và những tác phẩm tiêu biểu: Ra-bơ-le vừa là nhà văn vừa là nhà y học; Đê-các-tơ vừa là nhà toán học xuất sắc vừa là nhà triết học; Lê-ô-na-đơ Vanh xi vừa là họa sĩ thiên tài vừa là kĩ sư nổi tiếng; Sếch-xpia là nhà soạn kịch vĩ đại... GV: Hãy cho biết ý nghĩa của phong trào Văn hóa Phục hưng?

+ Lên án giáo hội Ki-tô, tấn công vào trật tự phong kiến, đề cao tự do, xây dựng thế giới quan tiến bộ. + Đây là cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản chống lại chế độ phong kiến trên mặt trận văn hóa tư tưởng.	GV nhấn mạnh thực chất của phong trào Văn hóa Phục hưng là cuộc đấu tranh của giai cấp tư sản chống lại chế độ phong kiến trên mặt trận văn hóa tư tưởng. - GV giới thiệu cho HS bức tranh hình 28 trong SGK "Bức họa La Giô-công của Lê-ô-na đơ Vanh-xi".
4. Cải cách tôn giáo và chiến tranh nông dân ***a) Cải cách tôn giáo*** - Nguyên nhân: Sự phản động, ngăn cản hoạt động của Giáo hội đối với giai cấp tư sản đã dẫn đến sự bùng nổ của phong trào cải cách tôn giáo. - Nét chính về phong trào: diễn ra khắp các nước Tây Âu. Đi đầu là Đức, Thụy Sĩ, sau đó Bỉ, Hà Lan, Anh. Nổi tiếng nhất là cuộc cải cách của Lu-thơ ở Đức và của Can-vanh tại Thụy Sĩ. - Đặc điểm: + Không thủ tiêu tôn giáo, dùng những biện pháp ôn hòa để quay về giáo lí Ki-tô nguyên thủy. + Đòi thủ tiêu vai trò của Giáo hội, Giáo hoàng, đòi bãi bỏ các thủ tục và nghi lễ phiền toái.	**Hoạt động 6:** (Cả lớp - cá nhân). *Tìm hiểu nguyên nhân, diễn biến, nội dung và ý nghĩa của phong trào Cải cách tôn giáo; Trình bày được nguyên nhân, diễn biến, ý nghĩa của Chiến tranh nông dân Đức* GV: Nguyên nhân dẫn đến cải cách tôn giáo? - GV trình bày và phân tích kết hợp với việc chỉ trên bản đồ châu Âu địa điểm các nước diễn ra phong trào Cải cách tôn giáo: Phong trào cải cách tôn giáo diễn ra khắp các nước Tây Âu. Đi đầu là Đức, Thụy Sĩ sau đó Bỉ, Hà Lan, Anh. Nổi tiếng nhất là cuộc cải cách của Lu-Thơ và Can-vanh. - GV kết hợp với việc giới thiệu tranh ảnh về hai nhà cải cách tôn giáo Lu-thơ và Can-vanh. GV: Đặc điểm của cải cách tôn giáo? - HS đọc SGK trả lời câu hỏi. HS khác bổ sung cho bạn. - GV nhận xét và chốt ý: Cải cách được nhân dân ủng hộ, nhưng Giáo hội lại phản ứng mạnh mẽ, dẫn đến sự phân hóa trong xã hội Tây Âu thành hai phe: Tân giáo và Cựu giáo (Ki-tô giáo). GV: Ý nghĩa của Cải cách tôn giáo và phong trào Văn hóa Phục hưng? - HS dựa vào vốn hiểu biết của mình qua nội dung đã học và SGK trả lời. - GV nhận xét, bổ sung và chốt ý:

- Ý nghĩa: + Là cuộc đấu tranh công khai đầu tiên trên lĩnh vực văn hóa tư tưởng của giai cấp tư sản chống lại chế độ phong kiến. + Cổ vũ và mở đường cho nền văn hóa châu Âu phát triển cao hơn.	
b. Chiến tranh nông dân Đức - Nguyên nhân: + Chế độ phong kiến bảo thủ cản trở sự vươn lên của giai cấp tư sản. + Nông dân bị áp bức bóc lột nặng nề, do tiếp thu tư tưởng cải cách tôn giáo.	GV: Tại sao lại diễn ra cuộc chiến tranh nông dân Đức? Sau cải cách tôn giáo, nền kinh tế Đức thấp kém, chậm phát triển trong cả nông nghiệp, công nghiệp và thương nghiệp, chế độ phong kiến bảo thủ cản trở sự vươn lên của giai cấp tư sản. Nông dân bị áp bức bóc lột nặng nề, do tiếp thu tư tưởng cải cách tôn giáo.
- Diễn biến: + Từ mùa xuân 1524, cuộc đấu tranh đã có tính chất quyết liệt, mở đầu cho cuộc chiến tranh nông dân thực sự. Lãnh tụ kiệt xuất của phong trào là Tô-mát Muyn-xe. + Phong trào nông dân đã giành thắng lợi bước đầu, đã đi đến đòi thủ tiêu chế độ phong kiến.	- Tiếp theo GV trình bày và phân tích diễn biến cuộc Chiến tranh nông dân ở Đức. - GV khai thác ảnh Tô-mát Muyn-xe kết hợp với việc giới thiệu về tiểu sử và những đóng góp của ông. Trước sự phát triển của phong trào, giới quý tộc phong kiến và tăng lữ Đức đã dụng mọi thủ đoạn, dốc mọi lực lượng đàn áp. Phong trào nông dân bị thất bại.
- Ý nghĩa: + Là một sự kiện lịch sử lớn lao, có biểu hiện tinh thần đấu tranh quyết liệt và khí phách anh hùng của nông dân Đức đấu tranh chống lại giáo hội phong kiến. + Báo hiệu sự khủng hoảng suy vong của chế độ phong kiến.	GV: Nêu ý nghĩa của Chiến tranh nông dân Đức? Là một sự kiện lịch sử lớn lao, có biểu hiện tinh thần đấu tranh quyết liệt và khí phách anh hùng của nông dân Đức đấu tranh chống lại giáo hội phong kiến. Nó cũng báo hiệu sự khủng hoảng, suy vong của chế độ phong kiến.

V. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. Củng cố

GV nêu một số câu hỏi và hướng dẫn HS tự củng cố kiến thức.

2. Bài tập về nhà

- Ôn lại nội dung bài học dựa theo câu hỏi củng cố kiến thức cuối giờ.

- Đọc trước bài 12.

BÀI 12. ÔN TẬP LỊCH SỬ THẾ GIỚI THỜI NGUYÊN THUỶ, CỔ ĐẠI VÀ TRUNG ĐẠI

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

- Hiểu rõ nội dung cơ bản của 3 thời kì lịch sử nguyên thuỷ, cổ đại và trung đại

- Quy luật phát triển của lịch sử là sự vận động không ngừng từ thấp đến cao, trong đó, mỗi sự chuyển biến đều không tách rời những điều kiện tự nhiên và bước tiến mới của nền kinh tế, của sản xuất

- Biết rõ những thành tựu văn minh của loài người trên từng chặng đường lịch sử và ý nghĩa của nó đối với đời sống con người

2. Kĩ năng

- Kĩ năng khái quát hoá, hệ thống hoá các sự kiện lịch sử

- Kĩ năng lập bảng so sánh các thời kì (các chế độ xã hội) trong lịch sử

- Kĩ năng làm bài tập lịch sử dưới dạng câu hỏi trắc nghiệm

3. Thái độ, tư tưởng

- Trên cơ sở hiểu được những thành quả lao động sáng tạo của loài người, HS có thái độ tôn trọng lao động, có ý thức chăm chỉ học tập và không ngừng sáng tạo, hiểu được trách nhiệm của bản thân trong công cuộc xây dựng quê hương đất nước hiện nay.

- Trên cơ sở nắm được quy luật phát triển của lịch sử từ thấp đến cao, HS tin tưởng vào con đường mà dân tộc ta đang đi, con đường CNXH, là hoàn toàn hợp quy luật

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

Ôn tập củng cố các khái niệm đã học

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

Máy vi tính kết nối máy chiếu

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

GV nêu vấn đề:

- Nội dung cơ bản của 3 thời kì lịch sử: nguyên thuỷ, cổ đại, trung đại là gì? Qua đó, hãy rút ra quy luật phát triển của xã hội loài người.

- Do đâu mà loài người đã đạt được những thành tựu văn minh rực rỡ trên từng chặng đường lịch sử?

3. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Một số gợi ý:

- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Hoạt động 1:

Hệ thống hoá những sự kiện tiêu biểu của lịch sử thế giới thời nguyên thuỷ, cổ đại, trung đại. Những biểu hiện phát triển của các nước phương Đông và phương Tây tiêu biểu

GV hướng dẫn HS lập bảng so sánh 3 thời kì lịch sử theo từng cặp (làm ra giấy nháp) trong 10 phút, sau đó tổ chức cho HS thảo luận và kết luận. Nội dung cụ thể như sau:

Nội dung		Thời nguyên thuỷ	Thời cổ đại		Thời trung đại	
			Phương Đông	Phương Tây	Phương Đông	Phương Tây
Thời gian		4 triệu năm cách ngày nay	5.500 năm TCN	2000 năm TCN	Từ TK III TCN – XIX	Từ TK V – XVI
Kinh tế	Công cụ	Đá	Đồng và sắt	Đồng và sắt	Sắt	Sắt
	Phương thức	- Hái lượm, săn bắt → săn bắn, hái lượm → trồng trọt, chăn nuôi.	- Nông nghiệp.	Thủ công nghiệp và thương nghiệp.	Nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp.	Nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp.
Xã hội		Công xã nguyên thuỷ + Công bằng, bình đẳng + Không có giai cấp	Xã hội có giai cấp: + Quý tộc + Nông dân công xã	Chế độ chiếm hữu nô lệ: + Chủ nô + Nô lệ	Hai giai cấp chính: + Địa chủ + Nông dân	Hai giai cấp chính + Lãnh chúa. + Nông nô.
Chính trị		Không có nhà nước - Bầy người nguyên thuỷ - Thị tộc, bộ lạc Dân chủ nguyên thuỷ	Nhà nước chuyên chế	Nhà nước dân chủ cổ đại	Nhà nước phong kiến tập quyền	Nhà nước phong kiến phân quyền.

Hoạt động 2: *So sánh tình hình kinh tế, chính trị, xã hội của các quốc gia cổ đại phương Tây với phương Đông. Giải thích sao lại có sự khác biệt đó?*

Tiêu chí so sánh	Phương Đông	Phương Tây
Các quốc gia		
Thời gian ra đời		
Kinh tế		
Chính trị		
Xã hội		

V. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. Củng cố

GV hướng dẫn HS tự củng cố kiến thức đã học

2. Bài tập về nhà

- Ôn lại nội dung bài học dựa theo câu hỏi củng cố kiến thức cuối giờ.
- Đọc trước bài 13.

Phần hai
LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NGUỒN GỐC ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX

Chương I

VIỆT NAM TỪ THỜI NGUYÊN THUỶ ĐẾN THẾ KỈ X

BÀI 13. VIỆT NAM THỜI NGUYÊN THUỶ

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

- HIểu rõ Việt Nam là một trong những quê hương của loài người.

- Biết được những nét chủ yếu của mỗi giai đoạn phát triển về công cụ lao động, hoạt động kinh tế, tổ chức xã hội, đời sống vật chất và tinh thần.

2. Kĩ năng

- Kĩ năng đọc bản đồ lịch sử: xác định các di tích văn hoá khảo cổ trên bản đồ.

- Kĩ năng so sánh các giai đoạn lịch sử để rút ra những biểu hiện của sự chuyển biến về kinh tế, xã hội… của Việt Nam thời nguyên thuỷ.

- Kĩ năng quan sát hình ảnh các hiện vật ở bài học và rút ra nhận xét.

3. Thái độ, tư tưởng

- Yêu quê hương đất nước, tự hào về lịch sử lâu đời của dân tộc.

- Khâm phục tinh thần lao động và sáng tạo của tổ tiên.

- Ý thức được vị trí của lao động và trách nhiệm của bản thân trong xây dựng quê hương đất nước.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

HS củng cố lại các khái niệm đã học ở lịch sử thế giới: Người tối cổ, bầy người nguyên thuỷ, Người tinh khôn, công xã thị tộc, đá cũ, cách mạng đá mới…

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Bản đồ Việt Nam, bản đồ các di chỉ khảo cổ học …

- Một số tranh ảnh về cuộc sống người nguyên thuỷ hay những hình ảnh về công cụ của người Núi Đọ, Sơn Vi, Hoà Bình…

- Máy vi tính kết nối máy chiếu.

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

GV nêu vấn đề: Khi học phần lịch sử thế giới nguyên thuỷ, chúng ta đã khẳng định: thời kì nguyên thuỷ là thời kì đầu tiên, kéo dài nhất mà dân tộc nào, đất nước nào cũng phải trải qua. Đất nước Việt Nam của chúng ta cũng như nhiều nước khác, đã trải qua thời kì nguyên thuỷ. Bài học hôm nay sẽ giúp ta tìm hiểu về thời kì nguyên thuỷ trên đất nước Việt Nam.

3. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Một số gợi ý:

- Bài này, SGK chia thành 3 mục kiến thức tương ứng với 3 vấn đề từ khi người nguyên thuỷ xuất hiện trên đất nước ta cho tới các nền văn hoá sơ khai như: Phùng Nguyên, Sa Huỳnh, Đồng Nai... Cả 3 mục đều có quan hệ tương hỗ, gắn kết với nhau.

- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
1. Những dấu tích Người tối cổ ở Việt Nam	**Hoạt động 1:** (Trao đổi, đàm thoại). *Tìm hiểu những dấu tích của Người tối cổ trên đất nước ta.* GV nêu câu hỏi: 1. Trình bày những hiểu biết của em về Người tối cổ? 2. Theo sự hiểu biết của em, ở Việt Nam đã tìm thấy dấu tích gì của Người tối cổ?
- Khảo cổ học đã tìm thấy dấu tích Người vượn cổ có niên đại cách đây 40 - 30 vạn năm ở Lạng Sơn, Thanh Hoá, Đồng	GV nhận xét câu trả lời của HS và chốt ý: Các nhà khảo cổ đã tìm ra các dấu vết người vượn cư ngụ tại hang Thẩm Hai, Thẩm Khuyên

Nai, Bình Phước… - Người tối cổ sống thành từng bầy, săn bắt thú và hái lượm để sống	(Lạng Sơn), Núi Đọ (Thanh Hóa) và một số điểm khác có niên đại cách đây 30 - 40 vạn năm. Thời kì này mực nước biển thấp hơn, và Việt Nam khi đó nối liền với bán đảo Ma-lay-si-a, đảo Java, Su-ma-tra và Ka-li-man-tan của In-đô-nê-xi-a, với khí hậu ẩm và mát hơn bây giờ. Người Việt cổ khai thác đá gốc (ba-dan) ở sườn núi, ghè đẽo thô sơ một mặt, tạo nên những công cụ mũi nhọn, rìa lưỡi dọc, rìa lưỡi ngang, nạo... bỏ lại nơi chế tác những mảnh đá vỡ (mảnh tước). Những di tích ở núi Đọ được coi là bằng chứng cổ xưa nhất về sự có mặt của con người tại vùng đất Việt, khi tổ chức xã hội loài người chưa hình thành.
2. Sự hình thành và phát triển của công xã thị tộc	**Hoạt động 2**: (Thảo luận nhóm). *Tìm hiểu sự hình thành và phát triển của công xã thị tộc qua các giai đoạn từ Sơn Vi đến Hoà Bình.* GV: Tổ chức HS thành 4 nhóm, lập bảng so sánh các giai đoạn phát triển của thời nguyên thuỷ ở Việt Nam Các nhóm làm việc trong 3 phút, trình bày và nhận xét bổ sung cho nhau. Sau đó GV chốt lại theo bảng sau:

Giai đoạn	Sơn Vi	Hoà Bình - Bắc Sơn	Cách mạng "đá mới"
Thời gian	*Cách ngày nay 2 vạn năm*	*Cách ngày nay 12.000 - 6.000*	*Cách ngày nay 6.000 - 5.000 năm*
Công cụ	*Ghè đẽo thô sơ*	*Ghè 1 mặt, 2 mặt + Mài* *Đồ gốm bằng tay*	*khoan, cưa, đục* *Đồ gốm bằng bàn xoay*
Phương thức sống	*Săn bắt, hái lượm*	*Săn bắn, hái lượm* *Nông nghiệp sơ khai*	*Nông nghiệp trồng lúa* *Trao đổi sản phẩm*
Nơi cư trú	*Hang động, mái đá*	*Hang động, mái đá* *Bắt đầu định cư*	*Định cư ven sông*
Tổ chức xã hội	*Thị tộc hình thành*	*Thị tộc phát triển* *Bộ lạc*	*Bộ lạc*
Địa bàn cư trú	*Sơn La → Quảng Trị*	*Mở rộng hơn*	*Mở rộng hơn*

3. Sự ra đời của thuật luyện kim và nghề nông trồng lúa nước - Thời gian: Cách ngày nay 4.000 - 3.000 năm - Cơ sở: Kĩ thuật chế tác đá và làm gốm phát triển - Các nền văn hoá tiêu biểu: - Ý nghĩa: tiền đề cho sự chuyển biến mạnh mẽ từ xã hội nguyên thuỷ sang thời đại mới	**Hoạt động 3:** (Cả lớp - cá nhân). *Tìm hiểu ý nghĩa ra đời của thuật luyện kim và hiểu biết được những đặc điểm chính về cuộc sống của các bộ lạc Phùng Nguyên, Sa Huỳnh, Đồng Nai* GV hướng dẫn HS đọc sách giáo khoa để thấy rõ: thời gian ra đời, cơ sở và các nền văn hoá tiêu biểu trong giai đoạn này GV hướng dẫn HS điền vào bảng dưới:

Nền văn hoá	Phùng Nguyên	Sa Huỳnh	Đồng Nai
Địa bàn cư trú	*Miền Bắc và Bắc Trung Bộ*	*Nam Trung Bộ*	*Đông Nam Bộ*
Công cụ lao động	*Chủ yếu bằng đá, một ít công cụ đồng*	*Chủ yếu công cụ đá. Xuất hiện đồ sắt*	*Chủ yếu công cụ đá, xuất hiện đồ đồng*
Hoạt động kinh tế	*Trồng trọt, chăn nuôi, dệt vải, làm gốm bằng bàn xoay*	*Nông nghiệp trồng lúa, làm gốm, làm đồ trang sức*	*Nghề nông trồng lúa nước, thủ công Khai thác sản vật rừng, săn bắn*

V. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. Củng cố

GV nêu một số câu hỏi và hướng dẫn HS tự củng cố kiến thức:

Lập bảng thống kê những điểm chính về cuộc sống của các bộ lạc Phùng Nguyên, Sa Huỳnh, Đồng Nai theo các nội dung: địa bàn cư trú, công cụ lao động, hoạt động kinh tế.

2. Bài tập về nhà

- Ôn lại nội dung bài học dựa theo câu hỏi củng cố kiến thức cuối giờ.
- Đọc trước bài 14.

BÀI 14. CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

- Nắm được từ thời cổ đại, trên lãnh thổ Việt Nam đã sớm xuất hiện các quốc gia với những nền văn hoá tiêu biểu, đặc sắc.

- Biết được về thể chế chính trị, tình hình kinh tế, văn hoá của các quốc gia cổ đại trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Kĩ năng

- Phân tích, giải thích, đánh giá các sự kiện lịch sử trong mối quan hệ giữa không gian, thời gian và xã hội.

- So sánh các sự kiện lịch sử cùng loại.

3. Thái độ, tư tưởng

Bồi dưỡng tinh thần lao động sáng tạo, ý thức về cội nguồn dân tộc, lòng yêu quê hương đất nước và ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

- *Văn Lang* là nhà nước đầu tiên của Việt Nam trong lịch sử. Nhà nước Văn Lang được cai trị bởi các vua Hùng.

- *Âu Lạc* là nhà nước thứ hai của người Việt kế tiếp sau thời kì nhà nước Văn Lang của các vua Hùng. Kinh đô của Âu Lạc đặt tại Cổ Loa, ngày nay thuộc huyện Đông Anh - Hà Nội.

- Vương quốc *Chăm Pa* (tiếng Chăm: *Campapura* hay *Nagara Campa*), là một quốc gia độc lập, tồn tại liên tục qua các thời kì từ năm 192 đến năm 1832 qua các tên gọi *Lâm Ấp, Hoàn Vương, Chiêm Thành* và cuối cùng là *Panduranga-Chăm Pa* trên phần đất nay thuộc miền Trung Việt Nam. Cương vực của Chăm Pa lúc mở rộng nhất trải dài từ dãy núi Hoành Sơn ở phía Bắc cho đến Bình Thuận ở phía Nam và từ biển Đông cho đến tận miền núi phía Tây của nước Lào ngày nay.

- *Phù Nam* là tên phiên âm Hán-Việt của một quốc gia cổ trong lịch sử Đông Nam Á, xuất hiện khoảng đầu Công nguyên, ở khu vực hạ lưu và châu thổ sông Mê Công. Quốc gia này tồn tại cho đến khoảng nửa thế kỉ VII (sau năm 627) thì bị sáp nhập vào lãnh thổ của Chân Lạp. Mãi đến thế kỉ XVII – XVIII, phần lãnh

thổ xưa kia được coi là trung tâm của Phù Nam, tách khỏi Chân Lạp để trở thành một bộ phận của lãnh thổ Việt Nam, tức Nam Bộ ngày nay.

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Bản đồ các quốc gia cổ đại trên đất nước Việt Nam

- Tranh ảnh về trống đồng Đông Sơn, thành Cổ Loa, tháp Chăm, tượng Chăm, điệu múa Chăm.

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

GV nêu vấn đề: Với sự ra đời và phát triển mạnh mẽ của thuật luyện kim và nghề nông trồng lúa nước, lịch sử Việt Nam bước sang trang mới, từ thời đại nguyên thuỷ mông muội tiến lên thời đại dựng nước văn minh với sự xuất hiện của 3 quốc gia cổ đại trên phạm vi lãnh thổ nước ta ngày nay. Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu về 3 quốc gia đó.

3. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Một số gợi ý:

- Bài này, SGK chia thành 3 mục kiến thức tương ứng với 3 quốc gia cổ đại trên đất nước ta: Văn Lang - Âu Lạc, Champa, Phù Nam

- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
1. Quốc gia Văn Lang - Âu Lạc - TK VII TCN, vua Hùng lập nước Văn Lang. - TK III TCN, sau thắng lợi kháng chiến chống Tần, Thục Phán An Dương Vương lập nước Âu Lạc, đóng đô ở Cổ Loa. - Cơ sở hình thành:	**Hoạt động 1.** (Cả lớp - cá nhân). *Hiểu rõ được vị trí địa lí các quốc gia cổ đại trên đất nước ta* GV nêu câu hỏi: Trên lãnh thổ Việt Nam thời cổ đại đã xuất hiện những quốc gia nào? HS dựa vào SGK để trả lời. GV dùng bản đồ xác định vị trí địa lí các quốc gia.
+ Nhờ công cụ kim khí, KT nông nghiệp trồng lúa nước phát triển.	**Hoạt động 2.** (Trao đổi - đàm thoại). *Hiểu rõ được nét chính quá trình hình thành quốc gia Văn Lang - Âu Lạc; tình hình kinh tế xã hội*

+ Xã hội phân hoá, ngày càng phức tạp. + Nhu cầu đoàn kết chống ngoại xâm. - Tổ chức bộ máy nhà nước: Đơn giản, sơ khai. - Đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ + Ăn: cơm, rau, cá + Mặc: nữ mặc váy, áo; nam đóng khố + Ở: Nhà sàn + Sùng bái thần linh, thờ cúng tổ tiên, nhiều tập quán phong phú: ăn trầu, nhuộm răng, xăm mình → Đời sống phong phú, hoà nhập với tự nhiên	GV: Trình bày những cơ sở hình thành của nhà nước Văn Lang - Âu Lạc? GV phân tích, minh hoạ bằng các câu chuyện: Sơn Tinh - Thuỷ Tinh, Chử Đồng Tử - Tiên Dung, Thánh Gióng. GV: So sánh bộ máy nhà nước của quốc gia Văn Lang và Âu Lạc? HS trả lời. GV khai thác nội dung hình 31 trong SGK và mở rộng: Khu di tích Cổ Loa thuộc huyện Đông Anh - Hà Nội. Đây là kinh đô của nước Âu Lạc thời An Dương Vương. Hình 31 trong SGK là ảnh chụp một đoạn thành ngoại của khu di tích Cổ Loa. GV: Em biết gì về đời sống vật chất và tinh thần của người Việt cổ? Nêu nhận xét. HS dựa vào SGK để trả lời.
2. Quốc gia cổ Chăm-pa - Địa bàn: Nam Trung Bộ - Cơ sở hình thành: + Văn hoá Sa Huỳnh + Khu Liên khởi nghĩa giành độc lập, lập quốc gia Lâm Ấp (192) + VI, hợp nhất các bộ tộc và gây chiến tranh mở rộng lãnh	**Hoạt động 3.** (GV thuyết trình + phát vấn HS). *Hiểu rõ được những nét khái quát về tình hình kinh tế, văn hoá, xã hội của quốc gia Chăm-pa* GV dùng lược đồ Giao Châu và Chăm-pa thế kỉ VI đến X để xác định địa bàn Chăm-pa: Được hình thành trên cơ sở văn hoá Sa Huỳnh (Quảng Ngãi) gồm khu vực đồng bằng ven biển miền Trung bộ và Nam Trung Bộ. Vào cuối thế kỉ II nhân lúc tình hình Trung Quốc rối loạn Khu Liên đã hô hào nhân dân Tượng

thổ, đổi tên nước Chăm-pa, định đô ở Vigiaya (Trà Bàn, Bình Định) - Kinh tế: Chủ yếu nông nghiệp trồng lúa nước; các nghề thủ công phát triển - Chính trị: Quân chủ chuyên chế - Xã hội: Phân hoá xã hội không sâu sắc - Văn hoá: + Chữ Chăm + Tôn giáo: Bàlamôn và đạo Phật + Tháp Chăm + Phong tục độc đáo: ăn trầu, hoả táng	Lâm nổi dậy giành chính quyền tự chủ sau đó Khu Liên tự lập làm vua, đặt tên là nước Lâm Ấp, lãnh thổ ngày càng mở rộng, phía bắc đến Hoành Sơn - Quảng Bình, phía nam Bình Thuận - Phan Rang. Thế kỉ VI đổi tên thành Chăm-pa. GV nêu câu hỏi: Trình bày hoạt động kinh tế, chính trị - xã hội, văn hoá của quốc gia Chăm-pa cổ. So sánh với quốc gia Văn Lang - Âu Lạc. GV cùng HS khai thác nội dung kênh hình 32: Thánh địa Mĩ Sơn thuộc xã Duy Phú, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, cách thành phố Đà Nẵng khoảng 69 km. Đây là tổ hợp bao gồm nhiều đền đài Chămpa, trong một thung lũng có đường kính khoảng 2km bao quanh bởi núi đồi có độ cao từ 120 đến 350m, tách biệt hẳn với vùng dân cư ở cách đó khá xa. Đó là nơi tổ chức cúng tế của các vương triều Chăm-pa cũng như là nơi để lăng mộ của các vị vua Chăm hay hoàng thân quốc thích. Theo các tài liệu lịch sử, Mĩ Sơn từng là Thánh đô, là trung tâm tôn giáo quan trọng và tiêu biểu nhất của vương quốc Chămpa từ thế kỉ IV đến thế kỉ XV. Tương truyền, cứ mỗi vị vua Chăm lên ngôi đều phải đến Mĩ Sơn làm lễ thánh tẩy và dâng cúng một ngôi tháp thờ thần bổn mạng của mình. Thung lũng Mĩ Sơn trở thành thánh địa với quần thể 71 ngôi đền tháp hài hoà mà độc đáo, thể hiện đầy đủ những nét đặc trưng nhất về sinh hoạt văn hoá, đời sống và tín ngưỡng của người Chăm-pa xưa. Hàng ngàn bức phù điêu, tượng đá, bia đá…là sự kết tinh của nghệ thuật điêu khắc, kiến trúc độc đáo riêng biệt của người nghệ nhân Chăm tài năng.
3. Quốc gia cổ Phù Nam - Địa bàn: Nam Bộ - Cơ sở: Văn hoá Óc Eo	**Hoạt động 4:** (GV thuyết trình + phát vấn HS). *Hiểu được những nét khái quát về tình hình kinh tế, xã hội, văn hoá của quốc gia Phù Nam*

(An Giang). - Thế kỉ I: Hình thành quốc gia Phù Nam. - Thế kỉ III - V: Phát triển cường thịnh. - Thế kỉ VI: Suy yếu và diệt vong. - Kinh tế: nông nghiệp trồng lúa nước, buôn bán đường biển rất phát đạt. - Chính trị: quân chủ chuyên chế. - Văn hoá: + Tôn giáo: Bàlamôn và đạo Phật. + Phong tục: Ở nhà sàn.	GV trình bày những nét khái quát về quốc gia cổ Phù Nam. GV: Nêu hoạt động kinh tế, chính trị - xã hội, văn hoá của quốc gia cổ Phù Nam. So sánh với quốc gia Văn Lang - Âu Lạc

V. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. **Củng cố**

GV nêu một số câu hỏi và hướng dẫn HS tự củng cố kiến thức:

1. Tóm tắt quá trình hình thành quốc gia Văn Lang - Âu Lạc?

2. Những nét chính về tình hình kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội của quốc gia Chăm-pa và Phù Nam?

2. **Bài tập về nhà**

- Ôn lại nội dung bài học dựa theo câu hỏi củng cố kiến thức cuối giờ.
- Đọc trước bài 15.

BÀI 15. THỜI BẮC THUỘC VÀ CÁC CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC (TỪ THẾ KỈ II TCN ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ X)

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. **Kiến thức**

- Biết được những nét chính về chính sách cai trị tàn bạo, thâm độc của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nước ta, từ đó, lí giải được tại sao nhân dân ta liên tục nổi dậy đấu tranh chống ách đô hộ giành độc lập.

- Những chuyển biến về kinh tế, văn hoá và xã hội của nước ta trong thời kì Bắc thuộc.

2. Kĩ năng

- Phân tích, đánh giá các sự kiện lịch sử theo quan điểm phát triển

- Giải thích, chứng minh các hiện tượng lịch sử: đồng hoá, chống đồng hoá…

3. Thái độ, tư tưởng

- Lòng căm thù bè lũ cướp nước và bán nước.

- Tôn trọng những thành quả tổ tiên để lại trong công cuộc xây dựng và phát triển đời sống, bảo vệ bản sắc văn hoá dân tộc. Từ đó, có ý thức sâu sắc trong việc gìn giữ bản sắc văn hoá dân tộc trong giai đoạn hội nhập quốc tế hiện nay.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

- *Bắc thuộc:* Chỉ thời kì Việt Nam bị đặt dưới quyền cai trị của các triều đại phong kiến Trung Quốc trong hơn một nghìn năm từ khi Triệu Đà thôn tính nước Âu Lạc của An Dương Vương (179 TCN) cho đến chiến thắng Bạch Đằng năm 938.

- *Đồng hoá:* Chính sách của bọn thống trị nước ngoài nhằm làm mất các đặc điểm truyền thống của một dân tộc, một tộc người, bắt dân tộc đó sinh hoạt theo kiểu của đất nước đô hộ, để cho chúng dễ bề cai trị. Thời Bắc thuộc, các chính quyền đô hộ phong kiến phương Bắc đều thực hiện chính sách đồng hoá nhân dân ta nhưng thất bại.

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Một số liệu về sự bóc lột, vơ vét của các triều đại phương Bắc đối với nước ta.

- Tư liệu về chính sách đồng hoá và cuộc đấu tranh chống đồng hoá, phát triển nền văn hoá dân tộc của nhân dân ta.

- Máy vi tính kết nối máy chiếu.

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

GV giới thiệu:

Trong 1000 năm đô hộ, các triều đại phong kiến phương Bắc kế tiếp nhau cai trị nước ta, thực hiện những chính sách cai trị cực kì thâm độc và tàn bạo;

nhưng chính trong lò lửa đó, sức sống của dân tộc ta đã được tôi luyện và trở nên mãnh liệt hơn bao giờ hết.

3. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Một số gợi ý:

- Bài này, SGK chia thành 2 mục kiến thức tương ứng với 3 vấn đề về chế độ cai trị của các triều đại phong kiến Trung Quốc và sự chuyển biến về kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước ta trong hơn 1000 năm Bắc thuộc. Cả 2 mục đều có quan hệ tương hỗ, gắn kết với nhau.

- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
1. Chế độ chính trị - Chính trị: + Sát nhập nước ta vào lãnh thổ Trung Quốc, đặt thành quận, châu, cắt đặt người Hán cai trị. + Vừa mua chuộc dụ dỗ, vừa đàn áp nhân dân ta	**Hoạt động 1** (Cả lớp - cá nhân). *Trình bày được chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc. Giải thích được mục đích của các chính sách đó* GV nêu câu hỏi: - Các triều đại phong kiến phương Bắc đã thực hiện những chính sách cai trị gì ở nước ta? - Âm mưu của chúng khi thi hành các chính sách cai trị đó là gì? HS trao đổi, thảo luận và cử đại diện trình bày. GV nhận xét và chốt ý: Triệu Đà sau khi diệt Âu Lạc chia làm 2 quận Giao Chỉ và Cửu Chân. Năm 111 TCN, nhà Hán diệt nhà Triệu, chiếm được Nam Việt và chia làm chín quận là Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm, Châu Nhai, Đạm Nhĩ, Hợp Phố, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam có trị sở tại Long Biên. GV: Em hiểu thế nào là Chính sách đồng hoá? Các triều đại phong kiến phương Bắc đã làm gì để thực hiện chính sách này? GV sử dụng tư liệu về chính sách đồng hoá để giúp HS nhận thức rõ hơn vấn đề này. → Hình thành khái niệm đồng hoá dân tộc

- Kinh tế: bóc lột nặng nề, vơ vét tàn bạo - Văn hoá xã hội: thực hiện triệt để chính sách đồng hoá tàn bạo, thâm độc, xảo quyệt.	GV: Âm mưu của chúng khi thi hành các chính sách cai trị đó là gì? Thủ tiêu hoàn toàn phong trào đấu tranh của nhân dân ta tiến tới xoá bỏ hoàn toàn dân tộc ta, đất nước ta. GV mở rộng: Rất nhiều dân tộc Bách Việt cùng chung số phận với dân tộc đã bị đồng hoá và trở thành một bộ phận của Trung Quốc, chỉ riêng dân tộc ta qua nghìn năm vẫn giữ được bản sắc của mình. GV: Em nhận xét như thế nào về chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nước ta?
2. Những chuyển biến về kinh tế, văn hoá và xã hội *a. Về kinh tế* - Kinh tế: mặc dù bị kìm hãm nhưng vẫn phát triển, tuy tương đối chậm *b. Về văn hoá - xã hội* - Văn hoá: tiến hành bền bỉ công cuộc chống đồng hoá	**Hoạt động 2:** (Trao đổi - đàm thoại). *Tìm hiểu những chuyển biến về kinh tế, văn hoá, xã hội Việt Nam dưới ảnh hưởng của những chính sách trên* GV: Dưới ách cai trị của phong kiến phương Bắc, tình hình kinh tế nước ta như thế nào? - HS dựa vào SGK và trả lời GV: Tại sao nói kinh tế nước ta bị kìm hãm? - Bị bóc lột nặng nề, sản xuất chỉ để phục vụ cho triều đình, quan lại phương Bắc, lực lượng lao động làm phu phen, tạp dịch liên miên... GV: Tại sao phát triển? - Do sức phát triển nội tại của dân tộc - Do du nhập một số yếu tố kĩ thuật mới từ Trung Quốc (cụ thể?) GV mở rộng: những biểu hiện của sự phát triển của kinh tế nước ta thời Bắc thuộc + Công cụ sắt được sử dụng phổ biến (mặc dù phương Bắc độc quyền) + Nhiều loại cây trồng mới, kĩ thuật canh tác mới... GV: Các triều đại phong kiến phương Bắc thi hành chính sách gì về văn hoá? Nhân dân ta đã tiến hành chống đồng hoá như thế nào?

+ "Việt hoá" các yếu tố văn hoá tiếp thu từ Trung Quốc + Giữ gìn các phong tục, tập quán truyền thống: ăn trầu, nhuộm răng đen, đi chân trần...	GV: Công cuộc chống đồng hoá có ý nghĩa to lớn như thế nào? Là cơ sở tồn tại của dân tộc (liên hệ với trên: cướp bóc thì chỉ thiệt hại về kinh tế, thống trị thì thua thiệt về chính trị, nhưng đồng hoá thì mất dân tộc, mất nhà) GV mở rộng: tuy vậy, những ảnh hưởng của 1000 năm Bắc thuộc để lại dấu ấn rất sâu sắc trong đời sống người Việt cho đến tận ngày nay.
- Xã hội: chuyển từ xã hội độc lập sang xã hội thuộc địa. + Mâu thuẫn cơ bản trong xã hội lúc này là Việt Nam với phong kiến phương Bắc cai trị (mâu thuẫn dân tộc). + Mâu thuẫn trên tất yếu dẫn đến phong trào đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta.	GV: Về xã hội, có những biến chuyển gì? Mâu thuẫn cơ bản trong xã hội lúc này là mâu thuẫn gì? Mâu thuẫn đó dẫn đến hệ quả gì?

V. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. Củng cố

GV nêu một số câu hỏi và hướng dẫn HS tự củng cố kiến thức về chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc ở nước ta, tác động của nó đến tình hình kinh tế - xã hội.

2. Bài tập về nhà

- Ôn lại nội dung bài học dựa theo câu hỏi củng cố kiến thức cuối giờ.
- Đọc trước bài 16.

BÀI 16. THỜI BẮC THUỘC VÀ CÁC CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP DÂN TỘC *(tiếp theo)*

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

- Giúp HS thấy được tính liên tục rộng lớn, quần chúng trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân ta trong các thế kỉ I - IX.

- Nắm được những nét chính về diễn biến, kết quả, ý nghĩa của một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu: Hai Bà Trưng, Lý Bí, chiến thắng Bạch Đằng (938).

2. Kĩ năng

Rèn kĩ năng hệ thống hoá kiến thức, lập bảng thống kê, sử dụng bản đồ để trình bày diễn biến các cuộc khởi nghĩa.

3. Thái độ, tư tưởng

- Giáo dục lòng căm thù quân xâm lược và đô hộ.

- Giáo dục lòng biết ơn các vị anh hùng của dân tộc, tự hào về những chiến thắng oanh liệt của dân tộc.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

- *Thái thú:* chức quan của Trung Quốc dưới thời phong kiến, có nhiệm vụ trông coi một quận.

- *Vạn Xuân:* tên nước Việt Nam thế kỉ VI, đặt sau cuộc khởi nghĩa chống nhà Lương thắng lợi

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Lược đồ khởi nghĩa Hai Bà Trưng, lược đồ chiến thắng Bạch Đằng.

- Bảng thống kê về các cuộc khởi nghĩa do GV tự chuẩn bị.

- Tranh ảnh trong SGK và tài liệu có liên quan.

- Máy vi tính kết nối máy chiếu

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

GV giới thiệu: Vừa dựng nước người Việt đã phải liên tiếp đương đầu với sự xâm lăng của các thế lực bên ngoài. Từ thế kỉ thứ II trước Công nguyên, Việt Nam bị các triều đại phong kiến phương Bắc thay nhau đô hộ. Sự tồn vong của một dân tộc bị thử thách suốt hơn nghìn năm đã sản sinh ra tinh thần bất khuất, kiên cường, bền bỉ đấu tranh bảo tồn cuộc sống, giữ gìn và phát huy tinh hoa văn hóa, quyết giành lại độc lập cho dân tộc của người dân Việt Nam.

Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu nội dung bài 16.

3. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Một số gợi ý:

- Bài này, SGK chia thành 2 mục kiến thức, trong đó trọng tâm nằm ở mục 2 nhằm giới thiệu những điểm nổi bật của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu.

- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
1. Khái quát phong trào đấu tranh từ thế kỉ I đến đầu thế kỉ X - Trong suốt hơn 1000 năm Bắc thuộc, dân Âu Lạc liên tiếp vùng dậy đấu tranh giành độc lập dân tộc ở cả 3 quận. - Kết quả: Nhiều cuộc khởi nghĩa đã thắng lợi lập được chính quyền tự chủ (Hai Bà Trưng, Lý Bí, Khúc Thừa Dụ) - Ý nghĩa: thể hiện tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm, ý chí tự chủ và tinh thần dân tộc của nhân dân Âu Lạc.	**Hoạt động 1** (Cả lớp - cá nhân) *Biết được khái quát về phong trào đấu tranh chống Bắc thuộc của nhân dân ta* GV đưa ra bảng thống kê về các cuộc khởi nghĩa và yêu cầu HS nhận xét về các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta thời Bắc thuộc HS đưa ra nhận xét, bổ sung ý kiến cho nhau. Sau đó GV chốt lại những ý chính.
2. Một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu	**Hoạt động 2:** (Hoạt động nhóm). *Tìm hiểu những nét chính của một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu* - GV chia lớp làm 4 nhóm, yêu cầu các nhóm theo dõi SGK. Mỗi nhóm theo dõi một cuộc khởi nghĩa theo nội dung. + Thời gian bùng nổ khởi nghĩa. + Đối tượng của khởi nghĩa. + Địa bàn của cuộc khởi nghĩa. + Diễn biến chính của khởi nghĩa. + Kết quả, ý nghĩa. - HS theo dõi SGK: thảo luận theo nhóm, cử đại diện ghi nội dung tóm tắt cuộc khởi nghĩa vào giấy sau đó trình bày trước lớp. Từng cá nhân HS nghe và ghi nhớ.

	- GV nhận xét phần trình bày của các nhóm sau đó sử dụng từng bảng thống kê chi tiết về những cuộc khởi nghĩa tiêu biểu của nhân dân ta thời Bắc thuộc, theo mẫu sau:

Trong bài giảng, GV chú ý khai thác nội dung hình 34 và 35 trong SGK.

Hình 34. Đền thờ Hai Bà Trưng ở Mê Linh-Vĩnh Phúc - SGK trang 84

Sau khi cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng bị đàn áp năm 43, nhân dân ta với lòng tiếc thương và biết ơn vô hạn đã lập đền thờ Hai Bà ở nhiều nơi. Chỉ tính riêng mấy tỉnh vùng đồng bằng Bắc Bộ đã có tới trên 200 di tích. Riêng nơi thờ Hai Bà Trưng đã có ba ngôi đền chính: đền Hạ Lôi (Mê Linh -Vĩnh Phúc); đền Hát Môn (Phúc Thọ-Hà Tây); đền Đồng Nhân (quận Hai Bà Trưng-Hà Nội). Bức ảnh chụp trong SGK là đền thờ Hai Bà Trưng tại làng Hạ Lôi, xã Mê Linh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc.

Để tưởng nhớ Hai Bà, hàng năm nhân dân làng Hạ Lôi vẫn mở hội vào ngày Mồng 6 tháng Giêng âm lịch, theo truyền thuyết là ngày Hai Bà Trưng khao quân. Trong ngày hội có nhiều trò vui như: đánh cờ, đánh đu…nhưng quan trọng hơn cả là đám rước tập trận, diễn tả không khí luyện quân thời khởi nghĩa Hai Bà Trưng. Để cử hành rước tập trận, dân làng chọn 150 nam thanh và 150 thiếu nữ đóng là quân Hai Bà Trưng, tham gia rước kiệu Hai Bà từ đền đi vòng xuống chân đê sông Hồng ra bờ sông, xuống sông lấy nước rồi lại quay về đền, vừa đi vừa hát khúc hát tương truyền từ đời Hai Bà Trưng đặt ra để cổ vũ quân sỹ.

Hình 35. Lược đồ chiến thắng Bạch Đằng năm 938 - SGK trang 86

Trong lịch sử dân tộc, chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền năm 938 là một trong những chiến thắng oanh liệt nhất, lừng lẫy nhất. Nó ghi vào lịch sử như một mốc sơn chói lọi, "*một vũ công cao cả vang dội đến nghìn thu*", chấm dứt hẳn thời kì nhân dân ta bị phong kiến Trung Quốc đô hộ, mở ra thời kì mới-thời kì độc lập tự chủ lâu dài cho đất nước.

V. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. Củng cố

GV nêu bài tập và hướng dẫn HS tự củng cố kiến thức.

2. Bài tập về nhà

- Ôn lại nội dung bài học dựa theo câu hỏi củng cố kiến thức cuối giờ.
- Đọc trước bài 17.

Chương II

VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ X ĐẾN THẾ KỈ XV

BÀI 17. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA NHÀ NƯỚC PHONG KIẾN (TỪ THẾ KỈ X ĐẾN THẾ KỈ XV)

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

- Biết rõ quá trình xây dựng và hoàn chỉnh nhà nước phong kiến Việt Nam diễn ra trong một thời gian lâu dài, trên một lãnh thổ thống nhất.

- Hiểu được nhà nước phong kiến Việt Nam được tổ chức ngày càng chặt chẽ theo chế độ quân chủ trung ương tập quyền, có luật pháp, quân đội và các chính sách đối nội, đối ngoại trên tinh thần tự chủ, độc lập.

2. Kĩ năng

Rèn luyện kĩ năng phân tích, so sánh, đánh giá các sự kiện, hiện tượng lịch sử.

3. Thái độ, tư tưởng

- Bồi dưỡng ý thức độc lập dân tộc, bảo vệ sự thống nhất nước nhà.

- Bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

- *Ngụ binh ư nông:* Chính sách sử dụng quân đội của các triều đại phong kiến Việt Nam từ thời Lí, Trần, Lê. Binh lính luân phiên thay nhau làm nhiệm vụ thường trực bảo vệ cung điện, đất nước; còn lại phần lớn làm nhiệm vụ sản xuất nông nghiệp.

- *Luật Hồng Đức:* Là tên gọi thông dụng của bộ *Quốc triều hình luật* thời Lê sơ hiện còn được lưu giữ đầy đủ. Nó có thể coi là bộ luật tổng hợp bao gồm nhiều quy phạm pháp luật thuộc nhiều ngành luật khác nhau: Luật hình sự, luật dân sự, luật tố tụng, luật hôn nhân - gia đình, luật hành chính…

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước thời Đinh - Tiền Lê, Lí - Trần và Lê sơ

- Một số tư liệu về nhà nước các triều đại Lí, Trần, Lê sơ
- Máy vi tính kết nối máy chiếu

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

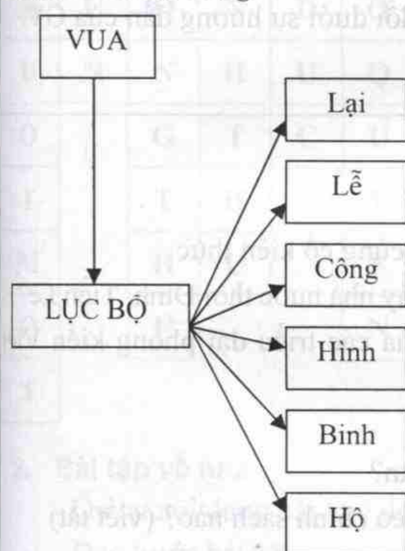
GV nêu vấn đề: Thế kỉ X mở đầu thời đại phong kiến độc lập của dân tộc ta. Vậy quá trình hình thành và phát triển của nhà nước phong kiến Việt Nam ra sao? Chúng ta cùng theo dõi bài học hôm nay.

3. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Một số gợi ý:

- Bài này, SGK chia thành 2 mục kiến thức lớn, trong đó kiến thức trọng tâm nằm ở mục II với những vấn đề quan trọng như: tổ chức bộ máy nhà nước, luật pháp - quân đội, đối nội - đối ngoại
- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
I. Bước đầu xây dựng nhà nước độc lập ở thế kỉ X - Các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê đã có công đặt nền móng cho sự hình thành nhà nước phong kiến Việt Nam vào thế kỉ X. - Chính quyền nhà nước còn sơ khai nhưng đã mang đậm tính dân tộc Vua (Hoàng đế) Ban Văn — Ban Võ — Ban Tăng	**Hoạt động 1:** (Làm việc theo cặp - Trao đổi đàm thoại). *Tìm hiểu khái quát sự hình thành nhà nước phong kiến thời Ngô - Đinh - Tiền Lê* GV nêu câu hỏi: Các triều Ngô, Đinh, Tiền Lê được ra đời trong hoàn cảnh lịch sử nào? HS dựa vào hiểu biết của mình và SGK để trả lời. GV chốt ý: GV. Thông qua sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước thời Ngô, Đinh, Tiền Lê, chứng minh sự sơ khai và tính dân tộc của nhà nước thời Ngô, Đinh, Tiền Lê? *Hiểu được nhà nước phong kiến ngày càng phát triển, hoàn thiện qua các thời Lý, Trần, Hồ, Lê sơ*

II. Phát triển và hoàn chỉnh nhà nước phong kiến ở các thế kỉ X-XV GV giới thiệu đặc điểm mới của thời kì lịch sử: - Kinh đô mới: Thăng Long (1009) - Tên nước mới: Đại Việt (1054). Mở ra thời kì mới: văn hoá Đại Việt (văn hoá Thăng Long) ***1. Tổ chức bộ máy nhà nước*** *Thời Lý - Trần*  *Thời Lê Thánh Tông* 	**Hoạt động 2:** (Cả lớp - cá nhân) GV. Quan sát sơ đồ Bộ máy nhà nước thời Lý, Trần và Bộ máy nhà nước thời Lê sơ dưới đây, so sánh và rút ra nhận xét? HS quan sát trả lời trên hai ý: - Chính quyền Trung ương - Chính quyền địa phương GV chốt: Từ thời Lý đến thời Lê sơ (nhất là thời vua Lê Thánh Tông), chính quyền ngày càng được tổ chức quy củ, chặt chẽ từ trung ương đến địa phương, quyền lực ngày càng tập trung vào tay vua, hoàn thiện thể chế quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền.

2. Luật pháp và quân đội - Luật pháp: ban hành 3 bộ luật (Hình thư, Hình luật, Quốc triều hình luật), nhằm mục đích: 1. Bảo vệ quyền lợi của giai cấp thống trị 2. Bảo vệ an ninh Tổ quốc và đời sống nhân dân (ví dụ) 3. Bênh vực quyền lợi của người phụ nữ. - Quân đội: được tổ chức quy củ, chặt chẽ theo chính sách ngụ binh ư nông với quan điểm "quân đội cốt tinh chứ không cốt nhiều".	**Hoạt động 3:** (Cả lớp - cá nhân) GV. Kể tên các bộ luật trong thời gian này? Mục đích ban hành luật lệ? HS dựa vào SGK để trả lời. GV: Nêu những hiểu biết của em về tổ chức quân đội ta thời kì này? (tổ chức? binh chủng? Trang bị vũ khí? Ưu thế của quân đội Việt Nam? Quan điểm, chính sách của nhà nước trong việc xây dựng?) GV mở rộng: Hồ Nguyên Trừng đã đúc kết những kinh nghiệm cổ truyền, trên cơ sở đó, phát minh, chế tạo ra nhiều loại súng có sức công phá lớn.
3. Hoạt động đối nội - đối ngoại - Đối nội: thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc triệt để (bằng các biện pháp như tạo điều kiện cho người dân sản xuất, đời sống ấm no, gắn kết các tù trưởng miền núi). - Đối ngoại: trên cơ sở nguyên tắc tối cao độc lập, chủ quyền dân tộc, thực hiện chính sách đối ngoại hoà hiếu, thân thiện với các nước láng giềng.	**Hoạt động 4**: (Cả lớp - cá nhân) - Với các bộ lạc thiểu số, nhằm mục đích tạo ra mối quan hệ mật thiết giữa triều đình và các châu huyện có các bộ lạc thiểu số, vốn có tính tự trị cao, nhà Lý có chính sách gả công chúa cho các châu mục (chức quan đứng đầu các châu). GV: Tác dụng của chính sách đối nội - đối ngoại của nhà nước phong kiến? HS trao đổi dưới sự hướng dẫn của GV.

V. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. Củng cố

GV nêu một số câu hỏi và hướng dẫn HS tự củng cố kiến thức:

1. So sánh bộ máy nhà nước thời Lê với bộ máy nhà nước thời Đinh, Tiền Lê?

2. Lập bảng thống kê thời gian thống trị của các triều đại phong kiến Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XV.

Trò chơi ô chữ:

1. Đinh Bộ Lĩnh đã dẹp tan bao nhiêu sứ quân?

2. Quân đội thời phong kiến được tổ chức theo chính sách nào? (viết tắt)

3. Chức quan đứng đầu các bộ trong chính quyền từ thời Lê sơ là gì?

4. Bộ luật thành văn đầu tiên của nước ta

5. Vị vua đầu tiên của chế độ phong kiến Việt Nam

6. Bộ luật được ban hành dưới thời Trần có tên gọi là gì?

7. Nghĩa của từ này là "*rồng bay lên*"

8. Kinh đô của nước ta thời nhà Đinh, Tiền Lê và đầu thời Lí

9. Đinh Bộ Lĩnh đặt tên nước ta là gì?

10. Tên gọi chính thức của nước ta bắt đầu từ năm 1054 đến năm 1834

11. "… là nguyên khí quốc gia" Trong dấu … điền gì?

12. Một truyền thống tiêu biểu của dân tộc Việt Nam được các triều đại phong kiến phát huy triệt để

13. Chính sách đối ngoại chủ yếu của các triều đại phong kiến Việt Nam

													Đ	
				H				H					O	T
		T		O			T	O	L	Đ	Đ		A	H
	N	H	H	N	N		H	A	E	A	A		N	A
	B	U	I	G	G	H	A	L	H	I	I	H	K	N
M	U	O	N	D	O	I	N	U	O	C	V	I	E	T
U	N	N	H	U	Q	N	G		A	O	I	E	T	H
O		G	T	C	U	H	L		N	V	E	N		I
I		T	H		Y	L	O			I	T	T		E
M		H	U		E	U	N			E		A		N
O		U			N	A	G			T		I		
T						T								

2. Bài tập về nhà

- Ôn lại nội dung bài học dựa theo câu hỏi củng cố kiến thức cuối giờ.
- Đọc trước bài 18.

BÀI 18. CÔNG CUỘC XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRONG CÁC THẾ KỈ X - XV

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

- Nắm được sự phát triển về kinh tế của nước ta trong các thế kỉ X – XV. Trong đó, ngành nông nghiệp giữ vai trò chủ đạo, là cơ sở để phát triển, mở rộng thủ công nghiệp và thương nghiệp.

- Giải thích được những thành quả xây dựng kinh tế đó góp phần nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, là cơ sở quan trọng để chiến thắng giặc ngoại xâm, củng cố nền độc lập của đất nước.

2. Kĩ năng

- Rèn luyện kĩ năng liên hệ thực tế xây dựng và phát triển kinh tế ở nước ta hiện nay.

3. Thái độ, tư tưởng

- Bồi dưỡng lòng tự hào dân tộc trong xây dựng kinh tế

- Có ý thức xây dựng và phát triển mạnh mẽ nền kinh tế đất nước trong hiện tại.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

- *Đê quai vạc (đê đĩnh nhĩ):* Đê sông Hồng đắp từ thời Trần. Năm 1248, triều đình hạ lệnh đắp đê từ đầu nguồn đến cửa biển để ngăn nước lũ tràn ngập, đắp hai bên bờ sông, cao 3 thước, rộng 5 trượng. Hằng năm, quan hà đê đốc thúc dân đi đắp sửa, không phân biệt sang hèn, già trẻ, kể cả HS Quốc Tử Giám. Vua Trần Nhân Tông, Trần Minh Tông cũng có lần đi xem đắp đê, hộ đê để động viên dân chúng.

- *Quân điền:* Phương thức và nguyên tắc chia ruộng công làng xã theo định kì của các nhà nước phong kiến Việt Nam. Nội dung cụ thể của phép quân điền trong luật Hồng Đức: ruộng công làng xã được phân cấp theo định kì 6 năm một lần, do các quan phủ huyện sở tại khám đo đạc và tính toán; ruộng công của xã nào chia cho dân xã ấy; người được chia cấp kể từ quan tam phẩm (11 phần) đến hạng tàn tật cô quả (3 phần); ruộng công được chia gọi là ruộng khẩu phần, không được mua bán, chuyển nhượng; người nhận ruộng đất phải nộp tô thuế và phu dịch cho nhà nước.

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Một số tranh ảnh về đồ gốm, tiền đồng thế kỉ X – XV;
- Bản đồ Đại Việt thời Lý – Trần – Lê.
- Máy vi tính kết nối máy chiếu

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

GV nêu vấn đề: Sự hùng mạnh của mỗi một quốc gia trước hết được thể hiện ở sự kiện toàn của bộ máy nhà nước dựa trên cơ sở một nền kinh tế phát triển vững chắc. Với niềm tự hào chân chính và ý thức vươn lên, từ thế kỉ X đến thế kỉ XV, nhân dân ta đã nhiệt tình lao động, xây dựng và phát triển một nền kinh tế tự chủ, toàn diện. Đó chính là nội dung của bài học hôm nay.

3. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Một số gợi ý:

- Bài này, SGK chia thành 4 mục kiến thức.
- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
1. Mở rộng và phát triển nông nghiệp - Kinh tế nông nghiệp X-XV rất phát triển + Diện tích canh tác mở rộng: nhờ đẩy mạnh khai hoang - Từ thời Lí, hệ thống đê điều được mở rộng và bồi đắp hàng năm + Quan tâm bảo vệ sức kéo cho nông nghiệp	**Hoạt động 1:** (Trao đổi - đàm thoại). *Tìm hiểu tình hình ruộng đất và nông nghiệp thế kỉ X – XV.* GV: Nghiên cứu SGK, em có nhận định gì về nền nông nghiệp nước ta trong các thế kỉ X - XV? HS dựa vào SGK để trả lời. GV: Những biểu hiện của sự phát triển kinh tế nông nghiệp thời kì này? GV nhận xét phần trả lời của HS rồi chốt ý: Các vua Lý – Trần – Lê đều có nhiều chính sách quan tâm đến sự phát triển của nông nghiệp như cày tịch điền, chú trọng việc trị thuỷ, đắp đê, tích cực mở rộng diện tích canh tác bằng hình thức khai hoang... GV: Sự phát triển của nông nghiệp đương thời có ý nghĩa như thế nào đối với xã hội?

+ Cơ cấu cây trồng, vật nuôi đa dạng, mùa vụ ổn định + Đời sống nhân dân no đủ - Nông nghiệp là ngành kinh tế chủ đạo, là cơ sở để phát triển các ngành nghề thủ công và thương nghiệp	HS trả lời GV chốt ý: Nông nghiệp phát triển kéo theo sự phát triển của các ngành nghề thủ công, đẩy mạnh sự trao đổi lưu thông hàng hoá. Đời sống nhân dân ổn định, no ấm.
2. Phát triển thủ công nghiệp *a. Thủ công nghiệp dân gian* - Ngành nghề đa dạng, sản phẩm phong phú, có chất lượng cao - Hình thành các làng nghề thủ công: Bát Tràng, Thổ Hà, Chu Đậu, Huê Cầu… *b. Thủ công nghiệp nhà nước* - Các ngành quan trọng (độc quyền) phục vụ cho nhu cầu triều đình, quốc gia - Xưởng thủ công (quan xưởng): tập trung nhiều ngành, nhiều thợ giỏi	**Hoạt động 2:** (Cả lớp - cá nhân). *Tìm hiểu sự phát triển của thủ công nghiệp* **GV.** Kể tên những nghề thủ công phát triển trong thời kì này? Qua các nghề thủ công kể trên, em nhận định như thế nào về thủ công nghiệp nước ta X - XV? GV sử dụng hình 36 (SGK) để làm rõ cho HS thấy được sự phát triển của thủ công nghiệp đương thời. Chùa Phật Tích có tên chữ là Vạn Phúc Tự, thuộc thôn Phật Tích, xã Phật Tích, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh, vốn là một đại danh lam có từ thời Lí. Chùa được xây dựng năm 1057 đời Lí Thánh Tông trên núi Lạn Kha. Kiến trúc chạm khắc đá trong chùa có nghệ thuật rất độc đáo. Hình rồng và hoa dây trên thớt tròn ở chùa Phật Tích là một nét đặc sắc trong nghệ thuật điêu khắc đương thời. Trung tâm của phiến đá chạm là một hình rồng uốn lượn - con rồng đặc trưng của thời Lí. Rồng được tạc mình trơn, toàn thân uốn khúc, thắt túi từ to đến nhỏ, uyển chuyển như một ngọn lửa. Rồng có mào lửa, đầu rồng tỷ lệ cân đối với thân rồng, chân rồng thanh mảnh thường có 3 móng. Rồng cuộn tròn trong hình các hoa dây nở rộ được chạm khắc rất tinh tế.

3. Mở rộng thương nghiệp - Chợ xuất hiện khắp nơi - Hình thành các trung tâm buôn bán ở đô thị: Thăng Long - Việc buôn bán với nước ngoài mở rộng: nhiều thương cảng xuất hiện	**Hoạt động 3:** (Cả lớp - cá nhân). *Tìm hiểu thương nghiệp ngày càng phát triển ở các đô thị và nông thôn* GV. Những biểu hiện của sự phát triển thương nghiệp nước ta thời kì này? HS dựa vào SGK để trả lời GV nhận xét và trình bày: - Thăng Long thế kỉ XI – XV đã là một đô thị lớn với nhiều phố phường, chợ vừa buôn bán vừa làm thủ công, phát triển phồn thịnh. - Hoạt động ngoại thương tập trung ở Vân Đồn và một số cảng biển.
4. Tình hình phân hoá xã hội và cuộc đấu tranh của nông dân - Nâng cao đời sống vật chất và góp phần phát triển đời sống tinh thần của nhân dân. - Góp phần củng cố và giữ vững nền độc lập dân tộc. - Đẩy nhanh sự phân hoá xã hội → mâu thuẫn xã hội gay gắt → phong trào đấu tranh của dân nghèo.	**Hoạt động 4:** (Cả lớp - cá nhân). *Tìm hiểu sự phân hoá xã hội ngày càng sâu sắc* GV: Tại sao nền kinh tế nước ta phát triển toàn diện trong các thế kỉ X - XV? - Độc lập tự chủ, ổn định - Ý thức vươn lên, truyền thống lao động cần cù sáng tạo của nhân dân - Sự quan tâm của nhà nước GV: Nền kinh tế phát triển như vậy đã có tác động như thế nào đến tình hình xã hội nước ta trong các thế kỉ X - XV?

V. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. Củng cố

GV nhắc lại những nội dung trọng tâm của bài học. Nếu còn thời gian có thể đưa ra một vài câu hỏi nhằm khắc sâu kiến thức cho HS.

2. Bài tập về nhà

- Ôn lại nội dung bài học dựa theo câu hỏi củng cố kiến thức cuối giờ.
- Đọc trước bài 19

BÀI 19. NHỮNG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG NGOẠI XÂM TRONG CÁC THẾ KỈ X - XV

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

– Nắm được trong gần 6 thế kỉ đầu thời độc lập phong kiến, nhân dân ta đã phải liên tục tổ chức những cuộc kháng chiến lớn chống ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc.

– Nhận thức được tinh thần chiến đấu dũng cảm và truyền thống yêu nước nồng nàn, nhân dân ta qua các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, bảo vệ nền độc lập dân tộc, đánh bại các cuộc xâm lược.

– Biết được những trận quyết chiến chiến lược đầy sáng tạo của nhân dân ta; tên tuổi của tài năng, các vị anh hùng dân tộc.

2. Kĩ năng

– Rèn luyện kĩ năng sử dụng bản đồ trong học tập.

– Bồi dưỡng kĩ năng phân tích, tổng hợp.

– Kĩ năng lập bảng thống kê để rút ra nhận xét, đánh giá.

3. Thái độ, tư tưởng

– Giáo dục lòng yêu nước, ý thức bảo vệ nền độc lập và thống nhất Tổ quốc

– Bồi dưỡng tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc.

– Bồi dưỡng niềm tự hào dân tộc và lòng biết ơn đối với các thế hệ tổ tiên, các anh hùng dân tộc đã chiến đấu quên mình vì nền độc lập của Tổ quốc.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

– *Kháng chiến:* Chiến đấu chống quân xâm lược, bảo vệ Tổ quốc

– *Khởi nghĩa:* Hình thức đấu tranh cao nhất của đông đảo nhân dân bị áp bức bóc lột, nổi lên lật đổ giai cấp thống trị trong nước hay bọn xâm lăng nước ngoài. Khởi nghĩa nổ ra khi mâu thuẫn cực kì sâu sắc, đã có chuẩn bị, được tổ chức, lãnh đạo, nổ ra ở từng địa phương (từng phần) hay tổng khởi nghĩa cả nước

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

– Bản đồ các cuộc kháng chiến chống Tống, Nguyên – Mông, khởi nghĩa Lam Sơn và chiến thắng Chi Lăng – Xương Giang.

– Một số tư liệu về thân thế và sự nghiệp của các lãnh tụ khởi nghĩa, anh hùng dân tộc trong các thế kỉ X – XV.

– Máy vi tính kết nối máy chiếu

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

GV đặt vấn đề: Ngô Thì Sĩ trong *Việt sử tiêu án* đã khẳng định: "Ngô Tiên chúa cả phá quân Lưu Hoằng Tháo, Trần Hưng Đạo bắt sống Ô Mã Nhi đều ở sông Bạch Đằng và đều là những võ công lừng lẫy nhất ở nước ta. Danh tiếng các vị hào kiệt ấy đời đời còn mãi với ngàn thu sông núi. Dấu vết hôi tanh của giặc Hán, giặc Nguyên cũng còn mãi với nước non ta, làm sao mà rửa hết được. Giang sơn của nước Nam này đã được định rõ trong sách trời. Giặc Bắc dẫu có cậy trí lớn lực mạnh để chiếm cứ, thì rốt cuộc lấy được nhưng cũng không thể nào giữ được". Các em hãy cùng tìm hiểu bài ngày hôm nay để thấy vì sao Ngô Thì Sĩ lại khẳng định như vậy? Nói cách khác, đâu là nguyên nhân thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thế kỉ X - XV, ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm?

3. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Một số gợi ý:

- Bài này, SGK chia thành 3 mục kiến thức tương ứng với các cuộc kháng chiến chống Tống (lần 1 và 2), chống Mông Nguyên, chống quân xâm lược nhà Minh và khởi nghĩa Lam Sơn. Những vấn đề này HS đã được học kĩ ở ở lớp 7 THCS, nên trong dạy học bài 19 lớp 10, GV có thể chỉ cần tập trung vào một số nội dung chính.

- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
	Hoạt động 1: (Hoạt động nhóm). *Tìm hiểu hoàn cảnh, diễn biến, kết quả của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thế kỉ X-XV* GV chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ họp tập: - Nhóm 1: Tìm hiểu cuộc kháng chiến chống Tống thời Tiền Lê.

<table>
<tr><td colspan="4"></td><td colspan="3">- Nhóm 2: Tìm hiểu cuộc kháng chiến chống Tống thời Lý.
- Nhóm 3: Tìm hiểu cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên.
- Nhóm 4: Tìm hiểu phong trào đấu tranh chống quân xâm lược nhà Minh và khởi nghĩa Lam Sơn.
HS có 5 phút để tìm hiểu, sau đó lần lượt các nhóm cử đại diện phát biểu. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
GV chốt lại những ý cơ bản vào bảng dưới đây để HS ghi lại.</td></tr>
<tr><th colspan="2">Tên cuộc kháng chiến</th><th>Thời gian</th><th>Vương triều</th><th>Người lãnh đạo kháng chiến</th><th>Tướng giặc</th><th>Trận quyết chiến chiến lược</th></tr>
<tr><td rowspan="2">Chống Tống</td><td>lần 1</td><td>981</td><td>Tiền Lê</td><td>Lê Hoàn</td><td>Hầu Nhân Bảo</td><td>Vùng Đông Bắc</td></tr>
<tr><td>lần 2</td><td>1075 - 1077</td><td>Lý</td><td>Lý Thường Kiệt</td><td>Quách Quỳ</td><td>Như Nguyệt</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Chống Mông - Nguyên</td><td>lần 1</td><td>1258</td><td>Trần</td><td>Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông</td><td>Ngột Lương Hợp Thai</td><td>Đông Bộ Đầu</td></tr>
<tr><td>lần 2</td><td>1285</td><td>Trần</td><td>Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Trần Hưng Đạo</td><td>Thoát Hoan</td><td>Hàm Tử, Chương Dương, Vạn Kiếp</td></tr>
<tr><td>lần 3</td><td>1287 - 1288</td><td>Trần</td><td>Trần Hưng Đạo</td><td>Thoát Hoan</td><td>Bạch Đằng</td></tr>
<tr><td colspan="2">Khởi nghĩa Lam Sơn</td><td>1418 - 1427</td><td></td><td>Lê Lợi, Nguyễn Trãi</td><td>Vương Thông, Liễu Thăng, Mộc Thạnh</td><td>Tốt Động, Chúc Động, Chi Lăng, Xương Giang</td></tr>
</table>

*** Nguyên nhân thắng lợi - Ý nghĩa lịch sử** + *Nguyên nhân thắng lợi* - Tinh thần yêu nước nồng nàn, ý chí bất khuất của nhân dân ta - Khối đại đoàn kết toàn dân - Sự lãnh đạo tài tình của các tướng lĩnh - Nguyên nhân khách quan: khí hậu, địa hình không phù hợp với quân giặc, vận chuyển tiếp tế khó khăn... + *Ý nghĩa lịch sử* - Chứng tỏ lòng yêu nước, ý chí anh hùng bất khuất của nhân dân ta. - Để lại nhiều bài học quý báu.	**Hoạt động 2:** (Cả lớp - cá nhân). *Tìm hiểu nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thế kỉ X – XV.* GV nêu vấn đề để cả lớp suy nghĩ và trả lời. HS nhận xét và bổ sung cho nhau

V. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. Củng cố

GV có thể lựa chọn một bài tập trắc nghiệm nhằm giúp cho HS tự củng cố kiến thức. Hoặc có thể lập bảng theo những nội dung như tên nhân vật lịch sử; những việc làm hay cống hiến của nhân vật đó cho đất nước... Cột I là tên nhân vật, cột II ghi những sự kiện gắn liền với nhân vật đó. Hãy đánh số từ 1 đến 11 vào chỗ (…) trước mỗi câu ở cột II cho chính xác

2. Bài tập về nhà

- Tìm hiểu về cuộc đời, sự nghiệp của: Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi.

- Đọc trước bài 20.

BÀI 20. XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ DÂN TỘC TRONG CÁC THẾ KỈ X - XV

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

- Trong những thế kỉ độc lập, mặc dù trải qua nhiều biến động, nhân dân ta vẫn nỗ lực xây dựng cho mình một nền văn hoá mang đậm phong cách truyền thống dân tộc.

- Trải qua các triều đại Đinh - Lê - Lý - Hồ - Lê sơ ở các thế kỉ X - XV, công cuộc xây dựng văn hoá được tiến hành đều đặn nhất quán. Đây cũng là giai đoạn hình thành của nền văn hoá Đại Việt (còn gọi là văn hoá Thăng Long).

- Nền văn hoá Thăng Long phản ánh tư tưởng yêu nước, lòng tự hào dân tộc.

2. Kĩ năng

- Quan sát, phát hiện vấn đề.

- So sánh, đối chiếu các sự kiện để tìm ra điểm tiến bộ, khác biệt giữa các sự vật, hiện tượng.

3. Thái độ, tư tưởng

- Bồi dưỡng niềm tự hào về nền văn hoá đa dạng của dân tộc.

- Bồi dưỡng ý thức bảo vệ các di sản văn hoá tốt đẹp của dân tộc.

- Giáo dục ý thức, phát huy năng lực sáng tạo trong văn hoá.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

- *Nho giáo*, còn được gọi là *Khổng giáo*, là một hệ thống đạo đức, triết lí và tôn giáo do Khổng Tử phát triển để xây dựng một xã hội thịnh trị. Nho giáo rất phát triển ở các nước châu Á là Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên, và Việt Nam. Những người thực hành theo các tín điều của Nho giáo được gọi là các *nhà Nho*.

- *Đạo giáo:* Giáo lí về Đạo, là một nhánh triết học và tôn giáo Trung Quốc, được xem là tôn giáo đặc hữu chính thống của xứ này. Nguồn gốc lịch sử được xác nhận của Đạo giáo được xem nằm ở thế kỉ thứ 4 TCN, khi tác phẩm *Đạo Đức kinh* của Lão Tử xuất hiện. Các tên gọi khác là *Đạo Lão, Đạo Hoàng Lão*, hay *Đạo gia*. Đạo giáo là một trong Tam giáo tồn tại từ thời Trung Quốc cổ đại, song song với Nho giáo và Phật giáo. Ảnh hưởng của đạo giáo trong lĩnh vực tôn giáo và văn hoá vượt khỏi biên giới Trung Quốc, được truyền đến các nước Đông Nam Á lân cận như Việt Nam, Hàn Quốc và Nhật Bản.

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Một số tranh ảnh nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc thế kỉ X - XV.
- Một số bài thơ, phú của các nhà văn học lớn.
- Máy vi tính kết nối máy chiếu

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. **Ổn định lớp học**

2. **Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới**

GV giới thiệu: Từ sau ngày giành độc lập, trải qua gần 6 thế kỉ lao động và chiến đấu, nhân dân Việt Nam đã xây dựng cho mình một nền văn hoá đa dạng, phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc. Để thấy được những thành tựu văn hoá, nhân dân ta xây dựng được từ thế kỉ X - XV, chúng ta cùng tìm hiểu bài 20.

3. **Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới**

Một số gợi ý:

- Bài này, SGK chia thành 2 mục kiến thức lớn đề cập tới các vấn đề tư tưởng, tôn giáo và giáo dục, văn học, nghệ thuật, khoa học - kĩ thuật.
- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
I. Tư tưởng, tôn giáo - Ở thời kì độc lập, Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo có điều kiện phát triển mạnh.	**Hoạt động 1:** (Cả lớp - cá nhân). *Tìm hiểu tình hình tư tưởng, tôn giáo, giải thích được sự thay đổi vai trò thống trị về tư tưởng của Phật giáo và Nho giáo.* - GV giới thiệu: Bước sang thời kì mới, trong bối cảnh có chủ quyền độc lập, các tôn giáo được du nhập vào nước ta từ thời Bắc thuộc có điều kiện phát triển. GV có thể đàm thoại với HS về Nho giáo để HS nhớ lại kiến thức, hiểu biết về Nho giáo. GV: Nho giáo có nguồn gốc từ đâu? Do ai sáng lập? Giáo lí cơ bản của Nho giáo là gì? HS trình bày những hiểu biết của mình về Nho giáo. GV kết luận: Nho giáo lúc đầu cũng chưa phải là một tôn giáo mà là một học thuyết của

	Khổng Tử (ở Trung Quốc). Sau này một đại biểu của nho học là Đông Trung Thư đã dùng thuyết âm dương dùng thần học để lí giải biện hộ cho những quan điểm của Khổng Tử biến Nho học thành một tôn giáo (Nho giáo).
- Thời Lý, Trần: Nho giáo đã dần trở thành hệ tư tưởng chính thống của giai cấp thống trị, chi phối nội dung giáo dục, thi cử song không phổ biến trong nhân dân.	+ Tư tưởng quan điểm của Nho giáo: đề cao những nguyên tắc trong quan hệ xã hội theo đạo lí "Tam cương, ngũ thường" trong đó Tam cương có 3 cặp quan hệ: Vua - Tôi, Cha - Con, Chồng - Vợ. Ngũ thường là: Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín (5 đức tính của người quân tử). + Nho giáo du nhập vào nước ta từ thời Bắc thuộc, bước sang thế kỉ phong kiến độc lập có điều kiện phát triển. - GV yêu cầu HS đọc SGK để thấy được sự phát triển của Nho giáo ở nước ta qua các thời đại Lý, Trần, Lê Sơ. - HS theo dõi SGK và phát biểu.
- Thời Lê sơ, Nho giáo chiếm vị trí độc tôn.	- GV kết luận. GV nêu câu hỏi: *Tại sao Nho giáo sớm trở thành hệ tư tưởng chính thống của giai cấp thống trị nhưng lại không phổ biến trong nhân dân?* - HS suy nghĩ và trả lời. - GV lí giải: Những quan điểm, tư tưởng của Nho giáo đã quy định một trật tự, kỉ cương, đạo đức phong kiến rất quy củ, khắt khe. Vì vậy giai cấp thống trị đã triệt để lợi dụng Nho giáo để làm công cụ thống trị, bảo vệ chế độ phong kiến. Còn với nhân dân chỉ tiếp thu khía cạnh đạo đức của Nho giáo. Nhà Lê sơ đưa Nho giáo trở thành độc tôn vì lúc này Nhà nước quân chủ chuyên chế đạt mức độ cao, hoàn chỉnh. - GV đàm thoại với HS về đạo Phật: người sáng lập, nguồn gốc giáo lí.

- TK X- XIV, Phật giáo, Đạo giáo chiếm địa vị độc tôn: chùa chiền được xây dựng ở khắp nơi, sư sãi đông.	- GV yêu cầu với HS theo dõi SGK để thấy được sự phát triển của Phật giáo qua các thời kì Lý - Trần - Lê sơ. - HS theo dõi SGK và phát biểu. - GV bổ sung và kết luận. - GV đánh giá vai trò của Phật giáo trong thế kỉ X – XV, Phật giáo giữ vị trí đặc biệt quan trọng trong đời sống tinh thần, nhà nước thời Lý coi đạo Phật là Quốc đạo… - GV có thể giới thiệu sự phát triển của Phật giáo hiện nay, kể về một số ngôi chùa cổ.
II. Giáo dục, văn học, nghệ thuật, khoa học - kĩ thuật **- Giáo dục** + Năm 1070, xây dựng Văn Miếu + Năm 1075, mở khoa thi đầu tiên để tuyển chọn nhân tài. + Năm 1076 xây dựng Quốc tử giám + TK XI-XV, giáo dục Đại Việt từng bước hoàn thiện như tổ chức các kì thi Hương, Hội, Đình chọn Tiến sĩ, dựng bia Tiến sĩ (1484).	**Hoạt động 2:** (Hoạt động nhóm). *Tìm hiểu giáo dục ngày càng phát triển và có quy củ hơn; sự phát triển của văn học chữ Hán và chữ Nôm; kể tên được các công trình khoa học đặc sắc.* GV chia lớp thành 4 nhóm thực hiện 4 nhiệm vụ học tập, tìm hiểu các nội dung: - Nhóm 1: Giáo dục - Nhóm 2: Văn học - Nhóm 3: Nghệ thuật - Nhóm 4: Khoa học - kĩ thuật HS từng nhóm trao đổi, cử đại diện trình bày. Các nhóm khác nghe và nhận xét. Sau đó GV chốt lại những nội dung chính **GV** dùng tư liệu về Văn Miếu - Quốc tử giám và khai thác nội dung hình 38 (SGK): Đây là bức ảnh chụp bia Tiến sĩ ở Văn Miếu - (Hà Nội). Văn Miếu - Quốc tử giám là quần thể di tích đa dạng và phong phú hàng đầu của thành phố Hà Nội, nằm ở phía nam kinh thành Thăng Long. Trước kia, đây là nơi dựng các tấm bia ghi tên những người đỗ Tiến sĩ và thu nhận các học trò giỏi. Theo sử cũ, Văn Miếu

	được xây dựng tháng 8 năm Canh Tuất (1070) đời Lý Thánh Tông. Đến năm 1076, Lý Nhân Tông cho lập Quốc tử giám, có thể coi đây là trường Đại học đầu tiên ở nước ta. Ban đầu trường chỉ dành riêng cho con vua và các bậc quyền quý, sau đó mở rộng thu nhận cả con cái thường dân có sức học xuất sắc. Văn Miếu - Quốc tử giám hiện còn lưu giữ 82 tấm bia Tiến sỹ, trong đó ghi rõ họ tên, quê quán 130 Tiến sỹ của 82 khoa thi (từ năm 1442 đến 1779), gồm 81 khoa thi triều Lê và 1 khoa thi triều Mạc. Bia được khởi dựng năm 1484 dưới triều vua Lê Thánh Tông, nhằm biểu dương nhân tài, khuyến khích việc học tập đương thời và hậu thế.
- Tác dụng: đào tạo người làm quan, người tài cho đất nước, nâng cao dân trí, song không tạo điều kiện cho phát triển kinh tế. **- Văn học** + Phát triển mạnh từ thời nhà Trần, nhất là văn học chữ Hán. Tác phẩm tiêu biểu: *Nam quốc sơn hà, Bạch Đằng giang phú, Bình Ngô đại cáo, Hịch tướng sĩ.* + Từ thế kỉ XV văn học chữ Hán và chữ Nôm đều phát triển. - Đặc điểm: + Thể hiện tinh thần dân tộc, lòng yêu nước, tự hào dân tộc. + Ca ngợi những chiến công oai hùng, cảnh đẹp của quê hương đất nước **- Nghệ thuật** + Kiến trúc phát triển chủ yếu ở giai đoạn Lý - Trần - Hồ thế kỉ	- GV: Qua sự phát triển của giáo dục thế kỉ XI - XV em thấy giáo dục thời kì này có tác dụng gì? - HS suy nghĩ, trả lời: - GV nhận xét, kết luận: - GV: Biểu hiện phát triển của văn học thế kỉ XI - XV? - HS: Dựa trên những kiến thức văn học đã được học kết hợp với những kiến thức lịch sử để trả lời. GV: Đặc điểm của văn học thời kì này? GV: Quan sát các hình 39, 40, 41 hãy phân tích nét độc đáo của nghệ thuật kiến trúc Việt Nam. - HS dựa vào hiểu biết của bản thân và SGK để trả lời. GV phân tích hình 39 – Chùa Một Cột. Chùa Một Cột (hay còn gọi là Diên Hựu) nằm ở phía tây Hoàng Thành Thăng Long thời Lý, nay thuộc quận Ba Đình- Hà Nội bên phải lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

<table>
<tr>
<td>
X - XV theo hướng Phật giáo gồm chùa, tháp, đền.
+ Bên cạnh đó có những công trình kiến trúc ảnh hưởng Nho giáo: Cung điện, thành quách, thành Thăng Long.
+ Điêu khắc: Gồm những công trình chạm khắc, trang trí ảnh hưởng của Phật giáo và Nho giáo vẫn mang những độc đáo riêng.
+ Nghệ thuật sân khấu ca múa, nhạc mang đậm tính dân gian truyền thống.
- Nhận xét:
+ Văn hoá Đại Việt thế kỉ X - XV phát triển phong phú đa dạng.
+ Chịu ảnh hưởng của yếu tố ngoài xong vẫn mang đậm tính dân tộc và dân gian.
- Khoa học - kĩ thuật
<table>
<tr><th>Lĩnh vực</th><th>Thành tựu</th></tr>
<tr><td>Sử học</td><td>Đại Việt sử kí, Đại Việt sử kí toàn thư, Lam Sơn thực lục</td></tr>
<tr><td>Địa lí</td><td>Dư địa chí, Hồng Đức bản đồ</td></tr>
<tr><td>Quân sự</td><td>Binh thư yếu lược, chế tạo súng thần cơ</td></tr>
<tr><td>Toán học</td><td>Đại thành toán pháp, Lập thành toán pháp</td></tr>
<tr><td>Chính trị</td><td>Thiên nam dư hạ</td></tr>
</table>
</td>
<td>
Chùa được xây dựng năm 1049 đời Lý Thái Tông. Tương truyền, vua Lý Thái Tông chiêm bao thấy Phật Quan âm dắt vua lên ngự toạ trên toà sen. Quần thần cho là điềm gở, nhà sư Thiền Tuệ khuyên vua làm chùa, dựng cột đá, làm toà sen của Phật Quan âm như trong mộng.
Chùa Một Cột hình vuông mỗi bề 3m, mái cong dựng trên cột đá hình trụ cao 4m, với đường kính 1,2m. Trụ đá gồm hai khối, gắn rất khéo thoạt nhìn như một khối đá liền. Sự độc đáo của kiến trúc chùa Một Cột là toàn bộ ngôi chùa được đặt trên một cột đá. Cùng với ao hình vuông phía dưới có thể là biểu hiện của đất, ngôi chùa như vươn lên với một ý niệm cao cả: lòng nhân ái soi tỏ thế gian.
- GV: Em có nhận xét gì về đời sống văn hoá thời Lý - Trần - Hồ?
- HS suy nghĩ trả lời.
- GV bổ sung kết luận.
GV hướng dẫn HS điền nội dung vào bảng:
</td>
</tr>
</table>

V. CỦNG CỐ, DẠN DÒ

1. Củng cố

GV nêu một số câu hỏi và hướng dẫn HS tự củng cố kiến thức:

1. Thống kê các thành tựu văn học, nghệ thuật, khoa học kĩ thuật ở các thế kỉ X - XV?

2. Tìm hiểu các thành tựu văn hoá trong các thế kỉ X - XV ở địa phương em?

2. Bài tập về nhà

- Ôn lại nội dung bài học dựa theo câu hỏi củng cố kiến thức cuối giờ.

- Đọc trước bài 21.

Chương III

VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ XVI ĐẾN THẾ KỈ XVIII

Bài 21. NHỮNG BIẾN ĐỔI CỦA NHÀ NƯỚC PHONG KIẾN TRONG CÁC THẾ KỈ XVI - XVIII

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

- Biết được sự suy yếu, khủng hoảng của triều đình nhà Lê đã dẫn đến sự hình thành của các thế lực phong kiến.

- Nhà Mạc ra đời và tồn tại hơn nửa thế kỉ đã góp phần ổn định xã hội trong một thời gian.

- Chiến tranh phong kiến diễn ra liên miên trong thế kỉ XVI – XVIII, đã dẫn đến sự chia cắt đất nước từ năm 1672 cho đến cuối năm 1786.

- Tuy ở mỗi miền (Đàng Trong, Đàng Ngoài) có chính quyền riêng nhưng chưa hình thành hai nước.

2. Kĩ năng

- Rèn kĩ năng phân tích, tổng hợp vấn đề.

- Khả năng nhận xét về tính giai cấp trong xã hội.

3. Thái độ, tư tưởng

- Phê phán các thế lực chia cắt đất nước.

- Bồi dưỡng ý thức xây dựng và bảo vệ đất nước thống nhất.

- Bồi dưỡng tinh thần dân tộc.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

- *Đàng Ngoài* (Bắc Hà): phần lãnh thổ Đại Việt từ sông Gianh trở ra Bắc, do vua Lê - chúa Trịnh thống trị trong thế kỉ XVII - XVIII.

- *Đàng Trong* (Nam Hà): phần lãnh Đại Việt từ sông Gianh trở vào do chúa Nguyễn cai quản, trong thế kỉ XVII - XVIII.

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Lược đồ Việt Nam về các khu vực thống trị của Bắc triều, Nam triều, Đàng Trong, Đàng Ngoài.

- Một số tài liệu, tranh ảnh liên quan đến bài học

- Máy vi tính kết nối máy chiếu.

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

- GV có thể dựa vào phần mở đầu của SGK để dẫn dắt vào bài mới

- GV có thể giới thiệu khái quát về tình hình đất nước cuối thời Lê sơ và những biến động dẫn tới sự sụp đổ của nhà Lê: Nhà Mạc được thành lập trong hoàn cảnh nào ? Nguyên nhân nào dẫn đến sự chia cắt đất nước suốt thế kỉ XVII - XVIII ? Sự khác nhau về tổ chức chính quyền Đàng Trong - Đàng Ngoài là gì ? Để hiểu được những biến đổi của nhà nước phong kiến trong các thế kỉ XVI - XVIII, chúng ta cùng tìm hiểu bài 21.

3. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Một số gợi ý:

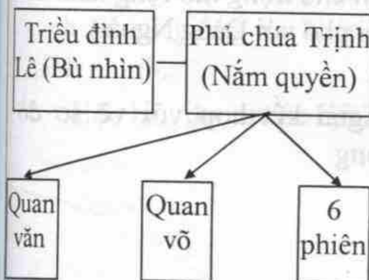
- Bài này nội dung kiến thức, gồm 4 mục. Phần sự sụp đổ của nhà Lê giới thiệu ngắn gọn, sự thành lập nhà Mạc dạy kĩ hơn. Cần làm sáng tỏ kết quả của cuộc chiến tranh Nam - Bắc triều và chiến tranh Trịnh - Nguyễn cũng như sự khác nhau giữa nhà nước phong kiến Đàng Ngoài và chính quyền Đàng Trong.

- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

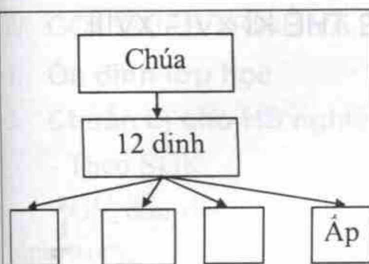
Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
I. Sự sụp đổ của nhà Lê, nhà Mạc thành lập. *** Sự sụp đổ của Nhà Lê. Nhà Mạc thành lập.** - Đầu thế kỉ XVI nhà Lê sơ lâm vào khủng hoảng suy yếu.	**Hoạt động 1:** (Cả lớp, cá nhân): *Biết được khái quát về những biến đổi của nhà nước phong kiến trong các thế kỉ XVI - XVIII: nguyên nhân sụp đổ của nhà Lê và sự thành lập nhà Mạc.* - Trước hết GV nhắc lại: Triều đại nhà Lê sơ được đánh giá là một triều đại thịnh trị trong lịch sử phong kiến Việt. Song từ đầu thế kỉ XVI, nhà Lê sơ lâm vào khủng hoảng, suy yếu. - GV nêu câu hỏi: *Tại sao thế kỉ XVI nhà Lê sơ suy yếu? Biểu hiện của sự suy yếu đó?* - HS theo dõi SGK trả lời. - GV chốt lại nguyên nhân dẫn tới sự sụp đổ của nhà Lê là do: Vua, quan chỉ lo ăn chơi sa xỉ không

- **Biểu hiện:** + Các thế lực phong kiến nổi dậy tranh chấp quyền lực. Mạnh nhất là thế lực Mạc Đăng Dung. + Phong trào đấu tranh của nhân dân bùng nổ ở nhiều nơi. + Năm 1527 Mạc Đăng Dung phế truất vua Lê, lập ra triều Mạc.	quan tâm đến triều chính và nhân dân (tiêu biểu là vua Uy Mục và Tương Dực). Địa chủ ra sức chiếm đoạt ruộng đất, bóc lột nông dân. Một số thế lực phong kiến tranh chấp quyền lực; phong trào đấu tranh của nông dân nổ ra liên tiếp. - GV đặt câu hỏi: *Mạc Đăng Dung là ai ?* rồi tạo biểu tượng về nhân vật Mạc Đăng Dung (1483 - 1541): quê ở làng Cổ Trai, Nghi Dương, Hải Phòng. Vốn xuất thân từ nghề chài lưới, có sức khoẻ, đánh vật giỏi, thi đậu Đô lực sĩ được tuyển vào đội Túc vệ. Nhờ có sức khoẻ, cương trực, lập được nhiều công lớn trong việc dẹp yên xung đột giữa các đại thần nên nhanh chóng được thăng quan, tiến chức. Ông từng làm đến chức Thái phó, Tiết chế 13 đạo quân thuỷ bộ, có thế lực lớn trong triều đình. Trong bối cảnh nhà Lê suy yếu, bất lực, Mạc Đăng Dung đã phế truất vua Lê và thành lập triều Mạc. GV: Giúp HS nhận thức, đây là sự thay thế tất yếu và hợp quy luật để HS có những đánh giá đúng đắn về triều Mạc và Mạc Đăng Dung.
*** Chính sách của nhà Mạc:** - Nhà Mạc xây dựng chính quyền theo mô hình cũ của nhà Lê. - Tổ chức thi cử đều đặn. - Xây dựng quân đội mạnh. - Giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân. ⇒ Những chính sách của nhà Mạc bước đầu đã ổn định lại đất nước. - Do sự chống đối của cựu thần nhà Lê và do chính sách cắt đất, thần phục nhà Minh ⇒ nhân dân phản đối.	*** Hoạt động 2:** (Cả lớp, cá nhân). - GV yêu cầu HS theo dõi SGK trả lời câu hỏi: *Sau khi nhà Mạc lên cầm quyền đã thi hành chính sách gì?* - HS theo dõi SGK trả lời. - GV bổ sung, kết luận. - GV giảng giải thêm ở thời Lê: Nhà Mạc đã cố gắng giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp. - GV kết luận về tác dụng của những chính sách của nhà Mạc. Cho HS quan sát H.42 - Di tích thành nhà mạc (Lạng Sơn) để hiểu thêm về nhà Mạc. - GV phát vấn: *Trong thời gian cầm quyền nhà Mạc gặp khó khăn gì?* - HS theo dõi SGK trả lời. - GV bổ sung, kết luận: Về những khó khăn của nhà Mạc và lí giải tại sao nhà Mạc bị cô lập.

Nhà Mạc bị cô lập	GV có thể bổ sung: Thấy Đại Việt đang trong tình trạng bất ổn định, nhà Minh sai quân áp sát biên giới, đe doạ tiến vào nước ta. Mạc Đăng Dung lúng túng: năm 1540 xin cắt vùng đất Đông Bắc trước đây vốn thuộc Châu Khâm (Quảng Đông) nộp cho nhà Minh, dâng sổ sách vùng đất này cho quân Minh. Việc làm này bị nhân dân lên án, mất lòng tin vào nhà Mạc. Vậy nên nhà Mạc bị cô lập. Các cựu thần nhà Lê nổi lên chống đối, đất nước rơi vào tình trạng chiến tranh chia cắt.
II. Đất nước bị chia cắt **** Chiến tranh Nam - Bắc triều*** - Cựu thần nhà Lê, đứng đầu là Nguyễn Kim đã quy tụ lực lượng chống Mạc "Phù Lê diệt Mạc" → Thành lập chính quyền ở Thanh Hoá gọi là Nam triều, đối đầu với nhà Mạc ở Thăng Long - Bắc triều. - 1545 - 1592 chiến tranh Nam Bắc triều bùng nổ ⇒ nhà Mạc bị lật đổ, đất nước thống nhất. **** Chiến tranh Trịnh - Nguyễn:*** + Ở Thanh Hoá, Nam Triều vẫn tồn tại nhưng quyền lực nằm trong tay họ Trịnh.	*** Hoạt động 3:** (Cả lớp và cá nhân): *Lí giải được nguyên nhân đất nước bị chia cắt thành Bắc triều và Nam triều, Đàng Ngoài và Đàng Trong:* - GV giảng giải: Nhà Mạc ra đời trong bối cảnh chiến tranh phong kiến bùng nổ. Tuy bước đầu có góp phần ổn định lại xã hội nhưng lại trở thành nguyên cớ gây nên chiến tranh: Chiến tranh Nam - Bắc triều. - GV yêu cầu HS theo dõi SGK để thấy được nguyên nhân của cuộc chiến tranh Nam - Bắc triều, kết quả. - HS theo dõi SGK trả lời. - GV nhận xét bổ sung, kết luận. GV giải thích thêm: + Bộ phận cựu thần nhà Lê gắn bó với sự nghiệp giải phóng đất nước của cha ông, không chấp nhận nền thống trị của họ Mạc, không phục họ Mạc ở chỗ Mạc Đăng Dung không xuất thân từ dòng dõi quý tộc, vì vậy đã nổi lên ở Thanh Hoá - quê hương của nhà Lê để chống lại nhà Mạc ⇒ Chiến tranh Nam - Bắc triều. Nhà Mạc không được nhân dân ủng hộ, vì vậy bị lật đổ, phải chạy lên Cao Bằng. Đất nước thống nhất. Không lâu sau ở Nam triều, quyền hành nằm trong tay họ Trịnh (Trịnh Kiểm) đã hình thành một thế lực cát cứ ở mạn Nam - thế lực họ Nguyễn. Một cuộc chiến tranh phong kiến mới lại bùng nổ: Chiến tranh Trịnh - Nguyễn.

+ Ở Mạn Nam: Họ Nguyễn cát cứ xây dựng chính quyền riêng. + 1627 họ Trịnh đem quân đánh họ Nguyễn, chiến tranh Trịnh - Nguyễn bùng nổ. + Kết quả: 1672 hai bên giảng hoà, lấy sông Gianh làm giới tuyến ⇒ đất nước bị chia cắt.	- GV yêu cầu HS theo dõi SGK để thấy được nguyên nhân dẫn đến chiến tranh Trịnh - Nguyễn và hậu quả của nó. - HS theo dõi SGK và phát biểu. - GV bổ sung, kết luận về nguyên nhân dẫn đến chiến tranh Trịnh - Nguyễn. + Trong lực lượng phù Lê: Đứng đầu là Nguyễn Kim. Nhưng từ khi Nguyễn Kim chết, con rể là Trịnh Kiểm đã tiếp tục sự nghiệp "Phù Lê diệt Mạc". Để thao túng quyền lực vào tay họ Trịnh, Trịnh Kiểm, giết Nguyễn Uông (con cả Nguyễn Kim). Trước tình thế đó, người con thứ của Nguyễn Kim là Nguyễn Hoàng xin cho vào trấn thủ đất Thuận Hoá. Từ đó cơ nghiệp họ Nguyễn ở mạn Nam dần được xây dựng, trở thành thế lực cát cứ ở Đàng Trong, tách khỏi sự lệ thuộc họ Trịnh ở Đàng Ngoài. - GV chốt ý: Như vậy 2 mạn Nam - Bắc của Đại Việt có 2 thế lực phong kiến cát cứ. GV sử dụng bản đồ để chỉ cho HS quan sát.
III. Nhà nước phong kiến Đàng Ngoài - Cuối XVI, chính quyền Nam triều chuyển về Thăng Long. - ***Chính quyền trung ương*** gồm:  	**Hoạt động 4:** (Cả lớp và cá nhân): *Tìm hiểu tổ chức nhà nước phong kiến ở Đàng Ngoài:* - GV trình bày: sau khi lật đổ nhà Mạc, chính quyền Nam triều chuyển về Thăng Long. Nhà nước phong kiến được xây dựng lại do vua Lê đứng đầu. Tuy nhiên, địa vị vua Lê không còn như trước. Dựa vào công lao đánh đổ nhà Mạc, chúa Trịnh ngày càng lấn quyền vua Lê. - GV yêu cầu HS theo dõi SGK để thấy được tổ chức chính quyền trung ương và địa phương của Nhà nước Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài. - HS theo dõi SGK, trả lời. - GV bổ sung, kết luận về tổ chức chính quyền Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài. - GV có thể minh hoạ bằng sơ đồ đơn giản. Qua đó có thể thấy quyền lực của chúa Trịnh không kém gì một ông vua thực sự. Ở trung ương có hai

- ***Chính quyền địa phương***: Chia thành 12 trấn (do Trấn thủ đứng đầu). Dưới trấn là phủ, huyện, châu, xã. - ***Chế độ tuyển dụng quan*** lại như thời Lê. - ***Luật pháp:*** Tiếp tục dùng quốc triều hình luật (có bổ sung). - ***Quân đội*** gồm: + Quân thường trực (Tam phủ), tuyển chủ yếu ở Thanh Hoá + Ngoại binh: Tuyển từ 4 trấn quanh kinh thành. - ***Đối ngoại***: Hoà hiếu với nhà Thanh ở Trung Quốc. **IV. Chính quyền ở Đàng Trong** - Thế kỉ XVII, lãnh thổ Đàng Trong được mở rộng từ Nam Quảng Bình đến Nam Bộ ngày nay. - ***Địa phương:*** Chia làm 12 dinh, nơi đóng phủ chúa (Phú Xuân) là dinh chính, do chúa Nguyễn trực tiếp cai quản. - Dưới dinh là: phủ, huyện, thuộc, ấp.	bộ phận: triều đình do vua đứng đầu và phủ chúa do chúa Trịnh đứng đầu. - GV giải thích tại sao chúa Trịnh không lật đổ vua Lê: Chúa Trịnh đã nghĩ đến việc lật đổ vua Lê, đem ý định đó hỏi Trạng nguyên Nguyễn Bỉnh Khiêm (một người giỏi số thuật). Nguyễn Bỉnh Khiêm trả lời chúa Trịnh: Thóc cũ vẫn tốt cứ mang gieo. Từ đó Chúa Trịnh hiểu nhà Lê vẫn còn có ảnh hưởng trong nhân dân và tầng lớp sĩ phu, vì vậy thôi ý định lật đổ vua Lê. - GV kết luận: Khái quát về chính quyền địa phương, luật pháp, quân đội, đối ngoại, chế độ thi cử. + HS nghe, ghi chép. - GV: *Em có nhận xét gì về bộ máy Nhà nước thời Lê - Trịnh?* - HS dựa vào phần vừa học để trả lời: Cho HS quan sát bức tranh H.43 - Phủ chúa Trịnh để hiểu rõ hơn về quyền lực của phủ chúa. - GV kết luận: Về cơ bản bộ máy Nhà nước được tổ chức như thời Lê sơ. Điểm khác là triều đình nhà Lê không còn nắm thực quyền, mà quyền lực nằm trong tay chúa Trịnh. HS nghe, ghi nhớ. *** Hoạt động 5:** (Cả lớp và cá nhân): *Tìm hiểu tổ chức nhà nước phong kiến ở Đàng Trong:* - GV: Giảng giải về quá trình mở rộng lãnh thổ Đàng Trong của các chúa Nguyễn và nguyên nhân tại sao các chúa Nguyễn chú trọng mở rộng lãnh thổ (để củng cố tiềm lực đối phó với Đàng Ngoài). - HS nghe, ghi chép. - GV tiếp tục giảng giải kết hợp với vẽ sơ đồ chính quyền Đàng Trong

 - Quân đội là quân thường trực, tuyển theo nghĩa vụ, trang bị vũ khí đầy đủ. - Tuyển chọn quan lại: lấy theo dòng họ Nguyễn, tiến cử; từ giữa thế kỉ XVII mở khoa thi để tuyển quan lại. - 1744 chúa Nguyễn Phúc Khoát xưng vương, thành lập chính quyền trung ương. Song đến cuối XVIII vẫn chưa hoàn chỉnh.	- GV: *Em có có nhận xét gì về chính quyền Đàng Trong, điểm khác biệt với Nhà nước Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài?* - HS so sánh, suy nghĩ, trả lời. - GV bổ sung, kết luận: ở Đàng Trong chỉ có chính quyền địa phương do chúa Nguyễn cai quản. Chính quyền Trung ương chưa xây dựng. Điều đó lí giải tại sao ở Đàng Ngoài được gọi là "Nhà nước phong kiến Đàng Ngoài", còn ở Đàng Trong được gọi là "Chính quyền Đàng Trong". Nước Đại Việt bị chia cắt làm 2 Đàng chứ không phải bị tách làm 2 nước (liên hệ với giai đoạn 1954 - 1975). - HS nghe, ghi nhớ. - GV tiếp tục giảng tiếp về quân đội, cách tuyển chọn quan lại, sự kiện năm 1744 Nguyễn Phúc Khoát xưng vương xây dựng triều đình trung ương và hệ quả của việc làm này (nước Đại Việt đứng trước nguy cơ chia làm 2 nước).

V. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. Củng cố

- Các cuộc chiến tranh phong kiến dẫn đến sự sụp đổ của nhà Lê sơ, nhà Mạc thành lập và tiếp theo là sự chia cắt đất nước Đàng Trong - Đàng Ngoài.

- Nguyên nhân và hậu quả của chiến tranh Nam - Bắc triều, chiến tranh Trịnh - Nguyễn.

2. Bài tập về nhà

HS vẽ sơ đồ đơn giản bộ máy chính quyền Đàng Trong, Đàng Ngoài rồi so sánh về sự giống và khác nhau về tổ chức chính quyền, hệ thống các đơn vị hành chính.

Học bài, đọc trước bài 22.

Bài 22. TÌNH HÌNH KINH TẾ TRONG CÁC THẾ KỈ XVI - XVIII

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

- Đất nước có nhiều biến động, song tình hình kinh tế có nhiều biểu hiện phát triển.

- Lãnh thổ Đàng Trong mở rộng, tạo nên một vựa thóc lớn, góp phần quan trọng ổn định tình hình xã hội.

- Kinh tế hàng hoá phát triển mạnh mẽ, tạo điều kiện cho sự hình thành và phồn vinh của một số đô thị.

- Từ nửa sau thế kỉ XVIII kinh tế cả 2 Đàng đều suy thoái. Song sự phát triển của kinh tế hàng hoá ở các thế kỉ trước đã ảnh hưởng quan trọng đến xã hội.

2. Kĩ năng

Rèn kĩ năng phân tích, liên hệ thực tế.

3. Thái độ, tư tưởng

- Giáo dục ý thức về tính hai mặt của kinh tế thị trường, từ đó biết định hướng về các tác động tích cực.

- Bồi dưỡng những nhận thức về hạn chế của tư tưởng phong kiến.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

- *Chợ:* Nơi công cộng để mọi người đến mua bán hàng hóa, có thể được quy định vào những buổi hoặc những ngày nhất định.

- *Chợ phiên*: Chợ họp có ngày nhất định.

- *Đô thị*: Nơi dân cư đông đúc, là trung tâm thương nghiệp và có thể cả công nghiệp.

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Tranh ảnh, bản đồ Việt Nam có ghi địa danh và vị trí các đô thị.

- Một số nhận xét của thương nhân nước ngoài về kinh tế Việt Nam hay về các đô thị Việt Nam .

- Máy vi tính kết nối máy chiếu.

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

- Theo SGK

- GV dẫn dắt HS vào tình huống có vấn đề: Trong các kỉ XVI - XVIII, bối cảnh trong nước và thế giới có nhiều biến động. Điều đó đã tác động đến nền kinh tế nước ta. Thời kì này kinh tế nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp có sự phát triển như thế nào? Sự hưng khởi của đô thị nói lên điều gì ? Nguyên nhân suy tàn của đô thị nước ta vào đầu thế kỉ XIX ?

3. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Một số gợi ý:

- Bài này kiến thức cơ bản tập trung ở cả 4 mục, cần phân phối thời gian đều tương ứng với 4 nội dung cơ bản. Tuy nhiên, do lượng kiến thức nhiều, nên cần tập trung vào tình hình nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp ở Đàng Trong và Đàng Ngoài. Tìm ra sự khác nhau giữa sự phát triển kinh tế của hai Đàng. Phần sự hưng khởi của các đô thị, cần làm nổi bật sự phát triển của kinh đô Thăng Long.

- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
I- Tình hình nông nghiệp ở các thế kỉ XVI - XVIII - Từ cuối thế kỉ XV đến nửa đầu thế kỉ XVII, do Nhà nước không quan tâm đến sản xuất, nội chiến giữa các thế lực phong kiến, nông nghiệp sa sút, mất mùa, đói kém liên miên. - Từ nửa sau thế kỉ XVII, tình hình chính trị ổn định, nông nghiệp 2 Đàng phát triển.	**Hoạt động 1:** (Cả lớp, cá nhân): *Tìm hiểu tình hình nông nghiệp Đàng Ngoài và Đàng Trong ở các thế kỉ XVI - XVIII:* GV nêu câu hỏi: Nguyên nhân nào dẫn đến tình trạng sa sút của nông nghiệp nước ta thời gian này? HS dựa vào SGK để trả lời. - GV bổ sung, chốt ý: Do ruộng đất càng tập trung trong tay địa chủ, quan lại, Nhà nước không quan tâm đến sản xuất như trước, các thế lực phong kiến nổi lên tranh giành quyền lực, nội chiến phong kiến liên miên đã làm cho nông nghiệp kém phát triển, mất mùa đói kém thường xuyên xảy ra. GV nêu câu hỏi: Từ nửa sau thế kỉ XVIII, tình hình nông nghiệp như thế nào?

+ Ruộng đất ở cả 2 Đàng mở rộng, nhất là ở Đàng Trong. + Thuỷ lợi được củng cố. + Giống cây trồng ngày càng phong phú. + Kinh nghiệm sản xuất được đúc kết. - ở cả 2 Đàng chế độ tư hữu ruộng đất phát triển. Ruộng đất ngày càng tập trung trong tay địa chủ.	- HS trả lời: Từ nửa sau thế kỉ XVII khi tình hình chính trị ổn định, nông nghiệp 2 Đàng phát triển. - GV yêu cầu 1 HS đọc SGK, cả lớp theo dõi SGK để thấy được sự phát triển của nông nghiệp 2 Đàng, nhất là ở Đàng Trong. - GV chốt ý về biểu hiện của sự phát triển nông nghiệp, nhấn mạnh sự phát triển nông nghiệp ở Đàng Trong. Do lãnh thổ ngày càng mở rộng vào Nam, dân cư ít, điều kiện sản xuất thuận lợi nên nông nghiệp Đàng Trong đã vượt qua yêu cầu tự cấp, tự túc trở thành một vựa thóc lớn phục vụ thị trường Đàng Trong, giải quyết mâu thuẫn xã hội. Còn ở Đàng Ngoài: Là vùng đất lâu đời, đã được khai phá triệt để. Vì vậy nông nghiệp ít có khả năng mở rộng, phát triển. -HS nghe, ghi nhớ.
II. Sự phát triển của thủ công nghiệp - Nghề thủ công truyền thống tiếp tục phát triển và đạt trình độ cao (dệt, gốm, sứ, làm giấy, đồ trang sức, đúc đồng, rèn sắt). - Một số nghề mới xuất hiện như: Khắc bản in gỗ, làm đường trắng, làm đồng hồ, làm tranh sơn mài. - Khai mỏ - một ngành quan trọng rất phát triển ở cả Đàng Trong và Đàng Ngoài. - Các làng nghề thủ công xuất hiện ngày càng nhiều.	**Hoạt động 2:** (Cả lớp và cá nhân): *Tìm hiểu những biểu hiện sự phát triển của thủ công nghiệp Đàng Ngoài và Đàng Trong ở các thế kỉ XVI - XVIII:* - GV yêu cầu HS theo dõi SGK để thấy được: + Sự phát triển của các nghề thủ công truyền thống. + Sự xuất hiện những nghề mới. + Nét mới trong kinh doanh, sản xuất thủ công nghiệp. - HS theo dõi SGK, trả lời. - GV nhận xét, bổ sung, kết luận về sự phát triển của thủ công nghiệp. Cung cấp thêm tư liệu: Một thương nhân hỏi người thợ dệt "Tơ lụa được sản xuất với một số lượng lớn bao gồm đủ loại như lụa trắng, lụa màu, the, lĩnh, nhiễu, đoạn... kĩ thuật dệt không kém mềm mại, vừa đẹp, vừa tốt... chị có làm được không? Người thợ trả lời: Làm được!" GV cho HS quan sát và khai thác nội dung kiến thức qua hình 44 (SGK): Cặp chân đèn gốm hoa lam đầu thế kỉ XVII. - GV bổ sung một số câu ca dao về các ngành nghề thủ công. Kể tên một số làng nghề thủ công truyền

	thống, kết hợp liên hệ thực tiễn về sự tồn tại của các làng nghề ngày nay. - HS nghe, ghi nhớ: - GV: *Em có nhận xét gì về sự phát triển của thủ công nghiệp đương thời? So sánh với giai đoạn trước.* - HS so sánh, suy nghĩ, trả lời. - GV nhận xét, kết luận: Thủ công nghiệp thế kỉ XVI - XVIII phát triển mạnh mẽ, ngành nghề phong phú, chất lượng sản phẩm tốt, đáp ứng nhu cầu trao đổi trong nước và nước ngoài. Thúc đẩy kinh tế hàng hoá đương thời phát triển. - HS nghe, ghi nhớ.
III. Sự phát triển của thương nghiệp - **Nội thương**: - Ở các thế kỉ XVI - XVIII buôn bán trong nước có bước phát triển mới: + Chợ làng, chợ huyện... mọc lên khắp nơi và ngày càng đông đúc. + Ở nhiều nơi xuất hiện làng buôn. + Buôn bán lớn (buôn chuyến, buôn thuyền) xuất hiện. + Buôn bán giữa các vùng miền phát triển.	**Hoạt động 3:** (Cả lớp và cá nhân): *Tìm hiểu sự phát triển của thương nghiệp ở các thế kỉ XVI - XVIII:* - GV nêu câu hỏi: nét mới trong nội thương thế kỉ XVI - XVIII ? HS theo dõi SGK và trả lời. GV kết luận: Buôn bán lớn xuất hiện, xuất hiện một số làng buôn. Như vậy buôn bán không đơn thuần là trao đổi hàng hoá thoả mãn nhu cầu tiêu dùng mà đã phát triển thành một nghề. Liên hệ thực tiễn: *Đình Bảng bán ấm, bán khay* *Phù Lưu họp chợ mỗi ngày một đông.* - HS nghe, ghi nhớ. - GV nêu câu hỏi: Nguyên nhân thúc đẩy nội thương phát triển? HS trả lời. GV chốt lại: Nông nghiệp, thủ công nghiệp phát triển, đường sá được mở rộng... Đời sống nhân dân được nâng cao, sức mua tăng... GV yêu cầu HS quan sát hình 45 (SGK về thương cảng Hội An (tranh vẽ cuối thế kỉ XVIII). Có thể tham khảo tư liệu về Hội An qua cuốn Hướng dẫn sử dụng kênh hình.

*** Ngoại thương:** - Thế kỉ XVI - XVIII ngoại thương phát triển mạnh. + Thuyền buôn các nước (Trung Quốc, Nhật Bản, Gia-va, Xiêm, kể cả các nước châu Âu: Bồ Đào Nha, Hà Lan, Pháp, Anh) đến Việt Nam buôn bán ngày càng tấp nập. + Thương nhân nhiều nước đã tụ hội lập phố xá, cửa hàng buôn bán lâu dài. **- Nguyên nhân phát triển:** + Do chính sách mở cửa của chính quyền Trịnh, Nguyễn. + Do phát kiến địa lí tạo điều kiện giao lưu Đông - Tây thuận lợi. - Giữa thế kỉ XVIII, ngoại thương suy yếu dần do chế độ thuế khoá của Nhà nước ngày càng phức tạp.	*** Hoạt động 4:** (Cả lớp, cá nhân) - GV trình bày và phân tích: trong các thế kỉ XVI - XVIII ngoại thương phát triển rất mạnh. - GV yêu cầu HS theo dõi SGK để thấy được biểu hiện phát triển của ngoại thương. - HS theo dõi SGK trả lời. - GV bổ sung kết luận về những biểu hiện phát triển của ngoại thương. Phân tích lời nhận xét của thương nhân nước ngoài trong sách hướng dẫn GV. Kể về sự thành lập các hội quán của người Hoa, người Nhật ở Hội An. Phố người Hoa ở Phố Hiến (Hưng Yên). - HS nghe, ghi nhớ. - GV: Những yếu tố bên trong và bên ngoài nào thúc đẩy sự phát triển của ngoại thương? Sự phát triển của ngoại thương có tác dụng gì với sự phát triển của kinh tế nước ta? - HS suy nghĩ, trả lời. - GV kết luận nguyên nhân dẫn đến sự phát triển ngoại thương là do chính sách mở của của chính quyền Trịnh - Nguyễn; do kết qua của cuộc phát kiến địa lí đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao lưu Đông – Tây. GV: Sự phát triển của ngoại thương có tác dụng gì với sự phát triển của kinh tế nước ta?(tạo điều kiện cho đất nước tiếp cận với nền kinh tế thế giới với phương thức sản xuất mới). - GV giảng tiếp: Sự phát triển của ngoại thương rầm rộ trong một thời gian. Đến giữa thế kỉ XVIII, ngoại thương suy yếu dần do chế độ thuế khoá phiền phức. (HS đọc đoạn chữ in nhỏ SGK.)
IV. Sự hưng khởi của các đô thị - Thế kỉ XVI - XVIII nhiều đô thị mới hình thành phát triển hưng thịnh. - Thăng Long - Kẻ chợ với 36 phố phường trở	*** Hoạt động 5:** (Cả lớp): *Tìm hiểu sự hưng khởi của các đô thị:* - GV dẫn dắt: Do sự phát triển của kinh tế hàng hóa đã tạo điều kiện cho các đô thị cũ phát triển và các đô thị mới hình thành. GV hỏi: Biểu hiện hưng khởi của đô thị? HS dựa vào SGK trả lời.

thành đô thị lớn của cả nước. - Những đô thị mới như: Phố Hiến (Hưng Yên), Hội An (Quảng Nam), Thanh Hà (Phú Xuân - Huế) trở thành những nơi buôn bán sầm uất. - Đầu thế kỉ XIX, do chính sách hạn chế ngoại thương, hạn chế giao lưu giữa các vùng của chính quyền phong kiến. Đô thị suy tàn dần.	- GV phân tích thêm về nhận xét của các thương nhân nước ngoài về sự hưng thịnh của Thăng Long và các đô thị khác. - GV: Nguyên nhân dẫn đến sự hưng khởi của đô thị? - HS suy nghĩ trả lời. - GV bổ sung, kết luận: Đô thị hưng khởi là do: thủ công nghiệp và thương nghiệp phát triển, nhất là ngoại thương, kinh tế hàng hóa phát triển, tạo điều kiện cho đô thị ra đời và hưng khởi. - HS nghe, ghi nhớ. - GV giảng tiếp về sự suy tàn của đô thị, nguyên nhân của hiện tượng này.

V. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. Củng cố

- Thế kỉ XVI - XVIII kinh tế nước ta có bước phát triển mới, phồn thịnh.

- Thủ công nghiệp ngày càng tăng tiến nhưng không thể chuyển hoá sang phương thức sản xuất TBCN.

- Sự phát triển của ngoại thương và đô thị đưa đất nước tiếp cận với nền kinh tế thế giới.

- Do chính sách của Nhà nước nên cuối thế kỉ XVIII, Việt Nam vẫn là một nước nông nghiệp.

2. Bài tập về nhà

- Trả lời câu hỏi cuối bài.

- Lập bảng thống kê sự phát triển của nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp và đô thị nước ta thế kỉ XVI - XVIII.

- Đọc trước bài 23.

Bài 23. PHONG TRÀO TÂY SƠN VÀ SỰ NGHIỆP THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC BẢO VỆ TỔ QUỐC CUỐI THẾ KỈ XVIII

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

- Thế kỉ XVI – XVIII, đất nước bị chia làm 2 miền có chính quyền riêng biệt mà hầu như các tập đoàn phong kiến thống trị không còn khả năng thống nhất lại.

- Trước tình trạng khủng hoảng của chế độ phong kiến ở cả 2 miền, nguy cơ chia cắt càng gia tăng, phong trào Tây Sơn, trong quá trình đánh đổ các tập đoàn phong kiến đang thống trị, đã xoá bỏ tình trạng chia cắt, bước đầu thống nhất lại đất nước.

- Trong quá trình đấu tranh của mình, phong trào nông dân còn hoàn thành thắng lợi 2 cuộc kháng chiến (chống Xiêm và chống Thanh) bảo vệ nền độc lập dân tộc, góp thêm những chiến công huy hoàng vào sự nghiệp giữ nước anh hùng của dân tộc.

2. Kĩ năng

- Bồi dưỡng kĩ năng sử dụng bản đồ lịch sử.

- Bồi dưỡng khả năng phân tích, nhận định sự kiện lịch sử.

3. Thái độ, tư tưởng

- Giáo dục lòng yêu nước, dám đấu tranh cho sự nghiệp bảo vệ sự toàn vẹn đất nước.

- Tự hào về tinh thần đấu tranh của người nông dân Việt Nam.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

- *Hoàng đế*: đế vị của một vua tự xưng, đứng đầu một vương triều hùng mạnh, được nước nhỏ yếu khác thần phục, cống nạp.

- *Vương triều*: triều đại hoặc triều đình.

- *Triều đại*: thời gian trị vì của một ông vua hay của một dòng họ vua (triều đại Tây Sơn).

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Bản đồ Việt Nam có những địa danh cần thiết.

- Lược đồ các trận đánh mang tính quyết chiến.

- Một số câu nói của vua Quang Trung, thơ ca của người đương thời nói về Quang Trung.

- Máy vi tính kết nối máy chiếu.

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. **Ổn định lớp học**

2. **Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới**

GV dẫn dắt HS vào tình huống có vấn đề: Cuối thế kỉ XVIII chế độ phong kiến Đàng Ngoài, Đàng Trong bước vào giai đoạn khủng hoảng trầm trọng, phong trào đấu tranh của nhân dân bùng nổ khắp nơi, đỉnh cao là phong trào nông dân Tây Sơn do ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ lãnh đạo. Phong trào Tây Sơn đã đóng góp gì cho sự nghiệp thống nhất đất nước, chống giặc ngoại xâm, xây dựng một vương triều mới ? Công lao to lớn của Quang Trung - Nguyễn Huệ đối với dân tộc ta là gì ?

3. **Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới**

Một số gợi ý:

- Đây là bài tập trung lượng kiến thức lớn, gồm 3 mục lớn (tương ứng với 4 mục nhỏ). Nội dung cơ bản ở cả 4 mục. Tuy nhiên, mục I nên giảng lướt, để dành nhiều thời gian cho mục II và mục III. Trong đó, cần nhấn mạnh vai trò của Tây Sơn nói chung, Quang Trung - Nguyễn Huệ nói riêng đối với sự nghiệp thống nhất đất nước, chống ngoại xâm và xây dựng vương triều mới.

- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
I. Phong trào Tây Sơn và sự nghiệp thống nhất đất nước (cuối thế kỉ XVIII) - Giữa thế kỉ XVIII chế	**Hoạt động 1:** (Cả lớp, cá nhân): *Tìm hiểu nét chính về phong trào Tây Sơn lật đổ chúa Nguyễn, vua Lê, chúa Trịnh, thống nhất đất nước:* - GV: Giới thiệu sơ lược về tình trạng khủng hoảng của chế độ phong kiến ở Đàng Ngoài; giữa thế kỉ XVIII chế độ phong kiến Đàng Ngoài lâm vào cuộc khủng hoảng trầm trọng: Ruộng đất bị địa chủ chiếm

độ phong kiến Đàng Ngoài và Đàng Ngoài lâm vào khủng hoảng sâu sắc. Phong trào nông dân bùng nổ rầm rộ, kéo dài hơn 10 năm nhưng cuối cùng bị đàn áp.	đoạt, thuế khoá nặng nề, quan lại tham nhũng, đời sống nhân dân sa sút nghiêm trọng, phong trào đấu tranh của nông dân bùng lên rầm rộ, tiêu biểu có khởi nghĩa của Nguyễn Danh Phương, Nguyễn Hữu Cầu, Hoàng Công Chất, Lê Duy Mật. - GV: Trong khi chế độ phong kiến Đàng Ngoài khủng hoảng thì ở Đàng Trong, năm 1744 Chúa Nguyễn Phúc Khoát đã làm gì? Sự kiện này nói lên điều gì? - HS nhớ lại kiến thức bài trước để trả lời. - GV giảng tiếp: 1744 chúa Nguyễn xưng vương, bắt tay xây dựng chính quyền Trung ương, nước ta đứng trước nguy cơ bị chia làm 2 nước. Chính quyền Đàng Trong từ đó cũng lâm vào khủng hoảng suy yếu, đời sống nhân dân cực khổ. Theo một giáo sĩ phương Tây bấy giờ "gạo đắt như vàng, tình trạng đói khổ bày ra lắm cảnh thương tâm khó tả, các xác chết chồng chất lên nhau". Phong trào nông dân bùng nổ ở Đàng Trong.
- Năm 1771 khởi nghĩa nông dân bùng lên ở Tây Sơn (Bình Định) do 3 anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ lãnh đạo	- GV yêu cầu HS theo dõi SGK và nhớ lại kiến thức ở cấp THCS để tìm hiểu nguyên nhân, diễn biến chính, kết quả, ý nghĩa của phong trào nông dân Tây Sơn và vai trò của khởi nghĩa Tây Sơn. - HS theo dõi SGK và phát biểu. - GV bổ sung, kết luận về những nét chính của phong trào Tây Sơn.
+ Từ Tây Sơn cuộc khởi nghĩa nhanh chóng phát triển, lật đổ chúa Nguyễn ở Đàng Trong, làm chủ vùng đất từ Quảng Nam trở vào.	- GV cung cấp thêm một số tư liệu về 3 anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ: Gốc họ Hồ, lớn lên gặp lúc Quốc phó Trương Thúc Loan chuyên quyền; nhân dân lầm than cực khổ. Ba anh em đã lên vùng Tây Sơn xây dựng căn cứ khởi nghĩa. Năm 1771, dựng cờ khởi nghĩa tại Tây Sơn - Bình Định. Khởi nghĩa phát triển dần thành phong trào nông dân rộng lớn, đảm nhận sứ mệnh tiêu diệt các tập đoàn phong kiến thống nhất đất nước. - GV: Vai trò của khởi nghĩa Tây Sơn ?
- Năm 1786 - 1788 nghĩa quân tiến ra Bắc, lật đổ	- HS trả lời, GV kết luận: Đảm nhiệm sứ mệnh tiêu diệt các tập đoàn phong kiến thống nhất đất nước

tập đoàn vua Lê - chúa Trịnh, làm chủ đất nước. Sự nghiệp thống nhất đất nước cơ bản hoàn thành.	(Trịnh - Nguyễn), xoá bỏ giới tuyến sông Gianh, xoá bỏ tình trạng chia cắt đất nước. Tuy nhiên, đây mới chỉ là bước đầu. - GV dẫn dắt: Ngoài sự nghiệp thống nhất đất nước phong trào Tây Sơn còn đảm đương nhiệm vụ kháng chiến chống ngoại bang bảo vệ Tổ quốc.
II. Các cuộc kháng chiến ở cuối thế kỉ XVIII **1. Kháng chiến chống quân Xiêm 1785**	*** Hoạt động 2:** (Cả lớp, cá nhân): *Tìm hiểu trên lược đồ cuộc kháng chiến chống quân Xiêm và quân Thanh:* - GV yêu cầu HS theo dõi SGK và lược đồ để tìm hiểu nguyên nhân, diễn biến, kết quả của cuộc kháng chiến chống quân Xiêm 1785. - Sau khi HS phát biểu, GV bổ sung, kết hợp với sử dụng lược đồ chiến thắng Rạch Gầm, Xoài Mút để lược thuật về cuộc kháng chiến chống quân Xiêm:
- Đầu những năm 80 của thế kỉ XVIII, sau khi chính quyền chúa Nguyễn bị lật đổ, Nguyễn Ánh cầu viện quân Xiêm. Vua Xiêm sai tướng đem 5 vạn quân sang xâm lược nước ta.	+ Đầu những năm 80 của thế kỉ XVIII, nghĩa quân Tây Sơn đã bắt giết 2 chúa là Nguyễn Phúc Dương và Nguyễn Phúc Thuần, chính quyền chúa Nguyễn bị lật đổ. Còn lại một người cháu của chúa Nguyễn là Nguyễn Ánh chạy thoát. Trong hai năm 1782 - 1783 Nguyễn Huệ đã hai lần đem quân đánh Nguyễn Ánh ở Gia Định. Cùng đường Nguyễn Ánh đã bỏ chạy sang Xiêm cầu cứu. Vua Xiêm sai tướng đem 5 vạn quân thuỷ bộ tiến sang nước ta cuối năm 1784 chiếm gần nửa đất Nam Bộ, ra sức cướp phá chuẩn bị tấn công quân Tây Sơn. + Trước giặc ngoại xâm, vua Tây Sơn là Thái Đức (Nguyễn Nhạc) đã sai em là Nguyễn Huệ đem binh thuyền vào Nam chống giặc.
- Năm 1785 Nguyễn Huệ đã tổ chức trận đánh phục kích Rạch Gầm - Xoài Mút (trên sông Tiền - tỉnh Tiền Giang) đánh tan quân Xiêm, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.	- GV có thể yêu cầu HS lược thuật diễn biến trận Rạch Gầm - Xoài Mút và nêu ý nghĩa của chiến thắng. - Sau đó, GV nhận xét, bổ sung: Đây là một thắng lợi lớn tiêu diệt gần 4 vạn quân Xiêm, thể hiện tài tổ chức, cầm quân của Nguyễn Huệ. Chiến thắng này đã khiến "người Xiêm sau trận thua năm Giáp Thìn (1785) ngoài miệng thì nói khoác nhưng trong bụng thì sợ quân Tây Sơn như sợ cọp".

2. Kháng chiến chống quân Thanh (1789) - Sau khi chính quyền vua Lê, chúa Trịnh bị lật đổ, vua Lê Chiêu Thống chạy sang Trung Quốc cầu cứu nhà Thanh. Vua Thanh sai tướng đem 29 vạn quân sang xâm lược nước ta. - Năm 1788 Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế, lấy niên hiệu là Quang Trung chỉ huy quân tiến ra Bắc. - Chỉ trong 5 ngày, (từ đêm 30 tháng Chạp năm Mậu Thân đến mùng 5 tết Kỉ Dậu - 1789), với cuộc hành quân thần tốc, giành chiến thắng vang dội ở Ngọc Hồi - Đống Đa, tiến vào Thăng Long, đánh bại hoàn toàn quân xâm lược. - Phong trào nông dân Tây Sơn đã bước đầu hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước và bảo vệ Tổ quốc.	**Hoạt động 3:** (Cá nhân, cả lớp) - GV giảng giải: sau khi đánh thắng quân Xiêm, 1786 Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc tiêu diệt họ Trịnh. Họ Trịnh đổ, ông tôn phù vua Lê kết duyên với Công chúa Lê Ngọc Hân (con gái Lê Hiển Tông). Sau đó ông về Nam (Phú Xuân). - Ở ngoài Bắc, Nguyễn Hữu Chỉnh giúp vua Lê Chiêu Thống phản bội Tây Sơn. Sau khi bị quân Tây Sơn đánh, vua Lê Chiêu Thống đã cầu cứu nhà Thanh. Vua Thanh đã cho 29 vạn quân sang nước ta. GV nêu câu hỏi: So với cuộc kháng chiến chống Xiêm, lần này nhân dân ta phải chống lại một thế lực xâm lược như thế nào? HS trả lời, GV kết luận: Số quân địch đông, mạnh, lại có lực lượng của Lê Chiêu Thống theo chỉ đường và làm nội ứng, gây cho ta nhiều khó khăn. - GV giảng giải thêm: Việc làm của Lê Chiêu Thống chứng tỏ triều đình phong kiến nhà Lê không thể duy trì được nữa. Mặc dù Nguyễn Huệ đã rất cố gắng phù Lê. - GV đọc bài hiểu dụ của vua Quang Trung trong SGK trang 107 để giúp HS thấy được mục tiêu của cuộc tiến quân ra Bắc lần này và ý nghĩa bài hiểu dụ. (Thể hiện tinh thần dân tộc cao cả, ý thức quyết tâm bảo vệ độc lập). - GV yêu cầu HS theo dõi SGK: nguyên nhân, diễn biến, kết quả của cuộc kháng chiến chống quân Thanh. Qua đó thấy được vai trò của Nguyễn Huệ - Quang Trung và tinh thần dân tộc của nghĩa quân Tây Sơn. - HS theo dõi SGK, kết hợp với lược đồ, lược thuật diễn biến cuộc kháng chiến chống Thanh. Tập trung vào trận quyết định Ngọc Hồi - Đống Đa. * **Hoạt động 4:** (Cá nhân): *Tìm hiểu về công lao của Tây Sơn* - GV phát vấn: Công lao của phong trào nông dân Tây Sơn và Nguyễn Huệ ?

	- HS dựa vào phần kiến thức vừa học để trả lời. - GV kết luận về vai trò của Nguyễn Huệ trong việc tiêu diệt các tập đoàn phong kiến phản động và hai lần kháng chiến chống xâm lược Xiêm, Thanh, bước đầu thống nhất đất nước, bảo vệ độc lập dân tộc.
III. Vương triều Tây Sơn - Sau khi đánh tan quân xâm lược Mãn Thanh, Nguyễn Huệ chính thức xây dựng một chính quyền mới theo chế độ quân chủ chuyên chế, thống trị từ Thuận Hoá trở ra Bắc. - Các chính sách của Quang Trung: + Ban chiếu kêu gọi dân phiêu tán về quê sản xuất. + Lập lại sổ hộ tịch, địa bạ, không để ruộng đất bỏ hoang. + Mở rộng và phát triển kinh tế công thương nghiệp. + Tổ chức lại giáo dục thi cử, đưa chữ Nôm làm văn tự chính thức của quốc gia. + Quân đội được tổ chức quy củ và trang bị vũ khí đầy đủ. + Đặt quan hệ tốt đẹp với nhà Thanh cũng như các nước Lào và Chân Lạp. - Năm 1792, Quang Trung đột ngột qua đời. - Năm 1802, trước sự tấn	*** Hoạt động 5:** (Cả lớp, cá nhân): *Tìm hiểu sự thành lập Vương triều Tây Sơn và các chính sách kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá.* - GV trình bày về sự thành lập Vương triều Tây Sơn 1778 nhưng không giải quyết được các yêu cầu lịch sử, phong trào khởi nghĩa vẫn tiếp tục. - GV trình bày tiếp sự kiện Nguyễn Huệ lên ngôi 1788. - HS nghe, ghi chép. - GV yêu cầu HS theo dõi SGK và phát biểu về các chính sách của vua Quang Trung. - GV nhận xét, bổ sung, kết luận về những chính sách của vua Quang Trung. - HS nghe, ghi chép. GV hướng dẫn HS tìm hiểu chính sách đối ngoại của Quang Trung. Sau khi đánh tan 29 vạn quân Thanh, Quang Trung cử Ngô Văn Sở và Phan Huy Ích sang Trung Quốc cầu phong, lập lại hoà bình để xây dựng đất nước. Nhà Thanh đã giảng hoà, phong vương và gửi quà tặng cho Quang Trung. *** Hoạt động 6:** (Cá nhân): - GV: Em có nhận xét gì về những việc làm của Quang Trung? - HS suy nghĩ trả lời. - GV kết luận: Những chính sách của Quang Trung mang tính chất tiến bộ, thể hiện ý tưởng mới của một ông vua muốn thực hiện những chính sách cải cách. Nhưng năm 1792 Quang Trung đột ngột qua đời, sự nghiệp thống nhất đất nước và thực hiện các chính sách mới chưa kịp hoàn thành.

công của Nguyễn Ánh, Vương triều Tây Sơn sụp đổ.	- GV cho HS quan sát hình 47 - Tượng Quang Trung (Quy Nhơn - Bình Định), tìm hiểu về công lao to lớn của Nguyễn Huệ - Quang Trung đối với đất nước, dân tộc.

V. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. Củng cố

- Cuối thế kỉ XVIII, chế độ phong kiến Việt Nam bước vào giai đoạn khủng hoảng, phong trào đấu tranh của nhân dân bùng nổ khắp nơi.

- Phong trào Tây Sơn đã lần lượt đánh đổ các thế lực phong kiến Nguyễn - Trịnh - Lê, đánh bại quân xâm lược Xiêm - Thanh, bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc, góp phần thống nhất đất nước.

- Vai trò của Nguyễn Huệ và phong trào nông dân Tây Sơn.

2. Bài tập về nhà

- Vẽ lược đồ và tường thuật diễn biến chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa qua lược đồ.

- Trả lời câu hỏi trong SGK.

- Sưu tầm tranh ảnh và những công trình nghệ thuật thế kỉ XVI - XVIII.

Bài 24. TÌNH HÌNH VĂN HÓA TRONG CÁC THẾ KỈ XVI - XVIII

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

- Ở thế kỉ XVI - XVIII văn hoá Việt Nam có những điểm mới, phản ánh thực trạng của xã hội đương thời.

- Trong lúc Nho giáo suy thoái thì Phật giáo, Đạo giáo có điều kiện mở rộng mặc dù không được như thời Lý - Trần. Bên cạnh đó xuất hiện một tôn giáo mới: Thiên Chúa giáo (đạo Kitô).

- Văn hoá - nghệ thuật chính thống sa sút, mất đi những nét tích cực của thế kỉ mới, trong lúc đó hình thành phát triển một trào lưu văn học - nghệ thuật dân gian phong phú làm cho văn hoá mang đậm màu sắc nhân dân.

- Khoa học, kĩ thuật có những chuyển biến mới.

2. Kĩ năng

Rèn luyện kĩ năng đánh giá và liên hệ thực tiễn.

3. Thái độ, tư tưởng

- Bồi dưỡng tình cảm đối với những giá trị văn hoá tinh thần của nhân dân.

- Tự hào về năng lực sáng tạo phong phú của nhân dân lao động, một khi dân trí được nâng cao.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

- *Chữ Nôm*: chữ viết cổ của người Việt, dựa vào chữ Hán mà đặt ra.

- *Đạo Phật* (Phật giáo): tôn giáo có nguồn gốc từ Ấn Độ, ra đời vào cuối thế kỉ VI trước Công nguyên.

- *Nho giáo*: hệ thống các nguyên tắc đạo đức, chính trị do Khổng Tử sáng lập, nhằm duy trì trật tự của xã hội phong kiến.

- *Thiên chúa giáo*: một trong hai giáo phái của Cơ đốc giáo. Cuối thế kỉ IV (năm 395), khi đế quốc Rôma phân chia thành hai quốc gia (Đông bộ và Tây bộ đế quốc Rôma), hai tổ chức giáo hội có ảnh hưởng lớn nhất ở hai khu vực ấy. Trong đế quốc Rôma luôn tranh giành thế lực với nhau trong thế giới Cơ đốc giáo. Sự tranh giành ấy biểu hiện ở những cuộc tranh chấp về những vấn đề giáo lí, nghi lễ và cuối cùng dẫn đến chỗ giáo hội Cơ đốc tách thành giáo hội Thiên chúa (ở phương Tây) và giáo hội Chính thống (ở phương Đông). Giáo lí chủ yếu của Thiên chúa giáo là học thuyết về địa vị bá chủ của Giáo hoàng Rôma trong giáo hội, thừa nhận Giáo hoàng "đại diện toàn quyền của Chúa cứu thế trên trái đất", "không bao giờ sai lầm trong công việc tín ngưỡng".

- *Công giáo*: một nhánh của đạo Kitô, thừa nhận địa vị tối cao của giáo hoàng, phân biệt với đạo Tin lành và Chính Thống

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Một số tranh, ảnh tư liệu.

- Một số câu ca dao, tục ngữ, tác phẩm văn học nghệ thuật tiêu biểu.

- Máy vi tính kết nối máy chiếu.

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

GV dẫn dắt vấn đề: Mặc dù trong các thế kỉ XVI - XVIII xuất hiện những cuộc chiến tranh phong kiến, đất nước bị chia cắt Đàng Trong - Đàng Ngoài,

nhưng cùng với sự phát triển của kinh tế, thì nền văn hóa nước ta có bước phát triển mới, phong phú và đa dạng. Sự phát triển của văn hoá được biểu hiện như thế nào? Văn hoá Việt Nam thời kì này có điểm gì mới? Chúng ta cùng tìm hiểu bài 24.

3. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Một số gợi ý:

- Đây là bài học có nội dung phong phú, phản ánh sự phát triển các mặt của đời sống văn hóa nước ta ở các thế kỉ XVI - XVIII. Kiến thức cơ bản trải đều ở 3 phần. Vì vậy, GV cần chọn lọc kiến thức và phân bố thời gian cho hợp lí. Có thể yêu cầu HS chuẩn bị một số thành tựu về giáo dục, văn học, nghệ thuật, khoa học - kĩ thuật ở nhà và báo cáo kết quả trên lớp để giờ học hấp dẫn.

- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
I. Tư tưởng tôn giáo	**Hoạt động 1:** (Cả lớp, cá nhân): *Hiểu được tình hình văn hoá ở các thế kỉ XVI - XVIII: Nho giáo suy thoái, sự du nhập của đạo Thiên Chúa:* - GV nêu câu hỏi: Tình hình tôn giáo, thế kỉ X - XV phát triển như thế nào? - HS nhớ lại kiến thức bài trước trả lời: Đạo Nho, Phật đều rất phổ biến:Đạo Phật: Thời Lý - Trần, Đạo Nho: Thời Lê - GV hỏi: ở thế kỉ XVI - XVIII tôn giáo phát triển như thế nào?
- Thế kỉ XVI - XVIII Nho giáo từng bước suy thoái. + Trật tự phong kiến bị đảo lộn. + Thi cử không còn nghiêm túc như trước. + Tôn ti trật tự phong kiến cũng không còn được như thời Lê sơ.	- HS tập trung theo dõi SGK trả lời. - GV kết luận kết hợp ghi bảng. - GV phát vấn: Tại sao ở những thế kỉ XVI - XVIII Nho giáo không còn được tôn sùng như trước? - HS dựa vào kiến thức cũ và những hiểu biết của mình để trả lời. + Trật tự phong kiến, trật tự trong quan hệ xã hội bị đảo lộn: Vua chẳng ra vua, tôi chẳng ra tôi. Quan hệ mới tiến bộ dần thay thế trật tự quan hệ phong kiến đã bị lỗi thời.

- Phật giáo, Đạo giáo có điều kiện phục hồi. Nhiều chùa, quán được xây dựng thêm, một số chùa được trùng tu lại nhưng không phát triển mạnh như thời kì Lý - Trần. - Thế kỉ XVI – XVIII, đạo Thiên Chúa được truyền bá vào nước ta. - Thế kỉ XVII, do nhu cầu của việc truyền đạo, chữ Quốc ngữ theo mẫu tự Latinh cũng ra đời. Tuy nhiên, chưa được phổ cập rộng rãi trong xã hội. - Tín ngưỡng truyền thống được phát huy: Thờ cúng tổ tiên, thần linh, anh hùng hào kiệt → Đời sống tín ngưỡng ngày càng phong phú. **II. Phát triển giáo dục và văn học** **1. Giáo dục** - Nhà Mạc tiếp tục phát triển giáo dục, tổ chức đều đặn các kì thi để chọn lựa nhân tài. - Nhà nước Lê - Trịnh, giáo	+ Nhà nước phong kiến khủng hoảng; chính quyền trung ương tập quyền thời Lê suy sụp. - GV tiếp tục trình bày: Trong khi Nho giáo suy thoái thì Phật giáo có điều kiện khôi phục lại. - GV dẫn chứng bằng một số công trình kiến trúc Phật giáo như: Chùa Thiên Mụ (Huế), Phật bà Quan âm nghìn tay nghìn mắt, các tượng La Hán chùa Tây Phương (Hà Tây)....Nhiều vị Chúa quan tâm cho sửa sang chùa chiền, đúc đồng, tô tượng. - HS nghe, ghi nhớ. - GV tiếp tục giảng giải: tôn giáo mới đã được du nhập vào nước ta đó là Thiên Chúa giáo. - GV: Đạo Thiên chúa giáo xuất hiện ở đâu và được tuyên truyền vào nước ta theo con đường nào? - HS nhớ lại kiến thức cũ kết hợp theo dõi SGK để trả lời. - GV nhận xét kết luận: Đạo Thiên Chúa giáo xuất hiện ở khu vực Trung Đông, rất phổ biến ở châu Âu. Các giáo sĩ Thiên Chúa giáo theo các thuyền buôn nước ngoài vào Việt Nam truyền đạo, nhà thờ Thiên Chúa giáo mọc lên ở nhiều nơi, giáo dân ngày càng đông ở cả 2 Đàng. - Bên cạnh sự du nhập các tôn giáo bên ngoài, người dân Việt Nam tiếp tục phát huy những tín ngưỡng truyền thống tốt đẹp tạo nên sự đa dạng, phong phú trong đời sống tín ngưỡng của nhân dân ta. **Hoạt động 2:** (Cả lớp, cá nhân): *Tìm hiểu sự phát triển của giáo dục, văn học chữ Nôm và văn học dân gian:* - GV yêu cầu HS theo dõi SGK để thấy được sự phát triển của giáo dục ở Đàng Ngoài, Đàng Trong và thời Quang Trung. - HS theo dõi SGK sau đó phát biểu. - Thời kì nhà Mạc tổ chức được 22 kì thi Hội, lấy đỗ 485 Tiến sĩ.

dục Nho học tiếp tục được duy trì. - Ở Đàng Trong, năm 1646 chúa Nguyễn mở khoa thi đầu tiên. - Ở triều đại Tây Sơn, chữ Nôm được dùng trong công việc hành chính, thi cử. - Mặc dù vậy, nội dung giáo dục vẫn là kinh sử. Các bộ môn khoa học tự nhiên ít được chú ý. - Giáo dục tiếp tục phát triển song chất lượng giảm sút. Nội dung giáo dục Nho học hạn chế sự phát triển kinh tế.	- Thời Lê - Trịnh, nhiều khoa thi được tổ chức nhưng số người đỗ đạt và đi thi không nhiều như trước. - GV nhận xét, bổ sung, kết luận: Nội dung giáo dục Nho học khuôn sáo ngày càng không phù hợp với thực tế xã hội, tệ gian lận trong thi cử, mua quan bán tước ngày càng phổ biến. **Hoạt động 3:** (Cá nhân) *-Em có nhận xét chung gì về tình hình giáo dục nước ta thế kỉ XVI - XVIII?* - HS so sánh với kiến thức cũ trả lời. - GV chốt ý: Giáo dục tiếp tục phát triển nhưng chất lượng giảm sút. Nội dung giáo dục vẫn là Nho học, SGK vẫn là Tứ Thư, Ngũ Kinh. Các nội dung khoa học không được chú ý, vì vậy giáo dục không góp phần tích cực để phát triển nền kinh tế, thậm chí còn kìm hãm sự phát triển kinh tế.
2. Văn học - Nho giáo suy thoái dẫn tới Văn học chữ Hán giảm sút so với giai đoạn trước. - Văn học chữ Nôm phát triển mạnh hơn trước và chiếm vị trí trọng yếu. Các	**Hoạt động 4:** (Cả lớp, cá nhân): *Tìm hiểu nét mới của văn học thời kì này* GV: Em hãy nhắc lại những đặc điểm của văn học ở thế kỉ X - XV? - HS nhớ lại kiến thức cũ, trả lời. - GV nhận xét, bổ sung về đặc điểm của văn học thời kì trước (Văn học chữ Hán rất phát triển; đã có văn học chữ Nôm song chưa phổ biến; nội dung văn học thể hiện tinh thần dân tộc sâu sắc). - HS củng cố lại kiến thức cũ, trên cơ sở đó tiếp thu kiến thức mới. - GV: Điểm mới trong văn học thời kì này? GV yêu cầu HS theo dõi SGK để thấy được những điểm mới trong văn học thế kỉ XVI - XVIII. - HS theo dõi SGK phát biểu. GV bổ sung, kết luận: Sở dĩ chữ Hán mất dần ưu điểm không còn có tác dụng lớn, không phát triển mạnh như giai đoạn trước là do sự suy thoái của Nho giáo. Trước

nhà thơ nổi tiếng như: Nguyễn Bỉnh Khiêm, Đào Duy Từ, Phùng Khắc Khoan... - Văn học dân gian nở rộ với các thể loại phong phú: ca dao, tục ngữ, lục bát, truyện cười, truyện dân gian... mang đậm tính dân tộc và dân gian. Thể hiện ước mơ về một cuộc sống tự do và thanh bình của người dân lao động.	đây, trật tự xã hội, chuẩn mực đạo đức của Nho giáo được mọi người tự nguyện làm theo. Song đến thời kì này thực tiễn xã hội đã khác trước "*Còn tiền còn bạc còn đệ tử, hết cơm hết gạo hết ông tôi*". Vì vậy, giáo lí Nho học trở lên sáo rỗng, lạc hậu, không phù hợp. GV nêu câu hỏi: Sự phát triển của văn học chữ Nôm nói lên điều gì? Sự xuất hiện chữ Nôm và sự phát triển của thơ Nôm thể hiện tinh thần dân tộc của người Việt. Người Việt đã cải biến chữ Hán thành chữ Nôm để viết văn, làm thơ...Các nhà nho giỏi đã tìm thấy ở tiếng mẹ đẻ khả năng diễn đạt thuận lợi hơn những tình cảm mới của họ. Thơ nôm đã xuất hiện với các thể loại: lục bát, song thất lục bát. GV nêu câu hỏi: Nội dung của văn học dân gian thời kì này? Em có thể kể tên một vài chuyện dân gian? HS trả lời. GV bổ sung: Nội dung chính của văn học dân gian thời kì này là đấu tranh cho cuộc sống tự do; phê phán sự thối nát của bộ máy quan lại, sự ràng buộc của lễ giáo phong kiến; đề cao khởi nghĩa của nông dân, đòi tự do trong tình yêu. Chính trên cơ sở văn học dân gian phát triển, thơ ca chữ Nôm ngày càng được trau chuốt. Tiêu biểu như các tác phẩm *Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm khúc*...
	GV: Điểm mới trong văn học thế kỉ XVI - XVIII? Những điểm mới đó nói lên điều gì? - HS suy nghĩ, so sánh với văn học thời kì trước trả lời: + Văn học dân gian rất phát triển trong khi văn học chữ Hán suy giảm. Điều này phản ánh thực tế, Nho giáo ngày càng mất uy tín, đồng thời chứng tỏ cuộc sống tinh thần của nhân dân được đề cao, góp phần làm cho văn học thêm phong phú, đa dạng....

<table>
<tr>
<td>

III. Nghệ thuật và khoa học - kĩ thuật

*** Nghệ thuật**

- Trong các thế kỉ XVI - XVIII, nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc tiếp tục phát triển, thể hiện ở các chùa mới được xây dựng như chùa Thiên Mụ (Huế), tượng Phật ở các chùa...
- Nghệ thuật dân gian hình thành và phát triển phản ánh đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Đồng thời mang đậm tính địa phương.
- Nghệ thuật sân khấu phát triển ở cả Đàng Trong và Đàng Ngoài với nhiều phường tuồng, chèo ở các làng, các làn điệu dân ca ở các địa phương.

</td>
<td>

Hoạt động 5: (Cả lớp, cá nhân)

- GV thông báo kiến thức cũ: Ở thế kỉ X - XV nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc phát triển rất mạnh, chịu ảnh hưởng của yếu tố bên ngoài (Phật giáo, Nho giáo) song vẫn mang đậm bản sắc dân tộc.
- GV: Yêu cầu HS theo dõi SGK để thấy được sự phát triển của nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc giai đoạn XVI - XVIII.
- HS theo dõi SGK trả lời.
- GV bổ sung, kết luận. Có thể cho HS quan sát tranh ảnh: các vị La Hán chùa Tây Phương, chùa Thiên Mụ, tượng Quan Âm nghìn mắt, nghìn tay...
- GV có thể đàm thoại với HS về các loại hình nghệ thuật và các vùng miền giúp HS thấy được sự phong phú, đa dạng của nghệ thuật Việt Nam thế kỉ XVI - XVIII.

</td>
</tr>
<tr>
<td>

*** Khoa học - Kĩ thuật**

Khoa học:

- Nhiều công trình khoa học trên các lĩnh vực sử học, địa lí, y học, triết học... ra đời.

- ***Kĩ thuật***: Kĩ thuật đúc súng theo kiểu phương Tây, đóng thuyền, xây thành luỹ được hình thành và phát triển, nghề làm đồng hồ ra đời...

</td>
<td>

Hoạt động 6: Cá nhân

- GV yêu cầu HS theo dõi SGK lập bảng thống kê những thành tựu khoa học - kĩ thuật trong các thế kỉ XVI - XVIII theo mẫu:

<table>
<tr><th>Lĩnh vực</th><th>Thành tựu</th></tr>
<tr><td>- Sử học
- Quân sự
- Triết học
- Y học
- Kĩ thuật</td><td></td></tr>
</table>

- HS theo dõi SGK và tự lập bảng thống kê vào vở.
- GV phát vấn: Khoa học - kĩ thuật thế kỉ XVI - XVIII có ưu điểm và hạn chế gì?
- HS suy nghĩ trả lời.

</td>
</tr>
</table>

	- GV chốt ý: + Về khoa học: Xuất hiện nhiều nhà khoa học, tuy nhiên khoa học tự nhiên không phát triển. + Về kĩ thuật: Tiếp cận với một số thành tựu kĩ thuật hiện đại của phương Tây nhưng không được tiếp nhận và phát triển.

V. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. **Củng cố**

- Thế kỉ XVI - XVIII, ở nước ta hệ tư tưởng và tôn giáo có nhiều thay đổi. Trong lúc văn học chữ Hán suy thoái thì hình thành và phát triển một trào lưu văn học dân gian phong phú, đa dạng. Nghệ thuật và khoa học - kĩ thuật có bước phát triển mới.

2. **Bài tập về nhà**

- HS học bài cũ, trả lời các câu hỏi SGK, đọc trước bài mới.

- Lập bảng thống kê các thành tựu tiêu biểu về nghệ thuật, khoa học - kĩ thuật thế kỉ XVI – XVIII.

- Sưu tầm một số tranh ảnh, tài liệu về các công trình văn hóa tiêu biểu ở địa phương.

Chương IV
VIỆT NAM Ở NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX

Bài 25. TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HÓA DƯỚI TRIỀU NGUYỄN (Nửa đầu thế kỉ XIX)

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

- Tình hình chung về các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá ở nước ta nửa đầu thế kỉ XIX dưới vương triều Nguyễn trước khi diễn ra cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

- Thống trị nước ta vào lúc chế độ phong kiến đã bước vào giai đoạn suy vong, hơn nữa lại là những người thừa kế của giai cấp thống trị cũ, vương triều Nguyễn không có năng lực đưa đất nước bước sang một giai đoạn phát triển mới phù hợp với hoàn cảnh của thế giới.

2. Kĩ năng

Rèn luyện kĩ năng phân tích, so sánh, gắn sự kiện với thực tế cụ thể. Kĩ năng khai thác tranh ảnh.

3. Thái độ, tư tưởng

- Bồi dưỡng ý thức vươn lên, đổi mới trong học tập.

- Giáo dục ý thức quan tâm đến đời sống của nhân dân, đất nước mà trước hết là những người xung quanh

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

- *Công tượng:* Chế độ trưng tập thợ thuyền làm việc trong các xưởng của triều đình phong kiến ở Việt Nam xuất hiện từ thời Lý.

- *Quốc sử quán*: Cơ quan nghiên cứu, biên soạn lịch sử thời Nguyễn (trước đó từ thời Trần có Quốc sử viện). Quốc sử quán triều Nguyễn được thành lập năm 1821. Trong nửa đầu thế kỉ XIX, công việc của Viện Quốc sử bước đầu thu được một số kết quả và đến nửa sau thế kỉ XIX, hoàn thành được một số công trình như: Đại Nam thực lục, Đại Nam liệt truyện, Khâm định Việt sử thông giám cương mục…

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Bản đồ Việt Nam (thời Minh Mạng, sau cải cách hành chính).

- Một số tranh ảnh về vua Gia Long, Minh Mạng, kinh thành Huế, tranh dân gian...

- Máy vi tính kết nối máy chiếu.

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

GV dẫn dắt: Sau khi đánh bại các vương triều Tây Sơn, Nguyễn Ánh lên ngôi vua, thành lập nhà Nguyễn - triều đại phong kiến cuối cùng trong lịch sử Việt Nam, tồn tại 143 năm (1802 đến 1945). Trong 50 năm đầu thống trị, ở nửa đầu thế kỉ XIX Nhà Nguyễn đã làm gì để củng cố bộ máy nhà nước? Những chính sách kinh tế, văn hóa, ngoại giao tiêu biểu của nhà Nguyễn? Cần đánh giá nhà Nguyễn thế nào cho đúng? Chúng ta cùng tìm hiểu bài 25.

3. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Một số gợi ý:

- Bài này được cấu tạo thành 3 mục, tương ứng với 3 nội dung lớn (chính trị, kinh tế, văn hóa, triều Nguyễn nửa đầu thế kỉ XIX. Trong đó, cần nhấn mạnh cuộc cải cách hành chính của Minh Mạng và tính thống nhất, chặt chẽ của nó so với thời kì trước. HS cần nhận thức đầy đủ các chính sách kinh tế của nhà Nguyễn. Phần văn hóa cần nắm được một số thành tựu tiêu biểu (đặc biệt là kiến trúc và nghệ thuật).

- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
1. Xây dựng và củng cố bộ máy nhà nước - chính sách ngoại giao ***a. Xây dựng và củng cố chính quyền*** - Sau khi đánh bại Vương triều Tây Sơn, năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi vua, lấy hiệu là Gia Long, lập ra nhà Nguyễn	**Hoạt động 1:** (Cả lớp và cá nhân): *Biết được dưới triều Nguyễn, nhà nước phong kiến tập quyền được xây dựng và củng cố:* - GV gợi lại cho HS nhớ lại sự kiện 1792 vua Quang Trung mất, triều đình rơi vào tình trạng lục đục, suy yếu. Nhân cơ hội đó, Nguyễn Ánh đã tổ chức tấn công các vương triều Tây Sơn. Năm 1802, các vương triều Tây Sơn lần lượt sụp đổ. Nguyễn Ánh lên ngôi vua, lập ra nhà Nguyễn.

và đóng đô ở Phú Xuân (Huế). - Năm 1804, nhà Nguyễn đổi tên nước là Việt Nam và đến thời Minh Mạng đổi thành Đại Nam.	- GV phân tích thêm về hoàn cảnh lịch sử đất nước và thế giới khi nhà Nguyễn thành lập: + Lần đầu tiên trong lịch sử, một triều đại phong kiến cai quản một lãnh thổ rộng lớn thống nhất như ngày nay. + Nhà Nguyễn thành lập vào lúc chế độ phong kiến Việt Nam đã bước vào giai đoạn suy vong. + Trên thế giới CNTB đang phát triển, đẩy mạnh xâm lược thuộc địa, một số nước đã bị xâm lược. - HS nghe, ghi nhớ.
*** Tổ chức bộ máy Nhà nước.** - Chính quyền Trung ương tổ chức theo mô hình thời Lê với quyền hành chuyên chế tuyệt đối của vua. - Thời Gia Long chia nước ta làm 3 vùng: Bắc Thành (Bắc Bộ), Gia Định Thành (Nam Bộ) (do một tổng trấn đứng đầu) và các trực doanh (Trung Bộ) do Triều đình trực tiếp cai quản.	GV: Trong bối cảnh đất nước và thế giới có nhiều biến chuyển như vậy, yêu cầu cấp thiết đặt ra cho nhà Nguyễn ngay sau khi thành lập là gì? phải củng cố ngay quyền thống trị của nhà Nguyễn. Vì vậy sau khi lên ngôi, Gia Long đã bắt tay vào việc tổ chức bộ máy nhà nước. - GV hướng dẫn HS tìm hiểu biểu hiện chuyên chế: Vua nắm quyền hành một cách độc đoán, giúp việc vua có Tứ trụ đại thần, 6 bộ (lại, hộ, lễ, binh, hình, công), Đô sát viện, Hàn lâm viện. Quốc tử giám, Thái y viện... Để đề cao hơn nữa uy quyền của nhà vua, Gia Long đặt ra lệ "tứ bất": không đặt tể tướng, không lấy đỗ trạng nguyên, không lập hoàng hậu, không phong vương cho người ngoài hoàng tộc. GV nêu câu hỏi: Tổ chức hành chính nước ta dưới thời Gia Long như thế nào? - GV yêu cầu HS sử dụng bản đồ Việt Nam thời Minh Mạng để chỉ các vùng từ Ninh Bình trở ra Bắc là trấn Bắc Thành, từ Bình Thuận trở vào Nam là trấn Gia Định Thành. Chính quyền Trung ương chỉ quản lí trực tiếp từ Thanh Hoá đến Bình Thuận. Còn lại hai khu tự trị, Tổng trấn có toàn quyền. Đó là giải pháp tình thế của vua Gia Long trong bối cảnh lúc đầu mới lên ngôi.

	GV nêu câu hỏi: Việc tổ chức chính quyền địa phương ở thời Gia Long có hạn chế gì? Từ đó đặt ra yêu cầu gì? - Sau khi HS trả lời, GV kết luận: Sự tồn tại của Bắc Thành và Gia Định Thành trên thực tế chỉ là 1 giải pháp tình thế, có tính chất quá độ gây nhiều khó khăn cho sự cai trị của nhà Nguyễn. Do đó, một yêu cầu cấp bách là phải có những cải cách để kiện toàn bộ máy hành chính. - GV tiếp tục trình bày kết hợp dùng bản đồ Việt Nam thời Minh Mạng, yêu cầu HS quan sát và nhận xét về sự phân chia các tỉnh thời Minh Mạng. *Cuộc cải cách hành chính của Minh Mạng có ý nghĩa gì?*
- Năm 1831 - 1832, vua Minh Mạng thực hiện một cuộc cải cách hành chính: bãi bỏ Bắc thành và Gia Định thành, chia cả nước là 30 tỉnh và một Phủ Thừa Thiên. Đứng đầu Tỉnh là Tổng đốc, Tuần phủ cai quản, cùng hai ti Bố chính và Án sát. Dưới tỉnh là các phủ, huyện (châu ở miền núi), tổng và xã.	HS trả lời, GV bổ sung chốt ý: Cải cách hành chính của Minh Mạng năm 1831- 1832 thể hiện sự thống nhất đất nước về mặt nhà nước, có tác dụng tăng cường quyền lực cho nhà nước phong kiến từ TW đến địa phương; Sự phân chia các tỉnh của Minh Mạng được dựa trên cơ sở khoa học, phù hợp về mặt địa lí, dân cư, phong tục tập quán địa phương phù hợp với phạm vi quản lí của một tỉnh. Đây còn là cơ sở để phân chia các tỉnh như ngày nay. Vì vậy cải cách của Minh Mạng được đánh giá rất cao.
- *Tuyển chọn quan lại*: Thông qua giáo dục, khoa cử.	GV có thể nói thêm về phương thức tuyển chọn quan lại thời Nguyễn. Gợi ý HS tìm hiểu SGK: Ban đầu, quan lại được bổ nhiệm chủ yếu là những người có công theo Nguyễn Ánh chống Tây Sơn, về sau thông qua thi cử để bổ dụng. Quan lại hưởng lương theo phẩm hàm, không có ruộng lộc mà chủ yếu nhận tiền và gạo.
- *Luật pháp*: Ban hành bộ Hoàng Việt luật lệ (Luật Gia Long) với gần 400 điều, bảo vệ quyền lợi của giai cấp thống trị, các tôn ti trật tự phong kiến và các vấn đề kinh tế, xã hội, chính trị, văn hoá.	Tệ tham nhũng của quan lại: Năm 1811, Gia Long ra đạo dụ "nghiêm cấm lại dịch và kẻ giữ kho không được kiếm cớ làm khó dễ dân để yêu sách, nếu để tai hại cho dân thì giết không

- *Quân đội*: Được tổ chức chặt chẽ, khoảng 20 vạn người, được trang bị vũ khí đầy đủ.	tha". Nhưng, quan lại "coi pháp luật như hư văn, xoay xở nhiều vành, chỉ cốt lấy tiền, không được thì buộc tội".... GV: Tình hình luật pháp dưới thời Nguyễn có điểm gì mới? HS tham khảo tài liệu, SGK và trả lời. GV: Yêu cầu HS quan sát một số hình ảnh quân đội nhà Nguyễn và nhận xét. GV bổ sung: Quân đội nhà Nguyễn khoảng 20 vạn người, chia thành 3 bộ phận: Thân binh (hộ vệ vua), cấm binh (phòng thủ hoàng thành), Tinh binh (ở kinh đô và các địa phương) với 4 binh chủng: bộ binh, thuỷ binh, kị binh, tượng binh. Vũ khí tuy trang bị đầy đủ nhưng nói chung lạc hậu hơn rất nhiều so với phương Tây. GV: So sánh bộ máy Nhà nước thời Nguyễn với thời Lê sơ, em có nhận xét gì? HS suy nghĩ trả lời. - GV bổ sung, kết luận: Nhìn chung bộ máy nhà nước thời Nguyễn giống thời Lê sơ. Cuộc cải cách hành chính thời Minh Mạng nhằm tập trung hơn nữa quyền hành vào tay vua.
b. Chính sách Ngoại giao. - Đối với nhà Thanh, nhà Nguyễn giữ thái độ hoà hảo. - Đối với các nước nhỏ như Lào, Chân Lạp, nhà Nguyễn bắt họ phải thần phục. - Đối với các nước phương Tây, nhà Nguyễn có phần dè dặt và hạn chế trong quan hệ.	**Hoạt động 2:** (Cá nhân) - GV yêu cầu HS đọc SGK, phát biểu về chính sách ngoại giao của nhà Nguyễn đối với nhà Thanh, các nước láng giềng và phương Tây. GV: Em có nhận xét gì về chính sách ngoại giao của nhà Nguyễn ? HS suy nghĩ trả lời. GV bổ sung, kết luận: + Tích cực: Giữ được quan hệ thân thiện với các nước láng giềng nhất là Trung Quốc. + Hạn chế: Bảo thủ, không tạo điều kiện giao lưu với các nước tiên tiến đương thời, dẫn đến tình trạng lạc hậu và bị cô lập.

II. Tình hình kinh tế và chính sách của nhà Nguyễn *** Nông nghiệp:** - Nhà Nguyễn thực hiện chính sách quân điền. - Khuyến khích khai hoang bằng nhiều hình thức khác nhau như lập đồn điền; cho dân tự khai hoang và nhà nước cấp một phần kinh phí cho dân khai hoang (gọi là doanh điền). Nhờ vậy, diện tích trồng trọt phần nào được tăng lên. - Việc sửa đắp đê điều, nạo vét kênh mương và đào sông cũng được nhà nước chú ý. - Trong nhân dân, kinh tế tiểu nông cá thể vẫn duy trì như cũ.	**Hoạt động 3:** (nhóm và cá nhân): *Tìm hiểu tình hình kinh tế nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp và các chính sách của nhà Nguyễn.* Nhóm 1: Nêu chính sách của nhà Nguyễn đối với nông nghiệp và tình hình nông nghiệp thời Nguyễn? Nhóm 2: Nêu tình hình thủ công nghiệp nước ta dưới thời Nguyễn? Nhóm 3: Nêu tình hình thương nghiệp nước ta thời Nguyễn? Sau khi các nhóm thảo luận, đại diện nhóm trình bày, GV bổ sung, kết luận. GV có thể so sánh với chính sách quân điền thời kì trước để thấy được ở thời Nguyễn do ruộng đất công còn ít (20% tổng diện tích đất), đối tượng được hưởng nhiều, nên tác dụng của chính sách quân điền không lớn. Năm 1852 sau 13 năm thi hành chính sách quân điền, 1 viên thanh tra của triều đình phải thừa nhận rằng: *"Ruộng đất công màu mỡ thì cường hào chiếm, còn thừa chỗ nào thì hào lí bao chiếm, dân chỉ được phần xương xẩu mà thôi"* (*Đại Nam thực lục*). - Giải thích về chính sách doanh điền (do Nguyễn Công Trứ - đề xuất): Nhà nước cấp vốn ban đầu cho nhân dân giúp mua sắm nông cụ, trâu bò để nông dân khai hoang, ba năm sau mới thu thuế theo ruộng tư. Chính sách này đưa lại kết quả lớn: những huyện mới ra đời như Kim Sơn (Ninh Bình), Tiền Hải (Thái Bình). - GV phát vấn: Em có nhận xét gì về cuộc sống nông nghiệp và tình hình nông nghiệp thời Nguyễn? - HS suy nghĩ, trả lời. - GV nhận xét, kết luận: Mặc dù nhà Nguyễn đã có những biện pháp khuyến khích phát triển nông nghiệp, nhưng vẫn không vượt ra khỏi phương thức sản xuất cổ truyền, vẫn là một nền nông nghiệp thuần phong kiến, rất lạc hậu.

*** Thủ công nghiệp:** - Thủ công nghiệp Nhà nước được tổ chức với quy mô lớn, các quan xưởng được xây dựng, sản xuất được nhiều ngành nghề: đúc tiền, vũ khí, đóng thuyền, đồ trang sức, làm gạch ngói. Đặc biệt, đã đóng tàu thuỷ chạy bằng máy hơi nước. - Thủ công nghiệp nhân dân (truyền thống) được duy trì và phát triển phong phú, đa dạng Nghề mới xuất hiện như nghề in tranh dân gian.	- GV yêu cầu nhóm 2 trình bày tình hình thủ công nghiệp nước ta dưới thời Nguyễn. - HS cả lớp theo dõi. - GV phát vấn: Em có nhận xét như thế nào về tình hình thủ công nghiệp thời Nguyễn? Có gì biến đổi so với trước không? Mức độ tiếp cận với khoa học kĩ thuật từ bên ngoài như thế nào? - HS suy nghĩ, so sánh với thủ công nghiệp giai đoạn trước, so sánh với công nghiệp của phương Tây để trả lời: thủ công nghiệp vẫn duy trì phát triển nghề truyền thống (cũ), đã tiếp cận với kĩ thuật phương Tây như đóng thuyền máy chạy bằng hơi nước (năm 1839, đốc công Hoàng Văn Lịch cùng thợ thủ công đóng xong chiếc thuyền máy chạy bằng hơi nước...). - GV bổ sung:Thợ làm việc trong các công xưởng chủ yếu trưng tập thợ giỏi ở các tỉnh, do tính chất tập trung trong lao động và trình độ tay nghề của thợ, sản phẩm làm ra đều có chất lượng cao. Do chế độ công tượng hà khắc khiến cho người thợ thủ công không phấn khởi sản xuất nên sự tiếp xúc với kĩ thuật tiên tiến còn hạn chế.
*** Thương nghiệp** - Nội thương: Việc buôn bán trong nước được duy trì. Tuy nhiên, thuyền bè đi xa bị đánh thuế nhiều lần. - Ngoại thương: Nhà nước nắm độc quyền buôn bán với các nước láng giềng: Trung Quốc, Xiêm, Malai, chỉ cho phép thuyền bè nước ngoài vào một số cảng như Gia Định, Đà Nẵng. Dè dặt với phương Tây, tàu thuyền các nước phương Tây chỉ được ra vào cảng Đà Nẵng. Đô thị tàn lụi dần.	- GV yêu cầu nhóm 3 trình bày và nhận xét về tình hình thương nghiệp thời Nguyễn về hai mặt nội thương và ngoại thương. - GV phát vấn: Em có nhận xét gì về chính sách ngoại thương của nhà Nguyễn? - HS suy nghĩ trả lời. + Chính sách hạn chế, ngoại thương của nhà Nguyễn (nhất là hạn chế giao thương với phương Tây) không tạo điều kiện cho sự phát triển giao lưu và mở rộng sản xuất, không tạo nên những điều kiện cần thiết cho sự biến chuyển xã hội. Không xuất phát từ nhu cầu tự cường dân tộc mà xuất phát từ mua bán của triều đình.

III. Tình hình văn hoá - giáo dục

Các lĩnh vực	Thành tựu
- Giáo dục	- Giáo dục Nho học được củng cố; tổ chức đều đặn các kì thi Hương và thi Hội để tuyển người ra làm quan.
- Tôn giáo	- Độc tôn Nho giáo, hạn chế Thiên chúa giáo.
- Văn học	- Văn học chữ Nôm phát triển. Tác phẩm xuất sắc của Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan.
- Sử học	- Quốc sử quán thành lập nhiều bộ sử lớn được biên soạn: Đại Nam thực lục, Khâm định Việt sử thông giám cương mục... Lịch triều hiến chương loại chí...
- Kiến trúc	- Kinh đô Huế, Lăng tẩm, Thành luỹ ở các tỉnh, cột cờ Hà Nội.
- Nghệ thuật dân gian	- Tiếp tục phát triển (Nhã nhạc cung đình Huế,

Hoạt động 4: (Cả lớp và cá nhân): *Biết được nét chính về tình hình văn hoá, giáo dục dưới thời Nguyễn:*

- GV: Yêu cầu HS lập bảng thống kê các thành tựu văn hoá tiêu biểu của thời Nguyễn ở nửa đầu thế kỉ XIX theo mẫu:

Các lĩnh vực	Thành tựu
- Giáo dục	
- Tôn giáo	
- Văn học	
- Sử học	
- Kiến trúc	
- Nghệ thuật dân gian	

- HS theo dõi SGK tự lập bảng thống kê.
- GV: Sau khi HS lập bảng thống kê GV có thể treo lên một bảng thông tin phản hồi đã được chuẩn bị sẵn ở nhà.
- HS: Đối chiếu phần của mình tự làm với bảng thông tin phản hồi của GV để chỉnh sửa cho chuẩn xác.
- GV nêu câu hỏi: Vì sao nhà Nguyễn chủ trương độc tôn Nho giáo và hạn chế hoạt động của các tôn giáo khác?

Nhà Nguyễn hạn chế xây dựng chùa chiền, cấm dân theo đạo Thiên Chúa. Đối với Thiên Chúa giáo, bắt đầu từ thời Minh Mạng, nhà Nguyễn thi hành những biện pháp cấm đoán gắt gao, thậm chí còn thẳng tay đàn áp. Trong thực tế, Phật giáo và các tín ngưỡng dân gian (thờ cúng tổ tiên, thờ anh hùng dân tộc...) tiếp tục phát triển, nhiều người dân vẫn theo đạo Thiên Chúa giáo; đình chùa, đền miếu và cả nhà thờ Thiên Chúa giáo được tôn tạo hay xây dựng mới ở khắp mọi nơi

các loại hình ca múa nhạc dân gian...)	GV: Em có nhận xét gì về nội dung giáo dục thời Nguyễn ? Nội dung giáo dục nhà Nguyễn vẫn đơn thuần là Nho học, vì thế trình độ càng lạc hậu, không đáp ứng được yêu cầu pt của thời đại. Chính Minh Mạng đã có lần phải than phiền về lối học đó: *"Cái văn cử nghiệp chỉ câu nệ khuôn sáo, hủ lậu, tâng bốc lẫn nhau, việc học như thế chả trách gì nhân tài ngày càng thấp kém"* - GV: Em có nhận xét gì về Văn hoá - Giáo dục thời Nguyễn? - Sau khi HS phát biểu, GV chốt ý: Văn hoá giáo dục thời Nguyễn đã đạt nhiều thành tựu đến nay vẫn còn là những giá trị văn hoá tiêu biểu của dân tộc. Quần thể di tích cố đô Huế, nhã nhạc cung đình Huế - là di sản văn hoá của dân tộc. Ngoài ra, các thành tựu về khoa học - kĩ thuật dưới thời Nguyễn là những thành quả quan trọng.

V. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. Củng cố

- Nhà nước thời Nguyễn được xây dựng theo mô hình phong kiến chuyên chế. Trong đó, tính chuyên chế ngày càng được tăng cường để tập trung hơn nữa quyền lực vào tay vua.
- Ưu điểm và hạn chế của kinh tế thời Nguyễn.
- Đánh giá chung về nhà Nguyễn.

2. Bài tập về nhà

- HS học bài, sưu tầm tranh ảnh, tư liệu về thời Nguyễn.
- Đọc trước bài 26.

Bài 26. TÌNH HÌNH XÃ HỘI Ở NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX VÀ CUỘC ĐẤU TRANH CỦA NHÂN DÂN

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

- Giúp HS hiểu đầu thế kỉ XIX tình hình chính trị xã hội Việt Nam dần dần trở lại ổn định, nhưng mâu thuẫn giai cấp vẫn không dịu đi.

- Mặc dù nhà Nguyễn có một số cố gắng nhằm giải quyết những khó khăn của nhân dân, nhưng sự phân chia giai cấp ngày càng cách biệt, bộ máy quan lại sa đọa, tình trạng mất mùa đói kém thường xuyên xảy ra.

- Cuộc đấu tranh của nhân dân diễn ra liên tục và mở rộng ra hầu hết cả nước, lôi cuốn cả một bộ phận binh lính.

2. Kĩ năng

- Tiếp tục rèn kĩ năng phân tích, tổng hợp, nhận xét và đánh giá.

3. Thái độ, tư tưởng

- Bồi dưỡng ý thức trách nhiệm với nhân dân, quan tâm đến đời sống cộng đồng.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

- *Địa chủ:* người chiếm hữu nhiều ruộng đất thời phong kiến, bản thân không lao động, sống bằng bóc lột địa tô.

- *Cường hào:* Kẻ có quyền thế ở nông thôn thời phong kiến, áp bức, bóc lột dân làng. Một số người có quyền thế ngày nay ở nông thôn thường tham nhũng hách dịch cũng được nhân dân gọi là cường hào.

- *Dân tộc thiểu số* (dân tộc ít người): dân tộc chiếm số ít, so với dân tộc chiếm số đông nhất trong một nước có nhiều dân tộc

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Bản đồ Việt Nam.

- Một số câu thơ, ca dao về cuộc sống của nhân dân ta dưới thời Nguyễn.

- Máy vi tính kết nối máy chiếu.

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

- Có thể theo phần đầu SGK.

- GV dẫn dắt HS vào tình huống có vấn đề: Mặc dù nhà Nguyễn có một số chính sách nhằm phát triển kinh tế, văn hóa nhưng vẫn không cải thiện được đời sống nhân dân. Vì sao ngay từ khi nhà Nguyễn mới thành lập, phong trào đấu tranh của nhân dân liên tiếp bùng nổ? Sự tham gia của mọi tầng lớp nhân dân, cả binh lính và dân tộc thiểu số nói lên điều gì? Chúng ta cùng tìm hiểu bài 26.

4. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Một số gợi ý:

- Bài này kiến thức cơ bản tập trung ở mục 1 và mục 2. Mục 3 dành thời gian ít hơn. Cần làm nổi bật đặc điểm phong trào đấu tranh của nhân dân thời kì này. Đó là nhà Nguyễn đã vấp phải sự phản kháng của mọi tầng lớp nhân dân, không chỉ nông dân, mà cả binh lính và các dân tộc ít người. Điều đó chứng tỏ, nhà Nguyễn đã rơi vào tình trạng khủng hoảng sâu sắc, mâu thuẫn trong xã hội ngày càng gay gắt.

- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
1. Tình hình xã hội và đời sống của nhân dân *** Xã hội:** - Trong xã hội sự phân chia giai cấp ngày càng rõ rệt. Xã hội gồm 2 giai cấp: + Giai cấp thống trị bao gồm vua quan, địa chủ, cường hào. + Giai cấp bị trị bao các tầng lớp nhân dân lao	**Hoạt động 1:** (Cả lớp, cá nhân): *Giải thích được vì sao tình hình xã hội dưới triều Nguyễn không ổn định:* - GV giảng giải: Nhà Nguyễn lên ngôi sau một giai đoạn nội chiến ác liệt, tình hình chính trị - xã hội phức tạp, chế độ phong kiến đang trên bước đường suy tàn. Bản thân nhà Nguyễn lại đại diện cho tập đoàn phong kiến thống trị cũ, vì vậy đã chủ trương duy trì tình trạng kinh tế xã hội cũ, tăng cường tính chuyên chế nhằm bảo vệ quyền thống trị của mình. Trong bối cảnh lịch sử đó các giai cấp trong xã hội Việt Nam không có gì thay đổi xong tình hình các giai cấp và mối quan hệ giữa các giai cấp trong xã hội ít nhiều có sự biến đổi. - HS nghe, ghi nhớ.

đông, đại đa số là nông dân. - Tệ tham quan ô lại thời Nguyễn rất phổ biến. - Ở nông thôn địa chủ cường hào ức hiếp nhân dân.	- GV yêu cầu HS theo SGK để thấy được sự phân hoá các giai cấp trong xã hội Việt Nam dưới thời Nguyễn. - GV có thể giảng giải thêm về tình hình của các giai cấp trong xã hội thời Nguyễn: + Triều đình nhà Nguyễn đã cố gắng hoàn chỉnh bộ máy thống trị nhằm ổn định tình hình xã hội song không ngăn chặn được sự phát triển của tệ tham quan ô lại. GV gọi HS đọc các câu ca dao, lời vua Tự Đức trong SGK để minh hoạ. + Ở nông thôn bọn địa chủ cường hào tiếp tục hoành hành, ức hiếp nhân dân. GV gọi HS đọc lời Nguyễn Công Trứ trong SGK để chứng minh. + Nhà nước còn huy động sức người, sức của để phục vụ những công trình xây dựng kinh thành, lăng tẩm, dinh thự...
*** Đời sống nhân dân:** - Dưới thời Nguyễn nhân dân phải chịu cảnh sưu cao, thuế nặng, chế độ lao dịch nặng nề - Thiên tai, mất mùa đói kém thường xuyên xảy ra => đời sống nhân dân khổ cực. + Những vấn đề trên là nguyên nhân bùng nổ phong trào đấu tranh của mọi tầng lớp nhân dân chống lại triều Nguyễn.	**Hoạt động 2:** (Cả lớp, cá nhân). *Đánh giá được đời sống của nhân dân* - GV hỏi: Trong bối cảnh vua, quan như vậy, đời sống của nhân dân ra sao? - HS theo dõi SGK trả lời. - GV bổ sung: Nhà nước chia vùng để đánh thuế rất nặng, tô tức của địa chủ cũng khá cao. Mỗi năm một người dân đinh phải chịu 60 ngày lao động nặng nhọc. GV gọi HS đọc bài vè của người đương thời nói về nỗi khổ của người dân trong SGK. - GV hỏi: Em nghĩ thế nào về đời sống của nhân dân ta dưới thời Nguyễn? So sánh với thế kỉ trước. - GV có thể gợi ý: Thời Lê sơ có câu ca: Thời vua Thái Tổ, Thái Tông... còn thời nhà Nguyễn đời sống của nhân dân ra sao? - HS suy nghĩ, trả lời. - GV nhận xét, kết luận. - HS nghe, ghi chép.

2. Phong trào đấu tranh của nhân dân và binh lính - Ngay từ đầu thế kỉ XIX, nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân đã nổ ra và liên tục phát triển cho đến giữa thế kỉ XIX. Cả nước có tới 400 cuộc khởi nghĩa. - Tiêu biểu: + Khởi nghĩa Phan Bá Vành bùng nổ năm 1821 ở Sơn Nam hạ (Thái Bình, Nam Định) mở rộng ra Hải Dương, An Quảng đến năm 1827 bị đàn áp. + Khởi nghĩa Cao Bá Quát bùng nổ năm 1854 ở Ứng Hoà - Hà Tây (Hà Nội), mở rộng	**Hoạt động 3:** (Cả lớp, cá nhân): *Tìm hiểu phong trào đấu tranh của nhân dân và binh lính nửa đầu thế kỉ XIX.* - GV có thể đặt vấn đề: Ở những thời kì trước chúng ta đã từng được chứng kiến những cuộc nổi dậy của nhân dân chống lại triều đình phong kiến thường diễn ra ở cuối mỗi triều đại. Còn dưới thời Nguyễn phong trào đấu tranh của nhân dân ta có đặc điểm gì khác so với trước? Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu. - HS nghe, định hình mục tiêu học tập. - GV yêu cầu HS tự đọc SGK tóm tắt những nét chính về phong trào đấu tranh của nhân dân và binh lính dưới thời Nguyễn. - HS dựa vào SGK tự tóm tắt vào vở ghi những nét chính về phong trào. - GV: Sau khi HS tự tóm tắt, GV yêu cầu một HS tự trình bày phần mình đã làm vào vở và gọi tiếp HS khác nhận xét, bổ sung. - GV đưa ra thông tin phản hồi của mình để giúp HS hoàn thiện phần tự học của mình. Thông tin phản hồi của GV có thể đưa lên máy chiếu hoặc viết vào khổ giấy A_0 treo trên bảng. - GV có thể trao đổi với HS về Phan Bá Vành và Cao Bá Quát: + Phan Bá Vành thủ lĩnh phong trào nông dân ở Bắc Kì, người làng Minh Giám (Vũ Thư - Thái Bình), giỏi võ. Năm 1821 - 1822 vùng châu thổ sông Hồng gặp đói lớn, trong khi nhà nước phong kiến và bọn địa chủ cường hào lại tăng cường bóc lột. Nhân dân Nam Định, Thái Bình, Hải Dương bất bình nổi lên chống đối, Phan Bá Vành nhân đó lấy làng Minh Giám làm nơi tập hợp lực lượng phát động khởi nghĩa. Nghĩa quân đi đến đâu đều lấy của nhà giàu chia cho dân nghèo vì vậy được nhiều người hưởng ứng, khởi nghĩa lan rộng. Năm 1826, Minh Mạng huy động lực lượng đàn áp khởi nghĩa, vì vậy nghĩa quân phải rút về xây dựng căn cứ ở Trà Lũ (Nam Định). Năm 1827

ra Hà Nội, Hưng Yên, đến năm 1855 bị đàn áp. + Năm 1833 một cuộc nổi dậy của binh lính do Lê Văn Khôi chỉ huy nổ ra ở Phiên An (Gia Định), làm chủ cả Nam Bộ. Năm 1835 bị dập tắt. **- Đặc điểm:** + Phong trào đấu tranh của nhân dân nổ ra ngay từ đầu thế kỉ khi nhà Nguyễn vừa lên cầm quyền. + Nổ ra liên tục, số lượng lớn. + Có cuộc khởi nghĩa quy mô lớn và thời gian kéo dài như khởi nghĩa Phan Bá Vành, Lê Văn Khôi.	quân triều đình tấn công Trà Lũ, Phan Bá Vành bị giết, khởi nghĩa thất bại. Làng Trà Lũ bị tàn phá. + Cao Bá Quát (1808 - 1855). Quê ở Phú Thuỵ - Gia Lâm - Hà Nội. Năm 1831 đỗ cử nhân, thuở nhỏ sống nghèo nhưng nhân cách cứng rắn, nổi tiếng văn hay chữ tốt. Nhưng mấy lần thi Hội đều phạm quy nên bị đánh hỏng; năm 1841 làm quan Bộ Lễ tại Huế. Năm 1847 làm ở Viện Hàn lâm, sớm nhận rõ bộ mặt xấu xa của vua quan triều đình, ông từ quan. Cao Bá Quát là nhà thơ lớn, người đương thời ca ngợi "văn như Siêu, Quát vô Tiền Hán". Ông để lại hàng nghìn bài thơ chữ Nôm và chữ Hán, thể hiện rõ bản lĩnh, tài năng và ý chí của ông, luôn đề cao các anh hùng dân tộc, các nhà Nho nhân cách, phản ánh nỗi cực khổ của dân nghèo. Năm 1853 - 1854 các tỉnh Bắc Ninh, Sơn Tây bị hạn hán, châu chấu hoành hành cắn phá lúa, nhân dân đói khổ, lòng người bất mãn với triều đình. Nhân cơ hội này ông tổ chức khởi nghĩa, trở thành thủ lĩnh của khởi nghĩa nông dân. Do bị bại lộ nên khởi nghĩa chỉ kéo dài được mấy tháng. Cao Bá Quát hi sinh tại trận địa. Sau đó triều đình Tự Đức ra lệnh chu di 3 họ. Bà con nội, ngoại của Cao Bá Quát nhiều người bị giết hại. Sách vở của ông cũng bị đốt huỷ. - HS nghe, ghi nhớ về những nhân vật lịch sử. **Hoạt động 4:** (Cá nhân): *Rút ra đặc điểm của phong trào nông dân* - GV: Qua những nét chính về phong trào đấu tranh của nông dân thời Nguyễn em có rút ra đặc điểm của phong trào? - HS dựa vào phong trào, so sánh trả lời. - GV bổ sung, kết luận về đặc điểm của phong trào. - HS nghe, ghi chép.

3. Đấu tranh của các dân tộc ít người	Hoạt động 5: (Cả lớp): *Tìm hiểu các cuộc đấu tranh của các dân tộc ít người:*
- Phong trào cũng diễn ra từ Bắc đến Nam. Tiêu biểu là: + Ở phía Bắc: khởi nghĩa của người Tày ở Cao Bằng (1833 - 1835) do Nông Văn Vân lãnh đạo. + Cuộc khởi nghĩa của người Mường ở Hoà Bình và Tây Thanh Hoá, dưới sự lãnh đạo của tù trưởng họ Quách (1832 - 1838). + Ở phía Nam: cuộc khởi nghĩa của người Khơme ở miền Tây Nam Bộ(1840 - 1848). - Giữa thế kỉ XIX các cuộc khởi nghĩa tạm lắng khi Pháp chuẩn bị xâm lược nước ta.	- GV dẫn dắt: Do tác động của phong trào nông dân và tình hình chung của xã hội các dân tộc ít người đã nổi dậy đấu tranh. - GV hỏi: Nguyên nhân bùng nổ các cuộc đấu tranh của các dân tộc ít người? - HS dựa vào SGK để trả lời: + Tác động của phong trào nông dân trên khắp cả nước. + Các dân tộc ít người nói riêng và nhân dân ta dưới thời Nguyễn nói chung đều có mâu thuẫn, bất mãn với triều đình. - GV yêu cầu HS trình bày những nét chính về phong trào đấu tranh của các dân tộc miền núi. - HS nghe, ghi chép. GV: Phong trào đấu tranh của các dân tộc ít người nói lên điều gì ? - Phong trào đấu tranh của dân tộc ít người chứng tỏ sự bất bình của mọi tầng lớp nhân dân đối với chính quyền nhà Nguyễn nói chung và bọn địa chủ cường hào ở nông thôn nói riêng.

V. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. Củng cố

- Mặc dù triều đình nhà Nguyễn đã cố gắng ổn định nền thống trị, và đã có cống hiến nhất định trên một số lĩnh vực, nhất là lĩnh vực văn hoá, song vẫn không giải quyết được khủng hoảng, làm cho các mâu thuẫn xã hội càng gia tăng, phong trào đấu tranh phản đối chính quyền diễn ra liên tục làm cho xã hội Việt Nam thời Nguyễn, như "đang lên cơn sốt trầm trọng".

- Phong trào đấu tranh chống chế độ phong kiến nhà Nguyễn thu hút mọi tầng lớp tham gia, từ nông dân đến binh lính và dân tộc ít người.

2. Bài tập về nhà

- Lập bảng so sánh về kinh tế, chính trị, xã hội và phong trào nông dân giữa hai thời kì của đầu thế kỉ XVIII và nửa đầu thế kỉ XIX và rút ra nhận xét.

- HS học bài, ôn tập lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỉ XIX.

Bài 27. QUÁ TRÌNH DỰNG NƯỚC VÀ GIỮ NƯỚC

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

- Nước Việt Nam có lịch sử dựng nước và giữ nước lâu đời, trải qua nhiều biến động thăng trầm.

- Trong quá trình tồn tại, phát triển nhân dân ta đã từng bước hợp nhất, đoàn kết xây dựng một quốc gia thống nhất, có tổ chức nhà nước hoàn chỉnh, có nền kinh tế đa dạng ổn định, có nền văn hoá tươi đẹp giàu bản sắc riêng đặt nền móng vững chắc cho sự vươn lên của các thế hệ nối tiếp.

- Trong quá trình lao động sáng tạo, xây dựng đất nước, nhân dân Việt Nam còn phải liên tục cầm vũ khí, chung sức, đồng lòng tiến hành hàng loạt các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm bảo vệ độc lập cho Tổ quốc.

2. Kĩ năng

- Rèn luyện kĩ năng tổng hợp vấn đề, so sánh, phân tích.

3. Thái độ, tư tưởng

- Bồi dưỡng lòng yêu nước và niềm tự hào dân tộc.

- Bồi dưỡng ý thức vươn lên trong học tập, xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

- *Văn minh*: Trình độ phát triển cao của nền văn hóa tinh thần và vật chất của xã hội loài người ở một giai đoạn nhất định: Văn minh Văn Lang - Âu Lạc, Văn minh Đại Việt ...

- *Chămpa*: Vương quốc Chămpa tồn tại khoảng thế kỉ VI đến thế kỉ XV. Lãnh thổ của vương quốc Champa xưa là miền Trung và Nam Trung bộ Việt Nam ngày nay. Đây là vùng giàu gỗ quý, nhất là gỗ trầm, lấy lõi làm trầm hương, nhân dân có nghề thủ công truyền thống: tơ tằm, đồ gốm, xây dựng, kiến trúc. Các tháp, đền Chămpa là những công trình nghệ thuật kiến trúc tôn giáo đặc sắc.

- *Phù Nam*: Quốc gia cổ xuất hiện từ thế kỉ I - VII trên một vùng lãnh thổ rộng lớn, phía Nam giáp vịnh Thái Lan, phía Bắc đến tận Udong (Thái Lan), phía Đông giáp biển, phía Tây bao gồm hạ lưu sông Mê Nam và một phần Bắc bán đảo Mã Lai.

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Bảng thống kê tình hình chính trị, kinh tế, xã hội văn hóa - giáo dục nước ta (từ nguồn gốc đến giữa thế kỉ XIX).

- Bản đồ Việt Nam.

- Một số tranh ảnh minh họa.

- Máy vi tính kết nối máy chiếu.

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

- Có thể mở đầu theo SGK

- GV có thể giới thiệu khái quát: Từ buổi đầu xây dựng nước cho đến giữa thế kỉ XIX, dân tộc Việt Nam đã trải qua một quá trình lao động, chiến đấu đầy hi sinh gian khổ, song cũng hết sức anh dũng, kiên cường. Mặc dù có thời kì đất nước bị chia cắt, nhưng độc lập dân tộc và thống nhất đất nước luôn là mục tiêu hướng tới của chúng ta. Các thời kì dựng nước, giữ nước và xây dựng nền văn hóa dân tộc diễn ra như thế nào ? chúng ta cùng học bài 27.

3. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Một số gợi ý:

- Nội dung kiến thức của bài này vừa nhiều, vừa mang tính tổng hợp cao nên khó dạy. GV cần đối chiếu với kiến thức đã học ở cấp THCS để lựa chọn nội dung bài giảng cho phù hợp. Ở đây, GV nên hướng dẫn HS lập bảng thống kê kiến thức về các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa từ ở nhà, theo từng nhóm. Thông qua việc chuẩn bị và trình bày trên lớp giúp các em có sự nhận thức đầy đủ, khái quát, hệ thống về lịch sử dựng nước và giữ nước suốt hơn hai nghìn năm của dân tộc ta.

- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

* **Hoạt động 1: Cả lớp và cá nhân:** Biết được các thời kì xây dựng và phát triển đất nước:

Trước hết GV kẻ một bảng, thống kê nội dung cơ bản của các thời kì xây dựng và phát triển đất nước lên bảng, theo mẫu:

A. Kiến thức cơ bản

I. Các thời kì phát triển và xây dựng đất nước

Nội dung chủ yếu / Thời kì	Chính trị	Kinh tế	Xã hội	Văn hoá - giáo dục

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
- Thời kì dựng nước thế kỉ VII TCN đến đầu thế kỉ II TCN . - Giai đoạn đầu của thế kỉ thời kì phong kiến độc lập X - XV. - Thời kì đất nước bị chia cắt XVI - XVIII. - Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX.	- HS kẻ bảng theo mẫu vào vở - GV hỏi: Lịch sử dân tộc từ thời dựng nước đến thế kỉ XIX chia làm mấy thời kì? đó là những thời kì nào? - HS suy nghĩ, nhớ lại kiến thức đã học để trả lời: - GV nhận xét và phân kì lịch sử dân tộc theo SGK đồng thời ghi các thời kì vào cột đầu tiên của bảng thống kê. - HS ghi chép. *** Hoạt động 2:** (Nhóm và cá nhân): *Tìm hiểu những nét tiêu biểu về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội* - GV chia lớp làm 4 nhóm (có thể chia theo tổ) sau đó phân công: + Nhóm 1: Thảo luận và điền vào bảng thống kê tình hình chính trị, tổ chức bộ máy nhà nước qua các thời kì. Thống kê các triều đại phong kiến Việt Nam từ thế kỉ X - XIX. + Nhóm 2: Thảo luận và điền vào bảng thống kê nét cơ bản về tình hình kinh tế nước ta qua các thời kì. + Nhóm 3: Thảo luận và điền vào bảng thống kê những nét chính về tình hình tư tưởng, văn hoá, giáo dục của nước ta qua các thời kì.

	+ Nhóm 4: Thảo luận về tình hình xã hội, các mối quan hệ xã hội qua các thời kì. - HS thảo luận nhóm và tự điền vào bảng thống kê nội dung được phân công. Cử một đại diện trình bày trước lớp.
	- GV gọi đại diện các nhóm trả lời.
	- HS đại diện các nhóm trả lời, HS khác chú ý nghe, ghi nhớ. Có thể đặt câu hỏi cho các nhóm khác nếu có thắc mắc.
	- GV: Sau khi các nhóm trình bày xong GV có thể đưa ra thông tin phản hồi bằng cách treo lên bảng một bảng thống kê đã chuẩn bị sẵn theo mẫu trên.

Nội dung chủ yếu / Thời kì	Chính trị	Kinh tế	Xã hội	Văn hoá - giáo dục
Thời kì dựng nước VII TCN - II TCN (Từ thế kỉ I - X bị phong kiến phương Bắc đô hộ - Bắc thuộc)	- Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc thành lập ở Bắc Bộ. ⇒ Bộ máy nhà nước quân chủ còn sơ khai. - Thế kỉ II TCN ở Nam Trung Bộ, Lâm ấp, Chăm Pa ra đời. - Thế kỉ I TCN quốc gia Phù Nam ra đời ở Tây Nam Bộ	- Nông nghiệp trồng lúa nước. - Các nghề dệt, gốm, làm đồ trang sức. - Đời sống vật chất đạm bạc, giản dị, thích ứng với tự nhiên.	- Quan hệ vua tôi gần gũi.	- Tín ngưỡng: Đa thần. - Đời sống tinh thần phong phú, đa dạng, chất phát, nguyên sơ. - Giáo dục từ năm 1070 được tôn vinh, ngày càng phát triển.
- Giai đoạn đầu của thời kì phong kiến độc lập	Nhà nước quân chủ phong kiến ra	- Nhà nước quan tâm đến nông nghiệp.	- Quan hệ xã hội chưa phát triển thành	- Nho giáo Phật giáo thịnh hành. Nho giáo

X – XV.	đời. Thế kỉ XV hoàn chỉnh bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương…	- TCN - TN phát triển - Đời sống kinh tế của nhân dân được ổn định	mâu thuẫn đối kháng.	ngày càng được đề cao. - Văn hoá chịu ảnh hưởng các yếu tố bên ngoài song vẫn mang đậm đà bản sắc dân tộc.
Giai đoạn đất nước bị chia cắt XVI – XIII.	- Chiến tranh phong kiến, đất nước chia cắt làm 2 miền: Đàng Trong Đàng Ngoài với 2 chính quyền riêng. ⇒Nền quân chủ không còn vững chắc như trước.	- Thế kỉ XVII kinh tế phục hồi. + NN: ổn định và phát triển nhất là ở Đàng Trong. + Kinh tế hàng hoá phát triển mạnh giao lưu với nước ngoài mở rộng tạo điều kiện cho các đô thị hình thành, hưng khởi.	- Giữa thế kỉ XVIII chế độ phong kiến ở hai Đàng khủng khoảng ⇒ phong trào nông dân bùng nổ, tiêu biểu là phong trào công nhân Tây Sơn.	- Nho giáo suy thoái, Phật giáo được phục hồi. Đạo Thiên chúa được truyền bá. - Tín ngưỡng dân gian nở rộ. - Giáo dục tiếp tục phát triển song chất lượng suy giảm.
Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX	- Năm 1802 nhà Nguyễn thành lập duy trì bộ máy nhà nước quân chủ chuyên chế phong kiến, Song nền quân chủ phong kiến đã bước vào khủng khoảng suy vong.	- Chính sách đóng cửa của nhà Nguyễn đã hạn chế sự phát triển của nền kinh tế. Kinh tế Việt Nam trở nên lạc hậu, kém phát triển.	- Sự cách biệt giữa các giai cấp càng lớn, mâu thuẫn xã hội tăng cao, phong trào đấu tranh liên tục bùng nổ.	- Nho giáo được độc tôn. - Văn hoá, giáo dục có những đóng góp đáng kể.

- HS theo dõi so sánh để hoàn chỉnh trong bảng thống kê.

II. Cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc	*** Hoạt động 3** (Cả lớp, cá nhân): *Trình bày được các cuộc kháng chiến bảo vệ Tổ quốc:* - GV khái quát: Song song với quá trình xây dựng đất nước, nhân dân Việt Nam liên tục phải cầm vũ khí đứng lên chống ngoại xâm bảo vệ độc lập của Tổ quốc. Sau đó GV yêu cầu HS lập bảng thống kê các cuộc đấu tranh giành và giữ độc lập dân tộc từ thời Bắc thuộc đến thế kỉ XVIII. - HS tự lập bảng thống kê vào vở ghi. - GV: Sau khi HS tự lập bảng GV gọi một vài em kể tên các cuộc đấu tranh của nhân dân ta, từ thời Bắc thuộc đến thế kỉ XVIII. + Một số em khác trình bày lại một cuộc kháng chiến tiêu biểu thời Đại Việt X - XVIII. - Cuối cùng GV đưa ra bảng thông tin phản hồi các cuộc kháng chiến bảo vệ độc lập (thế kỉ X - XVIII):

Tên cuộc đấu tranh	Thời sau	Lãnh đạo	Kết quả
Cuộc kháng chiến chống Tống (981)	Thế kỉ X	- Lê Hoàn	- Thắng lợi nhanh chóng
Kháng chiến chống Tống (1075 - 1077)	Thế kỉ XI	- Lý Thường Kiệt	- Năm 1077 kết thúc thắng lợi
Kháng chiến chống Mông - Nguyên	Thế kỉ XIII	- Vua Trần (lần 1) - Vua Trần, Trần Quốc Tuấn (Lần II - Lần III)	- Cả 3 lần kháng chiến đều giành thắng lợi.
Phong trào đấu tranh chống quân xâm lược Minh và khởi nghĩa Lam Sơn 1407 - 1427	Thế kỉ XV	- Kháng chiến chống quân Minh do nhà Hồ lãnh đạo. - Khởi nghĩa Lam Sơn chống ách đô hộ của nhà Minh do Lê Lợi - Nguyễn Trãi lãnh đạo	- Lật đổ ách thống trị của nhà Minh giành lại độc lập

Kháng chiến chống quân Xiêm 1785	Thế kỉ XVIII	- Nguyễn Huệ	- Đánh tan 5 vạn quân Xiêm
Kháng chiến chống quân Thanh	Thế kỉ XVIII	- Vua Quang Trung (Nguyễn Huệ)	- Đánh tan 29 vạn quân Thanh

	- HS theo dõi, so sánh để hoàn thiện bảng thống kê của mình. - GV phát vấn: Em có nhận xét gì về công cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta? - HS suy nghĩ trả lời: + Các cuộc kháng chiến của nhân dân ta diễn ra ở hầu hết các thế kỉ. + Để lại kì tích anh hùng đáng tự hào, những truyền thống cao quý, mãi mãi khắc sâu vào lòng mỗi người Việt Nam yêu nước.

V. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. Củng cố

- Lịch sử của dân tộc ta là lịch sử dựng nước gắn liền với giữ nước. Trải qua hàng nghìn năm, nhân dân ta đã xây dựng một đất nước hoàn chỉnh, thống nhất, đặt cơ sở cho sự phát triển tiếp theo của đất nước sau này.

- Các giai đoạn phát triển, hình thành của lịch sử dân tộc từ thời dựng nước đến thế kỉ XIX.

- Thống kê các triều đại trong lịch sử dân tộc từ X - giữa XIX.

2. Bài tập về nhà

- Ôn lại và củng cố kiến thức bài học theo nội dung chính.
- Chuẩn bị bài 28.

Bài 28. TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM THỜI PHONG KIẾN

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

- Dân tộc Việt Nam trong các thế kỉ trước năm 1858 đã để lại cho đời sau một truyền thống yêu nước quý giá và rất đáng tự hào.

- Truyền thống yêu nước là sự kết tinh của nhiều nhân tố, sự kiện đã diễn ra trong một thời kì lịch sử lâu dài.

- Trong hoàn cảnh của chế độ phong kiến, do tác động của tiến trình lịch sử dân tộc với những nét riêng biệt yếu tố chống ngoại xâm, bảo vệ độc lập Tổ quốc, trở thành nét đặc trưng của truyền thống yêu nước Việt Nam thời phong kiến.

2. Kĩ năng

Rèn luyện kĩ năng phân tích, liên hệ.

3. Thái độ, tư tưởng

- Bồi dưỡng lòng yêu nước và ý thức dân tộc, lòng biết ơn với các anh hùng dân tộc.

- Bồi dưỡng ý thức phát huy lòng yêu nước.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

- *Truyền thống*: Những yếu tố về sinh hoạt xã hội, văn hóa, tư tưởng, tình cảm ... hình thành trong quá trình lịch sử của một dân tộc, một giai cấp, một nước, một địa phương, một đơn vị nào đó, được truyền từ đời này sang đời khác, thế hệ trước đến thế hệ sau. Truyền thống có phần tích cực, giúp đỡ vào sự tồn tại và phát triển, như truyền thống yêu nước, lao động (truyền thống tốt đẹp), cũng có phần tiêu cực phải xóa bỏ.

- *Truyền thống dân tộc*: truyền thống của một dân tộc.

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Một số đoạn trích trong các tác phẩm hay lời của danh nhân.

- Lược đồ Việt Nam thời Minh Mạng.

- Máy vi tính kết nối máy chiếu.

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

- Có thể dùng đoạn chữ đầu tiên của SGK để giới thiệu bài mới.

- Có thể dẫn dắt HS vào tình huống có vấn đề: Lịch sử của dân tộc ta là dựng nước gắn liền với giữ nước. Trong quá trình đó, nhiều truyền thống tốt đẹp của dân tộc được hình thành và phát triển, tiêu biểu nhất là truyền thống yêu nước. Truyền thống yêu nước Việt Nam được hình thành trên cơ sở nào? Truyền thống đó được phát triển, tôi luyện ra sao? Đặc trưng của truyền thống yêu nước Việt Nam thời phong kiến là gì? Đó là những câu hỏi cần giải quyết trong bài 28.

3. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Một số gợi ý:

- Đây là bài có nội dung hay và khó dạy vì mang tính khái quát cao. Cả 3 mục có mối liên hệ mật thiết với nhau, nên GV phải dành thời gian thoả đáng cho cả 3 nội dung. Trong đó, cần nhấn mạnh đặc trưng của truyền thống yêu nước Việt Nam thời phong kiến với truyền thống yêu nước Việt Nam nói chung và nguyên nhân tạo nên đặc trưng truyền thống đó.

- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
1. Sự hình thành của truyền thống yêu nước Việt Nam - Khái niệm: + Truyền thống là những yếu tố về sinh hoạt xã hội, phong tục, tập quán, lối sống, đạo đức của một dân tộc được hình thành trong quá trình được lưu truyền từ đời này sang đời khác từ xưa đến nay.	**Hoạt động 1:** (Cả lớp, cá nhân)*: Hiểu được cơ sở hình thành truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam:* - Trước hết GV có thể đặt câu hỏi để tạo sự chú ý và định hướng nhận thức cho HS: Em hiểu thế nào về hai khái niệm: Truyền thống và truyền thống yêu nước? - HS vận dụng những hiểu biết của mình để trả lời. - GV nhận xét và kết luận: - GV có thể lấy ví dụ về một số truyền thống của dân tộc để minh hoạ: Truyền thống yêu nước, lao động cần cù, chịu khó, chịu đựng gian khổ, đoàn kết.... Nổi bật nhất là truyền thống yêu nước.

+ Truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam: Là nét nổi bật trong đời sống văn hoá tinh thần của người Việt, là di sản quý báu của dân tộc được hình thành rất sớm, được củng cố và phát huy qua hàng ngàn năm lịch sử. - Lòng yêu nước bắt nguồn từ những tình cảm đầu tiên của con người đối với người thân trong gia đình và mở rộng ra là quê hương, là làng xóm và cao hơn là quốc gia, dân tộc hay Tổ quốc. - Từ khi hình thành quốc gia dân tộc Việt: Văn Lang - Âu Lạc những tình cảm gắn bó mang tính địa phương phát triển thành tình cảm rộng lớn - lòng yêu nước. - Ở thời kì Bắc, thuộc lòng yêu nước biểu hiện rõ nét hơn: + Qua ý thức bảo vệ những di sản văn hoá của dân tộc. + Lòng tự hào về những chiến công, tôn kính các vị anh hùng chống đô hộ (lập đền thờ ở nhiều nơi). => Lòng yêu nước được nâng cao và khắc sâu hơn để từ đó hình thành truyền thống yêu nước Việt Nam.	- HS nghe, ghi chép. **Hoạt động 2:** (Cả lớp): *Tìm hiểu nguồn gốc của truyền thống yêu nước Việt Nam* - GV gợi ý: Một dân tộc yêu nước có nguồn gốc từ đâu? Có từ bao giờ? Và hình thành như thế nào? - GV yêu cầu HS theo dõi SGK để lí giải vấn đề đặt ra. - HS theo dõi SGK vừa suy nghĩ liên hệ để trả lời. - GV nhận xét, bổ sung và kết luận: Từ mấy nghìn năm trước đây, cộng đồng những người nguyên thuỷ trên đất nước Việt Nam, từ trong lao động đã cùng nhau chinh phục châu thổ các con sông lớn. Họ sống quần tụ với nhau, đã sáng tạo nên nền văn minh Việt cổ và xây dựng nên một quốc gia - nước Văn Lang. Từ trong quá trình giao lưu, trao đổi và đoàn kết với nhau để chống thiên tai, bảo vệ cuộc sống đã nảy nở một tình cảm gắn bó với nhau vượt ra khỏi khuôn khổ của một làng, một địa phương thành mức độ rộng lớn hơn mà chúng ta gọi là lòng yêu nước. GV giảng tiếp: lòng yêu nước ở thời kì này được biểu hiện ở ý thức có chung cội nguồn: cùng là con Rồng cháu Tiên, cùng sinh ra từ "Quả bầu mẹ..." ở ý thức xây dựng, bảo vệ quốc gia dân tộc Việt, Văn Lang - Âu Lạc. - Sự đoàn kết của con người, của các làng xóm trong cuộc sống được phát huy và phát triển ở mức độ cao hơn đó là chống giặc ngoại xâm để bảo vệ những thành quả mà con người đã tạo dựng nên. Sự ra đời của Nhà nước Âu Lạc từ trong cuộc kháng chiến chống quân Tần đã đánh dấu bước phát triển mới của lòng yêu nước. - HS nghe, ghi nhớ về quá trình hình thành truyền thống yêu nước.

	- Trong hơn 1000 năm Bắc thuộc, nhân dân ta lại đấu tranh không ngừng để chống lại ách đô hộ của phong kiến phương Bắc, giành lại quyền tự chủ. Đồng thời xây dựng, phát triển đất nước và giữ gìn, phát huy những di sản văn hoá của tổ tiên để lại chính là đã nâng cao và phát triển hơn nữa lòng yêu nước. Việc thờ cúng những người anh hùng từ cuộc kháng chiến chống xâm lược đã thể hiện lòng tự hào dân tộc và khắc ghi lòng yêu nước của người dân Việt để từ đó hình thành truyền thống yêu nước Việt Nam. - GV dẫn dắt: Truyền thống yêu nước được tôi luyện và phát huy như thế nào chúng ta cùng tìm hiểu mục II:
2. Phát triển và tôi luyện truyền thống yêu nước trong các thế kỉ phong kiến độc lập *** Bối cảnh lịch sử** - Đất nước trở lại độc lập, tự chủ. - Nhưng sau 1000 năm Bắc thuộc nền kinh tế trở nên lạc hậu, đói nghèo. - Các thế lực phương Bắc chưa từ bỏ âm mưu xâm lược phương Nam. - Trong bối cảnh ấy lòng yêu nước ngày càng được phát huy, tôi luyện.	**Hoạt động 3:** (Cả lớp, cá nhân): *Biết được truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam được phát triển và tôi luyện trong các thế kỉ phong kiến độc lập.* - GV dẫn dắt: sau một nghìn năm Bắc thuộc và đấu tranh chống Bắc thuộc, đến thế kỉ X đất nước trở lại độc lập tự chủ với lãnh thổ, tiếng nói, phong tục, tập quán của quá trình đấu tranh bền bỉ của dân tộc. Bước sang thời kì độc lập, bối cảnh lịch sử mới cũng đặt ra những thách thức đối với lòng yêu nước của người Việt. - HS nghe, ghi nhớ. - GV phát vấn: *Em hãy nêu bối cảnh lịch sử của dân tộc và cho biết bối cảnh ấy đặt ra yêu cầu gì?* - HS dựa vào SGK trả lời. - GV nhận xét, bổ sung, kết luận: - GV bổ sung, yêu cầu: Xây dựng đất nước mới và bảo vệ Tổ quốc là một thử thách với lòng yêu nước của người Việt Nam. Lòng yêu nước càng được phát huy cao độ. - HS nghe, ghi chép.

- Biểu hiện: + Ý thức vươn lên xây dựng phát triển nền kinh tế tự chủ, nền văn hoá đậm đà bản sắc dân tộc. + Tinh thần chiến đấu chống giặc ngoại xâm bảo vệ độc lập dân tộc của mỗi người Việt. + Ý thức đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân, các dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. + Lòng tự hào dân tộc, biết ơn tổ tiên + Ý thức vì dân, thương dân của giai cấp thống trị tiến bộ - yêu nước gắn với thương dân - mang yếu tố nhân dân.	**Hoạt động 4:** (Cả lớp, cá nhân) - GV hỏi: Trong 9 thế kỉ độc lập truyền thống yêu nước được biểu hiện như thế nào? - HS theo dõi SGK phát biểu. - GV chốt ý. - HS nghe, ghi chép: + GV giải thích: Yêu nước gắn với thương dân vì truyền thống yêu nước ngày càng mang yếu tố nhân dân *"Người chở thuyền là dân, lật thuyền cũng là dân" hay "Khoan thư sức dân dễ làm kế sâu rễ, bền gốc"*, là *"Thượng sách để giữ nước"*. + GV tiểu kết: Như vậy trong các thế kỉ phong kiến độc lập, truyền thống yêu nước càng được phát huy và tôi luyện, đã làm lên những kì tích anh hùng của dân tộc
3. Nét đặc trưng của truyền thống yêu nước Việt Nam thời phong kiến - Dân tộc Việt Nam đã trải qua nhiều cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm. Trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm nhân dân Việt Nam đã đoàn kết nhất trí đồng lòng vượt qua gian khổ, hy sinh, phát huy tài năng, trí tuệ, chiến đấu dũng cảm giành thắng lợi cuối cùng. - Cũng trong chiến đấu chống ngoại xâm lòng yêu nước trở	**Hoạt động 5:** (Cả lớp, cá nhân): *Hiểu rõ những đặc trưng của truyền thống yêu nước Việt Nam thời phong kiến với một số nét cơ bản sau:* - GV đặt vấn đề: Qua tìm hiểu ta thấy truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam được biểu hiện rất đa dạng ở những mức độ khác nhau: + Hi sinh, xả thân vì nước. + Tự hào về đất nước, tôn kính những vị anh hùng dân tộc. + Lao động sáng tạo làm giàu cho cộng đồng, cho đất nước. + Chống giặc ngoại xâm, bảo vệ độc lập. + Giữ gìn di sản văn hoá của dân tộc. + Làm những việc ích nước, lợi nhà... trong đó biểu hiện đặc trưng của truyền thống yêu nước Việt Nam thời phong kiến là chống giặc ngoại xâm bảo vệ độc lập dân tộc. - HS nghe, ghi nhớ. - GV hỏi: Tại sao có thể xem nét đặc trưng cơ

nên trong sáng chân thành và cao thượng hơn bao giờ hết. - Đấu tranh chống ngoại xâm, bảo vệ độc lập trở thành nét đặc trưng của truyền thống yêu nước Việt Nam.	bản của truyền thống yêu nước Việt Nam thời phong kiến là chống ngoại xâm, bảo vệ độc lập dân tộc? - HS theo dõi SGK kết hợp với những kiến thức đã học để trả lời. - GV bổ sung, kết luận. + Để minh hoạ GV yêu cầu HS điểm lại tất cả các cuộc kháng chiến và khởi nghĩa giành và giữ độc lập dân tộc của nhân dân ta trước thế kỉ XIX. Qua đó HS thấy được trên thế giới có lẽ không có dân tộc nào trải qua nhiều cuộc chiến chống xâm lược như Việt Nam. - HS nghe, ghi chép. - GV kết luận: Như vậy rõ ràng ta thấy truyền thống yêu nước được biểu hiện rõ nét nhất trong cuộc đấu tranh chống ngoại xâm. Vì vậy đấu tranh chống ngoại xâm trở thành đặc trưng của truyền thống yêu nước Việt Nam. Truyền thống quý báu đó của nhân dân ViệtNam đã được phát huy cao độ qua mọi thời đại, đã làm nên những chiến công hiển hách cho dân tộc, "nhấn chìm tất cả bè lũ bán nước và cướp nước" đưa đất nước, dân tộc "vượt qua mọi sự nguy hiểm khó khăn". - Trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay. Việt Nam đứng trước những khó khăn thử thách lớn: Nguy cơ tụt hậu, cạnh tranh khốc liệt với bên ngoài, nguy cơ đánh mất bản sắc truyền thống của dân tộc.... Vì vậy truyền thống yêu nước cần phải được phát huy cao độ nữa. - HS nghe, ghi nhớ. - GV có thể đàm thoại với HS về những biểu hiện của lòng yêu nước hiện nay, lấy ví dụ những việc làm cụ thể, thông qua đó giáo dục HS.

V. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. Củng cố

- Quá trình hình thành, tôi luyện, phát huy truyền thống yêu nước của nhân dân Việt Nam.

- Nét đặc trưng cơ bản của truyền thống yêu nước Việt Nam nói chung, truyền thống yêu nước Việt Nam thời phong kiến nói riêng.

2. Bài tập về nhà

HS học bài, trả lời câu hỏi theo SGK, đọc trước bài mới - phần lịch sử thế giới cận đại

Phần ba
LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI

Chương 1
CÁC CUỘC CÁCH MẠNG TƯ SẢN
(Từ giữa thế kỉ XVI đến cuối thế kỉ XVIII)

Bài 29. CÁCH MẠNG HÀ LAN VÀ CÁCH MẠNG TƯ SẢN ANH

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

Giúp HS hiểu rằng, cuộc đấu tranh của nhân dân Hà Lan lật đổ vương triều Tây Ban Nha từ giữa thế kỉ XVI là một cuộc cách mạng tư sản (CMTS) đầu tiên của thời kì lịch sử thế giới cận đại. CMTS Anh (thế kỉ XVIII) là sự tiếp tục cuộc tấn công vào chế độ phong kiến châu Âu, mở đường cho lực lượng sản xuất tư bản phát triển.

2. Kĩ năng

Rèn luyện kĩ năng phân tích, khái quát, tổng hợp, đánh giá sự kiện

3. Thái độ, tư tưởng

CMTS trong buổi đầu thời cận đại thể hiện mặt tích cực ở việc loại bỏ chế độ phong kiến ở một số quốc gia châu Âu, song chỉ là sự thay đổi hình thức bóc lột này bằng hình thức bóc lột khác mà thôi. Một chế độ bóc lột mới, tinh vi và tàn bạo đang hình thành.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

- *Tư bản (chủ nghĩa):* Hình thái kinh tế - xã hội tiếp theo chế độ phong kiến. Thời kì tư bản chủ nghĩa (TBCN) bắt đầu từ CMTS Nê-đéc-lan thế kỉ XVI. Với thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 đã mở đầu thời kì quá độ từ chủ nghĩa tư bản (CNTB) sang chủ nghĩa xã hội (CNXH).

Chế độ tư bản xây dựng trên cơ sở giai cấp tư sản thống trị, bóc lột giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở chính quốc và các thuộc địa.

- *CMTS:* Cuộc cách mạng do tầng lớp quý tộc mới, giai cấp tư sản lãnh đạo, nhằm đánh đổ chế độ phong kiến đã lỗi thời, mở đường cho CNTB phát triển, xác lập sự thống trị của giai cấp tư sản.

Lực lượng chủ yếu đưa CMTS đến thắng lợi là nhân dân lao động. song thành quả cách mạng lại rơi vào tay giai cấp tư sản.

- *Quý tộc mới:* Những quý tộc phong kiến đã tư sản hoá, kinh doanh theo phương thức TBCN như thuê công nhân nông nghiệp, mở công xưởng, xuất hiện ở Tây Âu thế kỉ XVI, mạnh nhất là ở Anh, là một lực lượng quan trọng lãnh đạo CMTS Anh thế kỉ XVII.

- *Quân chủ lập hiến:* Chế độ chính trị của một nước, trong đó quyền lực của nhà vua bị hạn chế bằng một Hiến pháp do Quốc hội (tư sản) định ra.

- *Độc tài quân sự:* Chế độ độc tài do một tập đoàn quân sự thực hiện, đưa một sĩ quan lên cầm quyền, đứng đầu nhà nước và áp dụng chế độ quân sự để quản lí đất nước.

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Bản đồ thế giới; bản đồ các vùng Tây Âu; lược đồ cuộc nội chiến ở Anh
- Chân dung Ô-li-vơ Crôm-oen.
- Tư liệu về Nê-đéc-lan; vụ xử tử Sac-lơ 1; Ô.Crôm-oen
- Máy vi tính kết nối máy chiếu.

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

GV dẫn dắt: Sự phát triển của kinh tế TBCN từ thời hậu kì trung đại đã tạo nên bước chuyển biến từ chế độ phong kiến sang chế độ TBCN. Cuộc đấu tranh giữa giai cấp tư sản với chế độ phong kiến được thể hiện trên nhiều lĩnh vực, mà đỉnh cao là sự bùng nổ và thắng lợi của các cuộc CMTS. Vì sao CMTS nổ ra sớm nhất ở Nê-đéc-lan (vùng đất thấp) và xứ sở "sương mù" (Anh)? Ý nghĩa của cách mạng Hà Lan và cách mạng Anh đối với tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại như thế nào? Chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

3. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Một số gợi ý:

- Bài này trong một tiết phải dạy hai cuộc CMTS. Vì vậy, GV không chỉ hướng dẫn HS nhận thức được nguyên nhân, diễn biến, kết quả, ý nghĩa của từng cuộc cách mạng, mà còn giúp các em phân biệt được điểm giống và khác nhau căn bản giữa cách mạng Hà Lan và CMTS Anh. Đồng thời, bước đầu hình thành cho HS khái niệm "cách mạng tư sản". Tuy nhiên, vì nội dung và tầm vóc của CMTS Anh nên cần dành thời thời gian cho mục 2 nhiều hơn.

- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
1. Cách mạng Hà Lan	**Hoạt động 1:** (Cả lớp và cá nhân): *Biết được những nét chính về vị trí địa lí, tình hình xã hội, kinh tế của Nê-đéc-lan trước cách mạng và diễn biến chính, ý nghĩa của cuộc CMTS đầu tiên trên thế giới:*
- Từ đầu thế kỉ XVI, Nê-đéc-lan là một trong những vùng kinh tế TBCN phát triển nhất châu Âu. - Giai cấp tư sản Nê-đéc-lan ra đời, thế lực kinh tế ngày càng lớn mạnh. - Chính sách cai trị hà khắc của chế độ phong kiến Tây Ban Nha càng làm tăng thêm mâu thuẫn dân tộc. Nhiều cuộc đấu tranh của nhân dân Nê-đéc-lan chống lại chính quyền phong kiến Tây Ban Nha đã diễn ra.	GV giới thiệu trên bản đồ vị trí của Hà Lan trước cách mạng (gồm lãnh thổ các nước Hà Lan, Bỉ, Luyxămbua và một số vùng Đông Bắc Pháp) và giải thích vì sao vùng đất này có tên gọi "Nê-đéc-lan" (vùng đất thấp). - GV: Dựa vào đâu để nói rằng, đầu thế kỉ XVI Nê-đéc-lan là một trong những vùng kinh tế TBCN phát triển nhất châu Âu? HS dựa vào SGK để trả lời. - GV dẫn dắt: Sự phát triển kinh tế TBCN có ảnh hưởng thế nào đến tình hình xã hội Nê-đéc-lan? Sau khi trình bày tình hình kinh tế, xã hội của Nê-đéc-lan dưới thời cai trị của chính quyền phong kiến Tây Ban Nha, GV hướng dẫn HS nhận thức: + Vì sao tư tưởng cải cách tôn giáo của Can-vanh nhanh chóng được nơi này chấp nhận? + Tư tưởng cải cách đó là sự dọn đường cho một cuộc cách mạng

	Cho HS đọc đoạn in nhỏ trong SGK về chính sách đàn áp khốc liệt của chính quyền thực dân Tây Ban Nha đối với những người theo Tân giáo. Mâu thuẫn dân tộc ngày một gia tăng.
- Tháng 8/1566 nhân dân miền Bắc Nê-đéc-lan khởi nghĩa, lực lượng phát triển mạnh, làm chủ nhiều nơi. - Năm 1581, các tỉnh miền Bắc Nê-đéc-lan đã thành lập "Các tỉnh liên hiệp" (sau là Cộng hoà Hà Lan), nhưng thực dân Tây Ban Nha không chấp nhận. - Năm 1609 Hiệp định đình chiến được kí kết. - Năm 1648, chính quyền Tây Ban Nha công nhận nền độc lập của Hà Lan. Cuộc cách mạng kết thúc, Hà Lan được giải phóng.	**Hoạt động 2.** (Cả lớp): *Tìm hiểu diễn biến cách mạng* HS đọc SGK, tóm tắt những thành quả chủ yếu của quá trình đấu tranh kéo dài suốt 4 thập kỉ cuối thế kỉ XVI như: + Giải phóng các tỉnh miền Bắc. + Phân hoá lực lượng kẻ thù. + Hội nghị các tỉnh miền Bắc (U- trếch) với nhiều quyết sách quan trọng. + Chính quyền phong kiến Tây Ban Nha sụp đổ. + Nước cộng hoà tư sản (Hà Lan) ra đời...
Ý nghĩa: + Là cuộc CMTS đầu tiên trên thế giới. + Mở đường cho CNTB phát triển. + Mở ra thời đại mới - bùng nổ các cuộc CMTS. + Hạn chế: Quan hệ sản xuất phong kiến còn tồn tại ở một số nơi, nhân dân không được hưởng quyền lợi (kinh tế, chính trị).	GV hỏi: Ý nghĩa của cuộc cách mạng Hà Lan ? - GV gợi ý để HS nhận thức: CMTS chỉ thay thế hình thức bóc lột này bằng hình thức bóc lột khác, giai cấp bóc lột này bằng giai cấp bóc lột khác, chế độ không thay đổi. - GV hướng dẫn HS lí giải vì sao cách mạng Hà Lan là cuộc CMTS diễn ra dưới hình thức chiến tranh giải phóng dân tộc. GV hỏi: Hạn chế của cuộc cách mạng này là gì?
2. Cách mạng tư sản Anh ***a. Tình hình nước Anh trước cách mạng*** - **Kinh tế**: Đầu thế kỉ XVII,	**Hoạt động 3** (Cả lớp và cá nhân): *Biết được những nét chính về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội Anh trước cách mạng. Trình bày diễn biến chính trên lược đồ và ý nghĩa của cuộc*

nền kinh tế nước Anh phát triển nhất châu Âu. (nhiều công trường thủ công như luyện kim, làm sứ, len dạ,... Luân Đôn trở thành trung tâm công nghiệp, thương mại và tài chính lớn nhất nước Anh). + Ở nông thôn, nhiều quý tộc phong kiến đã chuyển sang kinh doanh theo con đường tư bản. Họ trở thành tầng lớp quý tộc mới. + Chế độ phong kiến tiếp tục kìm hãm giai cấp tư sản và quý tộc mới, ngăn cản họ phát triển theo con đường tư bản.Vì vậy, giai cấp tư sản và quý tộc mới đã liên minh lại với nhau nhằm lật đổ chế độ phong kiến chuyên chế, xác lập quan hệ sản xuất TBCN. - **Xã hội**: Tư sản, quý tộc mới giàu lên nhanh chóng - **Chính trị:** Chế độ phong kiến kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất TBCN. ***b. Diễn biến của cách mạng.*** CMTS Anh được chia làm hai giai đoạn: - *Giai đoạn 1 (1642 - 1648)* + Năm 1640, vua Sác-lơ I triệu	*CMTS Anh:* GV: Sự phát triển của nền kinh tế Anh được thể hiện như thế nào? GV hướng dẫn HS dựa vào SGK để nhận thức nội dung cơ bản: - Sự phát triển của công trường thủ công dần lấn át phường hội. Sản phẩm tăng nhanh về số lượng và chất lượng kích thích hoạt động ngoại thương phát triển nhất là ngành len dạ, buôn bán nô lệ da đen. - Một bộ phận quý tộc Anh chuyển sang kinh doanh hàng hoá theo hướng TBCN, trở thành quý tộc mới. GV miêu tả cảnh "Rào đất cướp ruộng" (hình ảnh "Cừu ăn thịt người" của nhà văn Tomat Morơ), sau đó hướng dẫn HS lí giải vì sao tư sản, quý tộc mới ở Anh giàu lên nhanh chóng như vậy. Hình thành khái niệm "rào đất cướp ruộng"; "quý tộc mới" GV: Sự bảo thủ, lạc hậu và phản động của chế độ phong kiến Anh thể hiện như thế nào? Sau khi HS dựa vào SGK trả lời câu hỏi trên, GV tiếp tục dẫn dắt HS giải quyết vấn đề: *Mâu thuẫn trong lòng xã hội Anh biểu hiện như thế nào? Hướng giải quyết mâu thuẫn đó?* - Mâu thuẫn giữa tư sản, quý tộc mới với các thế lực phong kiến phản động biểu hiện qua những cuộc xung đột giữa Quốc hội với nhà vua. - Cách mạng bùng nổ - GV hướng dẫn HS theo dõi những diễn biến chính của cách mạng qua Lược đồ cuộc nội chiến ở Anh(có thể lập bảng niên biểu sự kiện theo thời gian).

tập Quốc hội Anh (gồm phần lớn là quý tộc mới) nhằm đặt ra thuế mới. Quốc hội được sự ủng hộ của nhân dân đã phản đối kịch liệt và Sác-lơ I, chuẩn bị lực lượng chống lại Quốc hội. + Năm 1642, nội chiến bùng nổ, bước đầu thắng lợi nghiêng về phía nhà vua. Khi Ô-li-vơ Crôm-oen lên làm chỉ huy quân đội Quốc hội, xây dựng đội quân có kỉ luật đã liên tiếp đánh bại quân đội của nhà vua. *- Giai đoạn 2 (1649 - 1688)* + Ngày 30/1/1649, trước áp lực của quần chúng nhân dân, vua Sác-lơ I đã bị xử tử. Nước Anh chuyển sang nền cộng hoà và cách mạng đạt tới đỉnh cao. + 1653: Nền độc tài được thiết lập (một bước tụt lùi). + Năm 1688: Quốc hội tiến hành chính biến, sau đó chế độ quân chủ lập hiến được xác lập. **c. Ý nghĩa** Lật đổ chế độ phong kiến, mở đường cho CNTB ở Anh phát triển. Mở ra thời kì quá độ từ chế độ phong kiến sang chế độ tư bản. + Đây là cuộc CMTS không triệt để vì vẫn còn duy trì ngôi vua. + Cách mạng chỉ đáp ứng quyền lợi cho giai cấp tư sản và quý tộc mới, còn nhân dân không được hưởng gì.	+ 1642 - 1648: Nội chiến (vua - Quốc hội) + 1649: Xử tử vua, thành lập nước cộng hoà + 1653: Lập nền độc tài + 1688: Quốc hội chính biến, xác lập chế độ quân chủ lập hiến - Hướng dẫn HS tạo biểu tượng nhân vật Ô.Crômoen và nhận xét vai trò của ông trong cách mạng ... - Dựa vào niên biểu, GV hướng dẫn HS nắm được hướng phát triển của cách mạng Anh qua các mốc chính, sau đó lí giải vấn đề: + Vì sao cách mạng Anh có sự thoả hiệp giữa Quốc hội với lực lượng phong kiến cũ? + Vì sao nói cách mạng Anh là cuộc cách mạng bảo thủ? GV hướng dẫn HS nhận thức sâu sắc về thái độ hai mặt của giai cấp tư sản Anh. Khi chưa đủ mạnh, vì lợi ích của giai cấp mình, chúng không chỉ lừa phỉnh quần chúng đứng lên tranh đấu chống chế độ phong kiến, mà còn lôi kéo cả một bộ phận quý tộc mới (từng là kẻ thù của mình trước đó) tạo nên một liên minh chính trị mới. Khi cách mạng thành công, giai cấp tư sản phản bội lại quần chúng cách mạng, đồng thời củng cố liên minh quý tộc - tư sản bằng việc thiết lập một thể chế chính trị Quân chủ lập hiến. Nhà vua "trị vì" mà không "cai trị" vì không có thực quyền. Quyền lực chính trị tập trung trong tay quốc hội lập hiến của giai cấp tư sản. Dù còn có những hạn chế nhất định song CMTS Anh vẫn có ý nghĩa trọng đại đối với lịch sử thế giới.

V. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. Củng cố

- GV hướng dẫn HS ghi nhớ một số nội dung cơ bản: nguyên nhân, diễn biến, hình thức, đặc điểm, ý nghĩa của cách mạng Hà Lan và cách mạng Anh.

- Điểm giống và khác nhau của hai cuộc cách mạng.

2. Bài tập về nhà

- Lập bảng so sánh cách mạng Hà Lan với cách mạng Anh về thời gian, mục tiêu, lãnh đạo, động lực, hình thức, kết quả.

- Đọc trước bài 30.

Bài 30. CHIẾN TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP CỦA CÁC THUỘC ĐỊA ANH Ở BẮC MĨ

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

Bài học giúp HS hiểu rằng, cuộc chiến tranh giành độc lập của nhân dân 13 nước thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ cuối thế kỉ XVIII là một cuộc CMTS. Việc ra đời một nước tư sản đầu tiên ngoài châu Âu là sự tiếp tục cuộc tấn công vào chế độ phong kiến mở đường cho lực lượng sản xuất tư bản phát triển, là sự khẳng định quyết tâm vươn lên nắm quyền thống trị thế giới của giai cấp tư sản.

2. Kĩ năng

Rèn luyện kĩ năng sử dụng đồ dùng trực quan, kĩ năng phân tích, khái quát, tổng hợp, đánh giá sự kiện

3. Thái độ, tư tưởng

- Giáo dục cho HS niềm tin vào cuộc đấu tranh chính nghĩa.

- Thái độ trân trọng với những hi sinh cống hiến của nhân dân Mĩ vì nền độc lập.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

- *Thuộc địa:* Nước bị bọn thực dân xâm lược và thống trị, áp bức bóc lột, mất hoàn toàn quyền độc lập về chính trị và kinh tế.

- *Tam quyền phân lập:* Nguyên tắc tổ chức nhà nước dân chủ tư sản, quy định tách riêng 3 quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

Bản đồ 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ; hình ảnh cuộc bạo động ở Bô-xtơn, ảnh chân dung Gioóc giơ Oa- sinh- tơn, Đại hội lục địa.

- Máy vi tính kết nối máy chiếu.

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

- GV có thể sử dụng đoạn tóm tắt trong SGK

- GV có thể tạo tình huống có vấn đề: Sự thắng lợi của cách mạng Hà Lan và cách mạng Anh ở châu Âu đánh dấu ưu thế bước đầu của giai cấp tư sản và khoảng hơn một thế kỉ sau, thế giới được chứng kiến một cuộc biến động chính trị - xã hội to lớn ở 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ, dẫn đến sự ra đời một quốc gia tư sản đầu tiên ở châu Mĩ. Cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ diễn ra như thế nào ? Kết quả của cách mạng ở Mĩ đã ảnh hưởng như thế nào đối với lịch sử châu Mĩ và thế giới? Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.

3. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Một số gợi ý:

- Đây là bài có nội dung kiến thức vừa phải, hay, có nhiều tranh ảnh và nguồn tư liệu có thể làm cho bài giảng hấp dẫn. Kiến thức cơ bản tập trung ở cả 3 mục, nhưng mục 2 được ưu tiên nhiều thời gian hơn. Học bài này, HS không chỉ nhận thức được đây là một cuộc CMTS diễn ra dưới hình thức chiến tranh giải phóng dân tộc, mà còn so sánh để tìm ra điểm giống và khác nhau với cách mạng Hà Lan và Anh.

- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
1. Sự phát triển của CNTB ở Bắc Mĩ. Nguyên nhân bùng nổ chiến tranh	**Hoạt động 1:** (Cả lớp và cá nhân): *Biết được sự phát triển kinh tế tư bản ở những thuộc địa này và mâu thuẫn giữa nhân dân, giai cấp tư sản, chủ nô ở Bắc Mĩ với thực dân Anh:* - GV giới thiệu trên bản đồ vị trí của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ và nêu câu hỏi: *13 thuộc địa của Anh được ra đời như thế nào?*

- Nửa đầu thế kỉ XVIII, 13 thuộc địa Anh được ra đời dọc bờ biển Đại Tây Dương (1,3 triệu người) - Giữa thế kỉ XVIII, nền công thương nghiệp TBCN ở đây phát triển + Miền Bắc: Công trường thủ công phát triển + Miền Nam: Kinh tế đồn điền phát triển - Sự phát triển kinh tế công, nông nghiệp thúc đẩy thương nghiệp, giao thông, thông tin, thống nhất thị trường, ngôn ngữ - Thực dân Anh lại tìm mọi cách ngăn cản, kìm hãm như tăng thuế, độc quyền buôn bán trong và ngoài nước. - Sự kìm hãm của chính phủ Anh làm cho mâu thuẫn ở 13 thuộc địa trở nên gay gắt, dẫn đến việc bùng nổ chiến tranh.	GV gợi ý để HS nhớ lại kiến thức cũ làm nền cho nhận thức kiến thức mới như cuộc di dân từ châu Âu sang châu Mĩ từ sau phát kiến địa lí; quá trình chinh phục người In-đi-an, đuổi họ về phía Tây; đưa nô lệ da đen từ châu Phi sang khai phá đồn điền... Đến thế kỉ XVIII, thực dân Anh đã thiết lập 13 thuộc địa và tiến hành chế độ cai trị, bóc lột nhân dân bản địa (người Indian). GV nêu câu hỏi: Nền kinh tế ở 13 thuộc địa Anh phát triển như thế nào? HS dựa vào SGK để trình bày sự phát triển kinh tế ở 2 miền (Bắc - Nam), biết cách lí giải *vì sao có sự khác nhau về ngành nghề sản xuất ở các khu vực đó.* + Miền Bắc: Công trường thủ công phát triển nhiều ngành nghề như: Rượu, thuỷ tinh, luyện kim, đóng tàu, dệt... (các mỏ kim loại quý tập trung chủ yếu ở miền Bắc, cảng Bô-xtơn sầm uất...) + Miền Nam: Kinh tế đồn điền phát triển, sản xuất hàng hoá nông nghiệp xuất khẩu: ngô, bông, mía, thuốc lá... (đất đai phì nhiêu; sử dụng rộng rãi và bóc lột tàn bạo nô lệ da đen). GV: Sự phát triển kinh tế ở 13 thuộc địa đặt ra những yêu cầu gì? Sau khi cho HS thảo luận vấn đề này, GV cần nhấn mạnh yêu cầu bức thiết của 13 thuộc địa là được tự do phát triển sản xuất, buôn bán, mở mang kinh tế về phía Tây. Tuy nhiên, những mong muốn chính đáng đó bị chính quyền Anh quốc ra sức kìm hãm. GV tiếp tục cho HS thảo luận vấn đề: Tại sao chính phủ Anh lại kìm hãm sự phát triển kinh tế ở thuộc địa? Chính phủ Anh đã làm gì để kìm hãm sự phát triển kinh tế thuộc địa? HS dựa vào SGK và sự hiểu biết của mình để trình bày (cấm Bắc Mĩ sản xuất các hàng công nghiệp, cấm mở doanh nghiệp ...) GV nêu câu hỏi: Hậu quả của những chính sách đó ra sao?(làm tổn hại đến quyền lợi của nhân dân thuộc

	địa, làm cho mâu thuẫn giữa nhân dân thuộc địa với thực dân Anh càng sâu sắc ...) GV bổ sung và kết luận về nguyên nhân dẫn đến việc bùng nổ cuộc chiến tranh đòi quyền độc lập của tất cả các tầng lớp nhân dân 13 thuộc địa Anh.
2. Diễn biến chiến tranh và sự thành lập Hợp chúng quốc Mĩ - Tháng 12/1773, nhân dân cảng Bô-xtơn tấn công 3 tàu chở chè của Anh để phản đối chế độ thu thuế. Đáp lại, thực dân Anh đã ra lệnh đóng cửa cảng. - Năm 1774, các đại biểu thuộc địa đã họp Hội nghị lục địa Phi-la-đen-phi-a, yêu cầu vua Anh phải xoá bỏ các luật cấm vô lí, nhưng không đạt kết quả. - Tháng 4/1775, cuộc chiến tranh bùng nổ. Quân 13 thuộc địa đã giành được nhiều thắng lợi quan trọng. + Ngày 4/7/1776, bản Tuyên ngôn Độc lập được công bố, xác định quyền của con người và quyền độc lập của 13 thuộc địa. Nhưng thực dân Anh không chấp nhận và cuộc chiến tranh vẫn tiếp diễn.	**Hoạt động 2:** (Cả lớp): *Trình bày được diễn biến chính của chiến tranh theo lược đồ:* - GV hướng dẫn HS quan sát bức tranh "Bạo động ở Bô-xtơn (1773)" và đọc đoạn in nhỏ trong SGK (sự kiện chè "Bôxtơn) để tìm hiểu duyên cớ bùng nổ cách mạng. GV hướng dẫn HS phân tích phản ứng của vua Anh - nguyên nhân trực tiếp dẫn đến bùng nổ cuộc chiến (4/1775). GV cho HS quan sát bảng so sánh tương quan lực lượng giữa 2 bên khi bắt đầu cuộc chiến. Ví dụ: Lập bảng thể hiện dữ liệu sau: + Quân Anh: Lực lượng 9 vạn, thiện chiến, vũ khí đầy đủ... + Quân 13 thuộc địa: Lực lượng 3 vạn, thiếu kinh nghiệm tác chiến, vũ khí thiếu thốn... Từ việc so sánh, HS nhận thấy những khó khăn, bất lợi đối với nghĩa quân dẫn tới thương vong nhiều, thiếu thốn lương thực, lực lượng... GV đặt vấn đề: Cuộc chiến sẽ ra sao nếu tình hình đó kéo dài? Vấn đề cấp thiết cần giải quyết lúc này là gì? - GV cho HS quan sát bức tranh *Đại hội lục địa* lần hai, chân dung Oa-sinh-tơn, nêu câu hỏi thu hút sự chú ý của HS: Ông là ai? Em biết gì về ông? Trong quá trình hướng dẫn HS thảo luận, GV cần chú ý nhấn mạnh tài thao lược quân sự của Oa-sinh-tơn (chỉnh đốn quân đội, thay đổi hình thức tác chiến...). GV có thể trích đọc một vài nội dung cơ bản của bản Tuyên ngôn độc lập và phân tích tác dụng của nó đối với việc động viên tinh thần đoàn kết chiến đấu của nhân dân thuộc địa (có thể liên hệ với bản Tuyên ngôn Độc lập ngày 2/9/1945 của ta). Nhờ đó tình hình thay đổi theo hướng ngày càng có lợi cho nghĩa quân.

- Ngày 17/10/1777 chiến thắng Xa-ra-tô-ga, tạo ra bước ngoặt cuộc chiến. - Năm 1781 trận I-oóc-tao, giành thắng lợi cuối cùng. - Năm 1783, thực dân Anh phải kí Hiệp ước Véc-xai, công nhận nền độc lập của 13 thuộc địa.	GV sử dụng lược đồ lược thuật diễn biến của cuộc chiến tranh. Nhấn mạnh chiến thắng mang tính bước ngoặt (Xaratôga) và cho HS nhận xét về vai trò của G.O-sinh-tơn đối với cách mạng.
3. Kết quả và ý nghĩa của Chiến tranh giành độc lập *- Kết quả*: + Cuộc chiến tranh kết thúc, Anh phải thừa nhận nền độc lập của 13 thuộc địa và Hợp chúng quốc Mĩ ra đời. + Năm 1787, Mĩ ban hành Hiến pháp, quy định Mĩ là nước cộng hoà liên bang, đứng đầu là Tổng thống nắm quyền hành pháp, Quốc hội nắm quyền lập pháp. *Ý nghĩa:* + Giải phóng Bắc Mĩ khỏi chính quyền Anh, thành lập quốc gia tư sản, mở đường cho CNTB phát triển. + Góp phần thúc đẩy cách mạng chống phong kiến ở châu Âu, phong trào đấu tranh giành độc lập ở Mĩ Latinh.	**Hoạt động 3:** (Cả lớp và cá nhân)*: Trình bày được kết quả và ý nghĩa của cuộc Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ:* GV hướng dẫn HS khai thác sơ đồ cơ cấu tổ chức nhà nước Mĩ. Giải thích thể chế nước Mĩ là nước cộng hòa liên bang, theo nguyên tắc "tam quyền phân lập", chỉ rõ nét tiến bộ của nguyên tắc này (đề cao tính dân chủ, hạn chế sự chuyên quyền độc đoán). Giới thiệu Oa-sinh-tơn được bầu làm tổng thống đầu tiên của nước Mĩ (1789), Tthủ đô nước Mĩ giờ đây mang tên ông. GV hướng dẫn HS nhận thức ý nghĩa của cuộc Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mĩ và lí giải vì sao thực chất đây là một cuộc CMTS (nó đã thực hiện được hai nhiệm vụ cùng một lúc: lật đổ ách thống trị của thực dân và mở đường cho CNTB phát triển)

V. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. Củng cố

GV hướng dẫn HS nhận thức vấn đề chủ yếu sau:

- Vì sao CMTS ở Bắc Mĩ nổ ra dưới hình thức một cuộc Chiến tranh giành độc lập.

- Nhấn mạnh ý nghĩa quan trọng của cuộc CMTS đó.

- Tổng kết nội dung trên, GV tiếp tục củng cố để HS hiểu rõ khái niệm CMTS. So sánh cuộc Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mĩ với CMTS Hà Lan, CMTS Anh để thấy sự đa dạng về hình thức của CMTS trong buổi đầu thời cận đại.

2. Bài tập về nhà

- Yêu cầu HS vẽ lược đồ 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mĩ (trong SGK) và trình bày diễn biến qua lược đồ.

- Đọc trước bài 31 - CMTS Pháp cuối thế kỉ XVIII.

Bài 31. CÁCH MẠNG TƯ SẢN PHÁP CUỐI THẾ KỈ XVIII

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

Bài học giúp HS hiểu rằng, CMTS Pháp cuối thế kỉ XVIII là một cuộc CMTS điển hình nhất thời kì lịch sử thế giới cận đại. Nó đã lật đổ chế độ phong kiến, mở đường cho CNTB phát triển ở Pháp, góp phần vào thắng lợi của CNTB trên phạm vi thế giới.

2. Kĩ năng

Rèn luyện kĩ năng sử dụng đồ dùng trực quan, kĩ năng phân tích, khái quát, tổng hợp, đánh giá sự kiện.

3. Thái độ, tư tưởng

Nhận thức được vai trò của quần chúng nhân dân trong cách mạng Pháp.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

- *Đẳng cấp:* Những tầng lớp xã hội được hình thành dưới các chế độ chiếm hữu nô lệ, phong kiến, do luật pháp hay tục lệ quy định về vị trí xã hội, về quyền

lợi và nghĩa vụ, có khi mang tính chất cha truyền con nối. Chế độ đẳng cấp mang tính chất bất bình đẳng. Những người trong những đẳng cấp khác nhau có địa vị, thân phận khác nhau. Sự phân chia đẳng cấp là nét tiêu biểu nhất trong xã hội phong kiến Pháp, những người trong ba đẳng cấp - quý tộc, tăng lữ và đẳng cấp thứ ba - có quyền lợi và nghĩa vụ khác nhau.

- *Đẳng cấp thứ ba:* Một đẳng cấp thấp nhất trong chế độ ba đẳng cấp ở Pháp trước CMTS năm 1789, bao gồm công nhân, dân nghèo thành thị, tư sản và nông dân. Họ không có quyền gì lại bị phong kiến thống trị, phải đóng mọi thứ thuế bất công.

- *Triết học Ánh sáng:* Trào lưu triết học của giai cấp tư sản đang lên ở châu Âu (thế kỉ XVI, nhất là thế kỉ XVIII và thế kỉ XIX), nổi bật là ở Pháp, vào "Thế kỉ Ánh sáng". Còn được gọi là "Chủ nghĩa Khai sáng". Những nhà tư tưởng tiến bộ của giai cấp tư sản kịch liệt tố cáo sự áp bức bóc lột của chế độ quân chủ chuyên chế và công khai đả kích Giáo hội Thiên Chúa, chỗ dựa tinh thần cho nó. Đây là công cuộc chuẩn bị cho cuộc CMTS bùng nổ.

- *Girôngđanh:* Những nhà tư sản công thương nghiệp, tư sản ruộng đất được bầu vào Quốc hội Pháp năm 1791 trong CMTS Pháp năm 1789. Phần lớn những người này được bầu vào Quốc hội ở vùng trồng nho quận Girôngđơ nên thường được gọi là những người Girôngđanh. Chỉ có một bộ phận nhỏ có tinh thần cấp tiến, còn đa số phục vụ quyền lợi của tư sản hạng trung.

- *Giacôbanh:* Những người cách mạng nhất tập hợp trong Câu lạc bộ Giacôbanh do Rôbexpie lãnh đạo vào thời kì CMTS Pháp 1789-1794. Thành phần chủ yếu là những người tư sản nhỏ, trí thức có tinh thần cách mạng, được đông đảo quần chúng nhân dân Pháp lúc bấy giờ ủng hộ.

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Bản đồ Phong trào nhân dân Pháp, tranh " Tình cảnh nông dân Pháp", "Tấn công phá ngục Ba-xti"

- Máy vi tính kết nối máy chiếu.

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

- GV có thể sử dụng phần tóm tắt đầu SGK

- GV có thể dẫn dắt HS vào tình huống có vấn đề: Cuối thế kỉ XVIII, giữa Pa-ri hoa lệ của nước Pháp - "Kinh đô châu Âu", đã bùng nổ một cuộc cách

mạng "long trời lở đất". Vì sao cách mạng Pháp được ví như chiếc chổi khổng lồ quét đi mọi tàn tích của chế độ phong kiến ? Vì sao nó được gọi là cuộc CMTS điển hình nhất thời kì cận đại ? Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài 31.

3. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Một số gợi ý:

- Bài này được dạy trong 2 tiết với 3 phần lớn. Nội dung giữa các phần rất lôgic, hấp dẫn. Vì vậy, GV cần khai thác triệt để ở cả 7 mục nhỏ. Tuy nhiên, trong tiết 1 cần nhấn mạnh nguyên nhân sâu xa và trực tiếp dẫn tới sự bùng nổ cách mạng Pháp, đặc trưng của nền quân chủ lập hiến (do phái đại tư sản tài chính đứng đầu). Sự kiện tấn công phá ngục Ba-xti - mở đầu CMTS Pháp cần được khắc sâu. Tiết 2 cần dành thời gian thoả đáng cho mục 3 "Nền chuyên chính Giacôbanh - đỉnh cao của cách mạng" và ý nghĩa to lớn của cách mạng Pháp (trong nước, quốc tế). Lí giải được vì sao cách mạng Pháp là cuộc CMTS điển hình nhất.

- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
I. Nước Pháp trước cách mạng **1. Tình hình kinh tế, xã hội** **a. Kinh tế** - Cuối thế kỉ XVIII, Pháp vẫn là nước nông nghiệp. Lãnh chúa, Giáo hội bóc lột nông dân nặng nề. Nạn mất mùa, đói kém thường xuyên xảy ra, đời sống nông dân rất khổ cực. + Công thương nghiệp, kinh tế TBCN tuy đã phát triển nhưng lại bị chế độ phong kiến cản trở, kìm hãm. **b. Xã hội** - Trước cách mạng, Pháp là nước quân chủ chuyên chế. - Xã hội chia thành 3 đẳng cấp:	**Hoạt động 1:** (Cả lớp và cá nhân): *Biết được những nét chính về tình hình kinh tế, chính trị - xã hội của nước Pháp trước cách mạng, hiểu được đây chính là nguyên nhân sâu xa dẫn tới bùng nổ CMTS Pháp cuối thế kỉ XVIII; cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng là bước dọn đường cho cách mạng bùng nổ:* - GV hỏi: Căn cứ vào đâu để nói rằng, cuối thế kỉ XVIII, Pháp vẫn là nước nông nghiệp lạc hậu? HS có thể dựa vào SGK để trả lời câu hỏi này. Đặc biệt, GV cần phân tích đời sống của nông dân Pháp dưới ách áp bức bóc lột của phong kiến, Giáo hội. Miêu tả bức tranh Tình cảnh nông dân Pháp trước mạng (hình 56 - SGK). **Hoạt động 2:** (Cả lớp): *tìm hiểu các đẳng cấp và mối quan hệ giữa các đẳng cấp trong xã hội Pháp*

Tăng lữ, Quý tộc và Đẳng cấp thứ ba. - Mâu thuẫn xã hội gay gắt.	- GV cho HS theo dõi sơ đồ cơ cấu xã hội nước Pháp, hướng dẫn HS thảo luận về vai trò, quyền lợi kinh tế, địa vị chính trị của các đẳng cấp, từ đó rút ra kết luận: Mâu thuẫn về quyền lợi kinh tế, địa vị chính trị dẫn đến cuộc khủng hoảng xã hội sâu sắc. - GV hướng dẫn HS phân biệt khái niệm "đẳng cấp", "giai cấp"; "đẳng cấp Quý tộc", "Tăng lữ", "Đẳng cấp thứ ba". *Giải quyết mâu thuẫn này như thế nào?* GV kết luận: Nước Pháp đang ở đêm trước của một cuộc cách mạng
2. Cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng - Những tư tưởng tiến bộ phê phán những quan điểm lỗi thời, giáo lí lạc hậu, mở đường cho xã hội phát triển. *Triết học ánh sáng* dọn đường cho cách mạng bùng nổ, định hướng cho một xã hội mới tương lai. - Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất mới TBCN với quan hệ sản xuất phong kiến lỗi thời là nguyên nhân sâu xa dẫn tới bùng nổ cách mạng.	**Hoạt động 3:** (Cả lớp thảo luận) - GV hướng dẫn HS thảo luận vấn đề: Nước Pháp trước cách mạng có những trào lưu tư tưởng tiến bộ nào? - GV giới thiệu trào lưu "Triết học Ánh sáng". HS nhận thức được, những tư tưởng đó không dừng ở việc phê phán chế độ phong kiến, giáo lí nhà thờ hủ lậu, mà còn đặt cơ sở nền móng lí thuyết về việc xây dựng một chế độ xã hội mới. Nó thực sự là tư tưởng dọn đường cho cách mạng, là ngọn đuốc sáng cho nước Pháp khi vẫn còn trong đêm tối.
II. Tiến trình của cách mạng **1. Cách mạng bùng nổ. Nền quân chủ lập hiến** - *Nguyên nhân trực tiếp* của cuộc cách mạng: - Ngày 5/5/1789 Hội nghị ba đẳng cấp do nhà vua triệu tập bị đẳng cấp thứ ba phản đối.	**Hoạt động 4:** (Cả lớp và cá nhân): *Trình bày được nguyên nhân trực tiếp của cuộc cách mạng và sự thành lập nền quân chủ lập hiến; diễn biến của cách mạng với việc tư sản công thương cầm quyền - nền cộng hoà được thành lập; sự thành lập nền chuyên chính dân chủ Giacôbanh:* - GV hướng dẫn HS thảo luận vấn đề: + Nhà vua triệu tập hội nghị 3 đẳng cấp để làm gì?

- Ngày 14/7/1789, quần chúng phá ngục Ba-xti, mở đầu cho cách mạng Pháp. - Quần chúng nhân dân nổi dậy khắp nơi, chính quyền của tư sản tài chính được thiết lập. + Thông qua Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền, nêu cao khẩu hiệu "Tự do - Bình đẳng - Bác ái" (8/1789). + Ban hành Hiến pháp (9/1791), xác lập chế độ quân chủ lập hiến.	GV chốt lại: Mâu thuẫn giữa nông dân với chế độ phong kiến vì thế càng trở nên sâu sắc. + Nhà vua có đạt được mục đích của mình không? Vì sao vậy? - GV tường thuật trận tấn công phá ngục Ba-xti. - GV sử dụng bản đồ Phong trào nhân dân Pháp (SGK), Bức tranh biếm hoạ Nông dân chặt vòi bạch tuộc (Chính sách tô, thuế của Phong kiến, Giáo hội ăn bám), Nông dân đốt các lãnh địa phong kiến v.v... - GV hướng dẫn HS tìm hiểu tư tưởng tiến bộ của Bản tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền (liên hệ với Tuyên ngôn độc lập của Mĩ, Tuyên ngôn độc lập của Việt Nam). - HS nhận xét mặt tích cực và hạn chế của những chính sách mà Quốc hội lập hiến ban hành.
- Vua Pháp tìm cách chống phá cách mạng, khôi phục lại chế độ phong kiến. - Tháng 4/1792, chiến tranh giữa Pháp với liên minh phong kiến Áo - Phổ bùng nổ. - Ngày 11/7/1792 Quốc hội tuyên bố Tổ quốc lâm nguy, quần chúng đã nhất loạt tự vũ trang bảo vệ đất nước.	GV phân tích thêm: vua không được nắm thực quyền mà là Quốc hội. Vì vậy, Lu-i XVI đã liên kết với lực lượng phản cách mạng trong nước, cầu cứu thế lực phong kiến bên ngoài để giành lại chính quyền. Tháng 4/1792, liên minh hai nước Áo - Phổ cùng bọn phản động ở Pháp chống phá cách mạng.
2. Tư sản công thương cầm quyền. Nền cộng hoà được thành lập - Ngày 10/8/1792 quần chúng Pa-ri nổi dậy, lập chính quyền công xã cách mạng (phái Girôngđanh). - 21/9/1792, Quốc hội tuyên bố	**Hoạt động 5:** (Cả lớp và cá nhân) - GV gợi ý: *Với việc xử tử vua Sác-lơ I, thiết lập nền cộng hoà, cách mạng Anh đạt tới đỉnh cao. Cách mạng Pháp lúc này đã làm một việc tương tự, cách mạng Pháp đã đạt tới đỉnh cao chưa?* - HS thảo luận, GV chốt lại vấn đề: Những quyết định của Quốc hội chưa đáp ứng được những yêu cầu cấp bách mà cách mạng Pháp đòi hỏi.

lập nền Cộng hoà thứ nhất, xử tử nhà vua. - Đầu năm 1793, nước Pháp đứng trước khó khăn mới: Bọn phản động nổi dậy; Đời sống nhân dân khó khăn; Liên minh phong kiến châu Âu đe doạ cách mạng. - Ngày 2/6/1793, dưới sự lãnh đạo của phái Giacôbanh, đứng đầu là Rô-be-spie, quần chúng nhân dân đã lật đổ phái Girôngđanh.	- Hình thành khái niệm "phái Gi-rông-đanh". - Quan sát hình 59 - Vua Lu-i XVI bị xử chém (SGK) và nhận xét về sự kiện này. Quần chúng tiếp tục tạo ra áp lực, chuyển giao chính quyền về tay phái Giacôbanh, đáp ứng yêu cầu của cách mạng. - GV giới thiệu Rô-be-xpi-e, nhấn mạnh những phẩm chất nổi bật như ý chí sắt đá, tinh thần đấu tranh không khoan nhượng...
3. Nền chuyên chính Giacôbanh - đỉnh cao của cách mạng - Chính quyền Giacôbanh đã đưa ra những biện pháp kịp thời, hiệu quả. + Trừng trị bọn phản cách mạng + Giải quyết những yêu cầu của nhân dân: xoá bỏ mọi nghĩa vụ của nông dân đối với phong kiến, chia ruộng đất cho nông dân, quy định giá các mặt hàng bán cho dân nghèo,... + Ban hành lệnh "Tổng động viên", xây dựng đội quân hùng mạnh. + Thông qua Hiến pháp mới, mở rộng tự do dân chủ. + Xoá nạn đầu cơ tích trữ... - Phái Giacôbanh đã hoàn thành nhiệm vụ chống thù trong, giặc ngoài, đưa cách mạng đến đỉnh cao. - Trong lúc cách mạng đang lên, mâu thuẫn nội bộ đã làm	**Hoạt động 6:** (Cả lớp và cá nhân): *Lí giải vì sao dưới thời chuyên chính Giacôbanh CM Pháp đạt đỉnh cao.* - GV hướng dẫn HS nhận thức về các chính sách cụ thể của chính quyền Giacôbanh lúc này đã thực sự phát huy tác dụng. Cần có sự so sánh để thấy đây là những chính sách tiến bộ hơn hẳn thời kì Girôngđanh nắm quyền: + Sắc lệnh chia đều đất công, ruộng được chia thành lô nhỏ, trả dần trong 10 năm. + Hiến pháp mới (6/1793) ban bố quyền dân chủ rộng rãi, mọi sự bất bình đẳng giai cấp bị xoá bỏ. + Luật giá tối đa đã khắc phục tình trạng đầu cơ tích trữ, huy động lương thực thực phẩm cho mặt trận và cải thiện đời sống nhân dân. - GV nêu câu hỏi: Tại sao giữa lúc cách mạng đang lên, phái Giacôbanh lại suy yếu? GV hướng dẫn HS phân tích những đòi hỏi từ nhiều phía (tư sản, công nhân, nông dân). Đất nước vừa kết thúc một cuộc chiến gian khổ, kéo dài, hậu quả chưa được khắc phục. Sự bất lực, lúng túng với những quyết sách sai lầm của phái Giacôbanh (đàn áp các lực lượng chống đối), dẫn đến việc họ không còn chỗ dựa.

cho phái Giacôbanh suy yếu. Cuộc đảo chính ngày 27/7/1794 đã đưa chính quyền vào tay bọn phản động, cách mạng Pháp thoái trào. **4. Thời kì thoái trào** - Sau đảo chính, Uỷ ban Đốc chính ra đời đã thủ tiêu mọi thành quả của cách mạng. - Cuộc đảo chính (11/1799) lật đổ chế độ Đốc chính, đưa Na-pô-lê-ông lên nắm quyền, xây dựng chế độ độc tài. - Sau nhiều năm chiến tranh, Đế chế I của Na-pô-lê-ông bị suy yếu, thất bại (1815). Chế độ quân chủ ở Pháp được phục hồi. **III. Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng Pháp cuối thế kỉ XVIII** - Lật đổ chế độ phong kiến cùng với những tàn dư của nó. - Giải quyết được vấn đề dân chủ - Hình thành thị trường dân tộc thống nhất mở đường cho lực lượng TBCN ở Pháp phát triển. - Giai cấp tư sản lãnh đạo, nhưng quần chúng quyết định tiến trình phát triển của cách mạng. - Mở ra thời đại thắng lợi và củng cố quyền thống trị của giai cấp tư sản trên phạm vi thế giới.	Một bộ phận quần chúng cách mạng trung thành với với Giacôbanh, đòi hỏi Rô-be-xpi-e phải hành động cương quyết trước hành động của kẻ thù thì ông lại lừng chừng không quyết đoán. Lực lượng tư sản cơ hội - kẻ mới giàu lên trong chiến tranh đã làm cuộc đảo chính bắt Rô-be-xpi-e và những cộng sự của ông lên đoạn đầu đài. Có thể biểu diễn sự thoái trào của cách mạng Pháp qua sơ đồ sau: Giacôbanh (Cộng hoà: 6/1793) Đốc chính (27/7/1794) Độc tài (Đế chế 1: 11/1799) Quân chủ (11/1815) - GV hướng dẫn HS nhận thức những những thành quả mà cách mạng Pháp đạt được đều do sức mạnh của quần chúng ND. Nên CMTS Pháp là cuộc cách mạng điển hình nhất, tiêu biểu nhất, nó xứng đáng được coi là cuộc "đại cách mạng". **Hoạt động 7:** (Cá nhân): *Đánh giá về ý nghĩa của CMTS Pháp.* Lí giải vì sao CMTS Pháp là cuộc cách mạng dân chủ tư sản điển hình.

V. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. Củng cố

GV hướng dẫn HS nhận thức vấn đề chủ yếu sau:

Vì sao CMTS Pháp là cuộc CMTS tiêu biểu, điển hình.

Nhấn mạnh ý nghĩa quan trọng của cuộc CMTS Pháp.

Tổng kết nội dung trên, GV tiếp tục giúp HS củng cố khái niệm CMTS.

2. Bài tập về nhà

- Vẽ sơ đồ sự phát triển của cách mạng Pháp qua 4 giai đoạn.
- Đọc trước bài 32.

Chương 2
CÁC NƯỚC ÂU – MĨ
(Từ đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX)

Bài 32. CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP Ở CHÂU ÂU

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

- Nắm được các mốc thời gian và thành tựu chủ yếu của cuộc cách mạng công nghiệp (CMCN) ở các nước Anh, Pháp, Đức.

- Nắm được hệ quả của CMCN về kinh tế, xã hội và ý nghĩa của nó đối với sự phát triển của CNTB.

2. Kĩ năng

- Rèn luyện kĩ năng phân tích đánh giá.

- Kĩ năng khai thác tranh, ảnh trong SGK.

3. Thái độ, tư tưởng

Cùng với việc nâng cao năng suất lao động, giai cấp tư sản bóc lột đối với công nhân ngày càng tinh vi và triệt để hơn. Đời sống của người lao động bị sa sút do đồng lương thấp kém, mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản ngày càng thêm sâu sắc.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

- *Cách mạng công nghiệp:* Cuộc cách mạng trong lĩnh kĩ thuật sản xuất, là bước nhảy vọt trong sự phát triển lực lượng sản xuất (TBCN) từ sản xuất công trường thủ công sang sản xuất cơ khí. CMCN đầu tiên trên thế giới diễn ra đầu tiên ở Anh (từ những năm 60 của thế kỉ XVIII), sau đó ở Mĩ, Pháp, Đức... CMCN một mặt đẩy mạnh sản xuất, một mặt hình thành hai giai cấp cơ bản của xã hội TBCN là tư sản và vô sản. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nhờ CMCN, một số ít nước đang phát triển trở thành nước công nghiệp mới

- *Công nghiệp hoá:* Quá trình xây dựng một nền sản xuất cơ khí hoá trong mọi ngành kinh tế quốc dân, trước hết là trong ngành công nghiệp.

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Tranh ảnh về những phát minh công nghiệp trong thời kì này.
- Lược đồ nước Anh.
- Tư liệu tham khảo về kinh tế, văn hoá phần lịch sử thế giới.
- Máy vi tính kết nối máy chiếu.

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

- GV có thể sử dụng đoạn tóm tắt trong SGK và dẫn dắt. CMCN đã diễn ra ở Anh, Đức, Pháp như thế nào? Vì sao CMCN diễn ra đầu tiên ở Anh ? Hệ quả của CMCN là gì? Chúng ta cùng tìm hiểu nội dung bài học hôm nay.

3. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Một số gợi ý:

- Đây là bài hay, dễ dạy vì nội dung kiến thức vừa phải, có nhiều tranh ảnh, tư liệu hay để cụ thể hóa cho kiến thức trong SGK. GV cần dành thời gian thoả đáng để hướng dẫn HS hiểu được CMCN ở Anh (những phát minh và tác dụng của nó), lí giải vì sao nước Anh là nơi khởi nguồn CMCN trên thế giới. Phần hệ quả của CMCN cần được phân tích kĩ cả hệ quả kinh tế và xã hội. Qua dó, giúp HS nắm được khái niệm "CMCN", "tư sản công nghiệp", "vô sản công nghiệp".
- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
1. Cách mạng công nghiệp ở Anh - CMCN ở Anh bắt đầu từ những năm 60 của thế kỉ XVIII và kết thúc vào những năm 40 của thế kỉ XIX. - Anh là nước đầu tiên tiến hành CMCN: vì có	**Hoạt động 1:** (Cả lớp và cá nhân): *Nhận thức được những tiền đề của cuộc CMCN:* - GV trình bày và phân tích: Sau khi lật đổ chế độ phong kiến, giai cấp tư sản lên nắm quyền đã tăng cường củng cố vị trí của mình bằng việc phát triển kinh tế. CMCN đã đáp ứng yêu cầu đó tạo ra năng suất lao động cao hơn, khẳng định tính hơn hẳn của phương thức sản xuất TBCN so với phương thức sản xuất phong kiến vốn đã lạc hậu. - GV nêu câu hỏi: Vì sao CMCN diễn ra đầu tiên ở Anh?

đủ điều kiện như vốn, nhân công, sự phát triển kĩ thuật.	- HS dựa vào vốn hiểu biết của mình và SGK trả lời cầu hỏi. - GV nhận xét, bổ sung và chốt ý: Anh có kinh tế TBCN phát triển mạnh, nhất là trong lĩnh vực công nghiệp; có hệ thống thuộc địa rộng lớn, tạo điều kiện cho giai cấp tư sản tích luỹ vốn để đầu tư vào công nghiệp trong nước.
- Những phát minh về máy móc: + Năm 1764, Giêm Ha-gri-vơ sáng chế ra máy kéo sợi Gienni. + Năm 1769, Ác-crai-tơ chế tạo ra máy kéo sợi chạy bằng hơi nước. + Năm 1779, Crôm-tơn cải tiến máy kéo sợi tạo ra sản phẩm đẹp, bền hơn. + Năm 1785, Các-rai chế tạo máy dệt chạy bằng sức nước, năng suất tăng 40 lần.	**Hoạt động 2: Nhóm và cá nhân:** Biết được những phát minh lớn và ý nghĩa của những phát minh đó đối với đời sống xã hội. - GV nêu nhiệm vụ: Hãy cho biết mốc thời gian và những thành tựu chủ yếu của CMCN Anh? HS dựa vào SGK tìm hiểu trình bày. - GV nhận xét kết hợp với trình bày và phân tích: Các phát minh lớn ở Anh từ năm 1864 đến 1785. Cho HS quan sát H 60, 61 (SGK) và nhận xét. - GV nêu câu hỏi: *Tại sao CMCN lại bắt đầu từ ngành công nghiệp nhẹ?* - HS dựa vào vốn kiến thức trả lời. Trước khi HS trả lời GV có thể gợi ý: Vốn, thị trường, công nhân. - GV nhận xét và kết luận: Những ngành này có truyền thống và phát triển mạnh ở Anh; thu hồi vốn nhanh, sản phẩm có thị trường tiêu thụ rộng.
+ Năm 1784, Giêm Oát phát minh ra máy hơi nước và đưa vào sử dụng.	**Hoạt động 3:** (Cá nhân) - GV trình bày: Năm 1784, Giêm Oát phát minh ra máy hơi nước và được đưa vào sử dụng (Kết hợp giới thiệu máy hơi nước của Giêm Oát - H 62 SGK). - GV nêu câu hỏi: Việc phát minh ra máy hơi nước và đưa vào sử dụng có ý nghĩa gì? - HS dựa vào SGK trả lời. - GV nhận xét và chốt ý: Nhờ có máy hơi nước mà các nhà máy có thể xây dựng ở những nơi thuận tiện (không phụ thuộc vào điều kiện địa lí như phải gần sông, suối và thời tiết).Tốc độ sản xuất và năng suất

	lao động tăng lên rõ rệt, giảm sức lao động cơ bắp con người. Lao động chân tay dần được thay thế bằng lao động máy móc.
- Luyện kim: Năm 1735 phát minh ra phương pháp nấu than cốc luyện gang thép, năm 1784 lò luyện gang đầu tiên được xây dựng.	- GV trình bày: Ngành luyện kim cũng có những tiến bộ về kĩ thuật.
- Giao thông vận tải: Năm 1814 Xti-phen-xơn chế tạo thành công đầu máy xe lửa.	- Yêu cầu HS đọc SGK tìm hiểu về phát minh trong ngành giao thông vận tải: Có bước tiến lớn. Đầu thế kỉ XIX, tàu thuỷ và xe lửa đã xuất hiện với đầu máy chạy bằng hơi nước:
- Giữa thế kỉ XIX Anh trở thành công xưởng thế giới.	- GV kết luận: Đến giữa thế kỉ XIX, Anh được mệnh danh là công xưởng của thế giới. Luân Đôn trở thành một trung tâm thương mại với 80 vạn dân. - GV giới thiệu cho HS trên lược đồ nước Anh để thấy được sự biến đổi của Anh vì cơ cấu kinh tế và dân cư sau CMCN.
2. CMCN ở Pháp, Đức **a) Pháp** - Năm 1830, CMCN ở Pháp mới bắt đầu, nhưng tốc độ diễn ra rất nhanh. Đến năm 1870, Pháp đã có 27000 máy hơi nước.	**Hoạt động 4:** (Cả lớp, cá nhân): *Tìm hiểu những nét chính về CMCN ở Pháp, Đức:* - GV trình bày và phân tích: CMCN ở Pháp được bắt đầu từ các ngành công nghiệp nhẹ vào những năm 30 của thế kỉ XIX và phát triển mạnh vào những năm 1850 - 1870. Trong khoảng 20 năm đó, số máy hơi nước của Pháp tăng hơn 5 lần, từ 5000 chiếc lên 27.000 chiếc; chiều dài đường sắt tăng 5,5 lần, từ 3000 km lên 16.500 km; tàu chạy bằng hơi nước tăng hơn 3,5 lần.
- Tác động về kinh tế, xã hội: + Kinh tế Pháp vươn lên mạnh mẽ thứ 2 thế giới (sau Anh)	- GV nêu câu hỏi: Tác động của CMCN đối với kinh tế, xã hội của nước Pháp? - HS dựa vào SGK trả lời câu hỏi. - GV nhận xét, bổ sung và chốt ý:

+ Bộ mặt Pari và các thành phố khác thay đổi rõ rệt.	
b) Đức: - CMCN diễn ra vào những năm 40 của thế kỉ XIX với tốc độ nhanh đạt kỉ lục. Đến những năm 1850 - 1860, các ngành kinh tế của Đức đều sử dụng máy móc. - Sau năm 1870, công nghiệp của Đức đã vươn lên đứng đầu châu Âu và đứng thứ hai thế giới (sau Mĩ) - **Đặc điểm:** CMCN ở Đức diễn ra với tốc độ phát triển nhanh, kỉ lục.	**Hoạt động 5:** (Cả lớp, cá nhân) - GV giới thiệu cho HS thấy quá trình diễn ra cuộc CMCN ở Đức diễn ra vào những năm 40 của thế kỉ XIX, mặc dù đất nước đang còn bị chia xẻ thành nhiều tiểu quốc và giai cấp tư sản chưa lên cầm quyền. Đến giữa thế kỉ XIX tốc độ phát triển công nghiệp Đức đạt mức kỉ lục. - HS đọc đoạn chữ nhỏ trong SGK nói về sự phát triển của nền kinh tế Đức dưới tác động của cuộc CMCN. - GV hỏi: CMCN tác động vào nông nghiệp như thế nào? - HS dựa vào SGK trả lời câu hỏi. - GV nhận xét và chốt ý: Máy móc được sử dụng trong sản xuất nông nghiệp: Máy cày, bừa, máy gặt... sử dụng phân hoá học làm cho năng suất thu hoạch tăng. - GV hỏi: Vì sao CMCN ở Pháp, Đức diễn ra muộn nhưng tốc độ lại nhanh? - HS dựa vào vốn kiến thức của mình trả lời câu hỏi. - GV chốt ý: Nhờ tiếp thu kinh nghiệm từ phát minh của Anh mà quá trình cải tiến kĩ thuật ở Pháp và Đức diễn ra khẩn trương hơn.
3. Hệ quả của CMCN **- Về kinh tế:** + Nâng cao năng suất lao động, làm ra khối lượng sản phẩm lớn cho xã hội. + Thay đổi bộ mặt các nước tư bản, nhiều trung tâm công nghiệp mới và thành thị đông dân ra đời.	**Hoạt động 6:** (Cá nhân): *Rút ra kết luận về hệ quả của CMCN.* - GV hỏi: Nêu hệ quả về kinh tế của CMCN? - HS dựa vào SGK tự trả lời câu hỏi. - GV nhận xét, bổ sung và chốt ý: Hình thành khái niệm "CMCN"

- Về xã hội: + Hình thành 2 giai cấp mới là tư sản công nghiệp và vô sản công nghiệp. + Tư sản công nghiệp nắm tư liệu sản xuất và quyền thống trị. + Vô sản công nghiệp làm thuê, đời sống cơ cực dẫn đến đấu tranh giữa vô sản với tư sản.	**Hoạt động 7:** (Cá nhân) - GV hỏi: CMCN còn đem lại hệ quả về xã hội như thế nào? - HS đọc SGK tự trả lời câu hỏi. - GV nhận xét và chốt ý: Hình thành giai cấp mới đó là tư sản công nghiệp và vô sản công nghiệp.

V. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. Củng cố

GV giúp HS củng cố những kiến thức cơ bản nhất của bài học: tiền đề, thành tựu của CMCN Anh, Đức, Pháp. Bản chất và hệ quả của CMCN trên lĩnh vực kinh tế và xã hội.

2. Bài tập về nhà

- Đọc trước bài 33.

Bài 33. HOÀN THÀNH CÁCH MẠNG TƯ SẢN Ở CHÂU ÂU VÀ MĨ GIỮA THẾ KỈ XIX

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

- Nắm được nguyên nhân, diễn biến, kết quả của cuộc đấu tranh thống nhất Đức, Italia và nội chiến ở Mĩ.

- Giải thích được tại sao cuộc đấu tranh thống nhất Đức, Italia và nội chiến ở Mĩ lại là cuộc CMTS.

2. Kĩ năng

- Rèn luyện cho HS kĩ năng phân tích, giải thích các sự kiện lịch sử.

- Kĩ năng khai thác lược đồ, tranh ảnh.

3. Thái độ, tư tưởng

Nhận thức đúng về vai trò của quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh chống các thế lực phong kiến, bảo thủ, lạc hậu đòi quyền tự do dân chủ.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

- *Gioongke:* Hay còn được gọi là Iuncơ - quý tộc đại địa chủ Phổ đã tư sản hoá. Trong nước Đức thống nhất năm 1871, tầng lớp này vẫn giữ nguyên tước vị phong kiến, quyền lực chính trị và quyền sở hữu ruộng đất. Họ chuyển sang phương thức canh tác theo kĩ thuật mới, làm ra nhiều nông sản và mang bán ra thị trường.

- *Nội chiến:* Chiến tranh do người trong một nước tiến hành chống lại nhau, có nội chiến cách mạng do nhân dân đấu tranh chống bọn phản động được các thế lực nước ngoài giúp đỡ, có nội chiến do bọn phản cách mạng nổi lên chống chính quyền, nhân dân tiến bộ.

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Lược đồ quá trình thống nhất Đức, Italia và nội chiến ở Mĩ.
- Tranh ảnh những nhân vật lịch sử có liên quan đến thời kì này.
- Máy vi tính kết nối máy chiếu.

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

GV có thể sử dụng đoạn chữ nhỏ mở đầu bài học và dẫn dắt: Để tìm hiểu nguyên nhân nào dẫn đến cuộc đấu tranh thống nhất Đức, Italia và nội chiến Mĩ? Diễn biến cụ thể như thế nào? Tính chất, ý nghĩa ra sao? Bài học hôm nay sẽ trả lời các câu hỏi nêu trên.

3. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Một số gợi ý:

- Đây là bài có nội dung rất hay, đề cập đến nội dung 3 cuộc CMTS, tương ứng với 3 mục trong SGK. Bài này có hai cách dạy: một là dạy theo từng cuộc cách mạng, trên cơ sở chọn lọc những nội dung cơ bản nhất (nguyên nhân, diễn biến chính, kết quả), qua đó nêu được đặc trưng của mỗi cuộc cách mạng (hình thức diễn ra). Theo phân phối chương trình, tiết 1 dạy cuộc đấu tranh thống nhất Đức và Italia, tiết 2 dạy cuộc nội chiến ở Mĩ. Hoặc, GV có thể chia lớp thành 3 nhóm, yêu cầu mỗi nhóm tìm hiểu một cuộc cách mạng, sau đó GV chốt lại nội

dung cơ bản nhất như tên cuộc cách mạng, thời gian, mục tiêu, lãnh đạo, động lực, hình thức, kết quả, ý nghĩa. Từ đó, tìm ra điểm giống và khác đặc trưng của mỗi cuộc cách mạng.

- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
1. Cuộc đấu tranh thống nhất nước Đức **- Tình hình nước Đức:** + Giữa thế kỉ XIX kinh tế TBCN Đức phát triển nhanh chóng, Đức trở thành nước công nghiệp. + Phương thức kinh doanh theo lối tư bản đã xâm nhập vào các ngành kinh tế. + Nước Đức bị chia xẻ thành nhiều vương quốc nhỏ, cản trở sự phát triển kinh tế TBCN → đặt ra yêu cầu cần thống nhất đất nước. - Đức tiến hành thống nhất bằng vũ lực "Từ trên xuống" thông qua các cuộc chiến tranh với các nước khác.	**Hoạt động 1:** (Cả lớp và cá nhân): *Biết được những nét chính về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội ở Đức giữa thế kỉ XIX và trình bày trên lược đồ quá trình thống nhất nước Đức:* - GV giới thiệu cho HS: Từ những năm 1848 - 1849 một cao trào CMTS lại diễn ra sôi nổi ở châu Âu. Ở Đức và Italia ngoài nhiệm vụ thủ tiêu quan hệ sản xuất phong kiến, CMTS còn thực hiện nhiệm vụ thống nhất đất nước, mở đường cho CNTB đi lên. - GV nêu câu hỏi: Hãy cho biết tình hình nước Đức trước khi thống nhất? - HS dựa vào SGK trả lời câu hỏi. - GV nhận xét và chốt ý: biểu hiện của phương thức kinh doanh theo lối TBCN: Sử dụng máy móc, thuê mướn công nhân, đẩy mạnh khai thác...tạo nên tầng lớp quý tộc tư sản gọi chung là Gioongke. GV kết hợp việc trình bày với chỉ lược đồ về nước Đức để thấy được tình trạng chia rẽ của quốc gia này. - GV nêu câu hỏi: Yêu cầu cấp bách của Đức lúc này là gì? - HS trả lời câu hỏi. GV kết luận: Yêu cầu cấp bách lúc này là thống nhất đất nước, chấm dứt tình trạng phân tán, chia rẽ. - GV phân tích thêm: ở Đức do sự thoả hiệp của giai cấp tư sản và quý tộc phong kiến, giai cấp vô sản chưa đủ trưởng thành để tiến hành thống nhất đất nước bằng con đường cách mạng "Từ dưới lên". Quá trình thống nhất đất nước được thực hiện bằng con đường chiến tranh vương triều - "Từ trên

	xuống", thông qua vai trò của quý tộc Phổ - đại diện là Bi- xmác. Với những chính sách phản động đã đưa nước Đức trở thành một đồn luỹ phản động, nhất là nguồn gốc chủ yếu dẫn đến chủ nghĩa quân phiệt xâm lược và là trung tâm xảy ra các cuộc chiến tranh ở châu Âu. Cho HS quan sát chân dung Ô.Bixmác và giới thiệu một vài nét về ông
- Quá trình thống nhất Đức: + Bộ phận quý tộc quân phiệt Phổ, đặc biệt là Bi-xmác, được sự ủng hộ của giai cấp tư sản đã thông qua chiến tranh để thống nhất đất nước: * Chiến tranh với Đan Mạch năm 1864. * Chiến tranh với Áo năm 1866. * Chiến tranh với Pháp năm 1871. + Đầu năm 1871, Đức hoàn thành việc thống nhất đất nước, thành lập Đế chế Đức. + Tháng 4/1871, Hiến pháp mới được ban hành, nước Đức là một liên bang gồm 22 bang và 3 thành phố tự do. Vai trò của quý tộc quân phiệt Phổ được củng cố. **2. Cuộc đấu tranh thống nhất Italia** - Tình hình I-ta-li-a trước khi thống nhất:	**Hoạt động 2:** (Cả lớp và cá nhân): *Tìm hiểu diễn biến quá trình thống nhất Đức* - GV giới thiệu lược đồ quá trình thống nhất Đức. + Năm 1864, Bi-xmác tấn công Đan Mạch, chiếm Hôn-xtai-nơ và Sơ-lê-xvích hai địa bàn chiến lược quan trọng ở Ban Tích và Bắc Hải. Đan Mạch phải kí hoà ước (10/1864). Đồng ý trao hai công quốc cho Áo và Phổ, sau đó Phổ gạt áo làm chủ hai công quốc này. + Năm 1866, Bi-xmác gây chiến tranh với Áo, Áo thất bại phải rút ra khỏi liên bang Đức và chấp nhận để Phổ thành lập một liên bang mới. - Kết quả: Năm 1867, Liên bang Bắc Đức ra đời gồm 18 quốc gia Bắc Đức và 3 thành phố tự do, hiến pháp được thông qua. - Năm 1870 - 1871 Bi-xmác tiến hành chiếm Pháp, thu phục được các bang miền Nam, hoàn thành việc thống nhất đất nước. GV: Vì sao cuộc vận động thống nhất đất nước ở Đức mang tính chất là cuộc CMTS ? - GV giải thích rõ: vì nó làm nhiệm vụ của một cuộc CMTS, tạo điều kiện cho kinh tế TBCN phát triển mạnh mẽ ở Đức. **Hoạt động 3:** (Cả lớp và cá nhân)*: Biết được vài nét về I-ta-li-a giữa thế kỉ XIX, trình bày theo lược đồ quá trình thống nhất I-ta-li-a, ý nghĩa của cuộc đấu tranh thống nhất I-ta-li-a:*

+ Đất nước bị phân tán chia xẻ thành 7 vương quốc nhỏ, chịu sự thống trị của đế quốc Áo. + Kinh tế lạc hậu, chậm phát triển, bị kìm hãm phát triển.	- GV hỏi: Tình hình I-ta-li-a trước khi thống nhất đất nước? - HS đọc SGK trả lời câu hỏi. - GV nhận xét, bổ sung và chốt ý (kết hợp với lược đồ) chỉ rõ giữa thế kỉ XIX I-ta-li-a vẫn bị chia thành 7 vương quốc nhỏ, và chịu sự thống trị của đế quốc Áo. Kinh tế lạc hậu, chậm phát triển trừ vương quốc Pi-ê-môn-tê.
- Nhiệm vụ: + Đặt ra yêu cầu cấp bách là giải phóng dân tộc khỏi sự lệ thuộc vào áo, xoá bỏ sự cản trở của các thế lực phong kiến. + Mở đường cho kinh tế phát triển theo hướng TBCN.	- GV hỏi: *Trước tình hình đó đặt ra yêu cầu gì?* - HS trả lời câu hỏi. - GV nhận xét và kết luận: Yêu cầu cấp bách là giải phóng dân tộc khỏi sự lệ thuộc vào đế quốc Áo, xoá bỏ sự cản trở của các thế lực phong kiến, mở đường cho CNTB phát triển. - GV nhấn mạnh: Trong đó nổi bật lên vai trò của vương quốc Pi-ê-môn-thê vẫn giữ được độc lập, nền quân chủ lập hiến của triều đại Xa-voa đại diện cho quyền lợi của liên minh quý tộc tư sản hoá và đại tư sản, đã tạo điều kiện cho kinh tế TBCN phát triển.
- Diễn biến: Từ năm 1859 đến năm 1870, dưới sự lãnh đạo của quý tộc tư sản hoá, đại diện là Ca-vua, sau đó là người anh hùng dân tộc Ga-ri-ban-đi, các vương quốc I-ta-li-a đã thoát khỏi sự thống trị của đế quốc Áo và thống nhất quốc gia, mở đường cho nền kinh tế TBCN được phát triển.	**Hoạt động 4** (Cả lớp, cá nhân): *Tìm hiểu diễn biến của cuộc vận động thống nhất Italia* - Trước hết GV sử dụng "Lược đồ thống nhất I-ta-li-a" kết hợp với nội dung SGK lược thuật diễn biến quá trình thống nhất Italia. Cần tập trung vào những nội dung chủ yếu sau: + Tháng 4 - 1859 chiến tranh giữa liên quân Pi-ê-môn-tê (đứng đầu là Ca-vua) và Pháp với Áo bắt đầu tháng 3/1860, các vương quốc miền Bắc sáp nhập vào Pi-ê-môn-tê. + Tháng 4/1860, khởi nghĩa nhân dân ở đảo Xi-xi-lia bùng nổ, đòi lật đổ chính quyền tay sai Áo thống nhất đất nước. Miền Nam I-ta-li-a sát nhập vào Pi-ê-môn-tê (10/1860) thành lập vương quốc I-ta-li-a. + Năm 1866 I-ta-li-a liên minh với Phổ chống Áo giải phóng được Vê-nê-xi-a. + Năm 1870 Pháp thất bại trong cuộc chiến tranh Pháp - Phổ, Rô-ma thuộc về I-ta-li-a.

-Ý nghĩa: + Mang tính chất một cuộc CMTS, lật đổ sự thống trị của đế quốc Áo và các thế lực phong kiến. + Mở đường cho CNTB phát triển.	- GV hỏi: Nêu ý nghĩa cuộc đấu tranh thống nhất I-ta-li-a? - HS dựa vào SGK và vốn hiểu biết qua bài học trả lời câu hỏi. - GV nhấn mạnh: Cuộc vận động thống nhất I-ta-li-a thực chất là một cuộc CMTS, lật đổ sự thống trị của đế quốc Áo và các thế lực phong kiến bảo thủ I-ta-li-a, tạo điều kiện cho CNTB phát triển.
3. Nội chiến ở Mĩ *- Tình hình Mĩ trước khi nội chiến:* + Đến giữa thế kỉ XIX, lãnh thổ Mĩ đã mở rộng đến bờ biển Thái Bình Dương, bao gồm 30 bang. + Miền Bắc có nền kinh tế công nghiệp TBCN phát triển. Miền Nam phát triển kinh tế đồn điền, dựa trên sự bóc lột sức lao động của nô lệ. + Nhờ điều kiện thuận lợi kinh tế phát triển nhanh chóng đặc biệt là ngành công nghiệp và cả nông nghiệp. Song chế độ nô lệ cản trở nền kinh tế TBCN phát triển. + Mâu thuẫn giữa tư sản, trại chủ ở miền Bắc với chủ nô ở miền Nam ngày càng gay gắt.	**Hoạt động 5:** (Cá nhân và cả lớp): *Biết được vài nét về tình hình nước Mĩ vào giữa thế kỉ XIX, trình bày được diễn biến chính cuộc nội chiến trên lược đồ và hiểu rõ ý nghĩa của cuộc nội chiến ở Mĩ:* - GV cho HS quan sát lược đồ nước Mĩ giữa thế kỉ XIX trong SGK và giới thiệu cho HS thấy được sự mở rộng đất đai của nước Mĩ. - GV hỏi: Tình hình nước Mĩ trước khi nội chiến? - HS dựa vào SGK trả lời câu hỏi. - GV phân tích thêm về sự khác biệt giữa sự phát triển kinh tế hai miền Nam - Bắc Mĩ và mâu thuẫn giữa tư sản miền bắc với chủ nô miền Nam. Chế độ nô lệ đã cản trở nền kinh tế TBCN phát triển. + Mâu thuẫn giữa tư sản và trại chủ nhỏ ở miền Bắc với các chủ nô ở miền Nam ngày càng gay gắt là nguyên nhân dẫn đến phong trào đấu tranh đòi thủ tiêu chế độ nô lệ mở đường cho CNTB phát triển.
- Nguyên nhân trực tiếp: + Lin-côn đại diện Đảng Cộng hoà trúng cử Tổng thống đe doạ quyền lợi của chủ nô ở miền Nam.	- GV nêu câu hỏi: Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến nội chiến? - HS đọc SGK tự trả lời câu hỏi. - GV nhận xét chốt ý: Vì Lin-côn là ứng cử viên của Đảng Cộng hoà đại diện cho giai cấp tư sản và trại chủ miền Bắc, chủ trương bác bỏ chế độ nô lệ ở

+ 11 bang miền Nam tách khỏi liên bang.	miền Nam trúng cử Tổng thống. GV kết hợp giới thiệu hình 62 (SGK) và một số thông tin về ông. GV: Thái độ của các bang miền Nam khi Lin-côn trúng cử Tổng thống ? (11 bang phản đối tách khỏi Liên bang thành lập Hiệp bang mới có chính phủ, Tổng thống riêng và chuẩn bị lực lượng chống lại chính phủ Trung ương).
- Diễn biến: + Ngày 12/4/1861 nội chiến bùng nổ - ưu thế thuộc về Hiệp bang. + Ngày 01/1/1863 Lin- côn ra sắc lệnh bãi bỏ chế độ nô lệ → nô lệ, nông dân tham gia quân đội. + Ngày 09/4/1865 nội chiến kết thúc, thắng lợi thuộc về quân Liên bang.	**Hoạt động 6:** (Cả lớp và cá nhân): *Tìm hiểu diễn biến nội chiến* - GV yêu cầu HS dựa vào SGK và lược đồ trình bày tóm tắt cuộc nội chiến. - GV nêu câu hỏi: Trước tình hình ưu thế thuộc về Hiệp bang, chính phủ Lin-côn có biện pháp gì? - HS dựa vào SGK tự trả lời câu hỏi. - GV nhận xét, bổ sung và chốt ý: + Chính phủ thay đổi kế hoạch tác chiến và có những biện pháp tích cực hơn: cấp đất ở miền Tây cho dân di cư, ra sắc lệnh bãi bỏ chế độ nô lệ. Do đó hàng vạn nô lệ và người dân gia nhập quân đội Liên bang. + Ngày 09/4/1865 quân đội miền Bắc giành thắng lợi quyết định trong trận đánh thủ phủ Hiệp bang miền Nam (Xa-ra-tô-ga), nội chiến chấm dứt.
- Ý nghĩa: + Là cuộc CMTS lần thứ 2 ở Mĩ. + Xoá bỏ chế độ nô lệ ở miền Nam, tạo điều kiện cho CNTB phát triển. + Nền kinh tế Mĩ phát triển nhanh chóng sau nội chiến.	- GV nêu câu hỏi: Hãy cho biết ý nghĩa của cuộc nội chiến? - HS dựa vào SGK để trả lời câu hỏi. GV chốt lại: Kinh tế Mĩ vươn lên mạnh mẽ vào cuối thế kỉ XIX.

V. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. Củng cố

Mặc dù có sự khác nhau về nhiệm vụ, lãnh đạo, hình thức cách mạng, nhưng về thực chất ba cuộc cách mạng đều là CMTS nhằm xóa bỏ cản trở trên con đường phát triển của CNTB.

2. Bài tập về nhà

Học bài cũ, đọc trước bài 34.

Bài 34. CHỦ NGHĨA TƯ BẢN CHUYỂN SANG GIAI ĐOẠN ĐẾ QUỐC CHỦ NGHĨA

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

- Nắm và hiểu được những thành tựu chủ yếu về khoa học kĩ thuật cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.

- Nắm được khoảng những năm cuối thế kỉ XIX, CNTB dần chuyển sang giai đoạn phát triển cao hơn là giai đoạn đế quốc chủ nghĩa mà đặc trưng cơ bản nhất là sự ra đời của các tổ chức độc quyền và sự bóc lột ngày càng tinh vi hơn đối với nhân dân lao động làm cho mâu thuẫn trong xã hội tư bản ngày càng gay gắt và sâu sắc.

2. Kĩ năng

- Rèn luyện cho HS kĩ năng nhận xét đánh giá sự kiện lịch sử.

- Kĩ năng khai thác và sử dụng tranh ảnh lịch sử.

3. Thái độ, tư tưởng

- Biết trân trọng những công trình nghiên cứu những phát minh của các nhà khoa học trong việc khám phá nguồn năng lượng vô tận của thiên nhiên phục vụ cho nhu cầu và cuộc sống con người.

- Nhận thức đúng bản chất của chủ nghĩa đế quốc.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

- *Công ty độc quyền:* Công ty lớn TBCN chiếm giữ toàn bộ, không chia sẻ cho ai trong hoạt động kinh tế, chi phối các mặt kinh tế và có ảnh hưởng lớn về chính trị.

- *Tư bản tài chính:* Sự kết hợp chặt chẽ giữa tư bản công nghiệp và tư bản ngân hàng trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

- *Xuất khẩu tư bản:* Một trong những đặc trưng chủ yếu của chủ nghĩa đế quốc nhằm thu lợi nhuận tối đa bằng việc mở rộng phạm vi đầu tư vốn vào các ngành kinh tế để củng cố thế lực của CNTB về mặt kinh tế lẫn chính trị đối với các nước nhỏ yếu, thuộc địa.

Việc xuất khẩu tư bản được đẩy mạnh trong thời kì đế quốc chủ nghĩa.

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Tranh ảnh các nhà bác học có những phát minh nổi tiếng vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.

- Tư liệu về cuộc đời và sự nghiệp của các nhà bác học có tên tuổi trên thế giới.

- Máy vi tính kết nối máy chiếu.

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Để tìm hiểu những chuyển biến mạnh mẽ trong đời sống kinh tế - xã hội ở các nước tư bản chủ nghĩa Âu – Mĩ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, chúng ta cùng tìm hiểu nội dung bài học hôm nay.

3. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Một số gợi ý:

- Bài này tuy nội dung kiến thức không nhiều nhưng khó. Ở mục 1, GV hướng dẫn HS nắm được những phát minh, sáng kiến quan trọng trên lĩnh vực khoa học cơ bản, lĩnh vực kĩ thuật và sự ra đời của một số ngành mới. Ở mục 2, GV hướng dẫn cho HS hiểu được thế nào là công ti độc quyền. Hình thức, bản chất cũng như tác động của nó đối với sự phát triển của chủ nghĩa đế quốc.

- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
1. Những thành tựu về khoa học - kĩ thuật cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX *** Trong lĩnh vực Vật lí:** + Phát minh về điện của các nhà bác học G.Ôm người Đức, G.Jun người Anh, E.Len-xơ người Nga. + Phát hiện về phóng xạ của Hăng-ri Béc-cơ-ren (Pháp), Ma-ri Quy-ri.	**Hoạt động 1:** (Hoạt động nhóm): *Biết và trình bày được những thành tựu tiêu biểu về khoa học - kĩ thuật cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, nhất là những phát minh lớn trong các lĩnh vực Vật lí, Hoá học, Sinh học.* - Để tìm hiểu những thành tựu tiêu biểu về khoa học - kĩ thuật cuối thế kỉ XIX, GV có thể chia lớp thành 3 nhóm với 3 nhiệm vụ: + Nhóm 1: Nêu tên các nhà khoa học và những thành tựu phát minh về Vật lí. + Nhóm 2: Nêu tên các nhà khoa học và những thành tựu phát minh về Hoá học và Sinh học.

+ Rơ-dơ-pho (Anh) có bước tiến vĩ đại trong việc tìm hiểu cấu trúc vật chất. + Phát minh của Rơn- ghen (Đức) về tia X vào năm 1895. * **Trong lĩnh vực Hóa học và Sinh học:** + Định luật tuần hoàn của Men-đê-lê-ep (Nga) + Học thuyết Đác-uyn (Anh) + Phát minh của nhà bác học Lu-i Paster (Pháp). + Pap-lốp (Nga) nghiên cứu hoạt động của hệ thần kinh cao cấp của động vật và người. * **Trong công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải**: * *Những phát minh khoa học được áp dụng vào sản xuất:* + Kĩ thuật luyện kim được cải tiến, với việc sử dụng lò Bét-xme và lò Mác-tanh... + Dầu hoả được khai thác + Công nghiệp hoá học ra đời. + Phát minh ra điện tín. + Cuối thế kỉ XIX ô tô được đưa vào sử dụng.	+ Nhóm 3: Nêu những tiến bộ trong công nghiệp, nông nghiệp và giao thông vận tải. - HS đọc SGK và thảo luận theo nhóm, sau đó cử đại diện trình bày kết quả của mình. - GV nhận xét và rút ra ý nghĩa của những tiến bộ về khoa học – kĩ thuật. Làm thay đổi cơ bản nền sản xuất và cơ cấu kinh tế TBCN, đánh dấu bước tiến mới của CNTB ở giai đoạn này.

+ Tháng 12/1903 anh em người Mĩ đã chế tạo chiếc máy bay đầu tiên. + Sử dụng máy móc, phân hóa học trong nông nghiệp.	
2. Sự hình thành các tổ chức độc quyền - Nguyên nhân: + Vào cuối thế kỉ XIX, do tiến bộ của khoa học - kĩ thuật, sản xuất công nghiệp các nước Âu - Mĩ tăng nhanh dẫn đến tích lũy tư bản. + Để tập trung nguồn vốn lớn đủ sức cạnh tranh, các nhà tư bản đã thành lập các công ti độc quyền dưới nhiều hình thức: Các-ten, Xanh-đi-ca, Tờ-rơt. - Biểu hiện:	**Hoạt động 2:** (Cá nhân): *Tìm hiểu những nét chính về sự ra đời các tổ chức độc quyền và những biểu hiện của nó ở các nước tư bản vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX:* - GV nêu câu hỏi: Bối cảnh dẫn đến sự ra đời các tổ chức độc quyền? - HS dựa vào vốn hiểu biết của mình và SGK tự trả lời câu hỏi. - GV chốt ý: Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, nhờ những tiến bộ của khoa học - kĩ thuật, sản xuất công nghiệp các nước Âu- Mĩ tăng nhanh dẫn đến tích lũy tư bản. Trong tất cả các ngành kinh tế, tự do cạnh tranh đã thay thế bởi những tổ chức độc quyền dưới nhiều hình thức: Các-ten, Xanh-đi-ca, Tờ-rơt. - GV phân tích thêm sự khác nhau giữa các hình thức của tổ chức độc quyền Tổ chức độc quyền ra đời nhằm bảo đảm quyền lợi lợi nhuận cao, hạn chế cạnh tranh và ngăn ngừa khủng hoảng. Song trên thực tế nó còn làm các hiện tượng này trở nên gay gắt hơn và mâu thuẫn giữa các tập đoàn tư bản ngày càng sâu sắc.
+ *Trong công nghiệp*: Diễn ra quá trình tập trung vốn lớn thành lập những công ty độc quyền như ở Pháp, Đức, Mĩ... lũng đoạn đời sống kinh tế các nước tư bản. + *Trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng*: Một vài ngân hàng lớn khống chế mọi hoạt động kinh doanh của cả nước, hình	- GV nêu câu hỏi: Quá trình tập trung sản xuất hình thành các công ty độc quyền trong lĩnh vực công nghiệp diễn ra như thế nào - HS dựa vào SGK tự trả lời câu hỏi: + Ở Pháp, ngành luyện kim và khai thác mỏ tập trung trong tay hai công ti lớn, công ti "Snây-đơ Crơ-đô" nắm nhà máy quân sự ở Crơ-đô và các nhà máy chế tạo đồ đồng, thép cùng các ngành khác ở nhiều vùng trong nước. Tổng công ti đường sắt và điện khí cùng 6 công ty khác độc quyền ngành đường sắt trong nước, 50% trọng tải biển do 3 công ti lớn nắm. Hai công ti "Xanh

thành tầng lớp tư bản tài chính. + Tư bản tài chính còn đầu tư vốn ra nước ngoài đem lợi nhuận cao + Các nước tư bản đua nhau xâm chiếm thuộc địa. - Xuất hiện nhiều mâu thuẫn: Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc; giữa nhân dân thuộc địa với đế quốc; giữa giai cấp tư sản với nhân dân lao động các nước tư bản.	Gô-ben" và "Cu- man" kiểm soát toàn bộ công nghiệp hoá chất. + Ở Đức: Công ti than Ranh-Vet-xpha-len đã kiểm soát 95% tổng sản lượng than vùng Rua - vùng công nghiệp lớn nhất của Đức và hơn 55% tổng sản lượng than cả nước. - Tiếp đó GV trình bày: Sự tập trung sản xuất cũng diễn ra trong lĩnh vực ngân hàng. - GV nêu câu hỏi: Sự ra đời các tổ chức độc quyền dẫn đến hậu quả gì? - HS tìm hiểu SGK tự trả lời câu hỏi. - GV nhận xét và chốt ý: - Sự ra đời các tổ chức độc quyền đã đánh dấu bước chuyển của CNTB sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Trong giai đoạn này, các mâu thuẫn xã hội trở nên hết sức gay gắt, đó là: giữa các nước đế quốc, giữa nhân dân thuộc địa với đế quốc; giai cấp vô sản với giai cấp tư sản. Tình hình đó dẫn đến nhiều cuộc đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội nhằm thủ tiêu ách áp bức, bóc lột, giải phóng nhân dân lao động. - Hình thành khái niệm: "tổ chức độc quyền", "tư bản tài chính"... - Sử dụng bản đồ thế giới để tìm hiểu về sự phân chia thuộc địa giữa các nước đế quốc.

V. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. Củng cố

- GV nhấn mạnh những thành tựu về khoa học - kĩ thuật cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX và tác động của nó đối với sự phát triển của CNTB.
- Khẳng định bản chất của chủ nghĩa đế quốc và những đặc điểm của nó

2. Bài tập về nhà

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi trong SGK.
- Sưu tầm một số mẩu chuyện về cuộc đời và sự nghiệp của một số nhà bác học nổi tiếng.
- Đọc trước bài 35.

Bài 35. CÁC NƯỚC ĐẾ QUỐC ANH, PHÁP, ĐỨC, MĨ VÀ SỰ BÀNH TRƯỚNG THUỘC ĐỊA

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

- Nắm được những nét khái quát về tình hình kinh tế, chính trị của các nước Anh, Pháp, Đức, Mĩ hồi cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX; những nét chung và đặc điểm riêng.

- Hiểu được đây là thời kì các nước đế quốc đẩy mạnh việc xâm lược thuộc địa, phân chia lại thị trường thế giới làm cho mâu thuẫn giữa các đế quốc với đế quốc và giữa đế quốc với thuộc địa ngày càng sâu sắc.

2. Kĩ năng

Rèn luyện kĩ năng phân tích sự kiện lịch sử để thấy được từng đặc điểm riêng của chủ nghĩa đế quốc.

3. Thái độ, tư tưởng

Giúp HS nâng cao nhận thức về bản chất của chủ nghĩa đế quốc, ý thức cảnh giác cách mạng; đấu tranh chống các thế lực gây chiến, bảo vệ hoà bình.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

- *Cácten:* Một hình thức tổ chức các công ty tư bản độc quyền, trong đó mỗi thành viên phải tuân thủ những quy định thống nhất về điều hành sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và thuê mướn nhân công, tuy mỗi thành viên có ban lãnh đạo riêng, buôn bán độc lập.

- *Xanhđica:* Một hình thức tổ chức liên hợp công ty độc quyền của bọn đế quốc. Các xí nghiệp tham gia xanhđica thoả thuận với nhau về lĩnh vực sản xuất để phối hợp nhau trong cạnh tranh.

- *Tơrớt:* Một hình thức tổ chức liên hợp tư bản lũng đoạn nổi tiếng ở Hoa Kì từ cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, trong đó các xí nghiệp tư bản tham gia không còn độc lập kinh doanh mà phải chấp hành mệnh lệnh của ban lãnh đạo Tơrớt do bọn trùm tài phiệt lập ra.

Mới đầu, các Tơrớt thường được tổ chức trong các ngành dầu mỏ, gang thép... Ngày nay, nhiều Tơrớt tham gia các tổ chức khổng lồ - conglomerate liên ngành, siêu quốc gia.

- *Đế quốc chủ nghĩa:* Giai đoạn tiếp sau giai đoạn tự do cạnh tranh của CNTB. Đặc trưng chủ yếu là sự tập trung sản xuất và tập trung tư bản, sự thống trị của các công ti độc quyền chi phối toàn bộ đời sống kinh tế chính trị của một nước, sự phân chia thuộc địa giữa các nước đế quốc. Trong giai đoạn chủ nghĩa đế quốc, mâu thuẫn giữa tư sản và vô sản, giữa nhân dân thuộc địa và các nước đế quốc rất sâu sắc dẫn đến các cuộc chiến tranh đế quốc và làm bùng nổ cách mạng vô sản.

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Bảng thống kê biểu thị sự thay đổi về sản lượng công nghiệp của các nước Anh, Pháp, Đức, Mĩ.

- Sơ đồ thay đổi vị trí kinh tế các nước đế quốc cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.

- Lược đồ các nước đế quốc đầu thế kỉ XX.

- Máy vi tính kết nối máy chiếu.

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

A. Các nước Anh và Pháp cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

- GV dẫn dắt HS vào tình huống có vấn đề: Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX là thời kì phát triển mạnh mẽ của các nước tư bản tiên tiến, đánh dấu bước chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền. Đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc ở Anh, Pháp, Đức, Mĩ ra sao ? Chúng ta cùng tìm hiểu nội dung bài học hôm nay để trả lời câu hỏi nêu trên.

3. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Một số gợi ý:

- Trên cơ sở tìm hiểu sự tình hình kinh tế, chính trị của Anh, Pháp, bài này được dạy trong 2 tiết. Ở tiết 1, GV hướng dẫn để HS hiểu được vì sao cả Anh và Pháp đều bị sa sút về vị trí kinh tế; tìm ra điểm khác biệt về thể chế chính trị của hai quốc gia (Anh: quân chủ lập hiến, Pháp: thể chế cộng hòa) cũng như lí giải đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc Anh và Pháp.

- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	Hoạt động dạy - học của thầy, trò
I. Các nước Anh và Pháp cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX **1. Nước Anh** **a. Tình hình kinh tế** - Từ cuối thế kỉ XIX, Anh mất dần địa vị độc quyền công nghiệp, do vậy mất luôn cả vai trò lũng đoạn thị trường thế giới, bị Mĩ và Đức vượt qua. - Tuy mất vai trò bá chủ thế giới về công nghiệp, nhưng Anh vẫn đứng đầu về xuất khẩu tư bản, thương mại, hải quân, thuộc địa. - Nhiều công ti độc quyền xuất hiện ở hầu hết các ngành công nghiệp và đặc biệt trong lĩnh vực ngân hàng. - Nông nghiệp của Anh lâm vào tình trạng	**Hoạt động 1:** (Cả lớp và cá nhân): *Biết được những nét lớn về tình hình kinh tế, chính trị của nước Anh cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX và giải thích được đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc Anh, lí giải vì sao nước Anh phát triển chậm lại:* - Trước hết, GV thông báo: Đầu thập niên 70 của thế kỉ XIX, nền công nghiệp Anh vẫn đứng đầu thế giới. Sản lượng than của Anh gấp 3 lần Mĩ và Đức; sản lượng gang gấp 4 lần Mĩ và gần 5 lần Đức. Về xuất khẩu kim loại sản lượng của ba nước Pháp, Đức, Mĩ gộp lại không bằng Anh. - Tiếp đó, GV nêu câu hỏi: Cuối thập niên 70 tình hình kinh tế Anh ra sao? - HS dựa vào SGK trả lời câu hỏi. - GV giới thiệu "Bảng thống kê biểu thị sự thay đổi về sản lượng công nghiệp của các nước Anh, Pháp, Đức, Mĩ" trong SGK và nêu câu hỏi: *Nguyên nhân của sự giảm sút đó?* -HS đọc SGK (đoạn chữ in nhỏ) tự trả lời câu hỏi: + Máy móc thiết bị xuất hiện sớm nên đã cũ và lạc hậu, việc hiện đại hoá rất tốn kém. + Một số lớn tư bản đầu tư vào thuộc địa, đem lại lợi nhuận nhiều hơn chính quốcMặt khác, cướp đoạt thuộc địa có lợi nhiều hơn so với đầu tư cải tạo công nghiệp. + Sự cạnh tranh quyết liệt của các nước Đức, Mĩ. - GV chốt ý: những nguyên nhân trên đã dẫn tới sự giảm sút về địa vị kinh tế của Anh. Tuy nhiên, Anh vẫn chiếm ưu thế về xuất khẩu tư bản, hải quân, thuộc địa và thương mại.

khủng hoảng trầm trọng, Anh phải nhập khẩu lương thực.	
b. Tình hình chính trị: - *Về chính trị*: theo thể chế chính trị quân chủ lập hiến với việc thực hiện chế độ hai Đảng (Đảng Tự do và Đảng Bảo thủ) thay nhau cầm quyền, song đều bảo vệ quyền lợi của giai cấp tư sản.	**Hoạt động 2:** (Cả lớp và cá nhân): *hiểu được thể chế quân chủ lập hiến và bản chất của các đảng cầm quyền ở Anh* - GV phân tích: Sự khác biệt giữa hai đảng là không đáng kể, chủ yếu là về biện pháp cụ thể song đều thống nhất với nhau trong việc bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản, đàn áp phong trào quần chúng và đẩy mạnh xâm lược thuộc địa (giống nhau về bản chất).
- *Về đối ngoại*: Đây là thời kì giai cấp tư sản Anh tăng cường mở rộng hệ thống thuộc địa đặc biệt ở châu Á và châu Phi.	- GV nêu câu hỏi: *Cho biết chính sách đối ngoại của Anh?* - HS dựa vào SGK trả lời câu hỏi. - GV kết hợp khai thác lược đồ để HS nhận biết được hệ thống thuộc địa rộng lớn của đế quốc Anh đầu thế kỉ XX trải dài từ Bắc Mĩ, châu Phi, châu Á đến châu Đại Dương. Và nhấn mạnh: Chủ nghĩa đế quốc Anh tồn tại và phát triển dựa trên sự bóc lột một hệ thống thuộc địa rộng lớn (chiếm 1/4 lãnh thổ và 1/4 dân số thế giới) do vậy được mệnh danh là chủ nghĩa đế quốc thực dân "Mặt trời không bao giờ lặn" trên đất Anh.
- *Đặc điểm đế quốc Anh*: là chủ nghĩa đế quốc thực dân.	- GV phân tích để HS hiểu đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc Anh là chủ nghĩa đế quốc thực dân.
2. Nước Pháp ***a. Tình hình kinh tế*** + Trước năm 1870, công nghiệp Pháp đứng hàng thứ hai thế giới (sau Anh), từ năm 1870, Pháp phải nhường vị trí này cho Đức và tụt xuống hàng thứ tư thế giới.	**Hoạt động 3:** (Cả lớp và cá nhân): *Biết được những nét lớn về tình hình kinh tế, chính trị của nước Pháp cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX và giải thích được đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc Pháp, lí giải vì sao nước Pháp phát triển chậm lại:* - GV trình bày: Trước 1870, công nghiệp Pháp đứng hàng thứ hai thế giới, cuối thập niên 70 trở đi công nghiệp Pháp bắt đầu chậm lại. - GV nêu câu hỏi: *Nguyên nhân tại sao công nghiệp Pháp phát triển chậm lại?*

- Nguyên nhân: + Pháp thất bại trong cuộc chiến tranh Pháp - Phổ do đó phải bồi thường chiến tranh. + Nghèo tài nguyên và nhiên liệu, đặc biệt là than đá. + Giai cấp tư sản chỉ chú trọng đến xuất cảng tư bản, không chú trọng phát triển công nghiệp trong nước. - Tuy nhiên, tư bản Pháp vẫn phát triển mạnh, nhất là các ngành khai mỏ, đường sắt, luyện kim, chế tạo ô tô,... - Sự thâm nhập của phương thức sản xuất TBCN trong nông nghiệp ở Pháp diễn ra chậm chạp do đất đai bị chia nhỏ. - Đầu thế kỉ XX quá trình tập trung sản xuất cũng diễn ra trong lĩnh vực công nghiệp, dẫn đến việc hình thành các công ty độc quyền, từng bước chi phối nền kinh tế Pháp, đặc biệt trong lĩnh vực ngân hàng. - Tư bản Pháp phần lớn đưa vốn ra nước ngoài, cho các nước chậm tiến vay với lãi suất lớn. Chủ nghĩa đế quốc Pháp là	- HS dựa vào SGK tự trả lời câu hỏi. - GV nhận xét và kết luận: Hậu quả là cuối thế kỉ XIX sản xuất công nghiệp của Pháp tụt xuống hàng thứ tư sau Đức, Mĩ, Anh, kĩ thuật lạc hậu rõ rệt so với những nước công nghiệp trẻ. GV hỏi: Tình hình nông nghiệp của Pháp như thế nào? HS dựa vào SGK trả lời. GV bổ sung và chốt ý: - GV chốt ý: Những biểu hiện của tình hình nông nghiệp trên chứng tỏ sự thâm nhập của phương thức sản xuất TBCN trong nông nghiệp ở Pháp diễn ra chậm chạp. **Hoạt động 4:** (Cá nhân): *Tìm hiểu quá trình tập trung tư bản ở Pháp* - GV nêu câu hỏi: Quá trình tập trung sản xuất hình thành các công ty độc quyền diễn ra như thế nào? - HS đọc SGK tự trả lời câu hỏi. GV bổ sung và nhấn mạnh: Ở Pháp quá trình này diễn ra chậm hơn các nước khác. - GV nêu câu hỏi: *Đặc điểm cơ bản của chủ nghĩa đế quốc Pháp là gì?* HS dựa vào SGK và vốn hiểu biết của mình trả lời câu hỏi. - GV nhận xét và chốt ý: Với việc Pháp cho các nước tư bản chậm tiến vay vốn với lãi suất rất cao nên

chủ nghĩa đế quốc cho vay lãi.	Lênin gọi chủ nghĩa đế quốc Pháp là "chủ nghĩa đế quốc cho vay lãi".
b. Tình hình chính trị - Sau cách mạng tháng 9 - 1870, nước Pháp thành lập nền cộng hoà thứ ba, song phái cộng hoà đã sớm chia thành hai nhóm: Ôn hoà và Cấp tiến thay nhau cầm quyền. - Pháp tăng cường chạy đua vũ trang để trả mối thù với Đức; tiến hành những cuộc chiến tranh xâm lược thuộc địa chủ yếu ở khu vực châu Á và châu Phi. Vì vậy, Pháp là đế quốc có thuộc địa lớn thứ hai thế giới (sau Anh), với 11 triệu km^2.	**Hoạt động 5:** (Cả lớp và cá nhân): *Hiểu được thể chế chính trị của Pháp và chính sách đối ngoại nổi bật.* - GV phân tích thực chất của việc chia thành hai nhóm Ôn hoà và Cấp tiến thay nhau cầm quyền. - GV gợi ý để HS nhớ lại nền cộng hòa thứ nhất và cộng hòa thứ hai. - GV hướng dẫn HS thảo luận: Vì sao trong giai đoạn cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, nền cộng hoà Pháp thường xuyên xảy ra khủng hoảng nội các? (Trong vòng 40 năm (1875 - 1914) ở Pháp diễn ra 50 lần thay đổi chính phủ). - GV nêu câu hỏi: Nêu chính sách đối ngoại của Pháp? - HS dựa vào SGK và đoạn chữ nhỏ để thấy được chính sách xâm lược thuộc địa của Pháp và hệ thống thuộc địa rộng lớn, đứng thứ hai thế giới (chỉ sau Anh).

V. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. Củng cố

GV điểm qua những nét chính về tình hình kinh tế, chính trị của Anh và Pháp cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX và đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc Anh, Pháp.

2. Bài tập về nhà

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi trong SGK.
- Đọc trước phần II bài 35

Bài 35. CÁC NƯỚC ĐẾ QUỐC ANH, PHÁP, ĐỨC, MĨ VÀ SỰ BÀNH TRƯỚNG THUỘC ĐỊA *(Tiếp)*

I. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Bảng thống kê xuất khẩu sản phẩm công nghiệp của Đức cuối thế kỉ XIX.
- Bản đồ nước Mĩ cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX
- Máy vi tính kết nối máy chiếu.

II. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

B. Các nước Đức và Mĩ cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Tiết học trước chúng ta đã tìm hiểu Anh, Pháp (được gọi là nước tư bản "già") chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Còn hai nước Đức và Mĩ quá trình chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa diễn ra như thế nào ? Vì sao được gọi là nước tư bản "trẻ"? Đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc Đức và Mĩ là gì ? Bài học hôm nay sẽ lí giải vấn đề nêu trên.

3. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Một số gợi ý:

- Cũng giống phần I, ở phần II GV nên phân bổ thời gian cho 2 mục tương đương nhau. Điều quan trọng là hướng dẫn HS tìm hiểu sự phát triển kinh tế, chính sách đối nội, đối ngoại của hai nước lí giải được vì sao chủ nghĩa đế quốc Đức được gọi là "chủ nghĩa đế quốc quân phiệt hiếu chiến", chủ nghĩa đế quốc Mĩ là nơi tập trung của các công ti độc quyền xuyên quốc gia, đa quốc gia.

- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
1. Nước Đức ***a. Về kinh tế:*** + Trước năm 1870, nền kinh tế Đức đứng hàng thứ ba thế giới (sau Anh, Pháp), nhưng từ khi hoàn thành thống nhất (1871),	**Hoạt động 1:** (Cả lớp và cá nhân): *Tìm hiểu những nét nổi bật của tình hình kinh tế, chính trị của nước Đức cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX. So sánh sự phát triển kinh tế giữa Đức với Anh và Pháp:* - GV hỏi: Tình hình kinh tế Đức cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX ? Hãy cho biết những biểu hiện phát triển công nghiệp của Đức sau khi thống nhất?

công nghiệp Đức phát triển rất nhanh. Về tổng sản lượng công nghiệp, Đức vươn lên đứng hàng thứ hai thế giới (sau Mĩ). + Sự tập trung tư bản cao độ. Hình thức độc quyền phổ biến ở Đức là Các-ten và Xanh-đi-ca, chi phối nền kinh tế Đức. + Tư bản công nghiệp kết hợp với tư bản ngân hàng thành tư bản tài chính + Nông nghiệp Đức có tiến bộ song chậm chạp. - **Nguyên nhân:** Thị trường dân tộc thống nhất, giàu tài nguyên, nhờ tiền bồi thường chiến tranh của Pháp, tiếp thu những thành tựu khoa học - kĩ thuật hiện đại của những nước đi trước, có nguồn nhân lực dồi dào. - **Tác động xã hội:** Thay đổi cơ cấu dân cư giữa thành thị và nông thôn. Nhiều thành phố mới, nhiều trung tâm thương nghiệp, bến cảng xuất hiện.	- HS dựa vào SGK để trả lời: Sau khi thống nhất, nền kinh tế Đức phát triển với tốc độ mau lẹ. Đức đã vượt Pháp và đuổi kịp Anh. Trong những ngành công nghiệp mới như kĩ nghệ điện, hoá chất... Đức đạt thành tựu đáng kể. - GV hướng dẫn HS thảo luận về quá trình tập trung sản xuất và sự hình thành các tổ chức độc quyền. - GV nêu câu hỏi: Nguyên nhân dẫn đến sự phát triển của công nghiệp Đức? - HS đọc đoạn chữ nhỏ trong SGK trả lời câu hỏi. - GV yêu cầu HS rút ra nhận xét về tốc độ phát triển kinh tế của Đức trên cơ sở quan sát những số liệu về tốc độ tăng trưởng công nghiệp của Đức trong những năm 1890 - 1900 và bảng thống kê hàng hoá xuất khẩu trong SGK. - Sau đó, GV kết luận: Đến đầu năm 1900, Đức đã vượt Anh về sản xuất thép. Về tổng sản lượng công nghiệp Đức dẫn đầu châu Âu thứ hai thế giới chỉ đứng sau Mĩ. - GV nêu câu hỏi: Sự phát triển của công nghiệp đã tác động như thế nào đến xã hội? - HS dựa vào vốn hiểu biết của mình và SGK trả lời câu hỏi. - GV nhận xét và chốt ý: Thay đổi cơ cấu dân cư giữa thành thị và nông thôn. Từ năm 1871 - 1901 dân cư thành thị tăng từ 36% đến 54,3%. Nhiều thành phố mới, nhiều trung tâm thương nghiệp bến cảng xuất hiện.

b. Tình hình chính trị - Về chính trị: + Đức là nước quân chủ lập hiến, theo thể chế liên bang. Hoàng đế là người đứng đầu có quyền lực tối cao. - Chế độ chính trị ở Đức không phải là đại nghị tư sản mà thực chất là chế độ bán chuyên chế phục vụ giai cấp tư sản và quý tộc hoá tư sản, đi ngược lại quyền lợi của nhân dân. **- Chính sách đối ngoại:** + Công khai đòi chia lại thị trường và thuộc địa thế giới. + Ráo riết chạy đua vũ trang; mâu thuẫn giữa Đức với Anh và Pháp càng sâu sắc. - Đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc Đức: là chủ nghĩa quân phiệt hiếu chiến. **II. Nước Mĩ** ***a. Tình hình kinh tế*** - Về kinh tế: + Trước năm 1870, tư bản Mĩ đứng thứ tư thế giới (sau Anh, Pháp và Đức). Từ năm 1870,	**Hoạt động 2:** (Cả lớp và cá nhân): *hiểu được thể chế chính trị và chính sách đối nội, đối ngoại của Đức* - GV phân tích: Hiến pháp 1871 quy định nước Đức là một Liên bang gồm 22 bang và 3 thành phố tự do, theo thể chế quân chủ lập hiến. Hoàng đế đứng đầu có quyền lực tối cao. Quyền lập pháp trong tay hai viện: Thượng viện và Hạ viện nhưng quyền lực bị thu hẹp. - GV gọi HS đọc đoạn in nhỏ trong SGK để hiểu rõ vai trò của Phổ trong khối liên bang Đức. - GV phân tích mối liên hệ giữa tư sản và quý tộc tư sản hóa trong giới lãnh đạo Đức. - GV giúp HS thấy rõ: Mặc dù có Hiến pháp và Quốc hội nhưng chế độ chính trị ở Đức không phải là đại nghị tư sản mà thực chất là chế độ bán chuyên chế, áp dụng sự thống trị của Phổ trên toàn nước Đức. - GV nêu câu hỏi: Nêu chính sách đối ngoại của Đức? Vì sao chủ nghĩa đế quốc Đức được gọi là chủ nghĩa quân phiệt và hiếu chiến? - HS đọc sách SGK tự trả lời câu hỏi. - GV nhận xét và chốt ý: Đức là nước "tư bản trẻ", khi công nghiệp phát triển mạnh đòi hỏi cần có nhiều vốn, nguyên liệu và thị trường. Trong khi đó các nước châu Á, châu Phi có nguồn nguyên liệu và thị trường lớn nhưng đã đã bị các "đế quốc già" (Anh, Pháp) chiếm hết. Vì vậy, Đức hung hãn muốn dùng vũ lực để chia lại thị trường. Người ta gọi Đức là "chủ nghĩa đế quốc quân phiệt hiếu chiến". **Hoạt động 3:** (Cả lớp và cá nhân): *Biết được những nét nổi bật của tình hình kinh tế, chính trị của nước Mĩ cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX. So sánh sự phát triển kinh tế giữa Mĩ với Anh và Pháp:* - GV trình bày và phân tích: Cuối thế kỉ XIX nền kinh tế Mĩ phát triển nhanh chóng vươn lên hàng thứ nhất thế giới. Sản phẩm công nghiệp gấp đôi Anh và

công nghiệp Mĩ phát triển đột biến, vươn lên vị trí số 1 thế giới. **- Nguyên nhân:** + Mĩ giàu nguyên liệu, nhiên liệu giàu có, nguồn nhân lực dồi dào. + Áp dụng được những thành tựu khoa học và kinh nghiệm của các nước đi trước. + Có thị trường rộng lớn. **Nông nghiệp:** Nông nghiệp Mĩ đạt thành tựu đáng kể, Mĩ trở thành vựa lúa và nơi cung cấp thực phẩm cho châu Âu. - ***Quá trình tập trung sản xuất*** và ra đời các công ty độc quyền diễn ra nhanh chóng, hình thức chủ yếu là tờrớt với những ông vua dầu lửa, vua ô-tô, vua thép... chi phối mọi hoạt động kinh tế, chính trị nước Mĩ. ***b. Tình hình chính trị*** - Mĩ theo chế độ cộng hoà, đứng đầu là Tổng thống. Hai đảng Dân chủ và Cộng hoà thay nhau cầm quyền. - Thống nhất việc củng cố quyền lực của giai cấp tư	bằng 1/2 tổng sản lượng công nghiệp các nước Tây Âu gộp lại. - GV nêu câu hỏi: *Vì sao kinh tế Mĩ phát triển vượt bậc?* - HS dựa vào vốn kiến thức của mình và SGK trả lời câu hỏi. - GV nhận xét và chốt ý: Mĩ biết tận dụng các yếu tố nội lực, ngoại lực, điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển kinh tế. Đặc biệt là đi đầu trong việc áp dụng được những thành tựu khoa học và kinh nghiệm của các nước đi trước. - GV hỏi: *Tình hình nông nghiệp Mĩ phát triển như thế nào?* - HS đọc SGK tự trả lời câu hỏi. - GV yêu cầu HS đọc đoạn chữ nhỏ trong SGK để thấy được sự phát triển nhanh chóng của nông nghiệp Mĩ. **Hoạt động 4:** (Cá nhân): *Tìm hiểu quá trình hình thành các tổ chức độc quyền và hình thức của nó* - GV nêu câu hỏi: *Quá trình tập trung sản xuất hình thành các công ty độc quyền diễn ra như thế nào?* - GV gọi HS đọc đoạn chữ nhỏ trong SGK để hiểu rõ các công ty độc quyền chi phối các hoạt động kinh tế của nước Mĩ. - GV nhấn mạnh: Mĩ không chỉ phát triển kinh tế ở trong nước mà còn phát triển ngoại thương và xuất cảng tư bản. **Hoạt động 5:** (Cả lớp và cá nhân) - GV trình bày và phân tích: Chế độ chính trị ở Mĩ là nơi điển hình của chế độ hai đảng (Đảng Cộng hoà - đại diện cho lợi ích của đại tư sản và Đảng Dân chủ - đại diện cho lợi ích của tư sản nông nghiệp và trại chủ) thay nhau lên cầm quyền song đều bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản. GV nhấn mạnh thêm: Tuy có khác nhau về một số chính sách và biện pháp cụ thể nhưng đều nhất trí

sản, trong việc đối xử phân biệt với người lao động, cũng như đường lối bành trướng ra bên ngoài. **- Chính sách đối ngoại:** + Mĩ mở rộng biên giới đến bờ Thái Bình Dương. + Bành trướng khu vực Mĩ- Latinh, gây chiến với Tây Ban Nha để tranh giành Ha-oai, Cu Ba và Phi-líp-pin... Xâm nhập vào thị trường Trung Quốc.	trong việc củng cố quyền lực của giai cấp tư sản, trong việc đối xử phân biệt với người lao động, cũng như đường lối bành trướng ra bên ngoài. - GV cho HS đọc đoạn chữ nhỏ trong SGK để minh chứng cho chính sách phân biệt đối xử giữa người da đen và người da trắng. - GV nêu câu hỏi: *Hãy cho biết chính sách đối ngoại của Mĩ?* - HS đọc SGK tự trả lời câu hỏi. - GV nhận xét và chốt ý: Mĩ là đế quốc "trẻ", khi công nghiệp phát triển mạnh thì nhu cầu về vốn, nguyên liệu và thị trường trở nên cấp thiết. Để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế tư bản, Mĩ tăng cường bành trướng ở khu vực Thái Bình Dương, gây chiến tranh với Tây Ban Nha để tranh giành thuộc địa, dùng vũ lực và đồng đôla để can thiệp vào khu vực Mĩ La-tinh.

III. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. Củng cố

- GV nhấn mạnh: Tình hình kinh tế, chính trị và chính sách đối ngoại của Đức và Mĩ cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX. Năm đặc điểm của chủ nghĩa đế quốc (theo Lênin) và đặc điểm riêng của từng nước.

- Yêu cầu HS chỉ trên biểu đồ vị trí kinh tế và lược đồ chính trị thế giới để thấy được sự thay đổi về vị trí kinh tế và thuộc địa của các đế quốc cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX và nhận xét.

2. Bài tập về nhà

- Trả lời câu hỏi SGK.

- Hướng dẫn HS lập sơ đồ tình hình phát triển kinh tế ở Anh, Pháp, Đức, Mĩ cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.

- Học bài cũ đọc trước bài 36.

Chương III

PHONG TRÀO CÔNG NHÂN

(Từ đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX)

Bài 36. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA PHONG TRÀO CÔNG NHÂN

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

- Nắm được sự ra đời và tình cảnh của giai cấp công nhân công nghiệp, qua đó giúp các em hiểu được cùng với sự phát triển của CNTB, giai cấp vô sản lớn mạnh dần. Do đối lập về quyền lợi, mâu thuẫn giữa tư sản và vô sản đã nảy sinh và càng gay gắt, dẫn đến cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản dưới nhiều hình thức khác nhau.

- Nắm được sự ra đời của CNXH không tưởng, những mặt tích cực và hạn chế của hệ tư tưởng này.

2. Kĩ năng

- Rèn luyện kĩ năng phân tích, đánh giá các sự kiện lịch sử.
- Kĩ năng khai thác tranh ảnh lịch sử.

3. Thái độ, tư tưởng

- Giúp HS nhận thức sâu sắc được quy luật "ở đâu có áp bức, ở đó có đấu tranh", song những cuộc đấu tranh chỉ giành thắng lợi khi có tổ chức và hướng đi đúng đắn.

- Thông cảm và thấu hiểu được tình cảnh khổ cực của giai cấp vô sản.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

- *Đấu tranh tự phát:* Phát sinh tự nhiên không có sự lãnh đạo, chưa có ý thức giác ngộ.

- *Nghiệp đoàn:* Tổ chức của những người cùng một nghề ở nước TBCN, nước thuộc địa nhằm bênh vực quyền lợi cho nhau: nghiệp đoàn thợ in, nghiệp đoàn phu khuân vác.

- *CNXH không tưởng:* Đại biểu xuất sách là: Xanh Xi-mông (1760 - 1825), Phu-rri-e (1772 - 1837) ở Pháp, Ô-oen (1771 - 1858) ở Anh sáng lập hồi đầu thế kỉ XIX.

CNXH không tưởng tố cáo mạnh mẽ việc bóc lột TBCN nhưng không đề ra được con đường đấu tranh cách mạng đúng đắn để giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Họ chỉ dừng lại ở mơ ước một xã hội mới tốt đẹp, công bằng hơn, một cuộc sống không có nghèo khổ, không có chiến tranh. Song chỉ tiến hành tuyên truyền cổ động mà không đấu tranh, công việc này chỉ là không tưởng, không thể thực hiện được khi chế độ tư bản vẫn thống trị.

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Tranh ảnh về phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản thời kì này.
- Những câu chuyện về các nhà xã hội không tưởng.
- Máy vi tính kết nối máy chiếu.

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Giai cấp công nhân ra đời và lớn mạnh cùng với sự hình thành và phát triển của CNTB. Do đối lập về quyền lợi, mâu thuẫn giữa tư bản với công nhân nảy sinh và dẫn đến những cuộc đấu tranh giai cấp đầu thời kì cận đại. Chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay để hiểu hơn về giai cấp công nhân.

3. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Một số gợi ý:

- Nội dung bài này khá dài, kiến thức cơ bản tập trung ở cả 3 mục. Trong mục 1 và mục 2, GV cần hướng dẫn HS hiểu được nguyên nhân, hình thức đấu tranh của giai cấp công nhân, lí giải được vì sao các cuộc đấu tranh đều bị thất bại. Phân biệt hình thức đấu tranh tự phát, khác với đấu tranh tự giác (giai đoạn sau). HS cần nhận thức đúng bản chất của CNXH không tưởng với mặt tích cực và hạn chế của nó.

- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
1. Sự ra đời và tình cảnh giai cấp vô sản công nghiệp. Những cuộc đấu tranh đầu tiên - Sự phát triển của CNTB dẫn đến sự ra đời của giai cấp tư sản và vô sản. **- Nguồn gốc giai cấp vô sản**: Nông dân mất ruộng đất đi làm thuê, thợ thủ công phá sản trở thành công nhân. **- Đời sống của giai cấp công nhân:** + Không có đủ tư liệu sản xuất, làm thuê bán sức lao động của mình. + Lao động vất vả nhưng lương chết đói luôn bị đe doạ sa thải. - Mâu thuẫn giữa công nhân với tư sản ngày càng gay gắt, dẫn đến các cuộc đấu tranh. **- Hình thức đấu tranh**: Đập phá máy móc, đốt công xưởng, hình thức đấu tranh tự phát. **- Hạn chế:** Nhầm tưởng máy móc là kẻ thù. **- Tác dụng:** Phá hoại cơ sở vật chất của tư sản.Công nhân tích luỹ thêm được kinh	**Hoạt động 1:** (Cả lớp và cá nhân): *Hiểu và giải thích được nguyên nhân cũng như các hình thức đấu tranh ban đầu của phong trào công nhân:* - GV nêu câu hỏi: *Nguyên nhân ra đời của giai cấp công nhân?* - HS dựa vào SGK tự trả lời câu hỏi. - GV nhận xét, bổ sung và chốt ý: CNTB ra đời và phát triển thì xã hội phân chia thành 2 lực lượng lớn đối lập nhau về quyền lợi: Giai cấp tư sản và vô sản. - GV hỏi*: Nguồn gốc của giai cấp công nhân ?* - HS dựa vào SGK để trả lời. - GV trình bày rõ thêm: Giai cấp vô sản ra đời cuối thế kỉ XVIII trước tiên ở Anh. - GV nêu câu hỏi: Đời sống của giai cấp công nhân? - HS đọc SGK trả lời câu hỏi. Trong đó, chú ý đoạn chữ in nhỏ trong SGK. - GV nhấn mạnh thêm: Cùng với đó, việc sử dụng máy móc làm cho nhiều công nhân phải sống trong cảnh đe doạ bị mất việc làm, dẫn đến mâu thuẫn giữa công nhân với tư sản gay gắt. **Hoạt động 2:** (Cá nhân): *Tìm hiểu các hình thức đấu tranh ban đầu của công nhân và lí giải vì sao có hình thức đó.* - GV nêu câu hỏi: *Nêu những hình thức đấu tranh của công nhân thời kì đầu? Kết quả?* - HS dựa vào SGK để trả lời câu hỏi. Phong trào đập phá máy móc không đem lại kết quả gì; mặt khác giai cấp tư sản lại càng tăng cường đàn áp. - GV nêu câu hỏi: *Nguyên nhân của những hạn chế trên?* (Do nhận thức còn hạn chế nhầm tưởng máy móc là nguồn gốc gây ra nỗi thống khổ của họ.)

nghiệm đấu tranh. Thành lập được tổ chức công đoàn.	- GV tổ chức cho HS tìm hiểu: *Tác dụng phong trào đấu tranh của công nhân?* - Sau khi HS tự đọc SGK trả lời câu hỏi. GV chốt ý và khẳng định đây là giai đoạn đấu tranh mang tính tự phát của công nhân, nhưng gây cho giai cấp tư sản nhiều khó khăn, bản thân giai cấp vô sản cũng trưởng thành nhanh chóng.
2. Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân hồi nửa đầu thế kỉ XIX - **Ở Pháp** năm 1831 công nhân dệt Liông khởi nghĩa đòi tăng lương giảm giờ làm. - Năm 1834 thợ tơ ở Liông khởi nghĩa đòi thiết lập nền Cộng hoà. - **Ở Anh** từ năm 1836 - 1848 diễn ra phong trào "Hiến chương đòi phổ thông đầu phiếu, tăng lương, giảm giờ làm. - **Ở Đức,** năm 1844 công nhân Sơ-lê-din khởi nghĩa. - **Kết quả:** Tất cả các phong trào đấu tranh của công nhân đều thất bại. - Nguyên nhân: Thiếu sự lãnh đạo đúng đắn, chưa có đường lối chính sách rõ ràng. - **Ý nghĩa:** Đánh dấu sự trưởng thành của công nhân, là tiền đề dẫn đến sự ra đời của CNXH khoa học.	**Hoạt động 3:** (Hoạt động nhóm và cá nhân): *Trình bày được các phong trào đấu tranh tiêu biểu của giai cấp công nhân Pháp, Anh, Đức; đánh giá được ý nghĩa và nguyên nhân thất bại của phong trào đó:* - GV chia HS thành 3 nhóm, nhiệm vụ cụ thể của từng nhóm là thảo luận và trả lời các câu hỏi sau: + Nhóm 1: *Nêu phong trào đấu tranh của công nhân Pháp?* + Nhóm 2: *Trình bày phong trào đấu tranh của công nhân ở Anh?* + Nhóm 3: *Nêu phong trào đấu tranh của công nhân Đức?* - HS làm việc theo nhóm đọc SGK thảo luận và cử đại diện trình bày kết quả. GV bổ sung, nhận xét về ý nghĩa của phong trào. - GV nêu câu hỏi: Vì sao phong trào công nhân thời kì này diễn ra mạnh mẽ song không thu được thắng lợi? HS dựa vào SGK trả lời.

3. CNXH không tưởng **- Hoàn cảnh ra đời**: + Những mặt trái của CNTB; sự bóc lột tàn nhẫn người lao động, công nhân sống cơ cực. + Những người tư sản tiến bộ thông cảm với nỗi khổ của người lao động mong muốn xây dựng một chế độ tốt đẹp hơn không có tư hữu và bóc lột. - CNXH không tưởng ra đời mà đại diện là Xanh-xi-mông, Phu-ri-ê và Ô-oen. **- Tích cực:** + Nhận thức được mặt trái của chế độ tư sản là bóc lột người lao động. + Phê phán sâu sắc xã hội tư bản, dự đoán tương lai. **- Hạn chế:** + Không thấy được lực lượng xã hội có khả năng xây dựng xã hội mới là giai cấp công nhân. + Không đưa ra được phương pháp đấu tranh đúng đắn. **- Ý nghĩa:** Là tư tưởng tiến bộ trong xã hội lúc đó. Cổ vũ nguồn lao động đấu tranh, là tiền đề ra đời chủ nghĩa Mác.	**Hoạt động 4:** (Cả lớp và cá nhân): *Biết được sự ra đời của CNXH không tưởng, những đại biểu xuất sắc; đánh giá được những mặt tích cực và hạn chế của CNXH không tưởng:* - GV nêu câu hỏi: *Hoàn cảnh ra đời của CNXH không tưởng?* - Sau khi HS trả lời, GV phân tích thêm: Tình cảnh khổ cực của những người lao động nói chung, giai cấp công nhân nói riêng đã tác động đến ý thức, tư tưởng của một số người tiến bộ trong giai cấp tư sản. Họ nhận thức được những mặt hạn chế của xã hội tư sản, mong muốn xây dựng xã hội mới tốt đẹp, không có áp bức, bất công. Tư tưởng đó là nội dung cơ bản của CNXH không tưởng. Đại biểu xuất sắc là Xanh Xi-mông, Phu-ri-ê và Ô-oen. - GV kết hợp giới thiệu chân dung các nhà xã hội không tưởng và cuộc đời sự nghiệp của các ông đoạn chữ nhỏ trong SGK. **Hoạt động 6:** (Hoạt động nhóm): *Biết được sự ra đời của CNXH không tưởng, những đại biểu xuất sắc; đánh giá được những mặt tích cực và hạn chế của CNXH không tưởng:* - GV chia lớp thành 2 nhóm, nhóm 1 thảo luận và trả lời câu hỏi những mặt tích cực của CNXH không tưởng; nhóm 2 nêu những mặt hạn chế của CNXH không tưởng. - HS làm việc theo nhóm, dựa vào SGK trao đổi và trả lời câu hỏi. - GV nhận xét , đánh giá phần trình bày của các nhóm. Đồng thời giải thích rõ tính "không tưởng" của nó - GV tổ chức cho HS trả lời câu hỏi: *ý nghĩa và tác dụng của CNXH không tưởng?* GV khẳng định: Trong bối cảnh xã hội bấy giờ, CNXH không tưởng là trào lưu tư tưởng tiến bộ, có tác dụng cổ vũ những người lao động và là một trong những tiền đề cho sự ra đời CNXH khoa học. - Hình thành khái niệm "CNXH không tưởng".

V. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. Củng cố

GV nhấn mạnh: Hoàn cảnh sự ra đời, tình cảnh giai cấp vô sản, những hình thức đấu tranh của công nhân ở Pháp, Anh, Đức đầu thế kỉ XIX. Sự ra đời của CNXH không tưởng và những mặt tích cực và hạn chế của nó.

2. Bài tập về nhà

- Học bài cũ, đọc trước bài 37.
- Trả lời câu hỏi trong SGK.
- Sưu tầm tranh ảnh, những mẩu chuyện về cuộc đời và sự nghiệp của Mác và Ăng-ghen.

Bài 37. MÁC - ĂNG GHEN
SỰ RA ĐỜI CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

- Nắm vững công lao của Mác và Ăng ghen những nhà sáng lập ra CNXH khoa học đối với sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân.
- Nắm được sự ra đời của tổ chức Đồng minh những người cộng sản, những luận điểm quan trọng của Tuyên ngôn độc lập của Đảng cộng sản và ý nghĩa của văn kiện này.

2. Kĩ năng

- Kĩ năng phân tích nhận định đánh giá vai trò của Mác và Ăng-ghen về những đóng góp của CNXH khoa học.
- Phân biệt sự khác nhau giữa các khái niệm phong trào công nhân, phong trào cộng sản, CNXH không tưởng và CNXH khoa học.

3. Thái độ, tư tưởng

Giáo dục cho HS lòng tin vào chủ nghĩa Mác, tin vào sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang đi, lòng biết ơn đối với những người sáng lập CNXH khoa học.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

CNXH khoa học: Học thuyết khoa học do Mác và Ăng-ghen sang lập, V.I.Lênin tiếp thu và phát triển, nói về sự phát triển của xã hội, về những quy luật chung, con đường và hình thức đấu tranh của giai cấp vô sản, về cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng xã hội mới tiến lên chế độ cộng sản chủ nghĩa. Ngày nay, CNXH khoa học là một bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin (cùng với triết học duy vật biện chứng, chính trị - kinh tế học Mác - Lênin). Được hiểu theo nghĩa rộng là chủ nghĩa Mác - Lênin. Thường dùng đồng nghĩa với "chủ nghĩa cộng sản khoa học".

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Tranh ảnh về C. Mác và Ăng-ghen.

- Sưu tầm những mẩu chuyện về cuộc đời hoạt động và tình bạn giữa C.Mác và Ăng-ghen

- Máy vi tính kết nối máy chiếu.

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

- GV có thể tham khảo phần giới thiệu bài học trong SGV (tr 191)

- GV có thể dẫn dắt: Hồ Chí Minh nói "Ngày nay học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều nhưng học thuyết về khoa học cách mạng nhất là học thuyết C. Mác và Ăng-ghen. Để thấy được sự ra đời và tính khoa học đứng đầu của học thuyết C. Mác và Ăng-ghen" chúng ta tìm hiểu bài học hôm nay.

3. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Một số gợi ý:

- Đây là bài có tác dụng giáo dục đạo đức tư tưởng HS sâu sắc thông qua việc lĩnh hội kiến thức về hoạt động cách mạng của thiên tài C.Mác và P.Ăng-ghen. GV có thể sưu tầm thêm một vài mẩu chuyện về tình cảm cao cả và vĩ đại của Mác và Ăngghen để bài giảng thêm phong phú, sinh động. Điều quan trọng là, HS nhận thức được vai trò to lớn của Mác và Ăngghen đối với phong trào công nhân thế giới - xây dựng lí luận cách mạng cho giai cấp công nhân thông qua Tuyên ngôn của Đảng cộng sản - Văn kiện có tính chất cương lĩnh đầu tiên của CNXH khoa học.

- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
1. Buổi đầu hoạt động cách mạng của C. Mác và Ăng-ghen - **C. Mác** sinh năm 1818, trong một gia đình trí thức gốc Do Thái ở Tơ-ri-ơ (Đức). Từ nhỏ, Mác nổi tiếng là người thông minh, quý trọng người lao động. Sau khi đỗ Tiến sĩ triết học, Mác vừa nghiên cứu khoa học, vừa có nhiều đóng góp cho phong trào cách mạng ở Đức và châu Âu. - Ăng-ghen sinh năm 1820, trong một gia đình chủ xưởng giàu có ở Bác-men (Đức). Khi lớn lên, Ăng-ghen hiểu rõ những thủ đoạn bóc lột của giai cấp tư sản đối với người lao động. Vì vậy, năm 1842, ông sang Anh để tìm hiểu thêm về đời sống của người công nhân và đã viết cuốn "Tình cảnh giai cấp công nhân Anh".	**Hoạt động 1:** (Cả lớp và cá nhân): *Biết được những nét chính về những hoạt động của Mác và Ăng-ghen, sự ra đời của CNXH khoa học:* - GV gọi HS đọc SGK đoạn nói về tiểu sử, cuộc đời và sự nghiệp của C.Mác và Ăng-ghen. Kết hợp với giới thiệu về chân dung C.Mác và Ăng-ghen. - GV trình bày và phân tích: + Cả C.Mác và Ăng-ghen đều ở Đức, là nơi CNTB và giai cấp tư sản phản động nhất, chúng thực hiện chính sách đối nội, đối ngoại phản động, bản chất xấu xa, phản động của chúng được phơi bày rõ nét nhất. + C.Mác và Ăng-ghen đều có học vấn uyên bác và thấu hiểu, đồng cảm với đời sống những người lao động khổ cực. Mác là Tiến sĩ Luật học, Ăng-ghen không có bằng như Mác nhưng học thức rất uyên bác.
- Hoạt động của Mác: + Năm 1842 làm tổng biên tập báo Sông Ranh. + Năm 1843 sang Pa-ri rồi Brúc-xen xuất bản tạp chí biên niên Pháp - Đức. **- Hoạt động của Ăng-ghen:** + Năm 1842 ông sang Anh làm thư kí hãng buôn và viết cuốn "Tình cảnh giai cấp công nhân Anh". - Năm 1844, Mác và Ăng-	Tiếp đó, GV hướng dẫn HS trình bày những hoạt động của C. Mác và Ăng-ghen. - GV kết luận: trong quá trình hoạt động và viết sách báo, Mác đã nhận thấy vai trò và sứ mệnh của giai cấp vô sản là giải phóng loài người khỏi áp bức bóc lột. Ăng ghen trong quá trình làm thư kí cho hãng buôn ở Anh rồi viết cuốn "Tình cảnh của giai cấp công nhân Anh" cũng nhận thấy vai trò và sức mạnh của giai cấp công nhân. Vì vậy, cả hai bậc vĩ nhân đều cùng chung chí hướng giải phóng giai cấp công nhân và trang bị

ghen gặp nhau ở Pháp. Những tác phẩm của họ về triết học, kinh tế - chính trị học và CNXH khoa học đặt cơ sở hình thành chủ nghĩa Mác.	lí luận cho họ thông qua các tác phẩm về triết học, kinh tế, chính trị học và CNXH khoa học, từng bước cho ra đời chủ nghĩa Mác. *Em có suy nghĩ gì về tình cảm giữa Mác và Ăng-ghen ?* Đó là tình cảm cao cả và vĩ đại. Qua đó, giúp HS cảm phục và học tập tình bạn thân thiết, vĩ đại của Mác và Ăng-ghen.
2. Tổ chức Đồng minh những người cộng sản và Tuyên ngôn của Đảng cộng sản - Khi hoạt động ở Anh, Mác và Ăng-ghen đã tham gia tổ chức "Đồng minh những người chính nghĩa", sau đó hai ông cải tổ thành "Đồng minh những người cộng sản". Đây là chính đảng độc lập đầu tiên của giai cấp vô sản quốc tế. - **Mục đích:** Lật đổ giai cấp tư sản, xác định sự thống trị của giai cấp vô sản, thủ tiêu xã hội tư sản cũ.	**Hoạt động 2:** (Cá nhân): *Trình bày được sự ra đời của Đồng minh những người cộng sản và nội dung cơ bản, ý nghĩa lịch sử "Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản " do Mác và Ăng-ghen soạn thảo:* - GV nêu câu hỏi: Hãy cho biết hoàn cảnh ra đời Đồng minh những người Cộng sản? - HS đọc SGK và trả lời câu hỏi - GV bổ sung và nhấn mạnh sự khác nhau giữa Đồng minh những người chính nghĩa với đồng minh những người cộng sản ở chỗ: Đồng minh những người chính nghĩa là một tổ chức bí mật của cộng sản Tây Âu, ủng hộ khuynh hướng hoạt động có tính chất âm mưa, còn Đồng minh những người cộng sản đề ra mục đích đấu tranh rõ ràng là lật đổ giai cấp tư sản. Xác lập sự thống trị của giai cấp vô sản, thủ tiêu xã hội tư sản cũ - GV kết luận: Đó cũng là mục tiêu của tổ chức này.
- Tháng 2/1848 **Tuyên ngôn của đảng Cộng sản ra đời,** do C. Mác và Ăng-ghen soạn thảo. **Nội dung:** + CNTB ra đời là một bước tiến, song nó chứa đựng nhiều mâu thuẫn và cuộc đấu tranh giữa tư bản và vô sản tất yếu phải nổ ra.	**Hoạt động 3:** (Cả lớp và cá nhân): *Tìm hiểu nội dung của Tuyên ngôn Đảng Cộng sản* - GV trình bày và phân tích: Đại hội lần thứ hai của Đồng minh những người cộng sản họp ở Luân Đôn (11/12/1847) với sự tham gia của C.Mác và Ăng-ghen đã thông qua điều lệ. - Tháng 2/1848, Tuyên ngôn Đảng Cộng sản được công bố.

+ Khẳng định sứ mệnh lịch sử và vai trò của giai cấp vô sản là lãnh đạo cách mạng. Muốn cách mạng thắng lợi cần phải có chính đảng tiên phong của mình. + Trình bày một cách hệ thống những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa cộng sản, chứng minh quy luật tất yếu diệt vong của chế độ tư bản và thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản. **- Ý nghĩa:** + Là văn kiện có tính chất cương lĩnh đầu tiên của CNXH khoa học đấu tranh bước đầu kết hợp CNXH với phong trào công nhân. + Từ đây, giai cấp công nhân đã có lí luận soi đường để thực hiện mục tiêu cuối cùng của những người cộng sản là xây dựng chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới.	- GV nêu câu hỏi: Hãy cho biết nội dung Tuyên ngôn Đảng Cộng sản? - HS đọc SGK và trả lời câu hỏi. - GV nêu câu hỏi: *Nêu ý nghĩa của bản tuyên ngôn Đảng cộng sản?* - HS dựa vào nội dung bản Tuyên ngôn đã tìm hiểu ở trên và SGK để trả lời. - GV nhấn mạnh: Hiện nay, trong tình hình thế giới khá phức tạp, tư tưởng cơ bản của bản tuyên ngôn vẫn tiếp tục soi sáng trên con đường đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động bị áp bức trên toàn thế giới. Chính vì "*Cuốn sách mỏng đó đáng giá hàng tập sách. Tư tưởng của nó làm sống và làm hoạt động cho tới ngày nay toàn bộ giai cấp vô sản có tổ chức và chiến đấu của thế giới văn minh*".

V. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. Củng cố

- Khẳng định công lao to lớn của C.Mác và Ăng-ghen với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Chủ nghĩa xã hội khoa học do hai ông sáng lập là đỉnh cao của tư duy lí luận và là di sản văn hoá của nhân loại mãi về sau.

- So sánh nội dung của CNXH không tưởng với CNXH khoa học để thấy được sự đúng đắn, khoa học của CNXH khoa học và sự hạn chế của CNXH không tưởng.

2. Bài tập về nhà

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi trong SGK.
- Đọc trước bài 38.

Bài 38. QUỐC TẾ THỨ NHẤT VÀ CÔNG XÃ PA-RI 1871

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

- Nắm được hoàn cảnh ra đời và những hoạt động của Quốc tế thứ nhất. Qua đó nhận thấy sự ra đời của Quốc tế thứ nhất là kết quả tất yếu của sự phát triển của phong trào công nhân Quốc tế và những đóng góp tích cực của C.Mác và Ăng-ghen.

- Nắm được sự thành lập của Công xã Pa-ri và những thành tích to lớn của Công xã.

- Hiểu được ý nghĩa và những bài học lịch sử của Công xã Pa-ri.

2. Kĩ năng

- Rèn luyện kĩ năng phân tích, đánh giá các sự kiện lịch sử.

- Kĩ năng về đọc sơ đồ bộ máy Công xã Pa- ri.

3. Thái độ, tư tưởng

Giáo dục tinh thần quốc tế vô sản và chủ nghĩa anh hùng cách mạng, củng cố niềm tin vào thắng lợi của sự nghiệp cách mạng của giai cấp vô sản.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

- *Quốc tế thứ nhất*: Còn gọi là Hội đồng Liên hiệp công nhân Quốc tế, tổ chức cách mạng quốc tế đầu tiên của giai cấp vô sản, do C.Mác và P.Ăng-ghen sáng lập. Ra đời ngày 28/9/1864 tại Luân Đôn (Anh), Quốc tế thứ nhất đã đóng vai trò to lớn trong việc tập hợp giai cấp công nhân đấu tranh nhằm bảo vệ chủ nghĩa cộng sản khoa học, chống chủ nghĩa cơ hội của Pruđông và chủ nghĩa vô chính phủ do Bacunin đề xướng. Năm 1876, theo Nghị quyết của Hội nghị Philađenphi, Quốc tế thứ nhất chính thức giải tán.

- *Nhà nước kiểu mới*: Bộ máy tổ chức chính trị do cách mạng vô sản thành lập nhằm bảo vệ và phát triển thành quả cách mạng, bảo vệ quyền lợi của nhân dân lao động. Khác với nhà nước trước đó vì nó không phải là công cụ áp bức, bóc lột của giai cấp thống trị, nhà nước kiểu mới đầu tiên trong lịch sử là Công xã Pa-ri 1871.

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Sơ đồ bộ máy Công xã Pa-ri.

- Tài liệu nói về Quốc tế thứ nhất và Công xã Pa-ri.

- Máy vi tính kết nối máy chiếu.

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Trong tiến trình phát triển của phong trào công nhân Quốc tế ở thế kỉ XIX, sự ra đời của Quốc tế thứ nhất và sự thành lập Công xã Pa-ri là những mốc quan trọng, đánh dấu bước trưởng thành của giai cấp công nhân. Quốc tế thứ nhất ra đời trong hoàn cảnh nào ? Vai trò của Quốc tế thứ nhất đối với phong trào công nhân quốc tế ra sao ? Những thành tựu to lớn của Công xã Pari là gì ? Vì sao nói Công xã Pari là nhà nước kiểu mới - Nhà nước vô sản ? bài học hôm nay sẽ trả lời những câu hỏi nêu trên.

3. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Một số gợi ý:

- Đây là bài có nhiều kiến thức và khó nên đòi hỏi GV phải lựa chọn kiến thức tiêu biểu để giảng sâu trên lớp, còn lại hướng dẫn HS đọc SGK hoặc tự học ở nhà. Thời gian nhiều hơn của tiết học dành cho phần II - Công xã Pari, trong đó cần làm cho HS hiểu được vì sao Công xã Pari là nhà nước kiểu mới - nhà nước vô sản, cũng như ý nghĩa to lớn của nó.

- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
I. Quốc tế thứ nhất **1. Hoàn cảnh ra đời** - Giữa thế kỉ XIX, mặc dù phong trào công nhân ở châu Âu diễn ra rộng khắp và quyết liệt song vẫn bị phân tán về tổ chức, thiếu thống nhất. - Ngày 28/9/1864 Quốc tế thứ nhất thành lập tại Luân Đôn với sự tham gia của C.Mác.	**Hoạt động 1: Cả lớp và cá nhân:** *Biết được vài nét về hoàn cảnh ra đời và những hoạt động chính cũng như những đóng góp của Quốc tế thứ nhất đối với phong trào công nhân quốc tế:* - GV nêu câu hỏi: Hoàn cảnh lịch sử ra đời của quốc tế thứ nhất? - HS dựa vào SGK và trả lời câu hỏi. - GV giới thiệu hình 71 trong SGK "Buổi lễ tuyên bố thành lập Quốc tế thứ nhất" kết hợp với tài liệu, lược thuật buổi lễ thành lập Quốc tế thứ nhất.

2. Hoạt động của Quốc tế thứ nhất - Quốc tế thứ nhất tồn tại gần 12 năm (từ tháng 9/1864 đến tháng 7/1876) với 5 lần đại hội. Hoạt động chủ yếu của Quốc tế thứ nhất là truyền bá học thuyết Mác, đoàn kết phong trào công nhân, thành lập công đoàn, đòi ngày làm 8 giờ, cải thiện đời sống công nhân. **- Vai trò:** Dưới ảnh hưởng của Quốc tế thứ nhất, công nhân các nước tham gia ngày càng nhiều vào phong trào đấu tranh chính trị, chủ nghĩa Mác được truyền bá rộng rãi, đoàn kết thống nhất lực lượng của giai cấp vô sản, các tổ chức công đoàn ra đời. Mác trở thành linh hồn của Quốc tế thứ nhất.	**Hoạt động 2:** (Cá nhân) - GV hỏi: Nêu hoạt động của Quốc tế thứ nhất? - HS dựa vào SGK trình bày: Hoạt động của Quốc tế thứ nhất chủ yếu được thông qua các kì Đại hội (từ 9/1864 đến 7/1876 tiến hành 5 đại hội). - GV nêu câu hỏi: Vai trò của Quốc tế thứ nhất đối với phong trào đấu tranh của công nhân? - HS đọc SGK để chứng minh vai trò của Quốc tế thứ nhất đối với phong trào công nhân quốc tế. - GV giới thiệu hình 72 SGK "Cuộc họp đại biểu lần đầu tiên của Quốc tế thứ nhất tại Giơ-ne-vơ"và chốt ý về vai trò của Quốc tế thứ nhất.
II. Công xã Pa - ri 1871 **1. Cuộc cách mạng ngày 18/3/1871 và sự thành lập Công xã** **- Nguyên nhân:** + Mâu thuẫn vốn có trong lòng xã hội tư bản ngày càng sâu sắc, tạo điều kiện cho công nhân đấu tranh. + Sự thất bại của Pháp trong cuộc chiến tranh	**Hoạt động 3:** (Cá nhân và cả lớp): *Trình bày được những nét chính về hoàn cảnh ra đời, diễn biến chính và ý nghĩa lịch sử của Công xã Pa-ri 1871:* - GV đặt câu hỏi: Nguyên nhân bùng nổ cuộc Cách mạng ngày 18/3/1871? - HS dựa vào SGK trả lời câu hỏi. - GV phân tích thêm: Khi quân Phổ kéo vào nước Pháp và bao vây Pa-ri, Chính phủ tư sản hèn nhát, vội vàng xin đình chiến. Trước tình hình đó, quần chúng nhân dân lại đứng quyết chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

Pháp - Phổ (1870) làm cho nhân nhân càng căm phẫn chế độ thống trị, muốn lật đổ đế chế II. + Sự phản động của giai cấp tư sản Pháp (cướp đoạt thành quả cách mạng của quần chúng, đầu hàng Đức, đàn áp quần chúng).	
- Diễn biến: Ngày 18/3/1871, Chi-e cho quân đánh úp đồi Mông-mác (Bắc Pa-ri) - là nơi tập trung đại bác của Quốc dân quân, nhưng cuối cùng đã thất bại. + Nhân dân nhanh chóng làm chủ Pa-ri và đảm nhiệm vai trò Chính phủ lâm thời. + Chi-e cho quân chạy về Véc-xai, chính quyền giai cấp tư sản bị lật đổ.	**Hoạt động 4:** (Cả lớp): *Tìm hiểu diễn biến, kết quả cuộc cách mạng ngày 18/3/1871* - GV yêu cầu HS dựa vào phần chữ in nhỏ trong SGK, lược thuật ngắn gọn diễn biến của cuộc cách mạng ngày 18/3/1871
2. Công xã Pa-ri - Nhà nước kiểu mới ***- Tổ chức Nhà nước:*** + Ngày 26/3/1871, nhân dân Pa-ri bầu cử Hội đồng Công xã - cơ quan cao nhất của Nhà nước - theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu, bầu ra 86 người trúng cử, phần đông là công nhân và trí thức - đại diện cho nhân dân lao động Pa-ri. + Hội đồng Công xã có nhiệm vụ ban bố pháp	**Hoạt động 5:** (Hoạt động nhóm và cá nhân): *Hiểu được bản chất của Công xã Pari - nhà nước kiểu mới* - GV chia lớp thành 3 nhóm, nhóm 1 tìm hiểu về tổ chức bộ máy nhà nước của Công xã; nhóm 2 tìm hiểu về các chính sách của Công xã; nhóm 3 nhận xét, đánh giá về Công xã. - Các thành viên làm việc theo nhóm và cử đại diện trình bày kết quả của mình. - GV sử dụng sơ đồ Công xã, kết hợp giới thiệu hình 73 trong SGK "Công xã Pa-ri mở cuộc họp các uỷ viên công xã tại Toà thị chính" phân tích về cơ cấu tổ chức, thành phần, nhiệm vụ và hoạt động của Công xã.

luật và lập ra 10 uỷ ban để thi hành pháp luật.	
- *Việc làm của Công xã:* + Ra sắc lệnh giải tán quân đội và bộ máy cảnh sát của tư sản, thành lập lực lượng vũ trang của nhân dân. + Tách nhà thờ ra khỏi hoạt động của trường học và Nhà nước + Quy định tiền lương tối thiểu, thực hiện giáo dục bắt buộc không đóng học phí, quy định giá bán bánh mì,... - Công xã Pa-ri là một nhà nước kiểu mới do dân và vì dân. - Công xã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho giai cấp vô sản.	Công xã còn thi hành nhiều chính sách tiến bộ khác: Công nhân được làm chủ những xí nghiệp có chủ bỏ trốn, kiểm soát chế độ tiền lương, giảm lao động ban đêm, cấm án phạt công nhân, đề ra chủ trương giáo dục bắt buộc... - GV đặt câu hỏi: *Em có nhận xét gì về việc làm của Công xã?* Công xã Pa-ri là một nhà nước khác hẳn, nhà nước của những giai cấp bóc lột trước, đây là một nhà nước kiểu mới. *Vì sao nói Công xã Pari là nhà nước kiểu mới ?* (vì đó là nhà nước của dân, do dân lập nên và phục vụ quyền lợi của nhân dân lao động) - GV nhấn mạnh và giải thích cho HS rõ: Sự thất bại của Công xã Pa-ri là không thể tránh khỏi trong điều kiện lịch sử lúc bấy giờ, song Công xã để lại cho giai cấp vô sản những bài học về tổ chức và lãnh đạo cuộc đấu tranh chống áp bức.

V. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. Củng cố

GV nhấn mạnh một số nội dung cơ bản:

- Hoàn cảnh sự ra đời, quá trình hoạt động và vai trò của Quốc tế thứ nhất đối với phong trào công nhân quốc tế.

- Nguyên nhân, diễn biến, kết quả cuộc Cách mạng ngày 18 - 3 - 1871 và sự thành lập Công xã.

2. Bài tập về nhà

- Vẽ sơ đồ tổ chức nhà nước của Công xã Pari và so sánh với nhà nước của giai cấp tư sản.

- Đọc trước bài 39.

Bài 39. QUỐC TẾ THỨ HAI

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

Nắm và hiểu được hoàn cảnh ra đời của Quốc tế thứ 2 và những đóng góp của tổ chức này đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, đặc biệt dưới sự lãnh đạo của Ăng-ghen.

2. Kĩ năng

Rèn luyện kĩ năng phân tích, nhận định các sự kiện và vai trò của cá nhân trong tiến trình lịch sử.

3. Thái độ, tư tưởng

Giúp HS hiểu rõ công lao to lớn của Ph.Ăng ghen và người kế tục là V.I.Lênin đối với phong trào cộng sản và công nhân Quốc tế.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

- *Cơ hội chủ nghĩa:* Khuynh hướng tư tưởng chính trị dưới nhiều hình thức khác nhau trong phong trào công nhân, song đều phản bội quyền lợi của giai cấp vô sản, chủ trương từ bỏ những nguyên tắc cách mạng vô sản, thoả hiệp, hợp tác vô nguyên tắc với giai cấp tư sản.

- *Chủ nghĩa xét lại:* Xu hướng phản bội trong phong trào công nhân chịu ảnh hưởng tư tưởng của giai cấp vô sản. Chủ nghĩa xét lại núp dưới danh nghĩa "xem xét lại" chủ nghĩa Mác để xuyên tạc và đi tới chỗ gạt bỏ những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin về đấu tranh giai cấp. Chủ nghĩa xét lại nảy sinh cuối thế kỉ XIX ở Đức. Những người theo chủ nghĩa xét lại chủ trương thoả hiệp với giai cấp tư sản, tập trung vào hoạt động đấu tranh nghị trường, xem đó là hình thức chủ yếu giành chính quyền về tay giai cấp công nhân.

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Sưu tầm chân dung những đại biểu nổi tiếng trong phong trào công nhân cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX: Ăng-ghen, La-phác-gơ (Pháp), Be- ben, Rô-da Luc-xem-bua (Đức).

- Tài liệu về phong trào công nhân thế giới thời nay.

- Máy vi tính kết nối máy chiếu.

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Quốc tế thứ hai được thành lập trong hoàn cảnh nào ? Hoạt động và vai trò của tổ chức Quốc tế thứ hai đối với phong trào công nhân quốc tế ra sao ? Nội dung bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta trả lời những câu hỏi trên.

3. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Một số gợi ý:

- Bài này nội dung kiến thức vừa phải, cấu tạo thành 2 mục dễ dạy. Trên cơ sở biết được hoạt động của phong trào công nhân cuối thế kỉ XIX, HS cần so sánh với phong trào công nhân trước đó để tìm ra nét mới, nổi bật trong phong trào. GV cần lí giải cho HS hiểu rõ khái niệm "Quốc tế hai rưỡi".

- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
1. Phong trào công nhân cuối thế kỉ XIX **- Nguyên nhân:** + Đội ngũ công nhân tăng về số lượng và chất lượng, có điều kiện sống tập trung. + Do sự bóc lột nặng nề của giai cấp tư sản, chính sách chạy đua vũ trang làm đời sống công nhân cực khổ, mâu thuẫn giữa tư sản và vô sản ngày càng gay gắt. + Phong trào công nhân đòi cải thiện đời sống, đòi quyền tự do dân chủ ngày càng lan rộng, đặc biệt ở các nước tư bản tiên tiến như Anh, Pháp, Đức, Mĩ. - Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân thế giới dẫn tới sự ra đời của nhiều tổ	**Hoạt động 1:** (Cá nhân và cả lớp): *Biết được những nét chính về nguyên nhân và sự phát triển của phong trào công nhân cuối thế kỉ XIX, đặc biệt ở Đức, Pháp, Anh, Mĩ:* - Trước hết, GV nêu câu hỏi: Nguyên nhân dẫn đến phong trào công nhân cuối thế kỉ XIX? - HS đọc SGK tự trả lời câu hỏi. - Tiếp theo GV yêu cầu HS đọc đoạn chữ nhỏ trong SGK để hiểu rõ hơn về phong trào đấu tranh của công nhân và nhân dân lao động ở Đức, Pháp, Anh. Sau đó, GV nêu câu hỏi: Phong trào đấu tranh của công nhân diễn ra như thế nào? - HS suy nghĩ trả lời. - GV nêu câu hỏi: Điểm mới gì nổi bật trong phong trào công nhân thế giới thời kì này? - HS dựa vào SGK tự trả lời câu hỏi. - GV nhận xét và chốt ý: sự ra đời của các đảng của gia cấp công nhân ở các nước chứng tỏ sự phát triển về chất của phong trào công nhân.

chức chính trị độc lập của giai cấp công nhân ở mỗi nước như Đảng công nhân xã hội dân chủ Đức (1875), Đảng công nhân xã hội Mĩ (1876), Đảng công nhân Pháp (1879), nhóm giải phóng lao động Nga (1883). - Yêu cầu thành lập một tổ chức Quốc tế mới để đoàn kết lực lượng công nhân các.	- Tiếp theo GV hỏi: Sự ra đời của các đảng công nhân đặt ra yêu cầu gì? - HS suy nghĩ tự trả lời câu hỏi. - GV nhấn mạnh: sau khi C.Mác qua đời (1883) sứ mệnh lãnh đạo phong trào công nhân Quốc tế thuộc về Ph.Ăng-ghen.
2. Quốc tế thứ hai ***- Hoàn cảnh ra đời:*** + CNTB phát triển ở giai đoạn cao, giai cấp tư sản tăng cường bóc lột nhân dân lao động. + Chính sách chạy đua vũ trang chuẩn bị phân chia lại thế giới dẫn đến đời sống nhân dân cực khổ. + Nhiều Đảng và tổ chức công nhân tiến bộ ra đời. Ngày 14/7/1889 Quốc tế thứ 2 thành lập ở Pari.	**Hoạt động 2:** (Cá nhân): *Trình bày hoàn cảnh và hoạt động chính của Quốc tế thứ hai, giải thích được vì sao Quốc tế thứ hai tan rã:* - GV đặt câu hỏi: *Hoàn cảnh dẫn đến sự ra đời của Quốc tế thứ hai ?* - HS dựa vào những nội dung SGK để trả lời câu hỏi. - Sau khi HS phát biểu, GV chốt ý và nhấn mạnh sự kiện ngày 14/7/1889, nhân kỉ niệm 100 năm ngày phá ngục Ba-xti, gần 400 đại biểu công nhân của 22 nước họp ở Pa-ri đã tuyên bố thành lập Quốc tế thứ hai. - GV trình bày và phân tích: Đại hội thông qua nhiều nghị quyết quan trọng, nêu lên sự cần thiết phải thành lập chính đảng của giai cấp vô sản mỗi nước, đề cao vai trò đấu tranh chính trị, tăng cường phong trào quần chúng, đòi tăng lương, ngày làm 8 giờ, lấy ngày 1/5 làm ngày Quốc tế lao động.
- Hoạt động Quốc tế thứ 2: Quốc tế thứ hai hoạt động trải qua hai thời kì (từ năm 1889 đến năm 1895 và từ năm 1895 đến năm 1914), chủ yếu dưới hình thức Đại hội.	*- Nêu hoạt động và vai trò của Quốc tế thứ 2?* - HS dựa vào SGK tự trả lời câu hỏi. - GV nhận xét và kết luận: + Quốc tế thứ 2 tồn tại và hoạt động chủ yếu dưới hình thức Đại hội. - Vai trò của Ăng-ghen đối với hoạt động của Quốc tế thứ 2.

- ***Vai trò***: đã có nhiều đóng góp cho phong trào công nhân thế giới, làm chậm lại quá trình chiến tranh đế quốc của các nước, hạn chế ảnh hưởng của các trào lưu cơ hội chủ nghĩa, xu hướng vô chính phủ. Đoàn kết công nhân các nước thúc đẩy việc thành lập các chính đảng vô sản ở nhiều nước. Ăng-ghen được coi là "linh hồn của Quốc tế thứ hai". - Sau khi Ăng-ghen mất, cuộc đấu tranh giữa khuynh hướng cách mạng và khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa diễn ra phức tạp, gay gắt - Khi Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ, Quốc tế thứ hai đi dần đến tan rã. - *Nguyên nhân*: - Do thiếu nhất trí về đường lối chia rẽ về tổ chức, các đảng trong Quốc tế 2 xa dần đường lối đấu tranh cách mạng, thoả hiệp với giai cấp tư sản → Quốc tế 2 tan rã.	Từ khi Ăng ghen qua đời, cùng với những biến động của đời sống kinh tế - xã hội những phần tử cơ hội chống lại học thuyết Mác dần chiếm ưu thế trong Quốc tế 2 do E.Béc-xtai-nơ đề xướng đã làm cản trở bước tiến của phong trào công nhân. GV gọi HS đọc đoạn chữ nhỏ SGK sau đó giới thiệu về chủ nghĩa cơ hội. - GV nêu câu hỏi: Cho biết cuộc đấu tranh chống lại chủ nghĩa cơ hội trong Quốc tế thứ 2 diễn ra như thế nào? - HS dựa vào SGK trình bày: + Cuộc đấu tranh của một số lãnh tụ cách mạng trong các Đảng công nhân như La-phác-gơ (Pháp), Bêben, Rôda Lúcxembua (Đức) tuy nhiên kết quả hạn chế do đấu tranh không triệt để. + Cuộc đấu tranh của Lênin - lãnh tụ của giai cấp công nhân Nga - lên án ách thống trị của đế quốc thuộc địa đòi quyền tự quyết cho các dân tộc và bảo vệ học thuyết Mác. *Nguyên nhân dẫn đến sự tan rã của Quốc tế thứ hai ?* Sau khi HS trả lời, GV nhấn mạnh: Khi Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ, Quốc tế thứ hai đã bị phân hoá, trừ Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga vẫn tiếp tục hoạt động tích cực, gắn liền với lãnh tụ Lê-nin.

V. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. Củng cố

- GV nhấn mạnh những nội dung cơ bản của bài học.

- Nhắc lại vai trò của P.Ăngghen đối với hoạt động của Quốc tế thứ hai và phong trào công nhân thế giới giai đoạn này.

2. Bài tập về nhà

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi SGK. So sánh sự giống và khác nhau giữa Quốc tế thứ nhất và Quốc tế thứ hai.

- Đọc trước bài 40.

Bài 40. LÊ-NIN VÀ PHONG TRÀO CÔNG NHÂN NGA ĐẦU THẾ KỈ XX

I. MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần:

1. Kiến thức

- Nắm vững những hoạt động của Lênin.

- Nắm được tình hình Nga trước Cách mạng; diễn biến của Cách mạng, tính chất và ý nghĩa của Cách mạng Nga 1905 - 1907.

2. Kĩ năng

Phân biệt sự khác nhau giữa các khái niệm: Cách mạng dân chủ tư sản kiểu cũ, cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới, chuyên chính vô sản.

3. Thái độ, tư tưởng

Bồi dưỡng lòng kính yêu và biết ơn những lãnh tụ của giai cấp vô sản thế giới, những người cống hiến cả cuộc đời và sức lực cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc lao động bị áp bức bóc lột trên toàn thế giới.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, THUẬT NGỮ LỊCH SỬ CƠ BẢN

- *Bônsêvích:* Khuynh hướng cách mạng triệt để trong phong trào công nhân, xuất hiện ở nước Nga vào đầu thế kỉ XX. Gắn liền với khuynh hướng chính trị này là mộtđảng chính trị của giai cấp vô sản được hình thành vào năm 1903 do kết quả cuộc đấu tranh của những người Mácxít Nga, đứng đầu là V.I.Lênin. Từ "Bônsevích" xuất hiện tại Đại hội II của ĐẢng Công nhân xã hội dân chủ Nga (7/1903), tại Luân Đôn. Những người ủng hộ Lênin thu được đa số phiếu trong cuộc bầu cử vào Ban Chấp hành trung ương, do đó được gọi là phái "đa số" (Bônsêvích).

- *Mensêvích (phái):* Những người theo trào lưu cơ hội chủ nghĩa trong phong trào xã hội - dân chủ Nga, hình thành năm 1903. Họ là thiểu số ("mensêvích" trong tiếng Nga có nghĩa là thiểu số) khi bầu cử các cơ quan trung ương Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga. Họ chống độc quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản, chống liên minh công - nông, thoả hiệp với tư sản, chống chính quyền Xô viết.

- *Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới:* Cách mạng làm nhiệm vụ của cách mạng dân chủ tư sản nhưng do giai cấp vô sản lãnh đạo, sau khi thắng lợi sẽ chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa. Cách mạng 1905 ở Nga là cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

III. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC CHỦ YẾU

- Tranh ảnh về cuộc Cách mạng 1905 - 1907 ở Nga, chân dung Lênin.
- Tư liệu về tiểu sử của V.I. Lênin
- Máy vi tính kết nối máy chiếu.

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH VÀ PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Ổn định lớp học

2. Chuẩn bị cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Sau khi P.Ăngghen qua đời, trung tâm của phong trào cách mạng thế giới được chuyển sang Nga. V.I Lênin đã tiến hành cuộc đấu tranh không khoan nhượng chống các trào lưu tư tưởng cơ hội chủ nghĩa, đưa chủ nghĩa Mác ngày càng ảnh hưởng sâu rộng trong phong trào công nhân Nga và phong trào công nhân quốc tế. Hoạt động của Lênin trong phong trào công nhân Nga như thế nào? Diễn biến, kết quả, ý nghĩa cuộc Cách mạng 1905 - 1907 ra sao ? Vai trò của Lênin đối với nước Nga và phong trào công nhân thế giới là gì ? chúng ta cùng tìm hiểu nội dung bài học hôm nay.

3. Tổ chức cho HS nghiên cứu kiến thức mới

Một số gợi ý:

- Đây là bài hay, nội dung khá dài. GV nên giảng lướt qua phần I - khái quát tiểu sử, hoạt động của Lênin đối với phong trào công nhân Nga cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX. Cần tập trung thời gian cho phần II - Cách mạng 1905 - 1907 ở Nga.

- GV có thể xây dựng bài giảng điện tử để lên lớp.

Chuẩn kiến thức *(Kiến thức cần đạt)*	**Hoạt động dạy - học của thầy, trò**
I. VI.Lênin và cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội - **Tiểu sử:** Lênin sinh ngày 22/4/1870 trong gia đình nhà giáo tiến bộ. + Năm 1895, ông thành lập: "Liên hiệp đấu tranh giải phóng giai cấp công nhân". - Năm 1900, xuất bản báo	**Hoạt động 1:** (Cá nhân và cả lớp): *Tìm hiểu những nét chủ yếu về Lê-nin và việc thành lập Đảng vô sản kiểu mới ở Nga:* - Trước hết, GV gọi một HS trình bày tóm tắt về tiểu sử của Lênin kết hợp giới thiệu chân dung Lênin. Bổ sung tư liệu: Từ nhỏ, Lê-nin sớm có tinh thần cách mạng chống lại chế độ chuyên chế Nga hoàng. - GV nêu câu hỏi: *Trình bày những hoạt động tích cực của Lênin thành lập Đảng vô sản kiểu mới?*

"Tia lửa". - Năm 1903, chủ trì Đại hội Đảng công nhân xã hội Nga. - Lênin có những đóng góp quan trọng về mặt lí luận thông qua những tác phẩm của mình.	- HS dựa vào SGK để trả lời câu hỏi: chủ ý các sự kiện diễn ra năm 1895; năm 1900; năm 1903. - GV nhấn mạnh: Lênin có những đóng góp quan trọng về mặt lí luận thông qua những tác phẩm của mình. - HS đọc đoạn chữ in nhỏ trong SGK nói về việc Lênin viết hàng loạt tác phẩm của mình phê phán những quan điểm của chủ nghĩa cơ hội, khẳng định vai trò của giai cấp công nhân và Đảng tiên phong. -GV phân tích thêm: + Đầu thế kỉ XX khi các nước đế quốc chạy đua vũ trang chuẩn bị chiến tranh thì phái cơ hội trong Quốc tế 2 kêu gọi công nhân ủng hộ chính phủ tư sản với mình, ủng hộ chiến tranh. + Duy nhất có Đảng Bôn-sê-vích do Lênin lãnh đạo là đấu tranh chống lại chiến tranh đế quốc với khẩu hiệu "Biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến Cách mạng".
II. Cách mạng 1905 - 1907 ở Nga **1. Tình hình nước Nga trước Cách mạng** **- Về kinh tế:** Công thương nghiệp phát triển, các công ty độc quyền ra đời. **- Về chính trị:** Chế độ Nga hoàng kìm hãm sản xuất, bóp nghẹt tự do dân chủ → đời sống nhân dân, công nhân khổ cực. - Sự thất bại trong cuộc chiến tranh Nga - Nhật làm cho xã hội mâu thuẫn sâu sắc dẫn đến bùng nổ Cách mạng.	**Hoạt động 2:** (Cá nhân): *Trình bày nguyên nhân, diễn biến, kết quả, ý nghĩa của cách mạng* - GV nêu câu hỏi: *Tình hình nước Nga trước Cách mạng?* - HS dựa vào SGK để trả lời. Cần tập trung vào tình hình kinh tế và chính trị. GV phân tích thêm: Đầu thế kỉ XX, nước Nga lâm vào tình trạng khủng hoảng, đời sống nhân dân, nhất là công nhân rất cực khổ. Từ năm 1905 đến năm 1907, Nga hoàng đẩy nhân dân vào cuộc chiến tranh với Nhật Bản, càng làm cho gia tăng mâu thuẫn xã hội.
2. Cách mạng bùng nổ - Ngày 09/01/1905, đi vào lịch sử nước Nga với tên	**Hoạt động 3:** (Cả lớp). - GV trình bày những nét chính diễn biến: + Ngày 09/01/1905, 14 vạn công nhân Pê tec-bua

gọi "Ngày chủ nhật đẫm máu". - Mùa thu năm 1905 phong trào cách mạng tiếp tục dâng cao. - Cuộc tổng bãi công tại Mat-xcơva 12/1905. **- Tính chất:** Là cuộc cách mạng dân chủ tư sản lần thứ nhất ở Nga. Đây là một cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới. **- Ý nghĩa:** + Giáng một đòn mạnh mẽ vào chế độ Nga hoàng, có ảnh hưởng đến phong trào đấu tranh đòi dân chủ ở các nước đế quốc. + Thức tỉnh nhân dân các nước phương Đông đấu tranh.	và gia đình không vũ khí đến Cung điện Mùa Đông để thỉnh cầu Nga hoàng cải thiện đời sống nhưng họ bị đàn áp. Công nhân dựng chiến luỹ chuẩn bị chiến đấu. Kết hợp giới thiệu hình 75 (SGK) "Cuộc biểu tình ngày 09/1/1905". - HS đọc đoạn chữ nhỏ nói về diễn biến trong SGK. Tiếp đó, GV tiếp tục trình bày: Mùa thu năm 1905 phong trào Cách mạng tiếp tục dâng cao với những cuộc bãi công chính trị của quần chúng làm ngừng trệ mọi hoạt động kinh tế và giao thông trong cả nước. - Tại Mat-xcơ-va, tháng 12 - 1905 cuộc tổng bãi công biến thành khởi nghĩa vũ trang. Do thiếu tổ chức và chênh lệch lực lượng nên khởi nghĩa cuối cùng thất bại. **Hoạt động 4:** (Cá nhân) - GV nêu câu hỏi: *Hãy cho biết tính chất, ý nghĩa của Cách mạng 1905 - 1907 ở Nga?* - HS đọc SGK và dựa vào vốn hiểu biết của mình tự trả lời câu hỏi. - GV nhận xét, bổ sung và kết luận: + Cách mạng 1905 - 1907 là cuộc cách mạng dân chủ tư sản lần thứ nhất ở Nga, là cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới, do giai cấp vô sản lãnh đạo với sự tham gia của đông đảo nhân dân lao động, giải quyết những nhiệm vụ của cuộc cách mạng dân chủ tư sản và đặt cơ sở cho việc chuyển sang cách mạng XHCN.

V. CỦNG CỐ, DẶN DÒ

1. Củng cố

GV nhấn mạnh vai trò của Lênin trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội đầu thế kỉ XX và ý nghĩa của cuộc Cách mạng 1905 - 1907 ở Nga.

2. Bài tập về nhà

- Tìm đọc tư liệu về cuộc đời và hoạt động của V.I.Lênin.
- Ôn tập toàn bộ học kì.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc: ĐINH NGỌC BẢO
Tổng biên tập ĐINH VĂN VANG

Biên tập nội dung:
TRẦN THÁI HÀ

Kỹ thuật vi tính:
ĐÀO PHƯƠNG DUYÊN

Trình bày bìa:
PHẠM VIỆT QUANG

DẠY HỌC THEO CHUẨN KIẾN THỨC, KĨ NĂNG MÔN LỊCH SỬ 10

In 2.000 cuốn, khổ 17 x 24cm, tại Xí nghiệp In Biên phòng
Số đăng kí KHXB: 804-2010/CXB/14-50/ĐHSP, ngày 10/8/2010
In xong và nộp lưu chiểu tháng 10 năm 2010.